

LỜI NÓI ĐẦU

Trường Chính trị Bình Thuận với những tổ chức tiền thân là Trường Đảng Trần Phú, Trường Đảng Thuận Hải, Trường Đảng Bình Thuận và Trường Chính trị ngày nay. Trải qua 50 năm (1962 - 2012) dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh; sự phối hợp của các ban, ngành, đoàn thể tỉnh, các cấp ủy địa phương và cấp ủy trực thuộc tỉnh; sự chỉ đạo, giúp đỡ về chuyên môn của các cơ quan Trung ương, cùng với sự phấn đấu không mệt mỏi của các thế hệ cán bộ, giảng viên và học viên qua các giai đoạn lịch sử từ Trường Đảng Trần Phú đến Trường Chính trị tỉnh Bình Thuận là quá trình xây dựng, phát triển và trưởng thành của nhà trường.

Năm mươi năm chặng đường đã qua, để đánh giá những thành tựu đã đạt được và rút ra những kinh nghiệm thiết thực nhằm tiếp tục xây dựng và phát triển nhà trường trong giai đoạn mới, Trường Chính trị tỉnh Bình Thuận tổ chức biên soạn và phát hành cuốn sách “Lịch sử Trường Chính trị tỉnh Bình Thuận (1962 - 2012)”.

Nội dung cuốn sách gồm 4 chương, kết luận và bài học kinh nghiệm qua 50 năm hoạt động của Trường. Ngoài nội dung chính, còn có một số phụ lục minh họa, bổ sung cho quá trình lịch sử của nhà trường. Cuốn sách đã trình bày một cách khái quát, tương đối có hệ thống những chặng đường phát triển, xây dựng và trưởng thành của trường. Đây là tài liệu theo dõi, tra cứu, sử dụng, phục vụ công tác tuyên truyền, giáo dục, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ trong ngành.

Trong quá trình biên soạn, Ban biên soạn lịch sử trường đã tiến hành sưu tầm, khai thác, nghiên cứu, xử lý các thông tin, tư liệu về tổ chức và hoạt động của trường trong suốt 50 năm, qua nhiều kênh, nhiều nguồn thông tin, các tổ chức và cá nhân, các tài liệu văn bản chính thống được lưu giữ và cả những hồi ký, ghi chép của các đồng chí lãnh đạo, cán bộ, học viên của trường qua các thời kỳ. Được sự cộng tác giúp đỡ của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, các ban, ngành liên quan, cán bộ

ngiên cứu có kinh nghiệm, thông qua nhiều cuộc hội thảo, tọa đàm, đến nay cuốn sách Lịch sử Trường Chính trị tỉnh Bình Thuận đã hoàn thành.

Do hoàn cảnh lịch sử và quá trình xây dựng, phát triển của nhà trường qua thời gian khá dài, hoạt động tương đối khó khăn nhưng cũng rất phong phú, đa dạng. Trong khi đó, nguồn tư liệu, tài liệu về trường không được lưu giữ đầy đủ, những luận cứ, thông tin được cung cấp chưa đủ căn cứ để xác minh, thẩm định, nhất là giai đoạn chiến tranh (1962 - 1975) nên khi thể hiện cuốn sách sẽ không tránh khỏi những hạn chế, khiếm khuyết.

Ban Chỉ đạo và Ban Biên soạn Lịch sử trường rất mong được các đồng chí cán bộ, đảng viên đã từng làm việc, học tập tại trường đang công tác hoặc đã về hưu trong và ngoài tỉnh đóng góp ý kiến để cuốn sách Lịch sử trường tái bản lần sau được hoàn chỉnh./.

CHƯƠNG I

KHÁI QUÁT ĐẶC ĐIỂM TỈNH BÌNH THUẬN

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

Bình Thuận là tỉnh của vùng cực Nam Trung bộ, ở vào tọa độ địa lý từ 10 độ 33'42'' đến 11 độ 33'18'' vĩ độ Bắc, từ 107 độ 23'41'' đến 108 độ 52'42'' kinh độ Đông; phía Bắc giáp tỉnh Ninh Thuận, phía Bắc và Tây - Bắc giáp tỉnh Lâm Đồng, phía Tây giáp tỉnh Đồng Nai, phía Tây - Nam giáp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, phía Đông và Đông - Nam giáp Biển Đông. Bờ biển của tỉnh dài khoảng 192 km, bắt đầu từ mũi Đá Chẹt giáp Cà Ná (Ninh Thuận) đến bãi Bình Châu (Bà Rịa- Vũng Tàu) với vùng lãnh hải rộng 52.000 km².

Diện tích tự nhiên của tỉnh Bình Thuận có 781.282 ha. Tỉnh lỵ Bình Thuận là thành phố Phan Thiết, cách thủ đô Hà Nội 1.532 km về phía Bắc và cách thành phố Hồ Chí Minh 198 km về phía Nam.

Với lịch sử hình thành hơn 300 năm, kể từ năm 1697, Bình Thuận đã trải qua những thay đổi về đơn vị hành chính và địa giới hành chính như sau:

Năm 1692, Chúa Nguyễn Phúc Chu mở mang bờ cõi xuống phương Nam và chiếm phần đất phía Tây sông Phan Rang đến biên giới xứ Chân Lạp, đặt tên là Thuận Phủ, năm 1693 đổi tên là Thuận Thành trấn.

Năm 1697, lập thành Phủ Bình Thuận, cắt đất Phan Rang, Phan Rí trở về phía Tây đặt làm 2 huyện An Phước và Hòa Đa trực thuộc Phủ Bình Thuận.

Qua nhiều biến động lịch sử, Bình Thuận nhiều lần đổi từ phủ thành dinh, hoặc trấn; địa giới có lúc vượt khỏi sông Phan Rang, giáp huyện Vĩnh Xương (Khánh Hòa). Lỵ sở phủ Bình Thuận có lúc đặt tại Hòa Đa, nhưng phần lớn được đặt tại Phan Thiết.

Năm 1832, trấn Thuận Thành được bãi bỏ, Bình Thuận xếp vào cấp tỉnh. Năm 1898, Phan Thiết được công nhận là thị xã và trở thành tỉnh lỵ của Bình Thuận. Đến hết thời kỳ Pháp thuộc (8/1945), Bình Thuận gồm các đơn vị hành

chính là: 2 phủ Hàm Thuận và Hòa Đa, 4 huyện là Tuy Phong, Phan Lý Chàm, Hàm Tân và Tánh Linh, 1 thị xã là Phan Thiết.

Sau cách mạng tháng 8/1945, chính quyền cách mạng bỏ cấp phủ, tổng, thực hiện thống nhất đơn vị hành chính là cấp tỉnh, huyện và xã. Lúc này, Bình Thuận có 1 thị xã và 6 huyện. Đến tháng 7/1954, kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp, tỉnh Bình Thuận gồm thị xã Phan Thiết và các huyện Bắc Bình, Phan Lý Chàm, Lê Hồng Phong, Di Linh, Hàm Thuận và Tánh Linh.

Thời kỳ 1954 - 1975: theo hiệp định Giơnevơ, ngụy quyền Sài Gòn quản lý phần lãnh thổ từ vĩ tuyến 17 trở vào, địch có những thay đổi lớn về tổ chức hành chính như đổi huyện thành quận, thành lập các đơn vị hành chính mới trong tỉnh Bình Thuận, cắt một phần đất Bình Thuận để thành lập thêm tỉnh Bình Tuy.

Về phía ta, cũng đã điều chỉnh, lập một số đơn vị hành chính mới phù hợp với yêu cầu chỉ đạo kháng chiến. Đến năm 1975, kết thúc chiến tranh, Bình Thuận cũng có những thay đổi tên gọi như tỉnh Thuận Lâm rồi Thuận Hải với địa giới khá rộng, bao gồm tỉnh Bình Thuận, Bình Tuy và một phần đất của tỉnh Lâm Đồng và Ninh Thuận.

Ngày 26/10/1991, tại kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa VIII, đã quyết định chia tỉnh Thuận Hải thành 2 tỉnh cũ như trước đây là Bình Thuận và Ninh Thuận. Đến nay, Bình Thuận gồm 10 đơn vị hành chính: Thành Phố Phan Thiết, thị xã Lagi và các huyện: Tuy Phong, Bắc Bình, Hàm Thuận Bắc, Hàm Thuận Nam, Tánh Linh, Đức Linh, Hàm Tân, Phú Quý.

Bình Thuận là dải đất hẹp nằm cuối dãy Trường Sơn và duyên hải miền Trung. Từ ranh giới phía Bắc (Giáp Ninh Thuận, Lâm Đồng) là vùng đất hẹp có nhiều núi đá; từ Bắc Bình đến Phan Thiết chủ yếu là đồng bằng, đồi thấp; phần phía Nam còn lại địa hình gần giống miền Đông Nam bộ, trong đó, chủ yếu là đồng bằng và đồi thoải. Toàn tỉnh, vùng núi chiếm 40,7 % diện tích, núi cao nhất là 1.642 m (thuộc huyện Đức Linh), còn phần lớn là núi thấp với độ cao dưới 750 m.

Bình Thuận có 7 con sông chính, đó là Sông Lòng Sông, Sông Lũy, Sông Cái, Sông Quao, Sông Cà Ty, Sông Phan, Sông Dinh. Phần lớn các con sông ở Bình Thuận đều ngắn, hẹp, độ dốc cao nên mùa nắng thường khô cạn, mùa mưa lại chảy xiết, không thuận tiện cho giao thông đường thủy và sản xuất nông nghiệp cũng như cung cấp nước sinh hoạt cho nhân dân.

Khí hậu Bình Thuận có 2 mùa gió đối lập nhau rõ rệt: gió mùa Đông Bắc từ tháng 11 đến tháng 4 và gió Tây Nam hoạt động mạnh từ tháng 6 đến tháng 9. Mùa mưa ở Bình Thuận chủ yếu diễn ra trong những tháng gió Tây Nam hoạt động mạnh. Lượng mưa không nhiều, chỉ dao động từ 530 mm đến 2.700mm, giảm dần từ Nam ra Bắc và từ Tây sang Đông nên quanh năm có nhiệt độ khá cao, từ khoảng 26 - 27 độ.

Bình Thuận có nhiều đảo, trong đó, có một số đảo nhỏ ven bờ như Cù lao Câu, Hòn nghè, Hòn Lao, Hòn Bà. Đặc biệt, có huyện đảo Phú Quý với 10 đảo lớn nhỏ bao bọc chung quanh cách đảo lớn từ 1 đến 63 km với diện tích khoảng 32 km², cách đất liền 56,7 hải lý, là một đảo tiền tiêu quan trọng góp phần bảo vệ bờ cõi, biên cương của Tổ Quốc. Đồng bằng chiếm 9,43 % diện tích, lớn nhất là đồng bằng Phan Thiết, Hàm Thuận Bắc, Hàm Thuận Nam chủ yếu trồng lúa, thanh long. Các huyện Đức Linh, Tánh Linh trồng các loại cây có giá trị cao, xuất khẩu như tiêu, cao su, cà phê...

Vùng thung lũng sông La Ngà rộng, tương đối bằng phẳng, có nhiều bầu, hồ lớn, lớn nhất là Hồ Biển Lạc (Đức Linh) - một hồ nước ngọt tự nhiên có diện tích 280 ha, có tác dụng cân bằng sinh thái cho toàn khu vực và phục vụ cho sản xuất nông nghiệp. Lòng đất có nhiều tài nguyên, khoáng sản như Ziricon, Titan có trữ lượng lớn trên các vùng ven biển; các loại đá quý như thạch anh ở Hàm Thuận Bắc, Sét bentonic, Soda ở Tuy Phong... phục vụ cho sản xuất công nghiệp, đặc biệt là sản xuất dầu khí. Bên cạnh, còn có các vùng đồi, cồn cát ven biển chiếm 15,22 % diện tích tự nhiên, phân bố từ Tuy Phong đến La Gi, Hàm Tân. Nhiều cồn cát ven biển có nét đẹp riêng, phong phú cho cảnh quan du lịch Bình Thuận.

Rừng Bình Thuận có 599.192 ha, chiếm 76,3 % diện tích đất tự nhiên và chiếm 2,99 % so với cả nước, có nhiều lâm sản quý như Giáng Hương, Trắc, Cẩm lai, Bằng lăng, Dầu... cùng các loại tre, nứa, song mây. Trong rừng có nhiều loài động vật như voi, gấu, hổ, bò tót, trâu rừng, heo rừng cùng các loại linh trưởng khác.

Về giao thông vận tải, ngoài các tuyến đường liên huyện, nội huyện được nhựa hóa, Bình Thuận có tuyến đường sắt Bắc Nam và quốc lộ 1A đi ngang qua hầu hết các huyện trong tỉnh. Ngoài ra, còn có tuyến Quốc lộ 28 nối với tỉnh Lâm Đồng; Quốc lộ 55 nối với tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

II. ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ, VĂN HÓA - XÃ HỘI

Dân số Bình Thuận hiện có 1.180.339 triệu người⁽¹⁾, bao gồm nhiều cộng đồng dân tộc có nguồn gốc khác nhau và định cư vào những thời điểm khác nhau. Ngoài phần lớn là người Kinh, Bình Thuận có đến 31 dân tộc khác nhau như Chăm, Rắclây, K'ho, Rai, Châu Ro, Châu Mạ, Tày, Nùng, Hoa...

Người Bình Thuận trong quá trình định cư, khai hoang lập ấp, ngoài những người làm nghề nông, còn có đông đảo những ngư dân cư trú lập nên những vựa chài, đã mang theo hành trang văn hóa, truyền thống các vùng miền và gắn với quá trình lao động. Do đặc điểm của 2 ngành nghề chính là nghề nông và nghề biển - là những nghề mùa vụ, phụ thuộc rất nhiều vào thiên nhiên, đòi hỏi người lao động sản xuất phải đoàn kết, tập hợp thành những nhóm người, từ đó, đã hình thành nên những truyền thống tốt đẹp đó là truyền thống yêu quê hương đất nước, đoàn kết, gắn bó, tính hòa hiếu, cần cù, nhẫn nại.

Người Bình Thuận sinh sống chủ yếu bằng nông nghiệp và ngư nghiệp. Trong đó, ngư nghiệp được xác định là kinh tế mũi nhọn. Bởi, Bình Thuận là một trong những ngư trường quan trọng của cả nước với nhiều loại sinh vật biển, nhiều đặc sản như sò điệp, mực, tôm và các loại cá: nục, cơm, trích, bạc má, mòi dầu, mú, thu, ngừ...dồi dào, phong phú nên hầu hết các huyện, thị, thành phố ven biển như Phan Thiết, Tuy Phong, Hàm Tân, Lagi là những địa phương có thế mạnh về khai thác và

(1) Các số liệu về tọa độ địa lý, diện tích, dân số được lấy từ nguồn: www.cucthongke.vn/ngtk/niengiam.htm.năm 2010.

chế biến thủy sản với sản lượng khai thác hàng năm khoảng 150.000 tấn. Trong đó, sò điệp và mực ống nổi tiếng cả nước về sản lượng và chất lượng. Thủy sản Bình Thuận ngoài việc sử dụng tại địa phương còn được chế biến thức ăn gia súc, phân vi sinh nhưng phần lớn được chuyên chở cung cấp cho thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh vùng cao Tây Nguyên. Nước mắm Phan Thiết, Phan Rí ngày xưa được chế biến và thông qua các thương quán, đã được đưa đến tiêu thụ trong toàn quốc, kể cả cung cấp cho nước bạn Campuchia; ngày nay, nước mắm Bình Thuận được chế biến chủ yếu từ cá cơm, cá nục vẫn là thương hiệu nổi tiếng trong cả nước.

Với độ mặn nước biển trung bình 31,8 đến 32,8 ‰ và đồng nhất về độ mặn trên các tầng nước, thích hợp cho sản xuất muối, từ đó, Bình Thuận đã hình thành các vùng chuyên sản xuất muối như Chí Công, Vĩnh Hảo. Công Ty Cổ phần Muối Vĩnh Hảo với diện tích đồng muối hàng ngàn ha là đơn vị cung cấp mỗi năm hàng trăm ngàn tấn muối cho cả nước sử dụng trong bữa ăn hàng ngày và cho chế biến thủy sản, phục vụ cho sản xuất công nghiệp. Một số vùng biển có độ sâu lớn, thích hợp cho việc vận chuyên nguyên liệu, nhiên liệu, đáp ứng yêu cầu cho những công trình công nghiệp lớn như nhiệt điện Vĩnh Tân.

Cùng với sự phát triển về đời sống kinh tế, vật chất, đời sống tinh thần, tín ngưỡng, cư dân Bình Thuận không ngừng phát triển nhưng vẫn giữ được nét đẹp truyền thống văn hóa dân tộc, đó là tấm lòng yêu nước, yêu quê hương. Trong chiến tranh cách mạng, nhiều bậc cha mẹ đã động viên con em thoát ly, hăng hái lên đường bảo vệ Tổ quốc. Trong cuộc sống hàng ngày của gia đình, vẫn giữ được nét tôn ti trật tự, tấm lòng thành kính, hiếu đễ, xem trọng công đức của tổ tiên, ông bà, cha mẹ và bà con xóm làng.

Về tôn giáo, Bình Thuận có hầu hết các tôn giáo chính thống của đất nước nhưng chủ yếu vẫn là Phật giáo, Công giáo, Tin lành, Cao Đài, Hồi giáo cũ (Đạo Bà ni) và Bàlamôn. Trên khắp các địa bàn trong tỉnh, đều có các di tích đền, chùa, lăng, miếu, cơ sở thờ tự tôn giáo và thờ cúng các vị thần theo tín ngưỡng dân gian đã phù hộ độ trì cho sản xuất nông nghiệp và khai thác thủy sản; một số địa phương

đến nay vẫn còn cơ sở thờ tự các vị tiền hiền có công với địa phương, đất nước. Các lễ hội dân gian tại Bình Thuận cũng khá phong phú như lễ hội Cầu mưa, Cầu ngư, lễ hội Nghinh Ông... được lưu truyền cho đến ngày nay.

III. SƠ LƯỢC VỀ BÌNH THUẬN NGÀY NAY

Tỉnh Bình Thuận từ ngày được thành lập đến nay đã trải qua hơn 300 năm. Trước khi có Đảng Cộng Sản Việt Nam, dưới sự đô hộ của thực dân Pháp, nhân dân Bình Thuận đã thể hiện ý chí bất khuất, kiên cường, liên tục tổ chức các phong trào chiến đấu chống thực dân Pháp. Nhiều vùng đất như La Gàn - Bình Thạnh thuộc huyện Tuy Phong, đã được Pháp khoanh trên bản đồ là vùng đất “máu và lửa”. Nơi đây, đã xảy ra nhiều trận càn của giặc và chúng đã tàn sát hàng trăm người dân vô tội vì đã không chấp nhận đầu hàng, chấp nhận sự đô hộ của chúng.

Trong chiến tranh cách mạng giành độc lập tự do cho Tổ quốc, nhân dân Bình Thuận đã anh dũng đứng lên góp phần cùng cả nước giải phóng dân tộc, giải phóng đất nước. Ngày hòa bình lập lại, địa phương nào, làng xã nào trong tỉnh cũng đứng trước những mất mát, đau thương về người và của cải, tài sản, ruộng vườn bị tàn phá, kinh tế kiệt quệ. Song trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước, nhân dân Bình Thuận đã nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ, phương hướng của các nhiệm kỳ đại hội Đảng và đạt những kết quả tốt, tạo được thế và lực mới với những điều kiện thuận lợi cho các bước phát triển tiếp theo.

Cùng với thành tích giữ vững quốc phòng, an ninh, Bình Thuận đã quan tâm giải quyết các vấn đề xã hội. Nhờ đó, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân từng bước được nâng lên, một bộ phận nhân dân được cải thiện, số hộ giàu tăng lên, kinh tế tỉnh nhà dần được phục hồi và tăng trưởng khá. Nổi bật là về ngư nghiệp: số lượng tàu thuyền và thuyền có công suất lớn tăng nhanh, ngư dân ngày càng biết ứng dụng khoa học kỹ thuật, tăng cường khai thác ở các tầng nước sâu, thủy sản giá trị kinh tế cao. Về nông nghiệp: nhờ hệ thống thủy lợi toàn tỉnh, nhất là các huyện phía Bắc tỉnh cơ bản hoàn chỉnh, sản lượng lương thực tăng bình quân mỗi năm trên 1 vạn tấn. Nhiều vùng trước đây chủ yếu là trồng lúa, song những

năm gần đây đã chuyển mạnh sang các loại cây trồng khác, trong đó, các huyện Đức Linh, Tánh Linh đã phát triển mạnh cây cao su, cà phê và các cây công nghiệp khác; các huyện Hàm Thuận Nam, Hàm Thuận Bắc phát triển hàng ngàn ha thanh long, đã đưa thanh long Bình Thuận trở thành thương hiệu có tiếng ở nhiều nước trên thế giới. Riêng sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phát triển đúng hướng, tốc độ tăng trưởng công nghiệp tăng bình quân 19,6 %. Bên cạnh, một số làng nghề thủ công truyền thống được khôi phục và duy trì như làng gốm Phan Hiệp, bánh tráng Chợ Lầu, bánh hỏi Phú Long, mắm ruốc Duông... đã góp phần phong phú cho ngành nghề địa phương, giải quyết nhiều lao động và tăng thu nhập cho cư dân địa phương.

Công tác giáo dục có nhiều tiến bộ rõ rệt, đã hoàn thành xóa mù và phổ cập tiểu học, toàn tỉnh đang tiến tới phổ cập trung học cơ sở, hệ thống trường lớp được kiên cố hóa. Mạng lưới y tế được sắp xếp lại đã nâng cao được chất lượng chăm sóc sức khỏe và điều trị bệnh cho nhân dân.

Bình Thuận ở vào vị trí kinh tế, du lịch khá đặc biệt của khu vực biên phía Nam. Do địa hình Bình Thuận được thiên nhiên ưu đãi, có nhiều vịnh, mũi đá, bãi ghènh, nhiều cồn cát ven biển, bờ biển thoải thoải, lộng sóng, nhiều cảnh quan thiên nhiên tươi đẹp, còn giữ được nét hoang sơ tự nhiên, nên trong những năm qua, Bình Thuận là địa phương phát triển khá mạnh về dịch vụ du lịch. Nhiều địa điểm du lịch nổi tiếng như Phan Thiết, Mũi Né, Hàm Tiến, Tuy Phong, Hàm Tân, La Gi với nhiều địa danh du lịch hành hương, các thắng cảnh nổi tiếng như Dinh Thầy Thím, Chùa Cổ Thạch, chùa Tà Cú, Vạn Thủy Tú, Tháp Po Shanur, lầu ông Hoàng... được đưa vào các tuyến du lịch cả nước. Du khách đến Bình Thuận có cơ hội tiếp xúc với con người Bình Thuận hiền hòa, thân thiện, được thưởng thức các hải sản tươi ngon, tắm mình trong nắng gió thiên nhiên trong lành và tham gia các trò chơi thể thao, các dịch vụ biển. Tiềm năng du lịch Bình Thuận sẽ còn được phát triển mạnh khi đưa vào khai thác nhiều tuyến khác như du lịch sinh thái vùng cao Phan Dũng với thác Vyalý nhiều tầng, có độ cao gần 200 m...

Trong thời gian qua, Bình Thuận tuy đạt được những kết quả quan trọng, nhưng nền kinh tế tỉnh nhà nhìn chung vẫn còn những yếu tố thiếu vững chắc, hiệu quả đạt được chưa tương xứng với tiềm năng của tỉnh, nhiều mặt còn cách xa với các tỉnh bạn trong khu vực và phải đối mặt với nguy cơ tụt hậu về kinh tế và giải quyết các vấn đề xã hội phức tạp.

Trong thời gian tới, Bình Thuận cần tăng cường nguồn nhân lực, đào tạo nhân tài; đồng thời, khơi dậy mọi nguồn lực, tính năng động trong nhân dân, phát huy hơn nữa dân chủ trên mọi lĩnh vực, tăng cường truyền thống đoàn kết nhằm đẩy mạnh sự phát triển toàn diện về kinh tế xã hội, đưa tỉnh nhà phát triển nhanh và bền vững.

CHƯƠNG II

SỰ RA ĐỜI VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TRƯỜNG ĐẢNG TỈNH BÌNH THUẬN - TRƯỜNG TRẦN PHÚ (1962 - 1975)

I. ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, ĐÁP ỨNG YÊU CẦU MỚI (1962 - 1965)

1. Hoàn cảnh ra đời của Trường Trần Phú (1962)

Năm 1961, đế quốc Mỹ bắt đầu thực hiện: “Chiến lược chiến tranh đặc biệt”, xương sống của chiến lược này là: “Kế hoạch Stalay-Taylor”, quốc sách áp chiến lược nhằm bình định Miền Nam trong vòng 18 tháng (tháng 7 năm 1961- tháng 12 năm 1962). Chúng tăng cường quân nguy, phát triển kinh tế, đồn dân lập ấp; quyết liệt nhất là từ cuối năm 1961 trở đi. Ở Bình Thuận, chúng tiến hành nhanh cái gọi là “quốc sách áp chiến lược”, đánh ta toàn diện, đồng loạt ở các vùng với những thủ đoạn khác nhau: Ở đồng bằng chúng gom dân, lập khu trù mật và lập ấp chiến lược, xây dựng, củng cố bộ máy kèm kẹp... Ở miền núi, vùng căn cứ, giải phóng chúng liên tiếp đẩy mạnh các cuộc hành quân dài ngày với quy mô lớn như: “Son Dương I”, “Son Dương II”, “Bình Lâm I”, “Bình Lâm II”. Từ Sa Lôn đến xã Hàm Thạnh bị đánh liên tục, cơ quan Tỉnh ủy bị đốt cháy. Âm mưu của địch là triệt hạ, tiêu diệt lực lượng cách mạng, gom, xúc dân, đánh phá hành lang, cơ sở sản xuất của ta, gây cho ta nhiều khó khăn.

Tương quan lực lượng giữa ta và địch thời kỳ này còn khá nhiều chênh lệch. Ta thiếu cả về quân số, hậu cần, phương tiện, thiếu cơm, lạt muối, thiếu quần áo, dụng cụ y tế, thuốc chữa bệnh... Cán bộ, chiến sĩ ta thường bị thương vong mỗi khi vào ấp chiến lược công tác và lấy lương thực.

Từ tình hình và nhiệm vụ chung cả nước, nhiệm vụ chính trị của tỉnh Bình Thuận lúc bấy giờ là: xây dựng, giữ vững vùng căn cứ, giải phóng; phát triển lực lượng; kết hợp đấu tranh 2 chân, 3 mũi, diệt ác phá kèm, phát động quần chúng phá khu trù mật, khu tập trung, phá ấp chiến lược.

Tháng 3 năm 1962, Tỉnh ủy Bình Thuận tiến hành hội nghị, đề ra nhiệm vụ cơ bản như sau: Xây dựng vùng căn cứ, vùng giải phóng một cách toàn diện; đẩy mạnh phong trào chống, phá áp chiến lược, mở rộng vùng ta, thu hẹp vùng địch kiểm soát; xây dựng lực lượng vũ trang tập trung tỉnh, huyện; sắp xếp lại tổ chức và địa giới hành chính một số huyện.

Đến cuối năm 1962, ta còn giữ vững được 9 xã căn cứ miền núi và 12 xã giải phóng ở đồng bằng với khoảng 9.000 dân, nhưng đời sống cán bộ, chiến sĩ cũng như nhân dân ở hai vùng này còn khó khăn, thiếu thốn nhiều mặt: đói, bệnh tật... Tình hình trên đòi hỏi công tác chính trị tư tưởng phải cụ thể, thiết thực, đặc biệt là công tác giáo dục, vận động củng cố lòng tin cho quần chúng; đào tạo cán bộ càng được đặt lên hàng đầu.

Về công tác tuyên huấn, công tác tư tưởng những năm 1961- 1962, Tỉnh ủy Bình Thuận đã chỉ đạo: *“Tăng cường công tác tư tưởng trong đảng, củng cố, phát triển đảng, đoàn đều khắp, nhất là ở những hướng quan trọng...”*; *“Gấp rút đào tạo cán bộ, kịp đáp ứng cho nhu cầu phong trào trước mắt...”*; *“Kiện toàn từng bước bộ máy huyện, tỉnh, trước hết là những ngành thiết yếu...”*.

Phong trào cách mạng ở Bình Thuận lúc bấy giờ được mở ra sớm và lớn mạnh nhất Khu 6; thanh niên thoát ly theo cách mạng ngày càng đông; tỉnh có vùng giải phóng rộng lớn, số lượng cán bộ khá đông, mạnh. Năm 1962 toàn Đảng bộ có 83 tổ chức cơ sở đảng với 574 đảng viên. Bên cạnh đó, nhiều cán bộ cốt cán bị địch bắt tù đày, một số hy sinh, tổn thất; số mới bổ sung thay thế phải được bồi dưỡng kịp thời về quan điểm, lập trường, phương thức công tác... Thực tế nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ngày càng tăng, do đó Tỉnh ủy Bình Thuận nhận thấy phải có cơ quan chuyên sâu lo công tác này.

2. Sự ra đời của Trường Đảng tỉnh Bình Thuận - Trường Trần Phú

Trước yêu cầu mở rộng và duy trì phong trào cách mạng, xây dựng và phát triển lực lượng trong toàn tỉnh; việc bồi dưỡng, đào tạo cán bộ đặt ra ngày càng lớn, phong trào mới đòi hỏi phải xây dựng lực lượng mới. Mặt khác, thực lực phát triển, cán bộ chủ chốt của tỉnh Bình Thuận cũng từng bước lớn mạnh. Từ đó, công tác huấn học được đặc biệt quan tâm, do đó Tỉnh ủy Bình Thuận quyết định thành lập Trường Đảng tỉnh Bình Thuận năm 1962⁽¹⁾ - trực thuộc Ban Tuyên Văn Giáo Huấn và lấy tên Trường Trần Phú (tên của Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam) nhằm giáo dục đảng viên, cán bộ, chiến sĩ trong toàn Đảng bộ Tỉnh tiếp tục phát huy truyền thống đấu tranh bất khuất kiên trung xứng đáng là người học trò, đồng chí của lãnh tụ đầu tiên của Đảng.

Lúc mới thành lập, bộ khung của trường có 8 đồng chí, 6 nam và 2 nữ: Đồng chí Nguyễn Sơn (Hùng Phương); đồng chí Nguyễn Chí Thành (Phạm Hồng); đồng chí Nguyễn Văn Chương (trong ban lãnh đạo trường); đồng chí Đỗ Hữu Nghị (văn thư đánh máy, y tá và làm quản trị); đồng chí Nguyễn Thị Mãnh (cấp dưỡng) - hy sinh ngày 05 tháng 5 năm 1963; đồng chí Lê Thị Ba (cấp dưỡng); đồng chí Lê Trường Ngọc (phụ trách tư liệu, thư viện; chép tin chậm, dạy hát, nhận hàng phục vụ lớp học); đồng chí Hoàng Bá Tánh (bảo vệ). Sau đó lần lượt bổ sung thêm một số đồng chí: Lê Thị Đông, Bùi Quang Chương, Trần Thị Xí, Nguyễn Thị Tứ....

Giảng viên chủ yếu là các đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy (Lê Văn Hiền, Nguyễn Gia Tú, Lê Văn Triều); thường trực ở trường có 3 giảng viên: Nguyễn Sơn, Nguyễn Chí Thành và Hồ Phú Diên (về trường năm 1964). Cơ sở đầu tiên của Trường Đảng tỉnh Bình Thuận - Trường Trần Phú được đặt tại một địa điểm thuận lợi, kín đáo, an toàn, xa địch, gần dân, gần suối, có nước quanh năm... tiện lợi cho việc ăn, ở, sinh hoạt của cán bộ, nhân viên, giảng viên và học viên. Khu

(¹) Việc thành lập Trường Đảng hồi ấy không có quyết định bằng văn bản mà căn cứ kết quả cuộc họp thống nhất của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

đất ấy thuộc căn cứ Sa Lôn⁽¹⁾, nằm cạnh chân đồi, ẩn mình trong tán rừng bằng lăng cao, rậm, xanh tươi. Bao quanh trường là một con suối ngoằn ngoèo, uốn lượn, nước trong mát chảy quanh năm. Đây đúng là nơi thuận lợi cho việc bồi dưỡng huấn luyện cán bộ. Trường được làm bằng những vật liệu khai thác tại chỗ: gỗ, tre, nứa, lá rừng... Lúc đầu mái lợp bằng tranh, bằng lá lú, sau đó lợp bằng lá trung quân để chống cháy⁽²⁾.

Cơ sở vật chất cơ bản lúc đầu của trường gồm: một nhà hiệu bộ, một nhà bếp, một hội trường và 3 cái “kho” cơ bản rất quan trọng không thể thiếu, đó là kho muối, lương thực và “kho tài liệu”, một nhà sàn nhỏ để bảo quản tài liệu - gọi là “kho” sách.

3. Hoạt động của Trường Đảng tỉnh Bình Thuận (1962 - 1965)

Trường Đảng tỉnh mới được thành lập, còn nhiều khó khăn nên nhiệm vụ chủ yếu lúc bấy giờ là mở lớp bồi dưỡng những kiến thức cơ bản nhất cho cán bộ chủ chốt ở cơ sở. Đối tượng học viên là cán bộ cấp huyện, đội trưởng đội công tác, cán bộ các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh. Số lượng mở lớp khoảng 30 - 40 người. Thời gian học khoảng gần một tháng. Nội dung chương trình gồm các vấn đề cơ bản: Tình hình, nhiệm vụ cách mạng miền Nam; Nghị quyết số 15 của Trung ương Đảng; Công tác dân vận (5 bước công tác vận động quần chúng); Công tác binh vận; Chiến tranh nhân dân (du kích chiến tranh); Công tác xây dựng Đảng; Tự phê bình và phê bình; Phương pháp tư tưởng; Giai cấp và đấu tranh giai cấp.

Về tổ chức Đảng, Đoàn, khung trường luôn sinh hoạt ghép cùng chi bộ, chi đoàn của Ban Tuyên huấn. Trong kháng chiến chống đế quốc Mỹ, Trường Đảng luôn là một bộ phận trực thuộc Ban Tuyên huấn Tỉnh ủy. Những năm 1962 - 1964,

(¹) Xã Nam Giang, huyện Di Linh; nay là xã Đông Giang, huyện Hàm Thuận Bắc.

(²) Địa điểm Trường Trần Phú đứng chân từ 1962-1964 ở Sa Lôn, xã Nam Giang, huyện Di Linh. Từ 1965-1966: Sông Mun, Núi Ông, thôn Lập, huyện Tân Linh. Cuối năm 1967 đầu năm 1968: Về lại Sa Lôn. 1968: Đồi Trúc, xã Hàm Phú, huyện Hàm Thuận. 1969-1970: Về lại Sa Lôn. 1971-1972: Sông Khiêng, xã Hàm Trí, huyện Hàm Thuận (giáp buôn Gia Bát, huyện Di Linh). 1973-1975: Sông Quao, xã Hàm Trí, huyện Hàm Thuận.

Ban Tuyên Huấn, Trường Đảng sinh hoạt chung chi bộ của cơ quan Văn phòng Tỉnh ủy. Đến năm 1965, các cơ quan Tỉnh ủy dời từ Sa Lôn đến Núi Ông, Ban Tuyên huấn tách ra khỏi chi bộ Văn phòng, thành lập chi bộ cơ sở.

Về phương thức mở lớp và lực lượng hậu cần của trường rất linh hoạt. Những năm mới thành lập, tiềm lực của trường còn thiếu; Thường trực Tỉnh ủy chỉ đạo Văn phòng Tỉnh ủy phối hợp với Ban Tuyên huấn nói chung, Trường Đảng nói riêng cùng tổ chức, phục vụ, quản lý lớp học. Những năm đầu mới lập trường, dù rất khó khăn, nhưng nhờ sự giúp đỡ của cấp trên và lãnh đạo tỉnh, hàng năm bộ phận tư liệu đã bổ sung sách, báo; tiếp nhận từ Trung ương cục Miền Nam và ngoài Miền Bắc gửi vào. Sách, báo, tài liệu được bảo quản trên một căn nhà sàn cao vừa chống mối, mọt, ẩm ướt vừa đề phòng đàn khỉ hay vào cắn xé. Đồng chí Lê Trường Ngọc được phân công phụ trách tư liệu và phong trào văn hóa, văn nghệ; với các nhiệm vụ chính là quản lý, phục vụ sách, báo, tư liệu tham khảo; mở Radio chép tin chậm, cập nhật thông tin; tổ chức, phát động phong trào văn nghệ, dạy nhạc, dạy hát; qua Ban Kinh tài tỉnh nhận hàng phục vụ lớp học. Tủ sách, báo lúc bấy giờ có sách lý luận, văn học, báo, tạp chí ⁽¹⁾. Đặc biệt trong phong trào văn hóa văn nghệ của Trường đã phát hành và duy trì được tờ báo tường - do học viên viết bài là chủ yếu, cán bộ, chiến sĩ nhà trường cũng tham gia sáng tác các thể loại như thơ, ca, vọng cổ...

Từ năm 1964 trở đi nhờ vùng căn cứ được mở rộng và vững chắc, thế và lực của ta không ngừng phát triển. Nhờ đó, Trường Đảng tỉnh Bình Thuận phát triển bài bản, quy mô hơn. Số lượng học viên mỗi lớp đông hơn, thời gian học dài hơn, phục vụ hậu cần tốt hơn; chất lượng dạy và học cũng sâu, kỹ hơn. Công tác an ninh, bảo mật, bảo đảm an toàn cho nhà trường, giảng viên, học viên càng được đề cao. Ngoài những thứ cần thiết như hội trường, bảng, phấn viết... một phương tiện

⁽¹⁾ Sách lý luận, giáo trình gồm: Chủ nghĩa Mác - Lênin; Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Bàn về Stalin, Tự điển triết học, bút ký triết học; một số tác phẩm của Lênin, Stalin... Sách văn học có: Ruồi Trâu, Thép đã tôi thế đấy, Chiến tranh và hòa bình, Đimitorốp - người cộng sản vĩ đại, Nhân dân ta rất anh hùng, Tu đường (*Lưu Thiếu Kỳ*), Lôi Vũ (*Tào Ngưu*), Lỗ Tấn, Nửa đêm (*Mao Thuần*) v.v... Về báo, tạp chí: báo Nhân dân, báo Giải phóng, báo viết bằng tiếng Pháp của Mặt trận Dân tộc giải phóng Miền Nam Việt Nam, Tạp chí học tập, báo Cờ giải phóng, Thông tin Bình Thuận của Tỉnh Bình Thuận, bản tin Nam Trung bộ...

đặc biệt không thể thiếu, vừa góp phần nâng cao đời sống vừa bảo đảm bí mật an toàn - đó là bếp nấu ăn. Do đó, bộ phận hậu cần tham khảo, học tập và đã đào, đắp được một dãy bếp Hoàng Cầm công phu, chắc chắn⁽¹⁾. Bao quanh khu vực nhà trường còn có hệ thống giao thông hào, hầm, công sự, chống phi pháo và sẵn sàng chiến đấu.

Mỗi khi học viên về Trường, *bài học đầu tiên* là các đồng chí tự chặt cây làm nhà ở và cùng với cán bộ, chiến sỹ của trường đi mang lương thực, thực phẩm từ các kho lương thực của ban Kinh tài tỉnh về trường.

Khóa 1, lớp đầu tiên của trường - đào tạo, giảng dạy chương trình cơ sở. Được tổ chức vào mùa nắng năm 1962; thời gian học gần một tháng; số lượng học viên khoảng 30 đồng chí; đối tượng chủ yếu là các đồng chí đội trưởng, mũi trưởng mũi công tác⁽²⁾, cán bộ hành lang, bí thư, phó bí thư chi bộ các xã vùng giải phóng; một số cán bộ ban, ngành, đoàn thể của tỉnh; các đồng chí huyện ủy viên hoặc tương đương. Một số học viên điển hình như: Ngô Văn Ly, Phạm Thanh Tùng, Trần Văn Tình (Sáu Tình)...Giảng viên gồm các đồng chí: Lê Văn Hiến, Nguyễn Gia Tú, Phạm Hoài Chương, Lê Văn Triều, Trần Như Khuôn. Khóa đầu tiên (năm 1962), chủ yếu là giảng viên kiêm chức, chưa có giảng viên chuyên trách của Trường. Nội dung chương trình gồm những bài cơ bản: Đường lối cách mạng miền Nam; Cách mạng dân tộc, dân chủ - mục tiêu giành độc lập dân tộc; Mục tiêu của chủ nghĩa cộng sản; Đạo đức, phẩm chất, khí tiết cách mạng; Tình hình và nhiệm vụ của Tỉnh (Nghị quyết hội nghị Tỉnh); Phê bình và tự phê bình; Công tác binh vận; Công tác dân vận (5 bước công tác vận động quần chúng); Tổ chức xây dựng lực lượng; Du kích chiến tranh.

⁽¹⁾Bếp Hoàng Cầm là một loại bếp do ông Hoàng Cầm sáng chế. Bếp được đắp bằng đất sét hoặc đất thịt dẻo, có hầm chứa khói và nhiều đường ống dài thông hơi để thoát và giảm khói, nhằm làm cho địch khó phát hiện.

⁽²⁾Đội, mũi công tác là Đội vũ trang tuyên truyền gồm tổ chức Đảng, quân sự, đoàn thể, lãnh đạo tổ chức hoạt động toàn diện ở cấp xã; tổ chức phong trào 2 chân, 3 mũi ở cơ sở, xây dựng lực lượng công khai ở bên ngoài và lực lượng bí mật ở trong lòng địch - ở các ấp chiến lược của địch.

Nhiệm vụ cách mạng lúc bấy giờ chủ yếu là tiêu hao sinh lực địch, xây dựng, bồi dưỡng lực lượng ta; đánh phá ấp chiến lược, diệt ác phá kềm, giành dân, giành quyền làm chủ, giải phóng từng phần, tiến lên giải phóng hoàn toàn quê hương. Muốn thực hiện được các nhiệm vụ trên đều tùy thuộc vào sự tự giác, tự nguyện tham gia ủng hộ của nhân dân; lực lượng quần chúng giữ vai trò quyết định; ta phải dựa vào dân, vận động, giác ngộ dân. Do đó, cán bộ dân quân chính đảng đều phải biết, phải làm công tác dân vận. Tất cả cán bộ dân quân chính đảng, bộ đội, đội công tác, các lực lượng đều phải học và phải biết, phải làm 5 bước công tác vận động quần chúng, xem đây là một phương thức tiến hành chiến tranh cách mạng, có ý nghĩa sống còn, thành bại của cách mạng (5 bước công tác dân vận là: Điều tra; Tuyên truyền; Tổ chức; Huấn luyện và Đấu tranh). Nội dung giảng dạy của trường lúc đầu chưa đề cập nhiều về lý luận, chủ yếu nghiên cứu, học tập, thảo luận những vấn đề thiết thực. Trong đó, phần xây dựng Đảng, xây dựng lực lượng và công tác dân vận được đặt lên hàng đầu. Lớp học có tổ chức thảo luận, cán bộ khung trường và Ban Tuyên huấn được phân công đến dự, hướng dẫn ở các tổ. Ngoài thảo luận tổ, còn thảo luận chung ở hội trường, giải đáp thắc mắc; giải quyết những vấn đề khó khăn, ách tắc đang đặt ra ở cơ sở, ở chiến trường.

Từ năm 1963 trở đi, nhiệm vụ công tác huấn học được xác định rõ hơn, cụ thể hơn: mở các lớp học tập về chủ trương, chỉ thị, nghị quyết, thời sự với các loại hình ngắn và dài ngày, theo dõi tình hình nhận thức tư tưởng của cán bộ, đảng viên, chiến sĩ, nhân dân. Ngoài hai lớp chính trị tập trung chương trình sơ cấp; năm 1963, Trường Đảng tỉnh còn được Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao nhiệm vụ phối hợp với một số ban, ngành đoàn thể mở 01 lớp đào tạo 41 giáo viên về đường lối giáo dục của Đảng, nhiệm vụ của người giáo viên nhân dân và 03 lớp chuyên đề (01 lớp bồi dưỡng chính trị, phương pháp công tác cho 38 cán bộ xã; 01 lớp cho 27 cán bộ Đoàn Thanh niên và 01 lớp bồi dưỡng phương pháp tư tưởng cho 23 cán bộ huyện). Đặc biệt đáng nhớ là lớp sơ cấp chính trị khóa 3 tổ chức vào cuối năm 1963 đang

học nửa chừng thì bị địch cản vào. Trường đã tổ chức cho lớp học sơ tán lên núi cao và phát động học viên đào khoai mì, hái rau rừng để cải thiện bữa ăn.

Từ cuối năm 1963 - 1965, phong trào cách mạng ở miền Nam nói chung, ở Bình Thuận nói riêng phát triển khá mạnh. Vùng giải phóng được mở rộng, liên hoàn nối liền từ miền núi đến đồng bằng ven biển. Bộ máy ngụy quyền ở Sài Gòn rối ren, đảo chính liên tiếp. Bọn ngụy quân, ngụy quyền ở Bình Thuận cũng bị xuống thế. Thanh niên và cốt cán ở Bình Thuận thoát ly tham gia cách mạng ngày càng đông (nhất là năm 1965), yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ càng cấp bách, điều kiện, khả năng mở lớp của Trường Đảng tỉnh cũng thuận lợi hơn.

Trước tình hình đó, bộ khung của trường được tăng cường, ổn định, năng lực tổ chức, giảng dạy, phục vụ hậu cần cũng khá và chuyên nghiệp hơn. Bộ khung được phân công lần lượt phụ trách Trường Đảng tỉnh có 03 đồng chí: Nguyễn Sơn (Phương), Nguyễn Chí Thành, Hồ Phú Diên. Đến cuối năm 1964, đồng chí Hồ Phú Diên làm Trưởng ban Tuyên huấn Tỉnh ủy, phụ trách Trường Đảng; đồng chí Nguyễn Chí Thành, ủy viên Ban Tuyên huấn, thường trực của Trường Đảng. Do yêu cầu mới, đầu năm 1965, Trường chuyển từ Sa Lôn đến Sông Mun miền Đông Núi Ông, huyện Tánh Linh nhằm phục vụ và đáp ứng kịp thời tình hình, nhiệm vụ.

Từ năm 1963 - 1965, nội dung chương trình được xây dựng cơ bản và sát hợp hơn gồm 12 bài cơ bản: Những điều thường thức về Chủ nghĩa Cộng sản; Đường lối, nhiệm vụ cách mạng Miền Nam; Âm mưu, thủ đoạn của địch; Năm bước công tác vận động quần chúng; Chính sách dân tộc; Chính sách vận động binh lính và nhân viên chính quyền địch; Những điều cơ bản về xây dựng Đảng; Công tác chi bộ; Công tác bí mật; Kỹ thuật rà, gỡ mìn, đột áp; Khí tiết người cộng sản; Sơ lược về Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam “30 năm đời ta có Đảng”. Đối tượng học viên lúc này cũng mở rộng hơn, không chỉ đội, mũi trưởng, mũi phó mà có cả cán bộ, đảng viên; quy mô lớp học đông hơn, mỗi lớp từ 40 đến 50 học viên, thời gian học dài hơn, nội dung chương trình sâu kỹ, thiết thực; có báo cáo thực tế, thảo luận tổ, thảo luận chung toàn lớp tại hội trường. Đặc biệt, khóa 4 với nội dung, chương trình và quy mô mở lớp có nhiều tiến bộ. Thời gian học trên một tháng, vào khoảng

đầu năm 1964. Địa điểm ở phía Tây Sa Lôn gần hội trường tổ chức Đại hội chiến sĩ thi đua của Tỉnh tại căn cứ Sa Lôn. Giảng viên tham gia giảng dạy khóa này gồm: Lê Văn Hiền, Nguyễn Gia Tú, Lê Văn Triều, Nguyễn Sơn (Phương), Nguyễn Chí Thành, Phạm Hoài Chương, Hồ Phú Diên, Nguyễn Minh Thành, Hoàng Từ, Nguyễn Thiết Khanh...Nội dung chương trình khóa 4 có điểm mới là mời cán bộ đặc công Nguyễn Minh Thành (Đại đội phó đại đội 481 mật danh là Đại Dương) đến giảng cho lớp sâu kỹ về Kỹ thuật đặc công, cách đột nhập vào đồn, vào ấp, cách rà, gỡ mìn... Sau phần lý thuyết, tổ chức cho học viên thực hành; qua đó đã mang lại ý nghĩa, tác dụng toàn diện, giúp người học tự tin, giải quyết vấn đề tư tưởng, dám đột ấp, biết rà, gỡ mìn giảm bớt sự tổn thất, hy sinh. Nhờ nội dung, phương thức đào tạo sát thực tiễn, tại lớp có thực hành, thực tập kỹ năng đột ấp an toàn, phân công các tổ học viên chia ra một bên làm quân địch, một bên làm quân ta - một bên đột ấp, một bên phát hiện. Cách học như thế đã góp phần nâng cao kỹ năng nghiệp vụ và giải quyết vấn đề tư tưởng, tâm trạng học viên tiếp thu rất sâu sắc, triệt để⁽¹⁾.

Trong những năm 1962 - 1965, Trường Đảng tỉnh Bình Thuận mới ra đời, tuy còn non trẻ nhưng đã sớm phát huy tác dụng tốt. Trường mở được 7 khóa học tập trung (lớp chi ủy viên) khoảng 250 học viên, cụ thể: Năm 1962: chỉ mở được 1 khóa với 30 học viên; năm 1963: 2 khóa; năm 1964: 2 khóa; năm 1965: 2 khóa (tháng 6 và tháng 10 năm 1965). Ngoài nhiệm vụ chính là phục vụ các lớp học, Trường Đảng còn phối hợp với các ban, ngành phục vụ các cuộc hội nghị, Đại hội do Tỉnh ủy và các đoàn thể tổ chức. Lãnh đạo, giảng viên và cán bộ giáo vụ trực tiếp giảng dạy hoặc quản lý lớp học, gồm các đồng chí: Lê Văn Hiền, Nguyễn Gia Tú, Lê Văn Triều (Tám Triều), Nguyễn Sơn (Phương), Nguyễn Chí Thành, Hồ Phú Diên, Trần Văn Lương, Phạm Hoài Chương, Nguyễn Minh Thành, Nguyễn Ngọc Lâm (Mười Lưu), Vũ Hồng, Ngô Triều Sơn, Trần Trung Việt... Những năm 1965 -

⁽¹⁾ Một số giảng viên có nội dung và phương pháp tốt như: Nguyễn Sơn (Phương), Hồ Phú Diên, Hoàng Từ, Nguyễn Thiết Khanh giúp người học dễ hiểu, dễ nhớ. Đặc biệt trong bài giảng về công tác binh vận có sử dụng hình tượng: “Súng Mỹ lòng ta” - học viên đã tặng đồng chí Nguyễn Thiết Khanh (Bảy Khanh) biệt danh nhớ đời: “Ông Bảy súng Mỹ lòng ta”.

1966, một số cán bộ đã đào tạo ở Miền Bắc lần lượt được tăng cường về Ban Tuyên huấn tỉnh Bình Thuận như các anh: Vũ Hồng, Ngô Triều Sơn, Quang Hà, Hà Quang... Trong đó, có một số đồng chí đã tham gia giảng dạy cho Trường Đảng. Khóa học giữa năm 1965, đồng chí Ngô Triều Sơn đã bắt đầu giảng dạy, với bài: “Ba mươi năm đời ta có Đảng”⁽¹⁾.

Một số học viên tham gia các khóa học thời kỳ 1964 - 1965 gồm các đồng chí: Nguyễn Văn Dũng, Nguyễn Văn Su (Sáu Su), Nguyễn Bá Tường, Thông Minh Bôn, Nguyễn Văn Long, Lê Đình Liêm, Dương Văn Sâm (Liệt), Phan Minh Quyết, Võ Thị Phàn...

Quy mô, lực lượng, nội dung chương trình mỗi lớp càng về sau càng lớn và sâu, kỹ hơn. Có thành lập chi bộ học viên, xác định mục đích, động cơ, phương pháp, quy trình học tập được thực hiện chặt chẽ; có phân công cán bộ giáo vụ hướng dẫn thảo luận tổ. Từ khóa 3, khóa 4 trở đi, nội dung chương trình được bổ sung thiết thực, sát hợp với tình hình nhiệm vụ hơn; có phản ánh thảo luận tổ và giải đáp thắc mắc. Ngoài nội dung chính còn có báo cáo thực tế, tổ chức phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, lao động sản xuất cải thiện đời sống.

Chế độ ăn hồi ấy lúc khá nhất mỗi người/ngày một lon rưỡi gạo, có lúc mỗi người/ngày chỉ ăn một lon gạo, còn lại chủ yếu là ăn khoai mì và bắp. Để cải thiện đời sống, nhà trường đã tạo được một khu rẫy sản xuất tự túc, do đồng chí Tánh trực tiếp quản lý; cán bộ, chiến sỹ nhà trường và học viên cùng tham gia lao động với ý thức tự giác cao. Giai đoạn này cán bộ khung trường mất 02 đồng chí: Nguyễn Thị Mảnh (chị Hai Mảnh - hy sinh năm 1963)⁽²⁾ và Nguyễn Sơn - người lãnh đạo đầu tiên của Trường đã hy sinh vào cuối năm 1964.

Tính đến cuối năm 1965, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của trường góp phần tích cực vào việc đánh bại quốc sách áp chiến lược của địch, giải phóng, làm chủ một vùng rộng lớn; đẩy địch co cụm vào thị xã, thị trấn. Những năm 1964 -

(¹) Xem phụ lục số 1.

(²) Xem phụ lục số 2.

1965, vùng căn cứ giải phóng của tỉnh không ngừng được mở rộng, ép địch vào thế phòng ngự để bảo vệ đầu não ở quận lỵ, hạn chế sự càn quét đánh phá của chúng.

II. ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN CÁN BỘ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU TRỰC TIẾP ĐÁNH QUÂN XÂM LƯỢC MỸ VÀ THAM GIA CHIẾN DỊCH TỔNG TẤN CÔNG XUÂN MẬU THÂN (1966 - 1968)

1. Tình hình và nhiệm vụ chính trị

Những năm 1966 - 1967, Mỹ và chư hầu ồ ạt đưa quân vào Bình Thuận ngày càng đông, với nhiều phương tiện vũ khí hiện đại và thủ đoạn đánh phá vô cùng ác liệt. Ở các bàu nước và những con đường địch phục kích hoặc gài máy thu tiếng động (cây nhiệt đới) để tiêu diệt lực lượng ta. Địch thường dùng máy bay đa-cô-ta, trực thăng rải chất độc hóa học làm chết cây cối, hoa màu, phát quang địa hình nơi ta trú quân. Chúng huy động tổng lực xe tăng, pháo, các loại máy bay, trực thăng các loại, máy bay B52...; bộ binh, thủy quân, không quân bắn phá vùng căn cứ giải phóng suốt ngày đêm. Địch huy động hàng chục tiểu đoàn càn quét dài ngày, càn sâu vào căn cứ, cày nát vùng giải phóng. Nhiều trận càn quy mô lớn, liên tiếp, dài ngày. Trong đó có nhiều cuộc càn quy mô cấp tiểu đoàn, trung đoàn, có phi pháo yểm trợ. Ở căn cứ phía Tây của tỉnh như: Di Linh, Tánh Linh, Bắc Hàm Thuận; vùng giải phóng Hoài Đức, Tánh Linh có cuộc càn kéo dài đến 45 ngày vào cuối năm 1967. Đặc biệt là địch dùng máy bay trực thăng “cán gáo” quăng xoáy, khi phát hiện mục tiêu lập tức đổ quân nhảy cóc, nhảy chụp bắn giết, bắt sống cán bộ, chiến sĩ, đồng bào. Trong thời gian này địch gây cho ta nhiều tổn thất, khó khăn, đảo lộn toàn diện.

Thế của ta ở ba vùng đều bị đảo lộn: vùng giải phóng, vùng tranh chấp và vùng địch tạm chiếm. Ác liệt nhất là vùng căn cứ giải phóng, nhất là vùng căn cứ Lê Hồng Phong. Dân ở đây phải ở nhà hầm (loại hầm hình chữ A), nhà đất; không thể trồng trọt, sản xuất, phải lao động sản xuất vào ban đêm; đói khổ, khó khăn, thiếu thốn mọi bề. Trước tình hình quá ác liệt, để bảo vệ tính mạng cho đồng bào,

ta phải chủ trương cho phụ nữ, người già, trẻ em tạm lánh vào vùng địch tạm chiếm, chỉ giữ lại số sinh lực để bám trụ vùng căn cứ.

Điều đáng lo nhất là lúc đầu ta lúng túng chưa biết cách đánh quân Mỹ, chưa tìm được biện pháp chống chiến thuật “trục thẳng vận”, cách chống xe tăng, pháo, máy bay cán gáo... Trước tình hình đó có một bộ phận nhỏ cán bộ, chiến sĩ, đồng bào dao động, sợ Mỹ, không dám đánh Mỹ, thậm chí có người chạy dạt, bỏ súng hoặc mang súng chạy đầu hàng giặc; dẫn địch quay lại đánh phá vùng căn cứ giải phóng, đội công tác; truy bắt cơ sở mật trong vùng địch.

2. Chủ trương về huấn luyện cán bộ, chiến sĩ nhằm đáp ứng tình hình

Trước những khó khăn, đảo lộn nhiều mặt, Khu ủy Khu 6 và Tỉnh ủy Bình Thuận chỉ đạo phải chuyển đổi toàn diện về tổ chức, phương thức hoạt động cũng như công tác chính trị tư tưởng, công tác huấn học, đào tạo cán bộ, chiến sĩ.

Tỉnh ủy Bình Thuận chủ trương phải tìm cách đánh quân Mỹ, đánh có kết quả đồng thời tăng cường phổ biến kinh nghiệm, giáo dục chính trị tư tưởng kịp thời; củng cố niềm tin cho cán bộ, chiến sĩ và nhân dân. Muốn vậy phải giải quyết tư tưởng sợ Mỹ, phải dám đánh Mỹ.

Nội dung công tác tuyên huấn nói chung, công tác giảng dạy của Trường Đảng tỉnh nói riêng cũng phải đổi mới, bổ sung sát hợp, thiết thực và hiệu quả góp phần giải quyết những vấn đề bức xúc ở cơ sở và chiến trường đang mong đợi.

Về mặt tổ chức, tỉnh Bình Thuận cũng có sự thay đổi, đánh dấu một bước ngoặt mới. Tháng 7 năm 1967, tách các huyện phía Bắc tỉnh (Tuy Phong, Hòa Đa, Phan Lý), thành lập tỉnh Bắc Bình, gồm 4 huyện: Tuy Phong, Hòa Đa, Phan Lý và huyện K - 67 tách từ tỉnh Tuyên Đức, sáp nhập vào tỉnh Bắc Bình.

Trước yêu cầu nhiệm vụ chính trị mới, tháng 8 năm 1968 Khu ủy Khu 6 chủ trương nhập tỉnh Bắc Bình vào tỉnh Bình Thuận và thành lập mới tỉnh Bình Tuy, gồm 4 đơn vị cấp huyện: Hoài Đức, Tánh Linh, Hàm Tân và thị xã LaGi.

Trong thời kỳ này cán bộ của tỉnh Bắc Bình vẫn về học tập ở Trường Đảng tỉnh Bình Thuận. Riêng tỉnh Bình Tuy từ cuối năm 1968 đến năm 1975, không có

Trường Đảng tỉnh và cán bộ cũng không về học ở Trường Đảng tỉnh Bình Thuận. Các Ban của Đảng phối hợp giúp Tỉnh ủy Bình Tuy mở lớp huấn luyện, chủ yếu là công tác huấn học, học nghị quyết và bồi dưỡng, tập huấn những vấn đề thiết thực, bức xúc nhất.

Về chủ trương, nhiệm vụ chính trị của tỉnh. Tỉnh ủy Bình Thuận đề ra nhiệm vụ những năm 1966 -1967 là: “Động viên toàn Đảng, toàn quân, toàn dân trong tỉnh thi đua vượt khó khăn, ác liệt, liên tục tấn công, tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực, phương tiện chiến tranh của địch. Kiên quyết đánh bại kế hoạch bình định lần chiếm, đưa phong trào nhân dân du kích chiến tranh lên một bước. Tích cực phá ấp, mở vùng xây dựng và giữ vững vùng căn cứ giải phóng”.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận, chính trị, công tác tư tưởng, công tác tuyên truyền đối với cán bộ, chiến sĩ, cơ sở hoạt động bí mật và nhân dân ở giai đoạn này là giải quyết tư tưởng sợ Mỹ, ngán ngại trong việc đánh Mỹ cũng như sự lúng túng về phương thức chiến tranh tác chiến của một số cán bộ, chiến sĩ; ngày 04 tháng 9 năm 1966, Tỉnh đã mở hội nghị chuyên đề tại huyện Hàm Thuận để tìm nguyên nhân tại sao bộ đội, du kích chưa đánh được Mỹ và đã rút ra phương pháp đánh Mỹ.

3. Hoạt động của Trường Đảng tỉnh Bình Thuận (1966 - 1968)

Từ tình hình, nhiệm vụ chung của tỉnh; nội dung công tác giáo dục chính trị, tư tưởng được Tỉnh ủy chỉ đạo như sau: Động viên quyết tâm của toàn Đảng, quân, dân; phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng; phân công cán bộ, nhất là đội công tác bám sát địa bàn hoạt động; phát huy mạnh mẽ tinh thần cách mạng tiến công, ý chí quyết chiến quyết thắng, sẵn sàng xả thân vì sự nghiệp cách mạng, vừa đánh Mỹ vừa rút kinh nghiệm để tìm cách đánh địch hiệu quả nhất.

Trường Đảng tỉnh Bình Thuận xác định nhiệm vụ chính: Tích cực tham mưu, chuẩn bị hậu cần để mở lớp; phục vụ tốt các lớp học; đẩy mạnh tăng gia sản xuất; tham gia tốt các hoạt động khác, các phong trào thi đua, tăng cường đi cơ sở làm công tác dân vận...

Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, Trường Đảng đã tranh thủ được sự phối hợp chặt chẽ của các ban, ngành, đoàn thể, hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ được giao, nhất là nhiệm vụ mở lớp.

Từ năm 1966 đến năm 1968, Trường Đảng tỉnh Bình Thuận đã mở được 5 khóa học, với trên 200 học viên: Năm 1966: 2 khóa (khóa 8, 9); năm 1967: 2 khóa (khóa 10, 11); năm 1968: 1 khóa (khóa 12). Về địa điểm đứng chân, những năm 1965 đến cuối năm 1968, Trường Đảng tỉnh Bình Thuận ở ba nơi: Núi Ông, huyện Tánh Linh (1965 - 1967); về lại Sa Lôn, huyện Di Linh (cuối năm 1967 - đầu năm 1968); sau Tết Mậu Thân chuyển qua Đồi Trúc, xã Hàm Phú, huyện Hàm Thuận.

Bộ khung cán bộ, giảng viên, chiến sĩ của trường cả Lãnh đạo và giảng viên: Hồ Phú Diên, Nguyễn Chí Thành và đồng chí Phạm Phương Quế (Cửu Long). Giáo vụ: đồng chí Hồ Chí Long (năm 1967, đồng chí Long được điều sang làm chính trị viên đoàn Văn công Tỉnh). Quản trị: đồng chí Bùi Quang Chương. Y tá: Trương Thị Hồng. Cấp dưỡng: Lê Thị Đông, Nguyễn Thị Lại. Bảo vệ và giao liên: đồng chí Mang Tô. Phụ trách sản xuất: đồng chí Nguyễn Văn Chân⁽¹⁾. Cuối năm 1967, đồng chí Lại được chuyển qua Thanh niên xung phong về đoàn vận tải H50, hai đồng chí: Tô và Chân được điều ra phía trước. Năm 1967, cán bộ, chiến sĩ của Trường còn rất ít, một bộ phận được điều ra phía trước. Đây là thời điểm Trường hết sức khó khăn - cả về nhân tài, vật lực!

Về giảng viên mời rất phong phú, đa dạng, gồm các đồng chí lãnh đạo của tỉnh, giảng viên Trường Đảng khu 6, Ban Tuyên huấn khu 6. Trực tiếp, thường xuyên có các đồng chí: Lê Văn Hiền, Nguyễn Gia Tú, Trần Như Khuôn, Hồ Viết Hách, Nguyễn Thanh Khiết (Bảy Khanh), Hoàng Từ, Phạm Hoài Chương, Nguyễn Đăng Kỳ (Ba Trà, Ba Bình), Trần Văn Lương, Phạm Quỳnh Đồng (Hai Châu), Trần Trung Việt, Ngô Triều Sơn, Vũ Hồng (năm 1968 chuyển về tỉnh Bình Tuy)...

(¹) Xem phụ lục số 3.

Nội dung dạy và học của Trường hồi ấy luôn được cụ thể hóa và bổ sung ngày càng phong phú, thiết thực, sát hợp với tình hình của tỉnh. Ngoài những bài cơ bản; tùy thời điểm mỗi lớp còn có các báo cáo bổ trợ như: báo cáo thời sự, báo cáo các chuyên đề về đấu tranh chính trị, binh vận, 5 bước công tác dân vận... Phân công học viên báo cáo một số mô hình hoạt động có hiệu quả ở tại cơ sở như: kết hợp đấu tranh 2 chân, 3 mũi giáp công, kết hợp giữa đấu tranh chính trị, binh vận, diệt ác phá kềm, xây dựng thực lực (du kích, an ninh mật, phát triển đảng viên trong ấp chiến lược), vận động thanh niên thoát ly để đáp ứng yêu cầu tình hình. Theo hồi ký của đ/c Nguyễn Đức Hiền, lịch học và chương trình lớp học Chi ủy khóa 10 - năm 1967 được tổ chức tại Trường Đảng. Nội dung chương trình được thiết kế rất cụ thể, rõ ràng. ⁽¹⁾

Công tác chuẩn bị và mở lớp của Trường thời điểm ấy rất công phu, gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn. Phải mất hơn 2 tháng để chuẩn bị hậu cần cho một lớp học. Trường Đảng phối hợp với các Ban để tham mưu, chuẩn bị về tài chính, lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, văn phòng phẩm, công tác chiêu sinh v.v... Cán bộ, chiến sĩ của Trường rất nhiệt tình, cố gắng, không quản ngại khó khăn, gian khổ, phục vụ chăm sóc cho học viên với tất cả khả năng có thể, với tinh thần trách nhiệm cao.

Học viên từ các đơn vị, cơ quan, cơ sở, đội công tác trong toàn tỉnh tập trung về Trường cũng không kém phần vất vả. Số ở các huyện xa - thời gian đi và về mất khoảng 7- 8 ngày. Ngày đi, đêm nghỉ; trên đường đi, mỗi học viên phải tự lực về lương thực, thực phẩm và tự nấu ăn. Những ngày đi đường, trên lưng mỗi người phải cõng chiếc bồng hành lý nặng hơn 30 kg, trèo đèo, vượt suối, nhưng ai cũng háo hức được về Trường Đảng tỉnh. Đến nơi, không chỉ học mà tất cả học viên cùng với nhà trường chặt cây, tre, lá... tu sửa trường lớp, làm bàn ghế, đi mang tải lương thực, thực phẩm. Những hôm tự nghiên cứu hoặc ngày nghỉ, các tổ phân công nhau đi săn thú, bắt cá đồng, bẻ măng, hái rau tàu bay, rau rịa (lá bép), rau

⁽¹⁾ Xem phụ lục số 4.

co... về góp cho nhà bếp để chị nuôi cải thiện bữa ăn. Ban đêm học viên còn chia tổ trực chiến đấu bảo vệ Trường.

Trong hoàn cảnh khó khăn, thiếu thốn, cán bộ giảng viên, cán bộ, chiến sỹ, học viên càng yêu thương, gắn bó, gần gũi, chia sẻ cho nhau. Khi mới tập trung khai giảng cũng như lúc cuối khóa chia tay; mọi người đều thể hiện tình cảm của mình bằng những cái xiết tay thân thiết, thật lâu, thật chặt, lưu luyến, bịn rịn như không muốn rời nhau - vì mỗi người đều cảm nhận sâu sắc rằng khi về lại chiến trường, không biết ai còn, ai mất! Có trường hợp hai mẹ con, hai anh em học chung một lớp, sau khi ra trường, một người đã vĩnh viễn ra đi hoặc cả hai đều lần lượt hy sinh.

Trong điều kiện địch đánh phá ác liệt, nhưng Tỉnh ủy chỉ đạo Trường phải cố gắng mở liên tiếp 2 khóa trong năm 1967. Khóa 10 từ tháng 7 đến tháng 9 năm 1967. Khóa 11 từ tháng 11 đến tháng 12 năm 1967. Đây là 2 khóa học có ý nghĩa đặc biệt - đào tạo cán bộ để chuẩn bị giành chính quyền - Tổng tiến công Xuân Mậu Thân (năm 1968).

Một trong những lớp tiêu biểu, điển hình là khóa 10, được tổ chức gần cơ quan Tỉnh ủy, với số lượng học viên khá đông (khoảng 60 người), gồm đủ các huyện, thị trong toàn Tỉnh. Nhiều học viên đã trưởng thành tốt như: Dương Văn Sâm, Hoàng Trí Thức, Nguyễn Đức Hiền, Trần Thị Nên, Huỳnh Quang Hòa, Đinh Quang, Hồ Đức Mộng (Hồ Đức Trọng), Trần Thị Nguyệt. Nhà trường phân công đồng chí Trần Thị Nên là Đội phó Đội công tác Liêm Bình, xã Phan Rí Thành, huyện Hòa Đa, tỉnh Bắc Bình báo cáo thực tế về: xây dựng du kích, cơ sở mật, công tác binh vận, diệt ác phá kềm. Phong trào văn nghệ của lớp rất sôi nổi, có cả hình thức kịch hài do học viên tự biên, tự diễn.

Khóa 12, tổ chức ở khu vực Đồi Trúc thuộc xã Hàm Phú, huyện Hàm Thuận, gần cơ quan An ninh tỉnh, thời gian hơn một tháng: từ tháng 9 đến tháng 10 năm 1968, bế giảng ngày 15 tháng 10 năm 1968. Lớp học khoảng 40 học viên, do đồng chí Nguyễn Văn Hường, Trạm trưởng Trạm giao liên huyện Hàm Thuận làm lớp trưởng, Bí thư chi bộ lớp. Một số học viên của khóa này như: Bùi Thanh Minh, Lê

Thanh Nghĩa, Thông Minh Bôn, Bùi Văn Mười (Mười Một)...Đôi tượng học viên được mở rộng, gồm đảng viên và chi ủy viên, cán bộ của đội công tác, cán bộ xã đoàn, xã đội, một số đồng chí cán bộ ban ngành, đoàn thể cấp huyện. Về phía học viên, học tập, rèn luyện bằng tất cả nghị lực, ý chí quyết tâm và khả năng của mình, xác định mục đích, động cơ, phương pháp học tập nhằm đạt kết quả cao nhất, học để nâng cao nhận thức và năng lực công tác, đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. Học vì lý tưởng và chí hướng cao đẹp, trong sáng. Sau mỗi bài, cụm bài đều tổ chức thảo luận tổ, nhóm, thảo luận chung trên hội trường, nêu nhiều câu hỏi do thực tế chiến trường đặt ra. Qua đó, lãnh đạo tỉnh, giảng viên của trường đối thoại, giải đáp thắc mắc.

Trong mỗi khóa học được chia thành tổ học tập chặt chẽ, có tổ trưởng, tổ phó; có Bí thư chi bộ lớp học (kiêm lớp trưởng). Cuối khóa học đều tiến hành phê, tự phê, kiểm điểm rút kinh nghiệm; bình bầu phân loại, xét thi đua khen thưởng. Lớp học còn có biên bản góp ý cụ thể cho nhà trường về nội dung, phương pháp giảng dạy, quản lý, hậu cần...

Trong điều kiện núi rừng, thiếu thốn mọi bề nhưng không khí lớp học luôn vui nhộn, sôi nổi, cùng hưởng ứng phong trào văn nghệ ở vùng kháng chiến lúc bấy giờ là “tiếng hát át tiếng bom”. Với tinh thần cây nhà lá vườn, lớp học luôn vang lên lời ca, tiếng hát; nhiều khóa học đã tổ chức diễn văn nghệ, có cả thể loại kịch hài nội dung sâu sắc, ý nghĩa, mang tính chiến đấu, tính giáo dục cao.

Cùng với lớp học, khung trường cũng họp rút kinh nghiệm toàn diện về các mặt chuẩn bị, tổ chức, quản lý, phục vụ lớp học. Cuối khóa học, Trường cấp giấy chứng nhận, giấy khen hoặc biểu dương cá nhân có thành tích tốt, có bản nhận xét quá trình học tập, rèn luyện của từng học viên để gửi về đơn vị tiếp tục theo dõi.

Sau mỗi khóa học, tất cả học viên đều được nâng lên toàn diện; cả về nhận thức, quan điểm, lập trường, phương pháp, kỹ năng công tác; đặc biệt là niềm tin được củng cố. Mỗi người học cảm nhận được truyền thêm lửa để trở về đơn vị tiếp tục chuyển lửa cho đồng chí, đồng đội, đồng bào tiếp tục chiến đấu và công tác tốt hơn...

So với giai đoạn 1962 - 1965, thời kỳ 1966 - 1968, đối tượng học viên của trường được mở rộng hơn, ngoài cán bộ đội trưởng, đội phó đội công tác còn có trưởng công an, xã đội trưởng, bí thư xã đoàn, chi ủy viên hoặc số cán bộ, đảng viên trẻ triển vọng trong diện quy hoạch dự nguồn chi ủy, cán bộ chủ chốt các ban, ngành, đoàn thể cấp huyện.

Thời gian mỗi khóa học dài hơn; nội dung chương trình bài bản, phong phú, đa dạng, sinh động hơn. Công tác tổ chức, quản lý lớp chặt chẽ, hiệu quả. Lực lượng giảng viên được tăng cường đông đảo, chuyên nghiệp. Chất lượng giảng, nội dung bài giảng, phương pháp diễn đạt tốt, sinh động, hấp dẫn. Một số giảng viên đã để lại dấu ấn sâu sắc cho người học.

Trong suốt chặng đường dài kháng chiến, Trường Đảng tỉnh Bình Thuận có lúc khó khăn, có hồi tương đối thuận lợi, đặc biệt giai đoạn 1966 - 1968, trước sức đánh phá ác liệt của địch, Trường không còn hoạt động ổn định, phải thay đổi về: nhân sự, địa điểm đứng chân, cơ sở vật chất, phương tiện dạy và học. Nhờ quyết tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, đoàn kết khắc phục khó khăn của Ban Tuyên huấn, Trường đã đứng vững, vượt lên, hoàn thành nhiệm vụ, vẫn mở lớp khá đều; riêng năm 1968 chỉ mở được một khóa học chính trị sơ cấp tập trung vào tháng 10 năm 1968.

III. CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU, NHIỆM VỤ CHỐNG ÂM MƯU BÌNH ĐỊNH CỦA ĐỊCH (1969 - 1972)

1. Tình hình và nhiệm vụ chính trị

Nhằm thực hiện chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, từ cuối năm 1968 đến năm 1972, ở Bình Thuận và Bình Tuy địch ra sức “bình định đặc biệt”, “bình định cấp tốc”, “bình định củng cố”... với chiến thuật “Quét và giữ”, quyết tiêu diệt cơ sở cốt cán tại chỗ, đẩy lực lượng ta bật ra ngoài, xa dân, xa ấp chiến lược; chiếm lại vùng giải phóng.

Địch liên tiếp hành quân càn quét bằng bộ binh kết hợp với cơ giới, phi pháo, ném bom, chà xát vùng giải phóng; ủi phá địa hình, lập vành đai trắng, lấn chiếm

vùng ta; chúng ra sức đốt sạch, phá sạch, giết sạch - gom dân, lập ấp; lập lại các ấp chiến lược dọc các trục đường lớn đã bị ta phá trước đây.

Địch tiến hành các biện pháp, thủ đoạn rất cụ thể ở từng vùng: vùng giải phóng, vùng tranh chấp, vùng địch tạm chiếm đã gây cho ta gặp nhiều khó khăn.

Hội nghị Tỉnh ủy Bình Thuận tháng 4/1971 đã đánh giá: *“Hoạt động của địch cuối năm 1970 và những tháng đầu năm 1971, chúng đã chiếm được một số nơi, lập được bộ máy kèm, vơ vét được sức người, sức của, tăng thêm lực lượng cảnh sát, đào tạo được một số ác ôn nòng cốt trong địa phương quân, dân vệ, nhất là lực lượng ngầm, hình thành tuyến ngăn chặn, khống chế thị xã, để bảo vệ cơ quan đầu não của chúng. Các hoạt động hành quân cảnh sát, chiêu hồi, dụ hàng của địch đã gây cho ta nhiều khó khăn, tổn thất. Trên địa bàn xã ấp, từng vùng, từng lúc, thế bám của ta bị dạt ra, lực lượng bên ngoài bị tiêu hao, khó cho việc quân bám, đi sâu hoạt động. Một số nơi cơ sở, phong trào chững lại, có nơi tụt xuống. Giành dân, mở rộng vùng giải phóng gặp khó khăn, nhất là ở vùng yếu, vùng sâu. Việc xây dựng cơ sở ở vùng trắng càng khó”*⁽¹⁾.

Tháng 7 năm 1970, Đại hội Đảng bộ tỉnh Bình Thuận chủ trương: *“liên tục đẩy mạnh tấn công và nổi dậy trên khắp 3 vùng, bằng 3 mũi giáp công tại chỗ”, “quét sạch nguy quyền cơ sở, đánh sụp nguy quyền quận, tỉnh, góp phần đánh bại kế hoạch bình định, đẩy địch vào tình thế suy yếu mới cả thế lẫn lực, giành quyền làm chủ đại bộ phận nông thôn và phần lớn trong thị xã, chủ yếu là cơ sở; đồng thời làm lỏng rãi vùng còn lại”*⁽²⁾.

Tháng 4 năm 1971, Hội nghị Tỉnh ủy Bình Thuận đề ra nhiệm vụ: *“Đẩy mạnh tấn công 3 mũi và xây dựng các mặt trên cả 3 vùng nhằm chống phá kế hoạch bình định của địch, trước hết là đánh sập lực lượng kèm ở cơ sở, phá lỏng hệ thống phòng thủ, khống chế của địch ở nông thôn, giành quyền làm chủ trên nhiều mức độ ở hầu khắp các xã, ấp, nâng phong trào thị xã, thị trấn, củng cố vững chắc vùng*

⁽¹⁾ Trích tài liệu lưu trữ tại Ban Lịch sử quân sự tỉnh Bình Thuận.

⁽²⁾ Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bình Thuận, tập II, xuất bản năm 2000, trang 204, 205.

căn cứ, trực hành lang, làm thất bại một bước quan trọng kế hoạch bình định của địch, tạo ra thế mới, lực mới trên cả 3 vùng, hình thành thế tấn công mới trên cơ sở phong trào quần chúng và phong trào du kích chiến tranh rộng mạnh có sự phát triển nhịp nhàng của 3 thứ quân”.

Từ chủ trương và nhiệm vụ nói trên, công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, huấn học, các hoạt động thông tin tuyên truyền, cổ động, báo chí, văn hóa, văn nghệ đều tập trung giáo dục, động viên cán bộ, chiến sĩ, cốt cán, nhân dân giữ vững tinh thần, chủ động, sáng tạo, dũng cảm, mưu trí, quyết tâm đánh địch, đào hầm, ém quân, bám trụ trong lòng địch, diệt ác, phá kềm, kết hợp đấu tranh 2 chân, 3 mũi; phát động quần chúng đấu tranh toàn diện, kiên trì đòi bung về đất cũ làm ăn, phá thế kềm kẹp, bao vây, phong tỏa của địch. Căn cứ tình hình của địch và của ta, bám sát chủ trương của Đảng, nội dung giáo dục chính trị, tư tưởng nói chung, nội dung giảng dạy của Trường Đảng nói riêng liên tục được đổi mới, sát thực tế. Đặc biệt từ năm 1971 trở đi, thực hiện Chỉ thị số 01 của Trung ương cục miền Nam, tỉnh ủy Bình Thuận chỉ đạo tăng cường một số cán bộ ở các cơ quan tỉnh, huyện và bộ đội biệt phái về các đội công tác. Số cán bộ, chiến sĩ này chưa nắm được phương thức hoạt động, chưa quen công tác phong trào, vận động quần chúng... Do đó việc mở lớp bồi dưỡng cho cán bộ mới bổ sung về đội công tác trong thời điểm này càng trở nên cấp thiết.

Để kịp thời bồi dưỡng đội ngũ cán bộ để thay thế số chủ chốt đã hy sinh; những năm 1969 - 1972, Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo Trường phải nghiên cứu đổi mới phương thức hoạt động, tổ chức đa dạng các loại hình lớp: tập trung dài ngày, bồi dưỡng, tập huấn ngắn ngày; lớp ở Trường, lớp lưu động ở huyện.

2. Hoạt động của Trường Đảng tỉnh Bình Thuận (1969 - 1972)

Thời kỳ này, cán bộ, giảng viên, chiến sĩ của Trường Đảng tỉnh Bình Thuận ngoài chức năng, nhiệm vụ chính là mở lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ còn tích cực tăng gia sản xuất tự túc, đi cơ sở, xuống chiến trường vừa nghiên cứu, tổng kết thực tiễn phục vụ công tác giảng dạy vừa trực tiếp xuống bàn đạp, vùng giáp ranh, có

lúc vào tận áp chiến lược tiếp xúc cơ sở, quần chúng; làm công tác tuyên truyền vận động quần chúng. Một mốc lịch sử không thể nào quên, đó là từ cuối năm 1969 đến năm 1972, toàn tỉnh đã phát động phong trào thi đua giết giặc lập công dâng Bác, thực hiện Di chúc Hồ Chủ Tịch. Do đó, cán bộ Ban Tuyên huấn tỉnh nói chung và Trường Đảng nói riêng đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, phổ biến Di chúc Bác Hồ, thư kêu gọi của Trung ương Đảng bằng nhiều hình thức đa dạng đã có lần vào tận áp chiến lược họp dân tổ chức nhanh hình thức triển lãm ảnh Bác Hồ...

Những năm 1968 - 1970, trước tình hình chung cũng như việc mở lớp đều gặp khó khăn, Trường Đảng tỉnh đã đổi mới phương thức mở lớp, tăng cường tổ chức ở huyện với quy mô gọn và thời gian cũng ngắn hơn, phù hợp với thực tế. Lúc bấy giờ gọi là hệ lớp lưu động; tổ chức loại hình lớp này ít tốn kém, hiệu quả cao, tiện lợi về công tác hậu cần, chiêu sinh... Ý nghĩa, tác dụng lớn, ta huy động được lương thực tại chỗ, cán bộ cơ sở dễ tham gia học tập, sát thực tế, gọn, nhẹ. Lực lượng thường xuống huyện mở lớp gồm các đồng chí: Nguyễn Chí Thành, Quang Lộc, Hà Quang, Quang Hà...

Khoảng giữa năm 1969, Trường phối hợp với huyện mở lớp chính trị (chương trình cơ sở) cho 3 huyện: Tuy Phong, Hòa Đa, Phan Lý. Đây là một trong những lớp do Trường Đảng tổ chức ở cụm huyện, bài bản, quy mô; thể hiện sự linh hoạt, sáng tạo về phương thức hoạt động - phù hợp với điều kiện, tình hình trong thời kỳ kháng chiến lúc bấy giờ. Thời lượng mở lớp dưới 1 tháng. Đối tượng học viên là cán bộ chủ chốt của 3 huyện: Tuy Phong, Hòa Đa, Phan Lý, với tổng số hơn 20 người (một số học viên của lớp này như: Trần Phương, Nguyễn Văn Táo, Nguyễn Thị Liên...). Địa điểm tại Láng Chong - suối Ba Cô, thuộc xã Phan Hòa, huyện Phan Lý; lấy hang núi đá làm hội trường cho lớp học, rất kín đáo, an toàn. Về giảng viên có thầy Nguyễn Chí Thành, Quang Lộc, Hà Quang và các đồng chí lãnh đạo của huyện như: Đặng Bá Sang, Thanh Ba v.v... Về hậu cần chủ yếu do huyện đảm đương, phần còn lại do học viên đóng góp. Ban tổ chức lớp học đã điều học viên vào mang gạo ở ấp Long Lễ, Liêm Bình, xã Phan Rí Thành, huyện Hòa Đa

gần sát quản lý của địch. Chương trình khóa học gồm 8 bài cơ bản, trong đó hai bài có ý nghĩa, tác dụng, mang tính thực tiễn cao, anh chị em hiểu sâu, thảo luận kỹ, nhớ lâu là: “Khí tiết cách mạng người đảng viên cộng sản” và “Mục tiêu, phương pháp đánh phá áp chiến lược, giành dân, giành quyền làm chủ”. Qua lớp này người học được nâng lên cả về kiến thức, quan điểm lập trường, nắm chắc nội dung và cả phương pháp sư phạm. Cán bộ chủ chốt dự học chắc tay, vững vàng, tự tin hơn khi về truyền đạt lại cho đảng viên, cốt cán ở cơ sở.

Đến cuối năm 1970, Trường Đảng tỉnh tiếp tục phối hợp với huyện Hàm Thuận và thị xã Phan Thiết mở 01 lớp. Địa điểm tổ chức lớp ở Núi Bành, Núi Kính, xã Hàm Liêm, huyện Hàm Thuận. Thời lượng học khoảng 20 ngày. Đối tượng học là cán bộ chi ủy, cán bộ chủ chốt của xã, đội trưởng đội công tác, xã đội trưởng. Khóa này khoảng 30 học viên. Một số học viên của lớp này như: Lê Thị Ân, Nguyễn Thị Hai, Nguyễn Văn Châu (Tám Châu). Ngoài ra, Trường còn tổ chức lớp lưu động chỉ bồi dưỡng riêng cho cán bộ dân tộc ít người.

Tổng số lớp đào tạo cán bộ chi ủy (chương trình cơ sở) mở tại Trường Đảng tỉnh từ năm 1969 đến năm 1972 là 8 khóa, với tổng số học viên khoảng 350 người⁽¹⁾. Đặc biệt nhất trong giai đoạn này là khóa 20 - đây là khóa học liên quan đến bước ngoặt lịch sử - lớp học đào tạo lực lượng để “Chồm lên giành chính quyền”. Thời điểm tổ chức lớp mở ra trước đợt “Chồm lên”. Nếu đế quốc Mỹ không lật lọng, Kissenger ký tắt với đồng chí Lê Đức Thọ (tháng 10 năm 1972) thì cuối năm đó, Hiệp định Paris được ký kết. Đây là thời cơ ta phát động quần chúng giành chính quyền. Do đó, Tỉnh ủy chỉ đạo mở lớp học này nhằm bồi dưỡng, chuẩn bị lực lượng để trực tiếp tham gia giành, tiếp quản, xây dựng chính quyền khi thời cơ đến. Thời điểm này công tác tư tưởng nói chung, công tác huấn học nói riêng là

(¹) Địa điểm chính tại Sa Lôn (năm 1969 - 1970) và sau đó nhà Trường tiếp quản khu trại giam cũ của Công An Tỉnh ở Sông Khiêng, gần Ban an ninh tỉnh, thuộc xã Hàm Trí, huyện Hàm Thuận (nay thuộc xã Thuận Hòa, huyện Hàm Thuận Bắc). Cụ thể 8 khóa học được tổ chức như sau: Năm 1969: 2 khóa (khóa 13 và khóa 14); ở Sa Lôn, xã Nam Giang, huyện Di Linh. Năm 1970: 2 khóa (khóa 15 và khóa 16); ở Sa Lôn, xã Nam Giang. Năm 1971: 2 khóa (khóa 17 và khóa 18); ở đầu Sông Khiêng xã Hàm Trí, huyện Hàm Thuận; giáp Gia Bát huyện Di Linh (nay là xã Thuận Hòa, huyện Hàm Thuận Bắc). Năm 1972: 2 khóa (khóa 19 và khóa 20); ở Sông Khiêng, xã Hàm Trí, huyện Hàm Thuận.

tập trung giải quyết vấn đề mục tiêu đàm phán để lập chính quyền 3 bên; 3 thành phần (Mặt trận giải phóng, ngụy quyền Sài Gòn và thành phần thứ ba) nhưng ta phải nắm vững quan điểm của Đảng ta về chiến lược là cầm chắc tay súng, dùng bạo lực cách mạng để giải phóng Miền Nam. Khóa học diễn ra vào khoảng tháng 9 - tháng 10 năm 1972; địa điểm Trường sử dụng trại giam cũ của Ban an ninh tỉnh, thuộc xã Hàm Trí, huyện Hàm Thuận. Đây là lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, phương pháp, chuẩn bị lực lượng để giành chính quyền. Với yêu cầu, tính chất, ý nghĩa đó nên học viên được nghiên cứu sâu một số chuyên đề mà các lớp trước chưa có, đó là: Giành và giữ chính quyền, cách tiếp quản chính quyền, xây dựng chính quyền cách mạng. Bảo vệ, giữ gìn đạo đức cách mạng khi mới tiếp quản xây dựng chính quyền non trẻ, tính chất khó khăn, phức tạp trong điều kiện mới. Tính chất phức tạp của cuộc đấu tranh giai cấp, cải tạo giai cấp bóc lột, sự phân hóa sâu sắc, toàn diện sẽ diễn ra. Xây dựng thực lực để giành và giữ chính quyền. Vai trò của quần chúng, nhân dân từ tự phát dẫn đến tự giác và ý nghĩa của nó. Đảng ta lãnh đạo chính quyền, đoàn thể.

Lớp học được tổ chức chặt chẽ, chia thành 4 tổ thảo luận, với khoảng trên 40 học viên, do đồng chí Nguyễn Văn Hiếu làm Bí thư chi bộ lớp - kiêm lớp trưởng⁽¹⁾. Đối với khóa học này, nhiều vấn đề mới, chưa rõ đã được học viên nêu lên. Giảng viên và học viên đối thoại, tranh luận dân chủ, trên tinh thần, thái độ cầu tiến, học hỏi, nhằm giúp anh, chị em hiểu sâu, nắm chắc để vận dụng. Chế độ ăn của khung trường và học viên hồi ấy được quy định các mức ăn cụ thể cho từng loại ngày hoạt động⁽²⁾.

Về nội dung chính khóa của các lớp học giai đoạn từ năm 1969 - đến năm 1972, gồm 2 phần: phần cơ bản, tương đối ổn định, còn lại là nội dung uyển chuyển, linh hoạt, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của từng thời điểm; giải

(¹) Một số học viên của khóa 20 như: Nguyễn Miên Tâm, Đinh Trung, Võ Tấn Dũng... Riêng tổ huyện Hàm Thuận, gồm các đồng chí: Nguyễn Thị Kim Vân, Nguyễn Hồng Lương, Đoàn Ngọc Nhi, Lê Thị Thuận, Nguyễn Phúc Hà, Nguyễn Thị Yến, Nguyễn Thị Nhung...

(²) Ngày học: ăn 2, 3 lon sữa bò gạo/người/ngày. Ngày lao động sản xuất: ăn 2,5 lon gạo/người/ngày. Đi mang tải lương thực: ăn 3 lon gạo/người/ngày. Ngày Chủ nhật nghỉ học, đi săn bắt, hái rau rừng cải thiện thêm.

quyết tình hình thực tiễn đang đặt ra cho từng khóa học. Cụ thể: Phần cơ bản gồm một số bài sau: Chủ nghĩa duy vật biện chứng, duy vật lịch sử, vật chất và ý thức; Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Đường lối cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân; Phương châm, phương thức hoạt động cách mạng; Nội dung, phương châm, phương thức hoạt động của ta ở 3 vùng; Giành và giữ chính quyền; Công tác dân vận, vai trò của quần chúng nhân dân; Năm bước công tác dân vận; Công tác binh, địch vận; Công tác nông hội; thanh niên; phụ nữ; Công tác an ninh, diệt ác phá kềm; Chiến tranh nhân dân, chiến tranh du kích. Phần bổ sung thêm từng thời điểm gồm các chuyên đề: Di chúc của Hồ Chủ tịch; Nghị quyết, chỉ thị của Trung ương Cục Miền Nam (như Chỉ thị số 103, Nghị quyết số 09, Chỉ thị số 136, đặc biệt là Chỉ thị số 01 về tinh thần bám trụ trong lòng địch để chống, phá âm mưu bình định); Nghị quyết, chỉ thị của Khu ủy Khu 6; Nghị quyết, chỉ thị của Tỉnh ủy Bình Thuận; Tình hình, thời sự thế giới, trong nước; Đảng ta lãnh đạo chính quyền, đoàn thể; Kết hợp đấu tranh 2 chân, 3 mũi giáp công - Kinh nghiệm thực tế; Tổ chức, hoạt động bí mật, công khai hợp pháp, bán công khai hợp pháp; Xây dựng chi bộ tự động công tác; Xây dựng chi bộ 4 tốt, đảng viên 4 tốt; Báo cáo thực tế những mô hình, kinh nghiệm tốt về: vận động thanh niên thoát ly, xây dựng chi bộ bí mật, du kích an ninh mật, diệt ác phá kềm...

Thời kỳ này, Trường Đảng tỉnh đã được nhiều cán bộ lãnh đạo, giảng viên của Khu 6 và tỉnh Bình Thuận quan tâm, trực tiếp giúp đỡ, tạo thuận lợi để Trường nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng.

Giảng viên thường trực của trường có các đồng chí: Hồ Phú Diên, Nguyễn Chí Thành,... Giảng viên mời ở Khu 6, có các đồng chí: Trần Như Khuôn, Hồ Viết Hách, Nguyễn Trung Hậu, Nguyễn Thanh Hiếu,... Giảng viên mời ở tỉnh, có các đồng chí: Lê Thứ, Nguyễn Quý Đôn, Nguyễn Ninh, Trần Văn Lương, Phạm Hoài Chương, Vũ Ngọc Đài, Lê Văn Nhựt, Nguyễn Thiết Khanh (Bảy Khanh), Nguyễn Đăng Kỳ, Phạm Quỳnh Đồng, Ngô Triều Sơn...

Từ đầu năm 1971 trở đi, Trường được củng cố khá toàn diện. Đội ngũ giảng viên ngày thêm phong phú, trình độ, nghiệp vụ, kỹ năng giảng dạy tốt hơn. Cán bộ, chiến sĩ của trường cũng được tăng cường. Đầu năm 1971, Tỉnh ủy điều 2 đồng chí Cao Văn Bá và Hà Quang về chuyên lo mảng hậu cần và giáo vụ của trường cho đến năm 1975. Từ năm 1971 trở đi, nhờ tình hình thuận lợi nhà trường duy trì hình thức tổ chức lớp tập trung là chủ yếu thay vì mở lớp ở cụm huyện như trước. Nhờ bộ máy được kiện toàn nên công tác hậu cần, giáo vụ đều tiến bộ. Về hậu cần đã bảo đảm 5 mặt hàng cơ bản: lương thực, thực phẩm, dầu lửa, thuốc tây và văn phòng phẩm. Có cán bộ chuyên trách quản lý lớp, tham mưu bài bản về quy trình, quy chế, nội dung chương trình, mời giảng viên v.v...

Quy trình mỗi khóa học gồm 2 phần: phần phụ khóa và phần chính khóa. Phần phụ khóa: đi mang lương thực, tu sửa trường, lao động cải thiện đời sống. Phần chính khóa: gồm các khâu công việc ổn định như sau: Tổ chức biên chế, ổn định lớp, hình thành chi bộ, tổ học tập, khai giảng lớp học; Quán triệt nội dung, chương trình khóa học, lịch học; Nghe giảng trên hội trường; Phổ biến câu hỏi thảo luận và hướng dẫn thảo luận; Thảo luận tổ, thảo luận chung tại hội trường; Học viên phản ánh thắc mắc; Lãnh đạo Trường giải đáp thắc mắc; Viết bản thu hoạch cuối khóa; Kiểm điểm, phân loại, bình bầu thi đua; Tổng kết, bế giảng, khen thưởng...

Khóa học nào có điều kiện thuận lợi thì mời Đoàn văn công tỉnh diễn văn nghệ, đội chiếu bóng phục vụ, mời lãnh đạo tỉnh đến phát biểu khai giảng, bế giảng. Khóa nào gặp tình hình khó khăn thì lãnh đạo trường, lãnh đạo Ban Tuyên huấn chủ động triển khai thực hiện các khâu công việc theo sự ủy quyền của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Việc cấp giấy chứng nhận và giấy khen cũng tùy thuộc điều kiện cụ thể của mỗi khóa, tùy tình hình thực tế của chiến trường, nhưng tinh thần phục vụ, giảng dạy và học tập của nhà trường và học viên luôn tự giác rất cao.

Thời kỳ này, đời sống vật chất, tinh thần của khung trường và học viên cũng khá lên. Phương tiện dạy và học cũng từng bước tiến bộ như: có bảng đen, phấn

viết, bàn, ghé... Lễ khai giảng, bế giảng được tổ chức nghiêm trang, trọng thể trang trí nghiêm túc, có cờ Mặt trận giải phóng, cờ Đảng, ảnh Bác Hồ. Bộ phận giáo vụ và văn phòng của trường đã thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của mình: tham mưu công tác chiêu sinh, xây dựng chương trình, lịch học toàn khóa, mời giảng viên, chuẩn bị tài liệu, soạn câu hỏi thảo luận, chia tổ thảo luận, dự thảo luận tổ, tập hợp câu hỏi của học viên và mời giảng viên giải đáp, phụ đạo ngoại khóa, báo cáo thời sự, xây dựng và tổ chức lịch sinh hoạt văn nghệ. Viết báo cáo tổng kết và báo cáo kết quả khóa học về Thường vụ Tỉnh ủy.

Lãnh đạo, giảng viên, cán bộ, nhân viên của Trường giai đoạn này tương đối ổn định, gồm các đồng chí: Hồ Phú Diên, Trưởng Ban Tuyên huấn, phụ trách chung; Nguyễn Chí Thành, Ủy viên Ban Tuyên huấn, thường trực; Hà Quang, phụ trách giáo vụ; Cao Văn Bá, phụ trách quản trị - hành chính; Nguyễn Thị Mai (Sáu) và Nguyễn Thị Bích, cấp dưỡng; Nguyễn Thị Loan, y tá; Nguyễn Văn Sinh, giao liên.

Đối với anh, chị em cán bộ cốt cán ở cơ sở được về Trường Đảng là niềm vinh dự, tự hào, học tập với tinh thần tự giác rất cao, dù trình độ học vấn không đều, có đồng chí ghi chép rất chậm, cá biệt có đồng chí không viết được bài thi nên xin thi vấn đáp như trường hợp đồng chí Nguyễn Văn Hảo (Bảy Hảo), nhưng tất cả đều quyết tâm học hỏi. Học để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc ở chiến trường, học để vận dụng, để chiến đấu, chiến thắng kẻ thù ngoại xâm, nội xâm để giảm bớt hy sinh, tổn thất. Có học viên đã phát biểu cảm tưởng: *“Chúng tôi thèm khát học hỏi, hơn 10 năm thoát ly công tác, đến nay mới được học chính trị, tôi có cảm giác muốn nuốt từng lời nói, những điều Thầy giảng”*. Nhiều đồng chí đặt câu hỏi, nêu những vấn đề do thực tiễn đang đòi hỏi và tranh luận với giảng viên thẳng thắn, chân tình, đối thoại sôi nổi cho đến khi nào hiểu rõ, thông suốt mới chịu chuyển sang vấn đề khác.

Từ năm 1971 trở đi, Trường Đảng Trần Phú còn vươn lên giúp Ban thường vụ Tỉnh ủy tăng cường mở thêm hệ lớp ngắn ngày tập huấn các chuyên đề, nghiên cứu sâu các nghị quyết của Tỉnh, của Trung ương như: Công tác đô thị, Chỉ thị số 01

của Trung ương cục... Nội dung chương trình luôn luôn có báo cáo thực tế các mô hình tốt, thảo luận, tranh luận, giải đáp thắc mắc sâu kỹ...⁽¹⁾.

Vào tháng 8 năm 1971 theo chủ trương và yêu cầu của Khu ủy Khu 6, Trường Đảng tỉnh Bình Thuận đã phối hợp với Trường Đảng Khu 6 mở 01 lớp ở xã Phan Dũng, huyện Tuy Phong (giáp Lâm Đồng và Ninh Thuận). Đối tượng học khoảng 80 người là cán bộ chủ chốt của các huyện phía Nam tỉnh Ninh Thuận và 3 huyện phía Bắc của tỉnh Bình Thuận (Tuy Phong, Hòa Đa, Phan Lý). Nội dung chủ yếu là tập huấn, quán triệt sâu kỹ Chỉ thị số 01 của TW cục miền Nam về chống âm mưu bình định của địch; ngoài giảng viên của Trường còn có các đồng chí Nguyễn Trung Hậu, Hồ Viết Hách trực tiếp giảng dạy. Nhờ nội dung chương trình sát thực tế, thiết thực cộng với sự nhiệt huyết của giảng viên và ý thức cầu tiến, động cơ, phương pháp học tập đúng đắn đã giúp học viên đã nhận thức sâu và nắm chắc một số vấn đề cơ bản như: Các chiến lược của đế quốc Mỹ ở Việt Nam; Đảng ta lãnh đạo chính quyền, đoàn thể thế nào?; Nắm chắc một số nguyên tắc trong công tác đảng vụ, công tác văn bản...; Tại sao giành chính quyền đã khó, giữ chính quyền càng khó hơn. Muốn giành và giữ chính quyền phải có đủ thực lực cách mạng, phải nắm được quần chúng nhân dân; Hiểu sâu, rõ hơn thế nào là 3 miền, 3 vùng, 3 thứ quân, 3 mũi giáp công và nội dung, phương thức hoạt động ở từng miền, từng vùng.

Vấn đề cốt tử nhất là những năm 1971 - 1972, cán bộ cơ sở đội công tác quán triệt sâu, vận dụng sáng tạo tinh thần Chỉ thị số 01 của Trung ương cục miền Nam. Hiểu và vận dụng tốt 5 bước công tác dân vận; Hiểu rõ âm mưu, thủ đoạn của Mỹ ngụy. Mỹ đang từng bước xuống thang chiến tranh, rút quân và chuyển dần cho ngụy. Trước khi xuống thang, Mỹ tập trung đánh phá quyết liệt; Hiểu đầy đủ 3 năm

(¹) Tháng 4 năm 1971, Thường vụ tỉnh ủy trực tiếp chỉ đạo Trường mở lớp tập huấn Chỉ thị số 01 cho cán bộ chủ chốt của tỉnh với quy mô và nội dung thiết thực, cụ thể như sau: Thời gian: Từ ngày 26/4/1971 đến ngày 04/5/1971. Lịch học: Ngày học 10 tiếng; gồm 3 buổi: sáng, chiều và tối. Chương trình học: 9 ngày (học chính trị 7 ngày, học quân sự 1 ngày, khai, bế giảng 1 ngày). Giảng viên, gồm: Nguyễn Quý Đôn, Lê Thứ, Trần Văn Lương, Nguyễn Minh, Mai Cách (Bảy Hân).

đám: chính trị, quân sự, ngoại giao; trong đó quân sự, đấu tranh vũ trang giữ vai trò quyết định; Năm, vận dụng được phương thức tổ chức, xây dựng các tổ chức công khai, hợp pháp trong vùng địch tạm chiếm; Đặc biệt nhất là anh, chị em học viên được trang bị kiến thức cơ bản, bước đầu chuẩn bị tinh thần vào tiếp quản chính quyền - xây dựng chính quyền cách mạng, xử lý bộ máy nguy quân, nguy quyền thế nào? *Hình dung phần nào tính chất khó khăn, phức tạp trong điều kiện mới; nhiều cám dỗ, cạm bẫy dễ làm hư hỏng, biến chất cán bộ. Từng đồng chí phải vững vàng, bản lĩnh, giữ gìn đạo đức, khí tiết cách mạng, lý tưởng người đảng viên cộng sản.*

IV. ĐÀO TẠO CÁN BỘ, PHỤC VỤ YÊU CẦU ĐÁNH CHO NGUY NHÀO - GIẢI PHÓNG QUÊ HƯƠNG (1973 - 1975)

1. Tình hình và nhiệm vụ chính trị

Ngày 27 tháng 01 năm 1973. Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam được ký kết - mở ra một bước ngoặt mới - Quân Mỹ và chư hầu phải rút khỏi Miền Nam Việt Nam. Bọn địch ở Bình Thuận, Bình Tuy vẫn không thực hiện lệnh ngừng bắn. Chúng xua quân phản kích nhằm cấm cò, giành đất, chiếm lại những vùng ta vừa “chôm lên” giành quyền làm chủ; ra sức ủi phá địa hình, phát triển kinh tế nông trường di dân lấn chiếm vùng ta. Địch đưa 12.000 Việt kiều Campuchia về ở phía Nam cảng Êsêpic. Ở vùng tạm chiếm, địch ráo riết đôn quân bắt lính, củng cố, xây thêm nhiều đồn bót, tăng cường thêm các phân chi cảnh sát để kèm kẹp quần chúng.

Về phía ta, đây là thời kỳ rất thuận lợi cho công tác chính trị, tư tưởng. Ta có thêm pháp lý Hiệp định để đấu tranh chính trị, ngoại giao với địch, có Ban Liên hiệp quân sự bốn bên Khu vực IV, đặt trụ sở tại Cảng Êsêpic. Cán bộ, chiến sĩ, đồng bào phấn khởi, tin tưởng ngày thắng lợi đã đến gần. Bên cạnh niềm tin, thuận lợi, ta cũng gặp khó khăn mới, một số người nảy sinh tư tưởng: Một là, không dám đánh địch sợ vi phạm Hiệp định; mang tư tưởng cầu an, ngại gian khổ, hy sinh vì ngày thắng lợi gần đến. Có trường hợp chấp hành lệnh ngừng bắn máy móc. Điều đó thể hiện tính mơ hồ, không đẩy mạnh việc chủ động tiến công, dùng bạo lực

cách mạng..., trông chờ địch thực hiện Hiệp định Paris. Hai là, thấy địch ngoan cố phá hoại Hiệp định, nảy sinh tư tưởng thiếu tin vào tính pháp lý của Hiệp định nên chỉ đơn thuần nặng tư tưởng tấn công địch bằng quân sự. Ta phải khắc phục hai khuynh hướng tư tưởng nói trên, chủ động chớp thời cơ vừa tấn công địch vừa xây dựng lực lượng làm thay đổi tương quan lực lượng có lợi cho ta.

Xác định nhiệm vụ trọng tâm, ngày 27 tháng 9 năm 1973, Thường vụ Tỉnh ủy Bình Thuận ra chỉ thị: “...Tập trung sức tấn công 3 mũi kết hợp với phát huy pháp lý Hiệp định, vận dụng các lực lượng toàn diện tạo ra sức mạnh tổng hợp đánh bại âm mưu bình định lần chiếm mới của địch, kết chặt với các trọng tâm công tác trước mắt như đấu tranh với địch trên mặt trận lúa gạo, tích cực bảo vệ mùa màng, kết với việc xây dựng căn cứ giải phóng vững mạnh”⁽¹⁾.

Căn cứ tình hình, nhiệm vụ chung của toàn tỉnh, công tác chính trị, tư tưởng, huấn học nói chung, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Trường Đảng tỉnh nói riêng tập trung ra sức giáo dục, tuyên truyền, phát động đảng viên, quần chúng nắm chắc nội dung Hiệp định Pa-ri, Nghị định thư; đưa các hoạt động thành cao trào nhất là đấu tranh chính trị, vận động binh lính thực hiện hòa hợp, hòa giải dân tộc. Tận dụng triệt để và phát huy cao độ pháp lý Hiệp định Paris, buộc địch ngừng bắn, thực hiện các quyền tự do, dân chủ. Về vũ trang, kiên quyết diệt ác phá kềm, sẵn sàng, kịp thời đánh trả trừng trị bọn vi phạm Hiệp định v.v...

2. Hoạt động của Trường Đảng tỉnh Bình Thuận (1973 - 1975)

Từ năm 1973 đến năm 1975, thế và lực của ta trên toàn tỉnh không ngừng phát triển; hoạt động của Trường Đảng tỉnh Bình Thuận có nhiều thuận lợi. Về địa điểm trường đã chuyển từ Sông Khiêng xuống Sông Quao, thuộc xã Hàm Trí, như gần nước, gần dân, sát chiến trường, dễ thu mua, vận chuyển lương thực, hậu cần, phục vụ các lớp học. Cán bộ trong toàn tỉnh tập trung về trường cũng dễ dàng, tiện lợi hơn trước.

(¹) Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bình Thuận, tập II, xuất bản năm 2000, trang 245.

Về lãnh đạo trường, thời kỳ này cũng có sự thay đổi. Đầu năm 1974, đồng chí Hồ Phú Diên chuyển về công tác ở Ban Tuyên huấn Khu ủy Khu 6. Tỉnh ủy Bình Thuận điều đồng chí Ngô Triều Sơn về phụ trách trường; đồng chí Nguyễn Chí Thành, thường trực. Tính từ năm 1962 đến đầu năm 1975, Trường Trần Phú tròn 13 tuổi; có trên 30 cán bộ, chiến sĩ công tác ở Trường, nhưng đặc biệt đồng chí Nguyễn Chí Thành là người duy nhất có duyên nợ gắn bó với Trường suốt từ đầu đến cuối.

Những năm 1973 - 1975, Trường Đảng tỉnh Bình Thuận tổ chức được 05 khóa đào tạo chương trình cơ sở - hồi ấy gọi là lớp đào tạo cán bộ chi ủy viên. Năm 1973: 02 khóa (khóa 21 và khóa 22). Năm 1974: 02 khóa (khóa 23 và khóa 24). Năm 1975: 01 khóa (khóa 25). Tổng số học viên của 05 khóa, khoảng trên 200 người. Mỗi khóa học thời gian khoảng một tháng. Cuối khóa, học viên đều được cấp giấy chứng nhận. Đối với những học viên có thành tích xuất sắc toàn diện trong việc học tập và lao động xây dựng nhà trường được cấp giấy khen. Nội dung chương trình các khóa học giai đoạn này được nhà trường bổ sung nhiều vấn đề mới. Ngoài phần cơ bản ổn định gồm các bài như của giai đoạn những năm 1971-1972, riêng phần chuyên đề cơ động đã bổ sung các vấn đề cơ bản sau: Âm mưu, thủ đoạn của địch sau khi có Hiệp định Paris; Tình hình khó khăn, đảo lộn của chế độ Sài Gòn nói chung, bọn ngụy quân, ngụy quyền ở Bình Thuận nói riêng; Nội dung Hiệp định Paris và Nghị định Thụ; Ý nghĩa pháp lý của Hiệp định Paris và biện pháp phát huy tính pháp lý ấy trong đấu tranh với địch. Đầu năm 1974 bổ sung thêm nội dung Nghị quyết số 21 về đường lối hoàn thành sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam; Xây dựng thực lực và phương thức đấu tranh ở thị xã, thị trấn (công tác đô thị); phương thức tổ chức, hoạt động bí mật - nứt rãnh sâu chuỗi; Biến tướng các tổ chức công khai, hợp pháp trong vùng địch thành các tổ chức của ta với phương châm: “Xanh vỏ, đỏ lòng”; Tổ chức và phát huy lực lượng thành phần thứ ba, gắn với trí thức vận; Sử dụng các tờ báo tiến bộ được chính quyền Sài Gòn cho xuất bản công khai, hợp pháp phát hành rộng rãi trong vùng địch để tuyên truyền, phổ biến Hiệp định Paris như: “Báo Người Việt”, “ Báo Đới

diện”... Phương pháp vận động binh lính địch rã ngũ, vận động thanh niên trốn lính hoặc ra vùng giải phóng làm ăn, tự gây thương tích... Mời học viên báo cáo tình hình thực tế, những nơi có phong trào điển hình về một số lĩnh vực hoạt động; Chiếu phim học tập, phim giải trí và Đoàn văn công Tỉnh phục vụ.

Những giảng viên chủ lực tham gia giảng dạy cho trường những năm 1973 đến 1975, gồm khoảng 13 đồng chí: Hồ Phú Diên; Ngô Triều Sơn; Nguyễn Chí Thành; Nguyễn Quý Đôn, Bí thư Tỉnh ủy; Nguyễn Ninh, Ủy viên Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy; Lê Văn Nhật, Tỉnh đội trưởng; Trần Văn Lương, Trưởng Ban an ninh; Nguyễn Thiết Khanh, Trưởng Ban binh vận; Nguyễn Đăng Kỳ (Ba Bình); Phạm Quỳnh Đồng (Hai Châu), Phó Ban tổ chức tỉnh ủy; Hồ Việt Hách, Lãnh đạo Trường Đảng Khu 6; Nguyễn Trung Hậu, Cán bộ Ban Tuyên huấn Khu ủy Khu 6; Nguyễn Thanh Hiếu, Trưởng Ban Dân vận Tỉnh ủy; Cán bộ, giảng viên tham gia giảng dạy ở Trường Đảng Bình Thuận - Trường Trần Phú (1962 - 1975)⁽¹⁾.

Cuối năm 1972, Đội công tác Thanh niên, học sinh, sinh viên tỉnh Bình Thuận đã mua giúp Ban Tuyên huấn Tỉnh ủy được chiếc máy chiếu phim mới (16 ly). Nhờ đó, những năm 1973 - 1975, Ban Tuyên huấn đã tạo điều kiện giúp nhà trường thường xuyên tổ chức chiếu phim phục vụ các lớp học. Nội dung khá phong phú hấp dẫn, có cả phim học tập và phim giải trí. Các khóa học đã được xem nhiều bộ phim bổ ích như: Cuộc đời hoạt động của Hồ Chủ Tịch; Nỗi gió; Chiến sĩ trẻ; Người con gái của Đảng; Du kích đường sắt Trung Quốc; Đường ra phía trước; Đường về quê mẹ; Vợ chồng A Phủ; Rừng Xà Nu; Bạch mao nữ....

Một trong những lớp được tổ chức bài bản, từ nội dung chính khóa, phụ khóa cũng như công tác quản lý chặt chẽ, đó là khóa 21. Thời điểm diễn ra của khóa học này từ tháng 7 đến tháng 8 năm 1973. Đây là lớp học được mở ra sau khi có Hiệp định Paris. Toàn lớp học trên 60 học viên. Chi ủy và Ban cán sự lớp gồm 3 đồng chí: Võ Thị Lành, Bí thư chi bộ, kiêm lớp trưởng; Nguyễn Văn Khương, Phó Bí thư chi

(¹) Xem phụ lục số 5 .

bộ, lớp phó; Nguyễn Thị Kim Vân, Chi ủy viên, lớp phó. Được chia thành 6 tổ, mỗi tổ ghép khoảng 10 đồng chí, gồm một số đồng chí ở các cơ quan tỉnh với một huyện, thị. Riêng Tổ của huyện Hòa Đa có 12 người do đồng chí Nguyễn Văn Lượm làm tổ trưởng ⁽¹⁾. Các đồng chí được Ban Giám hiệu nhà trường phân công chuẩn bị nội dung báo cáo thực tế cho lớp. Đồng chí Võ Thị Lành báo cáo điển hình về Công tác vận động thanh niên trong vùng địch thoát ly kháng chiến. Đồng chí Nguyễn Thị Kim Vân báo cáo mô hình vận động quần chúng ở vùng ven đấu tranh bung về đất cũ... Chị Lan cựu tù binh, công tác ở Ban an ninh Tỉnh, được nhà trường mời báo cáo chuyên đề “Tội ác của Mỹ - Ngụy đối với tù nhân chính trị...”.

Quy trình học chặt chẽ: nghe giảng, thảo luận tổ, hệ thống từng cụm bài, giải đáp thắc mắc. Ngoài việc tham gia tích cực các hoạt động do nhà trường đề ra, lớp còn duy trì phong trào văn nghệ sôi nổi, những giờ giải lao. Cuối khóa học, toàn lớp họp kiểm điểm, rút kinh nghiệm toàn diện về tinh thần học tập, rèn luyện, lao động xây dựng trường v.v... Họp tổ, họp lớp bình xét thi đua, đề nghị Ban giám hiệu nhà trường khen thưởng. Lãnh đạo trường tiến hành viết phiếu nhận xét từng học viên để gửi về đơn vị; cấp giấy chứng nhận học tập; trong buổi lễ bế giảng có nội dung thi đua khen thưởng. Đồng chí Nguyễn Hữu Hạnh thuộc đơn vị tổ Cơ Yếu - cơ quan Tỉnh ủy, là một trong những học viên được cấp giấy khen có thành tích tốt trong học tập và lao động xây dựng nhà trường⁽²⁾.

Khóa 22 được tổ chức từ 27 tháng 9 đến 27 tháng 10 năm 1973, với số lượng học viên khoảng 50 người, được chia thành 5 tổ. Đồng chí Nguyễn Ngọc Anh ở Đội công tác Thanh niên học sinh Tỉnh học khóa này. Riêng tổ của đơn vị huyện Hòa Đa gồm 10 người ⁽³⁾. Khóa 23 được tổ chức vào tháng 5 và tháng 6 năm 1974. Đây là một trong những lớp khá quy mô, thành phần học viên gồm các huyện, thị và các ban, ngành cấp tỉnh. Mỗi huyện có khoảng 04 - 05 đồng chí, mỗi cơ quan, ban, ngành, đoàn thể của Tỉnh cử từ 01 đến 02 đồng chí. Riêng Tỉnh đội không phải

⁽¹⁾ Xem phụ lục số 6.

⁽²⁾ Xem phụ lục số 7.

⁽³⁾ Xem phụ lục số 8.

là đối tượng của trường đào tạo. Toàn khóa học khoảng 50 học viên. Đồng chí Phạm Quỳnh Châu làm Bí thư chi bộ lớp, kiêm lớp trưởng. Nội dung chương trình được sắp xếp chặt chẽ và khoa học. Nhà trường giành nhiều thời gian để học viên tự nêu vấn đề, tự tranh luận làm sáng tỏ lý luận, đường lối đã học, tự liên hệ vận dụng thực tiễn. Nhờ đó các học viên đã phát huy tác dụng khi về lại chiến trường. Mặc dù lớp diễn ra vào thời điểm giữa năm 1974; sau hơn một năm thi hành Hiệp định Paris, nhưng đời sống của lớp học vẫn còn khó khăn. Trong điều kiện khó khăn, để nâng cao đời sống, học viên đẩy mạnh phong trào tăng gia sản xuất, săn bắn nhằm cải thiện bữa ăn như: trồng rau, giăng bẫy bắt thú, bắt cá đồng, hái rau rừng, bắn thịt rừng (*đồng chí Nguyễn Văn Tánh - y sĩ; bắn được một con heo rừng to; đây cũng là một trong những dấu ấn sâu đậm, kỷ niệm khó quên của lớp học này*). Học viên khóa 23, sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, còn một số đồng chí như: Nguyễn Thị Kim, Nguyễn Thị Hạnh, Nguyễn Ngọc Thơ, Hoàng Anh Nhung, Nguyễn Văn Tánh, Phạm Quỳnh Châu...

Ngày 15 tháng 02 năm 1975, khóa đào tạo chương trình lý luận chính trị cơ sở khóa 25 được khai giảng. Sĩ số lớp khoảng 50 người, do đồng chí Huỳnh Diện làm Bí thư chi bộ lớp - kiêm lớp trưởng, có 5 đồng chí trong Ban chi ủy, có 2 lớp phó. Học viên của khóa này gồm cán bộ của các đơn vị: Hòa Đa, Thuận Phong, Hàm Thuận, Phan Thiết và một số đồng chí thuộc các ban, ngành của tỉnh. Một số đồng chí học viên như: Huỳnh Diện (Hai Diện), Đào Duy Thành, Nguyễn Hoàng Lân, Trương Văn Sáu (Sáu Cụt), Lê Thị Thái (Chị Hai Thái), Đồng Thị Huệ, Nguyễn Minh Phú, Huỳnh Thực, Châu Ngọc Hải, Trần Văn Mười, Trần Đông Nam, Ngô Thị Mười, Nguyễn Thị Minh... Thời gian khóa học gần 02 tháng, nhưng lớp chỉ học vừa tròn 01 tháng. Chấp hành sự chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, ngày 15 tháng 3 năm 1975, Tỉnh ủy chỉ đạo thầy Hiệu trưởng Ngô Triều Sơn tập hợp, quán triệt cho toàn thể học viên về chủ trương của Tỉnh ủy cho lớp dừng học. Đến ngày 20/4/1975 toàn lớp được biên chế thành một đoàn hành quân từ xã Hàm Trí tiến về thị xã Phan

Thiết. Đây là đoàn cán bộ được tăng cường phối hợp với các lực lượng của Tỉnh trực tiếp tham gia tiếp quản, xây dựng chính quyền thị xã Phan Thiết.

Khóa 25 là một trong 03 khóa đặc biệt, được đào tạo để giành chính quyền, nhưng khóa 11 (cuối năm 1967) và khóa 20 (cuối năm 1972) chưa được thật sự may mắn giành, giữ chính quyền. Đây là khóa đặc biệt, vinh dự, tuy chương trình học còn dở dang, nhưng đã trực tiếp được góp phần giành thắng lợi trọn vẹn, giải phóng quê hương, tham gia tiếp quản, xây dựng chính quyền thị xã Phan Thiết.

Khoảng 13 năm hoạt động, phần đầu trưởng thành, Trường Đảng Trần Phú mở được nhiều hệ lớp, bồi dưỡng, đào tạo hàng ngàn lượt học viên. Riêng hệ lớp đào tạo tập trung, mở được 25 lớp với khoảng 1.000 lượt học viên.

V. CÔNG TÁC HUẤN LUYỆN CÁN BỘ CỦA TỈNH BÌNH TUY (1969 - 1975)

1. Công tác huấn học, bồi dưỡng, tập huấn, huấn luyện cán bộ của tỉnh Bình Tuy (1969 - 1972)

Từ cuối năm 1968 đến năm 1972, tỉnh Bình Tuy vừa mới được tách ra từ tỉnh Bình Thuận; khó khăn, thiếu thốn là điều không thể tránh khỏi. Địch thực hiện kế hoạch bình định trên toàn tỉnh, càn quét, đánh phá, nhất là ở hai huyện Hoài Đức và Tánh Linh. Năm 1969, nhằm dọn bến bãi để Mỹ xuống thang chiến tranh, rút quân, chúng triển khai toàn diện các biện pháp: tổ chức, chính trị, quân sự, tư tưởng, chiến tranh tâm lý, chiêu an, dụ hàng. Năm 1972, địch phát quang, ủi phá địa hình, khai hoang, lập ấp; đưa dân từ các tỉnh miền Trung vào, Việt Kiều ở Campuchia về, đông nhất là dân từ Quảng Trị và lập thêm quận Nghĩa Lộ để chiếm đất, giành dân...Đặc điểm nổi bật về phía địch là tỉnh Bình Tuy thuộc vùng III chiến thuật, do đó âm mưu, lực lượng, phương thức đánh phá của địch khác ở Bình Thuận (thuộc vùng II chiến thuật). Lực lượng ta liên tiếp bị tổn thất, hy sinh, cơ sở bên trong ở một số nơi bị bẻ vỡ, tù đày. Ác liệt, gian khổ trực tiếp, thường xuyên nhất vẫn là các Đội công tác; mỗi khi đột nhập vào ấp chiến lược thường vướng các bãi mìn Claymore dày đặc của địch.

Quyết tâm thực hiện chủ trương của Khu ủy Khu 6 và Tỉnh ủy Bình Tuy; lực lượng vũ trang của ta liên tiếp mở các chiến dịch tấn công địch, phong trào đấu tranh chính trị, binh vận của quần chúng trong vùng địch cũng được đẩy lên khá cao; sôi nổi gây tiếng vang lớn là ở Hàm Tân, La Gi. Có cuộc biểu tình khiêng xác người chết đấu tranh thu hút cả chục ngàn người. Tình hình đó đòi hỏi ta phải có đủ thực lực, nhất là cán bộ, cốt cán lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện, phát động quần chúng duy trì, giữ vững phong trào, góp phần đánh bại âm mưu bình định của địch.

Từ cuối năm 1968, đầu năm 1969, Tỉnh ủy Bình Tuy đã xác định nhiệm vụ trọng tâm của toàn tỉnh là: *Đánh địch hỗ trợ cho phong trào quần chúng nổi dậy phá thế kềm kẹp, giành quyền làm chủ ở nông thôn; đồng thời thọc sâu vào thị xã, thị trấn đánh địch, diệt tề và bọn đầu sỏ gian ác, hỗ trợ cho đấu tranh chính trị và binh vận của quần chúng, đánh phá giao thông và phương tiện chiến tranh của địch. Xác định hướng chủ yếu là hai huyện Hoài Đức và Tánh Linh mà trọng điểm là hai xã Võ Đắc và Võ Xu.*

Tháng 12 năm 1968, Tỉnh ủy Bình Tuy mở hội nghị, đánh giá tình hình và đề ra nghị quyết: *“Ra sức phát huy ưu điểm, quyết tâm khắc phục khuyết nhược điểm, đập bằng mọi khó khăn, gian khổ, ác liệt, nắm vững thời cơ nỗ lực vượt bậc, anh dũng xốc tới, đẩy mạnh thế tiến công và nổi dậy liên tục, nhằm đánh bại âm mưu “quét và giữ” vùng ven của địch, mở rộng vùng làm chủ, giải phóng đại bộ phận nông thôn...”*⁽¹⁾.

Sau khi quán triệt Chỉ thị số 01 của Trung ương Cục Miền Nam về chống, phá âm mưu bình định của địch; những năm 1971 - 1972, Tỉnh ủy Bình Tuy chủ trương: *Ra sức động viên toàn Đảng, toàn quân, toàn dân trong tỉnh tăng cường đoàn kết nhất trí, tập trung mọi khả năng, sức lực đẩy mạnh 3 mũi giáp công trên cả 3 vùng, nhằm chống phá kế hoạch bình định của địch. Trước hết là đánh suy sụp lực lượng kèm ở cơ sở để mở rộng thế làm chủ, tranh chấp và làm lỏng nhão trên*

⁽¹⁾ Lịch sử Đảng bộ huyện Hàm Tân, xuất bản năm 2008, trang 212.

đại bộ phận xã, ấp, phá lỏng hệ thống phòng thủ kèm kẹp của địch ở nông thôn; phát triển phong trào vào thị trấn, thị xã, giữ vững và tăng cường xây dựng vùng căn cứ...

Từ chủ trương chung của Tỉnh ủy, công tác chính trị, tư tưởng, huấn học, huấn luyện cán bộ, đảng viên, cơ sở đều ra sức tập trung vào nhiệm vụ chính là nâng cao giác ngộ, ý chí quyết chiến, quyết thắng nhằm đẩy mạnh phong trào 2 chân, 3 mũi, phát triển lực lượng trên cả 3 vùng. Trước hết là đảng viên, đoàn viên phải gương mẫu đi đầu, dũng cảm bám sâu vào vùng địch, xây dựng thực lực, diệt ác, phá kềm, góp phần đánh bại kế hoạch bình định của địch. Trước tình hình và nhiệm vụ chính trị đối với một tỉnh mới ra đời, non trẻ; nhiều vấn đề về tổ chức, chính trị, tư tưởng, v.v...đặt ra phải giải quyết, nhưng khó và thiếu nhất vẫn là lực lượng cán bộ. Các ban, ngành, đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở đều thiếu nghiêm trọng. Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện cán bộ càng trở thành nhiệm vụ vừa cơ bản vừa cấp bách. Bình Tuy chưa đủ điều kiện thành lập Trường Đảng, nhưng nhờ xác định rõ mục đích, yêu cầu và tầm quan trọng của công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nên Thường vụ Tỉnh ủy phân công các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và các huyện ủy, thị ủy căn cứ tình hình, nhiệm vụ chính trị của tỉnh và chủ trương của cấp trên, chủ động phối hợp mở lớp bồi dưỡng, huấn luyện cán bộ cho toàn tỉnh. Về công tác tổ chức, quản lý, phục vụ hậu cần cho việc mở lớp, Thường vụ Tỉnh ủy giao cho 4 ban chủ lực trực tiếp phối hợp, đó là: Ban Tuyên huấn, Ban Tổ chức, Văn phòng Tỉnh ủy và Ban Dân y trực tiếp tham mưu giúp Tỉnh. Về xây dựng nội dung chương trình, kế hoạch học tập và phân công giảng viên thì giao cho các Ban, ngành, đoàn thể của tỉnh cùng phối hợp; trong đó Ban Tuyên huấn làm nòng cốt, khâu đầu mối.

Từ năm 1970 - 1972, tỉnh Bình Tuy tổ chức được 2 hệ lớp: *Một là, hệ lớp tập huấn*, bồi dưỡng ngắn ngày, mỗi lớp 3 - 5 ngày, được tổ chức thường xuyên theo yêu cầu tình hình, nhiệm vụ mới đặt ra. Số lượng học viên từ 30 - 50 người/lớp. Có lớp mở chung toàn tỉnh, có lớp mở riêng cho từng huyện, thị xã, tùy nội dung, tính

chất, tình hình. Nội dung học tập của loại lớp này, gồm: Tổng kết kinh nghiệm sau mỗi chiến dịch, một đợt công tác. Nghị quyết, chỉ thị của cấp trên, của Tỉnh ủy... Bồi dưỡng, hướng dẫn kinh nghiệm, phương pháp công tác cho cốt cán hoạt động ở phía trước, ở các đội công tác, nhất là những vấn đề mới, tỉ mỉ, cụ thể cần được hướng dẫn như thế nào là bí mật, công khai, hợp pháp v.v... Hai là, hệ lớp dài ngày, từ 20 ngày đến một tháng; đào tạo chương trình cơ sở. Mỗi năm tổ chức ít nhất là 01 lớp, với số lượng khoảng 40 học viên. Địa điểm mở lớp, thường được bố trí ở những nơi có điều kiện thuận lợi và an toàn, gần cơ quan Tỉnh ủy. Nội dung chương trình khá cơ bản và ổn định hơn; gồm 13 vấn đề: Chủ nghĩa duy vật biện chứng, duy vật lịch sử...; Đảng Cộng sản Việt Nam (Đảng Nhân dân cách mạng Việt Nam); Đạo đức, khí tiết cách mạng của người đảng viên cộng sản; Công tác xây dựng Đảng, xây dựng chi bộ, cơ sở mật, xây dựng chi bộ 4 tốt, đảng viên 4 tốt...; Năm bước công tác vận động quần chúng sát hợp với từng thời kỳ; Nghị quyết, chỉ thị của Đảng các cấp. (Di chúc của Hồ Chủ tịch và thư kêu gọi của Trung ương Đảng về việc thực hiện Di chúc; Chỉ thị số 01 của Trung ương Cục Miền Nam về chống phá âm mưu bình định...); Phương pháp tuyên truyền, giáo dục, xây dựng cơ sở mật, cơ sở công khai, hợp pháp...; Phương thức, phương châm tổ chức và hoạt động bí mật: ngăn cách, nứt rãnh, xuyên chuỗi...; Cách tổ chức, phát động phong trào quần chúng đấu tranh công khai hợp pháp, phải xuất phát từ lợi ích của quần chúng, bức xúc của chính họ; Công tác an ninh, diệt ác, phá kềm; Phát triển chiến tranh nhân dân, chiến tranh du kích; Công tác binh, địch vận, kết hợp đấu tranh 2 chân 3 mũi; Mời học viên báo cáo thực tế điển hình ở cơ sở - Đội công tác... Giảng viên chủ lực của hệ lớp này, có các đồng chí: Lê Khắc Thành, Vũ Hồng, Dương Văn Sâm, Vũ Như Loan, Trần Văn Tình, Lại Hồng Thao, Nguyễn Hữu Lược (Tư Hà), Nguyễn Thiện Chính (Hai Năng)... Bộ khung tổ chức, quản lý, phục vụ các lớp học; Thường vụ Tỉnh ủy phân công 4 Ban phối hợp tham mưu, thực hiện: Tuyên huấn, Tổ chức, Văn phòng và Dân y. Ngoài bộ phận gián tiếp chuẩn bị lương thực, thực phẩm, thuốc men, văn phòng phẩm ... còn có lực lượng

liên quan trực tiếp đến công tác hậu cần gồm các đồng chí: Võ Ngọc Quang (Phẩm), Dương Minh Châu, Nguyễn Thị Hiếu, La Thị Mai, Nguyễn Thị Bích Thu, Nguyễn Thị Xuân ...

Giai đoạn Mỹ xuống thang chiến tranh - rút quân (1969 - 1972), chúng đánh phá vùng căn cứ, vùng ven của tỉnh Bình Tuy vô cùng ác liệt. Đời sống của cán bộ, chiến sĩ nói chung, học viên nói riêng rất khó khăn; đói cơm, lạc muối là chuyện thường ngày. Trong điều kiện đó đòi hỏi những người làm quản trị, thủ kho, cấp dưỡng thời ấy luôn trong sáng nêu cao ý thức, tinh thần tiết kiệm vì tập thể; phải khéo tính, chặt chẽ, làm sao không vi phạm chế độ - không cắt xén tiêu chuẩn của anh em, vừa tích trữ lương thực để phòng khi bất trắc như thương bệnh binh cần bát cháo gạo trắng...Tiêu biểu trong số đó là chị Nguyễn Thị Hiếu rất khéo tay, chặt chẽ, đảm đang trong việc cân, đong, đo, đếm...Thường mỗi lần dùng lon sang qua, sót lại một lượng gạo lớn, chị đã dành dụm cho cơ quan được 8 lon gạo. Do đó anh em đơn vị đã có 2 câu về ý nhị, in đậm dấu ấn của một thời gian khó, để nhớ, để thương: *Cơ quan tỉnh ủy “Chị Hai”, Có Cô Ba Hiếu biệt tài “8 lon”*. (*“Chị Hai” là bí danh của cơ quan tỉnh ủy Bình Tuy, “8 lon” là 8 lon sữa bò gạo*). Về chế độ, tiêu chuẩn ăn trên danh nghĩa là 2 lon gạo/ người/ ngày. Trong thực tế, lương thực, thực phẩm của mỗi khóa học, trong từng thời điểm đều tùy thuộc vào tình hình thuận lợi hoặc khó khăn. Ta thu mua, vận động, mang tải được loại gì thì dùng thứ ấy, cả sắn, bắp, hái rau rừng. Thức ăn chủ yếu là bắp, mì, gạo, bột mì tây, bột bánh in, măng tre, rau rừng, thịt rừng, cá đồng... lúc no nê, lúc đại táo, khi chật vật, thiếu đói. Đời sống vật chất của những người kháng chiến là thế nhưng luôn biết san sẻ, chia sẻ, nhường nhịn cho nhau.

Năm 1970, Tỉnh ủy Bình Tuy quyết tâm bắt đầu mở lớp chương trình cơ sở; bồi dưỡng cơ bản, tập trung, dài ngày cho cán bộ chi ủy, đảng viên cốt cán. Địa điểm tổ chức khóa I ở sát chân núi Ông, thuộc xã Dú, huyện Tánh Linh, thời gian khoảng một tháng, vào mùa mưa năm 1970. Số lượng học viên khoảng trên 30 đồng chí, hầu hết là cán bộ chủ chốt của các đội công tác trong toàn tỉnh. Lớp học

được tổ chức khá bài bản, hội trường lợp mái bằng lá buông, nhà bếp lợp mái bằng lá trung quân; bàn ghế bằng cây, tre, học viên cùng Ban tổ chức lớp học phối hợp tạo nên. Nội dung chương trình và phân công giảng viên rất cụ thể: Khai giảng, bế giảng: do Thường trực Tỉnh ủy đảm trách (nội dung chủ yếu là: Xác định tinh thần trách nhiệm, động viên tư tưởng, củng cố tinh thần, phát huy ưu điểm, biểu dương tinh thần chiến đấu, công tác cũng như học tập và dặn dò những việc cần làm khi về lại đơn vị); Chủ nghĩa duy vật biện chứng, duy vật lịch sử: Vũ Hồng. Âm mưu, thủ đoạn của địch và chủ trương của ta: Vũ Hồng; Công tác tổ chức, xây dựng thực lực: Dương Văn Sâm; Đạo đức người đảng viên cộng sản: Dương Văn Sâm; Chiến tranh nhân dân, chiến tranh du kích: Võ Như Loan; Công tác binh, địch vận: Bùi Tiến Thành (Năm Đạt); Công tác an ninh: Nguyễn Hữu Lược (Tur Hà); Di chúc Hồ Chủ Tịch và thư kêu gọi của BCH Trung ương Đảng: Vũ Hồng; Công tác nông hội: Nguyễn Thanh Hà (Mười Hà); Công tác phụ nữ: Nguyễn Thị Hòa; Công tác thanh niên: Nguyễn Quang Tường. Đây là khóa mở đầu, có ý nghĩa toàn diện cho công tác tổ chức, huấn học cũng như lãnh đạo phong trào. Qua khóa học này, Ban tổ chức lớp học rút kinh nghiệm về nhiều mặt. Nhờ đó các khóa sau được tổ chức tốt hơn kể cả công tác quản lý, nội dung thảo luận, giải đáp thắc mắc, v.v...

Từ kinh nghiệm có được, các khóa học sau trong những năm 1971 - 1972, đã bổ sung thêm nhiều nội dung thiết thực, cung cấp cho người học các phương pháp công tác cụ thể, cần thiết, đáp ứng yêu cầu của chiến trường, giúp cán bộ nhất là các đội công tác phát triển phong trào, giảm bớt sự hy sinh tổn thất. Những chuyên đề mới được bổ sung thêm gồm: Âm mưu, thủ đoạn đánh phá của địch; Chủ trương của Mặt trận giải phóng Miền Nam Việt Nam; Chủ trương, nhiệm vụ, phương thức hoạt động của ta; Xây dựng chi bộ tự động công tác; Phương châm, phương thức, phương pháp xây dựng tổ chức mật, chi bộ bí mật, cơ sở mật...; Phương thức tổ chức, hoạt động bí mật: ngăn cách, nứt rãnh, xâm chuổi...; Phương pháp, cách thức hoạt động của các Đội công tác như: Cách tổ chức, xây dựng du kích, an ninh, cơ sở mật; Cách vận chuyển vũ khí, truyền đơn vào ấp chiến lược; Cách diệt ác, đánh mìn, bắn súng ngắn,

ném lựu đạn; Cách đặt và sử dụng hộp thư bí mật; Cách sử dụng mật mã trong liên lạc trao đổi thông tin; Cách hoạt động đơn tuyến; Cách làm công tác binh, địch vận; Cách phối hợp, tổ chức phong trào đấu tranh 2 chân, 3 mũi, v.v...

Nhằm từng bước nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đáp ứng yêu cầu thực tiễn của từng thời điểm; Ban Tuyên huấn, Ban Tổ chức tham mưu, đề xuất. Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo phân công từng ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh chủ động nghiên cứu, soạn bài, tham gia giảng dạy cụ thể như: Khai và bế giảng: Ban Tổ chức lớp học và Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Công tác, nội dung lý luận và tư tưởng: Ban Tuyên huấn giảng; Công tác tổ chức, xây dựng Đảng, xây dựng thực lực: Ban Tổ chức Tỉnh ủy; Công tác binh, địch vận: Ban binh vận soạn, giảng; Công tác an ninh: Ban an ninh Tỉnh đảm nhận; Công tác quân sự: Tỉnh đội nghiên cứu, trình bày; Công tác dân vận, nông vận, thanh vận, phụ vận: phân công Khối Dân vận soạn và giảng dạy.

Trong điều kiện khó khăn, thiếu thốn nhưng Tỉnh ủy Bình Tuy đã xác định rõ: tình hình càng ác liệt, chiến trường càng đổ máu, hy sinh; tư tưởng, tâm trạng của đảng viên, chiến sĩ, quần chúng... càng diễn biến phức tạp thì ta cần phải khắc phục khó khăn, quyết tâm mở lớp, tổ chức hội nghị tập huấn để kịp thời củng cố, bồi dưỡng lập trường, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên, chiến sĩ, cơ sở và quần chúng nhân dân. Tỉnh ủy Bình Tuy đã chỉ đạo các ban, ngành, đoàn thể của tỉnh, đặc biệt là Ban Tuyên huấn, Ban Tổ chức phối hợp với các huyện, thị ủy tham mưu thật tốt công tác này. Xem đây là một trong những nhiệm vụ cơ bản - có ý nghĩa sống còn của Đảng, vì tư tưởng có thông, hành động mới tốt. Ngoài hệ lớp tập huấn ngắn ngày, mỗi năm tỉnh đã mở được một lớp đào tạo chương trình cơ sở. Từ năm 1970 - 1972, mở được 3 lớp với khoảng trên 120 học viên.

Qua các khóa học, tất cả học viên được củng cố, nâng lên nhiều mặt: lập trường, quan điểm, đạo đức, lý tưởng cách mạng, đặc biệt là củng cố niềm tin, khắc phục tư tưởng dao động cán bộ đã học. Nắm chắc và vận dụng tốt hơn các phương thức, nguyên tắc tổ chức, phương pháp công tác; dũng cảm, mưu trí, sáng tạo, tinh

thần chịu đựng gian khổ, hy sinh cao hơn, dám vào áp chiến lược thường xuyên hơn hoặc đào hầm bám trụ, xây dựng thực lực đánh địch. Sau mỗi khóa học, phong trào cách mạng trong toàn tỉnh chuyển biến rõ nét và được nâng lên toàn diện. Sau các khóa học cùng với những trải nghiệm qua thực tiễn, anh chị em đã phát biểu cảm tưởng: “Nếu được Đảng tổ chức cho học sớm hơn, chắc chắn sẽ đỡ tổn thất, hy sinh. Khi chưa được học anh em thường làm liều, mò mẫm theo kinh nghiệm; sau khi học giải quyết vấn đề và công việc có cơ sở khoa học; xử lý tình huống bài bản, chắc tay hơn và ít ngại khó, khổ, hy sinh...”.

Đối với hệ lớp ngăn ngày, hội nghị chỉnh huấn sau mỗi chiến dịch, có tác dụng rất kịp thời: rút kinh nghiệm toàn diện; củng cố sắp xếp lại tổ chức; đã thông tư tưởng; chuẩn bị kế hoạch cho chiến dịch tiếp theo. Nhờ mở lớp bồi dưỡng, hội nghị tập huấn đã giúp cán bộ nắm chắc và vận dụng vào thực tiễn nhiều vấn đề; trong đó có 02 nội dung hết sức cơ bản: Một là, nội dung đấu tranh 2 chân, 3 mũi, cách tổ chức phối hợp đấu tranh; hướng dẫn quần chúng đấu tranh hợp pháp ngay trong các áp chiến lược, như đòi địch mở công áp chiến lược sớm để bà con về vườn đất cũ làm ăn. Hai là, cách tổ chức xây dựng lực lượng ở từng vùng: Người cán bộ cách mạng như người thợ, lúc nào biết dùng dụng cụ nào để phát huy tác dụng, mang lại hiệu quả cao nhất. Nghĩa là mỗi vùng phải có phương thức, phương châm phù hợp như “cần câu”, “bắt cầu”, bố trí cơ sở đến vùng trắng v.v... Tuyệt đối phải giữ đúng nguyên tắc bí mật: ngăn cách, nứt nhánh, bắt rết, xâu chuỗi..., khắc phục tình trạng một người bị phát hiện, bị địch bắt khai thác và lần theo đầu mối dây chuyền sẽ lộ hàng loạt cơ sở, bẻ vỡ phong trào v.v...

2. Công tác đào tạo, bồi dưỡng huấn luyện cán bộ của tỉnh Bình Tuy (1973 - 1975)

Năm 1973, mặc dù có Hiệp định Paris, nhưng bọn địch ở tỉnh Bình Tuy vẫn ngoan cố thực hiện luận điệu 4 không của Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu: Một là, Không nhượng một tấc đất; Hai là, Không Chính phủ Liên hiệp; Ba là, Không thương lượng với Việt cộng; Bốn là, Không cho Cộng sản và Đảng trung lập hoạt

động ở Miền Nam. Chúng tiếp tục vi phạm Hiệp định Paris, củng cố hệ thống đồn bót, vây ráp, bắt lính đôn quân, đẩy mạnh chiến tranh tâm lý... Chúng mở hàng trăm cuộc càn, đột kích cấp trung đội, đại đội, tiểu đoàn, đánh lấn sâu vào vùng của ta. Bên cạnh thế mạnh tạm thời, địch đã bộc lộ rõ những mặt yếu cơ bản như lực lượng, phương tiện chiến đấu không tăng. Sau khi có Hiệp định Paris, Mỹ rút quân, tinh thần, tư tưởng, binh lính ngụy sa sút, hoang mang, dao động, bộ máy kèm lỏng rã, hoạt động cầm chừng, một số nơi ta đã nắm và sử dụng được lực lượng phòng vệ dân sự... Gia đình binh lính ngụy ngày càng ngã theo cách mạng nhiều hơn, tác động đến tinh thần binh lính, án binh bất động, đào rã ngũ ngày càng tăng. Về tư tưởng của nhân dân: Từ khi có Hiệp định Paris, tư tưởng của quần chúng có chuyển biến, tiến bộ rõ nét - thấy ta thắng, địch thua nhưng vẫn còn lo ngại hành động liều lĩnh của địch.

Để kịp thời chỉ đạo phong trào theo yêu cầu mới, năm 1973, Tỉnh ủy Bình Tuy chủ trương: “... *Phát động phong trào trên cả 3 vùng tham gia đấu tranh 3 mũi, kết hợp với pháp lý Hiệp định liên tục tấn công địch, đòi địch phải thi hành Hiệp định Paris, chống âm mưu lấn chiếm của địch, đòi tự do đi lại làm ăn, trở về ruộng đất cũ, nhất là mở rộng diện tiếp xúc với dân mới đến, làm cho quần chúng hiểu biết chủ trương của ta về việc chống địch lấn chiếm, đòi địch giải quyết đời sống, vận động dân trở về lại vùng ta, đồng thời xây dựng thực lực chính trị, vũ trang tại chỗ, trước mắt cố mở cho có cơ sở, có phong trào ở các khu di dân mới...*”⁽¹⁾.

Trước tình hình tư tưởng của cán bộ, đảng viên, chiến sĩ, nhân dân có những diễn biến mới và căn cứ vào chủ trương chung, tỉnh ủy Bình Tuy chỉ đạo công tác chính trị, tư tưởng, huấn học, đào tạo, huấn luyện cán bộ phải đổi mới, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ mới; phải chủ động, sáng tạo, đa dạng về nội dung, phương thức với nhiều hình thức, biện pháp hết sức linh hoạt. Đặc biệt là phát huy, tận dụng tối đa tính pháp lý của Hiệp định Paris. Huấn luyện cho cán bộ cơ sở nắm chắc nội dung

(¹) Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bình Thuận, xuất bản năm 2000, trang 250.

Hiệp định và biết sử dụng Hiệp định Paris như một công cụ để lãnh đạo quần chúng đấu tranh công khai, hợp pháp với địch.

Từ đầu năm 1973 đến năm 1975, tỉnh ủy Bình Tuy chỉ đạo các ban ngành, đoàn thể, huyện, thị cần đổi mới công tác đào tạo, huấn luyện cán bộ. Ngoài hệ lớp đào tạo chương trình cơ sở, toàn tỉnh đã tăng cường tổ chức các hệ lớp bồi dưỡng, huấn luyện ngắn ngày. Tác dụng, hiệu quả nhất là hệ lớp đặc thù - tập trung bồi dưỡng những vấn đề thiết thực như huấn luyện phương thức tổ chức, hoạt động cho cán bộ, cơ sở trong vùng địch, đặc biệt chú ý đến vùng đô thị. Về phương thức mở lớp: cán bộ ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh phối hợp với các huyện, thị và đội công tác móc nối cơ sở trong vùng địch ra bồi dưỡng, tập huấn. Mỗi lớp chỉ vài cán bộ vừa làm thầy, vừa làm anh nuôi; có trường hợp thầy phải chặt tre, đôn củi - chiều học viên gánh về áp để che mắt địch. Về nội dung bồi dưỡng: chủ yếu là 5 bước công tác dân vận, một số chuyên đề cụ thể như: Tình hình cách mạng miền Nam; Âm mưu thủ đoạn của địch; Thắng lợi của ta, thất bại của địch; Phương hướng, nhiệm vụ đến. Các đồng chí Nguyễn Minh Cảnh, Lâm Hòa Kháng, cán bộ tỉnh đoàn thường xuống các huyện mở lớp. Huyện Hoài Đức có một số đoàn viên trong vùng địch ra học như: Hồ Trung Phước, Trần Cao Vân, Nguyễn Sỹ Nam, Nguyễn Thị Liên, Nguyễn Thị Tuyết Lan. Trong quá trình tổ chức hệ lớp đặc thù phải giữ bí mật tuyệt đối, bảo vệ hệ thống cơ sở mật. Loại lớp này có 3 hình thức: Một là, lớp chỉ 1 thầy, có 1 trò; Hai là, lớp chỉ 1 thầy, có 2 đến 3 trò; Ba là, lớp chỉ 1 trò, có 2 hoặc 3 thầy giảng. Loại lớp đặc thù ít học viên, tổ chức ngăn cách, công phu từ việc chọn học viên đến đưa đón, ăn, ở v.v... nhưng xác định rõ vị trí, ý nghĩa, tác dụng của việc bồi dưỡng đối tượng này, nên tỉnh ủy Bình Tuy đã chỉ đạo các đơn vị ban, ngành, đoàn thể liên quan từ tỉnh đến huyện, thị, đội công tác cố gắng phối hợp triển khai. Hồi ấy huấn luyện được một cán bộ đưa về lại vùng địch hoạt động bí mật sẽ có tác dụng và hiệu quả cao. Thông qua số cốt cán ấy sẽ phối hợp được phong trào công khai hợp pháp giữa các đô thị với nhau như La Gi - Phan Thiết - Sài Gòn v.v...

Tỉnh ủy Bình Tuy đã mời giảng viên của Khu ủy Khu 6 và phân công lãnh đạo Tỉnh, lãnh đạo Thị xã và Đội công tác cùng tập trung sức bồi dưỡng cho cán bộ, cơ sở, sinh viên, học sinh ở thị xã LaGi. Tháng 8 năm 1973, đồng chí Hồ Ngọc Tấn (Việt Hà) cán bộ của Ban Dân vận Khu 6, phụ trách trí thức vận đã giúp Tỉnh trực tiếp giảng bài cho cán bộ bí mật (bên trong) của LaGi ra căn cứ học tập. Riêng thị xã LaGi đã có nhiều cán bộ, đảng viên, đoàn viên bên trong ra căn cứ học tập⁽¹⁾. Giảng viên trực tiếp giảng dạy cho hệ lớp đặc thù gồm các đồng chí: Hồ Ngọc Tấn (Việt Hà); Ngô Văn Ly; Lê Đình Liêm; Nguyễn Minh Hương; Lương Công Tình v.v... Thời gian huấn luyện, bồi dưỡng mỗi lớp từ 2 đến 5 ngày. Nội dung cơ bản có nhiều chuyên đề kỹ năng hoạt động bí mật bên trong lòng địch, như: Âm mưu, thủ đoạn của địch; Thất bại, khó khăn của địch. Chiến thắng và thuận lợi của ta; Chủ trương, nhiệm vụ của ta; Nội dung Hiệp định Paris và Nghị định thư; Phương thức xây dựng thực lực và đấu tranh của ta trong tình hình mới; Năm bước công tác dân vận trong tình hình mới; Một số kỹ năng, phương pháp cụ thể: Cách đặt và sử dụng hộp thư bí mật để thông tin, liên lạc kịp thời; Mã hóa, giải mã các ký hiệu, mật mã, viết thư bằng hóa chất... theo quy ước để thông tin liên lạc, trao đổi công tác giữa cơ sở bí mật với đội công tác; Vận động binh lính địch rã ngũ, đào ngũ, tự gây thương tích; Vận động thanh niên chống bắt lính hoặc ra vùng giải phóng; Cách sử dụng báo chí công khai, hợp pháp để tuyên truyền, phổ biến Hiệp định Paris; Cách thức rỉ tai, vận động, lôi kéo gia đình nguy quân, nguy quyền; Phát triển, tập hợp trí thức, tôn giáo tham gia thành phần “thứ ba”... Biến tướng các tổ chức công khai, hợp pháp trong vùng địch thành tổ chức của ta “Xanh vỏ, đỏ lòng”. Nhờ được học các hệ lớp huấn luyện nêu trên, cơ sở nội thành đã xây dựng, phát triển thực lực, tập hợp đông đảo quần chúng, góp phần đẩy mạnh phong trào đấu tranh “2 chân 3 mũi” trong toàn tỉnh. Một trong những trí thức hoạt động sôi nổi, tích cực, kết nối phong trào thanh

(¹) Một số đảng viên, đoàn viên hoạt động trong vùng địch ra căn cứ học tập: Phan Thị Xuân Lan, Lâm Thị Hồng Nhạn, Lâm Hồng Đồ, Phù Thị Liễu, Phù Văn Trúc, Trương Văn Tôn, Trần Nhật Nghĩa, Nguyễn Minh Hà, Nguyễn Trọng Anh, Võ Minh Tuấn, Nguyễn Công Luận, Nguyễn Thị Hương, Nguyễn Văn Hiếu.

niên, học sinh, sinh viên giữa La Gi - Phan Thiết - Sài Gòn, đó là “giáo sư” sử học Lê Văn Hộ - là giáo viên của Trường Trung học Bình Tuy lúc bấy giờ.

Trong những năm cuối của cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ, nhờ được học tập tại các lớp tập trung và các lớp huấn luyện ngắn ngày, cán bộ các Đội công tác đã về lại đơn vị tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng lại cho cơ sở, cốt cán của mình những kiến thức, phương pháp cần thiết để xây dựng, phát triển phong trào, lãnh đạo quần chúng đấu tranh 2 chân 3 mũi. Sau mỗi khóa học tập trung, lực lượng cán bộ ra trường sung sức, hăng hái; biến nhận thức thành hành động cách mạng. Số nòng cốt này lan tỏa về các địa phương, cơ sở, góp phần đưa phong trào quần chúng phát triển toàn diện. Nhiều cán bộ được học tập đã phát biểu cảm tưởng của mình: “Nhu cây khô gặp nước, tiếp thu được nhiều vấn đề mới để vận dụng vào xử lý công việc”; hầu hết học viên ra trường đều xác định rõ tinh thần trách nhiệm, tích cực, hăng hái công tác và hoàn thành nhiệm vụ tốt hơn. Hiểu và nắm chắc năm bước công tác vận động quần chúng, nội dung Hiệp định Paris, từng bước vận dụng các kiến thức đã học vào việc lãnh đạo, chỉ đạo; tổ chức phát triển thực lực, đẩy mạnh phong trào; vận dụng tốt hơn phương thức công tác ở đô thị, biện pháp kết hợp đấu tranh 2 chân 3 mũi, phát triển thực lực ở 3 vùng, góp phần đẩy mạnh diệt ác, phá kềm, vận động dân bung về đất cũ. Nhờ nắm chắc yêu cầu, phương thức hoạt động toàn diện, nhất là công tác ở đô thị; bước đầu ta đã tập hợp được một bộ phận trí thức, thanh niên học sinh, sinh viên; đồng thời phân hóa, lôi kéo gia đình và hàng ngũ binh lính, tề ngụy, cả một số sĩ quan, công chức, tề ngụy cũng hợp tác với ta, tạo điều kiện cho phong trào cách mạng không ngừng được củng cố và phát triển. Đặc biệt là số học viên ở các Đội công tác sau khi được học tập, huấn luyện đã nhanh chóng đưa phong trào ở cơ sở chuyển biến, từng bước làm thay đổi tương quan lực lượng giữa ta và địch.

* *

*

Với nhiều yếu tố, điều kiện, khả năng cho phép và yêu cầu toàn diện, trong thời kỳ đầu của cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược trên toàn chiến trường Khu 6, chỉ có tỉnh Bình Thuận thành lập được Trường Đảng tỉnh - Trường Trần Phú. Trường Đảng tỉnh Bình Thuận nói riêng, công tác đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện cán bộ của hai tỉnh Bình Thuận, Bình Tuy nói chung đã hoàn thành tốt nhiệm vụ, từng bước vươn lên đáp ứng yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện cán bộ, đảng viên.

Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Bác Hồ và Đảng ta luôn xác định: đào tạo, huấn luyện cán bộ là một trong những công tác cơ bản nhất. Nhận thức được điều đó, Tỉnh ủy Bình Thuận và Bình Tuy đã quyết tâm lãnh đạo, chỉ đạo và trực tiếp tham gia công tác đào tạo, huấn luyện cán bộ, cốt cán... Bên cạnh đó có sự chỉ đạo, giúp đỡ của Trung ương Cục miền Nam, Khu ủy Khu 6, cấp ủy hai tỉnh Bình Thuận, Bình Tuy trực tiếp, thường xuyên chỉ đạo công tác này.

Gần 13 năm gian khổ, ác liệt ấy, hai Tỉnh Bình Thuận, Bình Tuy đã đào tạo, bồi dưỡng hàng ngàn cán bộ, đảng viên, cốt cán. Người học đã được nâng lên toàn diện về lập trường, quan điểm, phương pháp luận, đạo đức, khí tiết cách mạng, phương pháp, nghệ thuật công tác.

Để đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện cán bộ, chiến sĩ có chất lượng, phải huy động sức mạnh tổng hợp của các cấp, các ngành; phải nâng cao chất lượng toàn diện các mặt như: nội dung chương trình, công tác chỉ đạo, quản lý, phương pháp, hình thức tổ chức lớp học, trình độ, phương pháp, đạo đức người giảng viên, cách phục vụ của nhà trường, Ban tổ chức lớp học - Một trong những yếu tố có ý nghĩa quyết định là tính chủ động của học viên. Về loại hình và địa bàn mở lớp, Trường Đảng tỉnh Bình Thuận cũng như Ban Tuyên Huấn tỉnh ủy Bình Tuy đã tổ chức được 4 loại lớp: Đào tạo tập trung tại trường tỉnh; hệ lớp tập huấn, huấn luyện chuyên đề ngắn ngày; hệ lớp đặc thù. hệ lớp phối hợp ở cụm huyện; hệ lớp bồi dưỡng 1 - 3 ngày ở cơ sở (xã, đội công tác). Tất cả học viên ra trường đã công tác, chiến đấu kiên cường, giữ vững niềm tin, vượt qua tất cả khó khăn, ác liệt để tiếp

tục chiến đấu và chiến thắng. Phần lớn học viên đã chiến đấu ngoan cường, hy sinh quả cảm. Riêng 25 khóa đào tạo tập trung của Trường Đảng Bình Thuận - Trường Trần Phú, tổng số trên một ngàn đồng chí, tính đến ngày 30 tháng 4 năm 1975, đã hy sinh khoảng gần 70%, nhất là thời kỳ trước năm 1973.

Địch đánh phá toàn diện, thâm độc nham hiểm, ác liệt, lực lượng ta tổn thất, liên tiếp hy sinh. Do đó, cán bộ phải được đào tạo, bổ sung, thay thế, đó là điều tất yếu. Đại bộ phận cán bộ được đào tạo, bồi dưỡng trong chiến tranh, nổi bật là số học viên của Trường Trần Phú, sau năm 1975 đã tiếp tục giữ vững bản lĩnh chính trị, phẩm chất. Nhiều đồng chí đã trưởng thành tiếp tục phát huy tác dụng và giữ các chức vụ chủ chốt của các ngành, các cấp⁽¹⁾.

Thực tiễn cho thấy, càng tổn thất, hy sinh ác liệt càng phải không ngừng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, chiến sĩ. Cán bộ phải được học lý luận chính trị để giác ngộ, củng cố niềm tin; biết và dám hành động; hạn chế dao động, đầu hàng; công tác, chiến đấu, rèn luyện tốt hơn, vững vàng hơn.

Những năm địch đánh phá ác liệt, nhà trường khó khăn, thiếu thốn mọi bề nhưng vẫn duy trì công tác mở lớp liên tục với nhiều hình thức, quy mô phù hợp để cung cấp cán bộ kiên trung, bản lĩnh cho chiến trường; đáp ứng yêu cầu cơ bản của phong trào cách mạng lúc bấy giờ.

Nhờ đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện được đội ngũ cán bộ, chiến sĩ dũng cảm, trung kiên, mưu trí, sáng tạo, dám và biết chiến đấu hy sinh... chúng ta mới chủ động góp phần chiến thắng quân thù, giải phóng quê hương. Đó là điều lịch sử đáng ghi nhận, trân trọng, tự hào và tôn vinh.

(¹) Xem phụ lục số 9.

CHƯƠNG III

TRƯỜNG ĐẢNG TỈNH THUẬN HẢI TRONG NHỮNG NĂM ĐẦU XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC ĐẾN KHI CHIA TÁCH ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH TỈNH (1975 - 1992)

I. TRƯỜNG ĐẢNG TỈNH THUẬN HẢI (1975 - 1980)

Thắng lợi vĩ đại của cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975 đã đập tan bộ máy thống trị của chính quyền Mỹ, nguy, mang lại tự do cho nhân dân. Đất nước đã hoàn toàn độc lập, thống nhất cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Một thời kỳ mới mở ra trong lịch sử dân tộc nói chung và tỉnh Thuận Hải nói riêng, thời kỳ Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền trong cả nước, đoàn kết và lãnh đạo toàn dân tộc bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc và thành quả cách mạng, tiến hành cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Bối cảnh lịch sử của đất nước đặt ra những nhiệm vụ mà cách mạng phải giải quyết: Thực hiện thống nhất đất nước về mặt nhà nước, ra sức khắc phục hậu quả nặng nề của 30 năm chiến tranh để lại, tích cực xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, từng bước khảo nghiệm, tìm tòi các hình thức, bước đi và cách làm phù hợp với đặc điểm của nước ta.

Trước yêu cầu lịch sử ấy, Hội nghị lần thứ 24 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa III (8/1975) đã đề ra chủ trương: Hoàn thành thống nhất nước nhà, đưa cả nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội; miền Bắc phải tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; miền Nam phải đồng thời tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 24, cuộc tổng tuyển cử bầu Quốc hội khóa VI đã tiến hành thắng lợi, nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra đời, hoàn thành thống nhất nước nhà về mặt nhà nước. Theo chủ trương của Trung ương Đảng trong tháng 6/1976 các tổ chức quần chúng: thanh niên, phụ nữ, công đoàn và Mặt trận Tổ quốc cũng hội nghị hợp nhất, thống nhất các cơ quan lãnh đạo trong toàn quốc.

Đề ổn định bộ máy chính quyền các cấp, theo Quyết định số 145/QĐ-TW, ngày 20/9/1975 của Bộ Chính trị là giải thể khu, hợp nhất tỉnh. Ở Khu 6, Ninh Thuận, Bình Thuận, Lâm Đồng, Tuyên Đức hợp lại có tên mới là Thuận Lâm, Trường Đảng Khu 6 chuyển thành Trường Đảng Thuận Lâm. Sau khi triển khai một thời gian ngắn, ngày 20/12/1975, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 19/N-TW điều chỉnh một số tỉnh từ khu VI trở vào, tỉnh Thuận Lâm tách thành hai tỉnh Lâm Đồng và Thuận Hải. Quyết định thành lập tỉnh Thuận Hải đã được Quốc hội nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa khóa V kỳ họp thứ hai ngày 27/12/1975 phê chuẩn. Từ đó, Trường Đảng Khu 6 (Trường Đảng Thuận Lâm) cũng tách thành Trường Đảng Lâm Đồng và Trường Đảng Thuận Hải. Ngày 22/12/1975, Khu ủy (Nam Trung bộ) họp quyết định về nhân sự, sắp xếp các ban, ngành thuộc hệ Đảng, Dân, Chính của Thuận Hải và ra Thông báo số 473 TB/CB, ngày 25/12/1975 của Khu ủy Nam Trung bộ gửi Trường Đảng Khu 6 cử đồng chí Huỳnh Minh Chánh làm Phó hiệu trưởng Trường Đảng tỉnh Thuận Hải, do đồng chí Trần Đệ (Ba Công) thừa ủy nhiệm Thường vụ Khu ủy Nam Trung bộ ký.

Cuối năm 1975, đồng chí Trần Đệ (Ba Công) triệu tập đồng chí Huỳnh Minh Chánh từ Đà Lạt (Lâm Đồng) về Phan Rang để nhận nhiệm vụ mới. Tại Phan Rang, đồng chí Trần Đệ trực tiếp trao Thông báo số 473 TB/CB, ngày 25/3/1975 của Khu ủy Nam Trung bộ cho đồng chí Huỳnh Minh Chánh và giao nhiệm vụ trở về ngay Trường Đảng Khu Nam Trung bộ (Đà Lạt - Lâm Đồng). Ban Giám hiệu họp cùng chi ủy chi bộ nhà Trường, các trưởng, phó phòng lấy danh sách đề cử 07 cán bộ, nhân viên (Lê Thượng Phát, Trần Thị Hạnh, Trần Văn Tĩnh, Trần Văn Hà, Đoàn Ngọc Thuận, Võ Thị Thu, Tô Thị Ba), sau này thêm 01 nhân viên (Nguyễn Thị Bốn) gửi lên Ban Tổ chức Khu ủy Nam Trung bộ. Căn cứ danh sách đó và Thông báo số 473 của Khu ủy Nam Trung bộ, Ban Tổ chức Khu ủy ra Quyết định số 590-NQ/BTCKU ngày 19/01/1976 cử 08 cán bộ, nhân viên của Trường Đảng Khu Nam Trung bộ do đồng chí Huỳnh Minh Chánh phụ trách chuyển về Phan Thiết cùng với

bộ phận hành chính của Trường Đảng tỉnh Bình Thuận gồm: Cao Văn Bá, Võ Thị Phương, Võ Thị Hạnh, Nguyễn Thị Yên để xây dựng Trường Đảng tỉnh Thuận Hải.

Trường Đảng tỉnh Thuận Hải ra đời trên cơ sở hợp thành của một bộ phận cán bộ, nhân viên Trường Đảng Khu Nam Trung bộ, với một số cán bộ nhân viên của Trường Đảng tỉnh Bình Thuận, Bình Tuy trong thời kỳ kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược và cùng với lực lượng nòng cốt là cán bộ giảng viên Trường Đảng khu vực III vừa mới kiện toàn sau ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Tổng số cán bộ, nhân viên của Trường Đảng Thuận Hải lúc này gồm 13 đồng chí, chỉ có 01 giảng viên (đồng chí Lê Thượng Phát), đồng chí Huỳnh Minh Chánh được Ban Thường vụ Khu ủy cử làm Phó Hiệu trưởng. Có 05 đảng viên được thành lập 01 chi bộ do đồng chí Huỳnh Minh Chánh làm bí thư và đồng chí Cao Văn Bá làm phó bí thư chi bộ. Dưới sự lãnh đạo của chi bộ, đảng viên, cán bộ và nhân viên Trường đã phát huy truyền thống cách mạng, ổn định tư tưởng khắc phục khó khăn về vật chất, phương tiện thiếu thốn, địa điểm chưa chính thức, tạm ở thư viện Tuyên Quang (nhà văn hóa thiếu nhi Bình Thuận ngày nay).

Căn cứ vào Nghị quyết Hội nghị Tỉnh ủy tháng 3/1976 về công tác xây dựng Đảng và đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ của Đảng, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thuận Hải đã ban hành Nghị quyết số 1133-NQ/TU, ngày 15/5/1976 về việc thành lập Trường Đảng tỉnh Thuận Hải trực thuộc Tỉnh ủy, đồng thời ban hành Nghị quyết số 1095-NQ/TU, ngày 15/5/1976 về việc chỉ định Ban lãnh đạo Trường Đảng tỉnh gồm: đồng chí Đỗ Thành, ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng Ban Tuyên giáo làm Giám đốc; đồng chí Nguyễn Văn Sự, Phó Giám đốc thứ nhất; đồng chí Huỳnh Minh Chánh, Phó Giám đốc.

Đến tháng 7/1976, Thường vụ Tỉnh ủy có quyết định cử đồng chí Trương Lại, trung tá quân đội chuyển ngành bổ sung làm Phó Giám đốc trường và trong thời gian này Trường tiếp nhận thêm một số cán bộ, nhân viên Huỳnh Ngọc Đức, Nguyễn Văn Đậu, Ngô Tấn Trí, Võ Văn Em, Bùi Văn Tư. Cuối năm 1976 Thường vụ điều đồng chí Nguyễn Văn Sự về Ty Thương nghiệp. Trường Đảng Thuận Hải

lúc này có 26 đồng chí, trong đó có 05 giảng viên (kể cả chuyên trách và giảng viên kiêm chức trong trường). Ban Giám đốc của Trường từ năm 1977 - 1980 có 02 đồng chí: đồng chí Trương Lại, Phó Giám đốc phụ trách chung; đồng chí Huỳnh Minh Chánh, Phó Giám đốc phụ trách nội dung và Bí thư chi bộ trường. Số lượng đảng viên của chi bộ gồm 13 đồng chí; lực lượng thanh niên có 13, trong đó có 3 đoàn viên và 2 đảng viên trẻ thành lập một chi đoàn.

Để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Trường theo Quyết định số 181-QĐ/TH ngày 10-6-1976 của Ban Tuyên huấn Trung ương về việc nâng cấp các trường Đảng tỉnh lên trường đào tạo chương trình Trung cấp lý luận chính trị. Thường vụ Tỉnh uỷ đã quan tâm bổ sung đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên cho Trường Đảng Thuận Hải từ nhiều nguồn: Trung ương chỉ viện một số giáo viên từ Thanh Hóa vào như: đồng chí Dân, đồng chí Trinh, đồng chí Bình, đồng chí Thắng, đồng chí Tùng, đồng chí Thiện; cán bộ quân đội chuyển ngành có đồng chí Nghĩa, đồng chí Nhã, đồng chí Oanh, đồng chí Hòe và tuyển mới ở địa phương một số đồng chí, đã nâng tổng số cán bộ, nhân viên, giảng viên đến năm 1978 là 34, trong đó giảng viên là 12 (kể cả Ban Giám hiệu), lúc này Trường mới bắt đầu hình thành 03 khoa giảng dạy và 02 phòng nghiệp vụ chuyên môn: Khoa Triết và CNXHKKH do đồng chí Lê Thượng Phát làm trưởng khoa; Khoa Kinh tế chính trị do đồng chí Vũ Minh Thọ làm trưởng khoa; Khoa Lịch sử Đảng - Xây dựng Đảng do đồng chí Trần Năm (Năm Tốt) làm trưởng khoa; Phòng Giáo vụ - Tổ chức do đồng chí Nguyễn Văn Hoàng làm trưởng phòng; Phòng Hành chính - Quản trị do đồng chí Đào Đức Mẫn làm trưởng phòng.

Đến những năm (1978 - 1982), Thường vụ Tỉnh uỷ chủ trương tăng cường và kiện toàn Ban Giám đốc Trường Đảng tỉnh, đồng chí Hồ Viết Hách, Tỉnh uỷ viên, Phó Ban Tuyên huấn Tỉnh uỷ Thuận Hải được cử về làm giám đốc Trường (1978 - 1981); đồng chí Nguyễn Xuân Dật, phó Tiến sĩ Kinh tế chuyển từ miền Bắc vào được cử làm phó Giám đốc (1981); đồng chí Huỳnh Minh Chánh, phó giám đốc trường được chuyển về Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ (1982). Như vậy, về tổ chức

bộ máy của Trường vào thời điểm cuối năm 1980 tuy có biến động, số chuyên đến, số chuyên đi, nhưng về số lượng so với năm 1979 không thay đổi. Ban Giám đốc gồm có 3 đồng chí: đồng chí Hồ Việt Hách, Tỉnh uỷ viên, Giám đốc; đồng chí Trương Lại, Phó Giám đốc trực, Bí thư Đảng uỷ; đồng chí Nguyễn Xuân Dật, Phó Giám đốc.

Tháng 2/1976 tất cả các cơ quan cấp tỉnh sáp nhập và chuyển về làm việc tại thị xã Phan Rang (nay là thành phố Phan Rang - Tháp Chàm thuộc tỉnh Ninh Thuận). Đứng trước yêu cầu to lớn của các nhiệm vụ chính trị trước mắt và lâu dài; nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ trong giai đoạn cách mạng mới, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo và tổ chức thực hiện thắng lợi đường lối và chủ trương, chính sách của Đảng, xây dựng các tổ chức trong hệ thống chính trị trở thành vấn đề cấp bách. Chỉ thị số 231/CT-TW, ngày 13/7/1976 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về công tác giáo dục chính trị ở miền Nam trong giai đoạn mới xác định: *Vấn đề giáo dục, bồi dưỡng, nâng cao trình độ lý luận, văn hóa, kỹ thuật, nghiệp vụ cho cán bộ, đảng viên ở miền Nam trở nên vô cùng cấp bách. Công tác này cần phải được tiến hành khẩn trương, với qui mô lớn có hiệu lực. Và cần thiết phải xây dựng hệ thống trường Đảng các cấp trong đó có trường Đảng tỉnh, thành phố trở thành những trung tâm đào tạo cán bộ trong thời kỳ cách mạng chuyển sang giai đoạn mới.*

Ngày 01/4/1976 UBND tỉnh Thuận Hải có quyết định giao địa điểm của Trường Đảng Thuận Hải tại Ty Chiêu hồi ngụy quyền cũ ở đường Võ Thị Sáu, ấp Vĩnh Phú, thị xã Phan Thiết⁽¹⁾, nay đổi tên đường Lê Lợi, thuộc Phường Hưng Long, thành phố Phan Thiết và cũng là địa điểm của Trường Chính trị Bình Thuận ngày nay.

Với chức năng, nhiệm vụ của Trường Đảng tỉnh Thuận Hải là đào tạo, bồi dưỡng, lý luận chính trị cho cán bộ làm công tác Đảng, chính quyền và đoàn thể, chủ yếu là cán bộ chủ chốt cấp cơ sở. Do đó, nhiệm vụ trọng tâm lúc này của Trường là khẩn trương làm vệ sinh, quét dọn, sắp xếp chỗ ở, phòng làm việc cho

(¹)Lúc này đường Võ Thị Sáu đến Trường là hết đường (ngõ cụt).

các bộ phận, chuẩn bị cơ sở vật chất trường lớp, điều kiện sinh hoạt ăn ở của học viên và cán bộ, nhân viên.

Sau khi tiếp nhận cơ sở của Trường được một thời gian ngắn, giữa năm 1976 Thường vụ Tỉnh uỷ quyết định điều động cán bộ khung trường ra Phan Rang để tổ chức mở lớp bồi dưỡng Nghị quyết số 23 và 24 của Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa III) về công tác cách mạng miền Nam trong tình hình mới cho cán bộ cấp huyện và cán bộ chủ chốt xã, phường, thị trấn. Thực hiện nhiệm vụ của Tỉnh uỷ giao, Trường bố trí một bộ phận nhân viên ở lại bảo vệ cơ sở vật chất của Trường tại Phan Thiết, còn đại bộ phận chuyển ra Phan Rang (các cơ quan cấp tỉnh lúc này đóng tại thị xã Phan Rang - Tháp Chàm), địa điểm của Trường tại Phan Rang là tạm thời mượn Trường Trung học PôKlông (nay là Trường Trung học Dân tộc nội trú của tỉnh Ninh Thuận). Trong những ngày cuối tháng 5 và đầu tháng 6 năm 1976 tại Phan Rang, mặc dầu nắng như đổ lửa, gió nóng khô rát da, nhưng anh chị em của bộ phận Hành chính - quản trị lao động rất nhiệt tình, khẩn trương chuẩn bị cơ sở vật chất và hậu cần phục vụ cho 2 khóa học trên 200 người. Ban Giám đốc, giảng viên, cán bộ chuẩn bị kế hoạch, chương trình, nội dung, biên soạn đề cương bài giảng chính khóa, báo cáo phụ khóa, tổ chức in ấn tài liệu, dự kiến danh sách mời giảng viên và báo cáo viên phụ khóa. Sau các bước chuẩn bị hoàn tất, khóa học đầu tiên chính thức được khai giảng vào sáng ngày 11-6-1976, thời gian mỗi khóa học 40 ngày, với 107 học viên gồm 90 cán bộ cấp huyện, xã, phường và 17 đồng chí bộ đội chuyên ngành. Giảng viên, báo cáo viên hầu hết là các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của các sở, ban, ngành của tỉnh⁽¹⁾. Khóa học thứ hai được khai giảng vào ngày 23 tháng 7 năm 1976 với 97 học viên.

Về nội dung chương trình bồi dưỡng Nghị quyết, Thường vụ Tỉnh uỷ chỉ thị cho Ban Giám đốc Trường Đảng tỉnh cùng với Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ biên soạn gồm 2 phần:

(¹) Đồng chí Lê Khắc Thành BTCTU, Nguyễn Chu BHTTU, Huỳnh Hữu Phước BKTTU, Phạm Ngọc Lưu Ty TN, Quý Quang Ty NN, Quốc Trung Ty CA, đồng chí Toàn VKS, đồng chí Thuỳ TAND.

Phần thứ nhất, một số kiến thức cơ bản về học thuyết Mác - Lênin, để giúp học viên hiểu được một số lý luận cần thiết làm cơ sở cho việc tiếp thu Nghị quyết 24 của Trung ương, vì phần lớn cán bộ lúc bấy giờ trình độ văn hóa còn thấp chưa qua các lớp lý luận chính trị, đặc biệt là cán bộ nữ và cán bộ dân tộc ít người.

Phần thứ hai, cụ thể các quan điểm đề ra trong Nghị quyết 24, như: Quan điểm nước nhà thống nhất cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội; Xây dựng nền kinh tế XHCN trong quá trình phân đấu thực hiện những nhiệm vụ kinh tế trước mắt; Quan điểm đấu tranh giai cấp, cải tạo và xây dựng để thực hiện tốt những nhiệm vụ công tác cấp bách ở miền Nam; Bồi dưỡng phẩm chất và năng lực công tác của cán bộ, đảng viên cho phù hợp với những yêu cầu của nhiệm vụ chính trị trong giai đoạn mới.

Trong lúc Trường đang tiến hành khóa 1 chưa kết thúc, đầu tháng 7/1976 Trường nhận lệnh di dời tại địa điểm mới, sau quá trình khảo sát, chuẩn bị kế hoạch, ngày 3/9/1976, Trường chuyển đến địa điểm khu gia binh thuộc ấp Bình Sơn, xã Văn Hải, huyện Ninh Hải (nay là Bệnh viện phục hồi chức năng của tỉnh Ninh Thuận). Nhờ quyết tâm cao của cán bộ chủ chốt, cán bộ lãnh đạo, phòng Hành chính - Quản trị; đồng thời tranh thủ được sự giúp đỡ tận tình của các ngành hữu quan, Trường đã khẩn trương xây dựng được một hội trường, một nhà ăn, nhà bếp, nhà xe, nhà vệ sinh và cấp tốc xây một bức tường chắn cát để bảo vệ dãy nhà sát mặt đường; sửa chữa các phòng ở của học viên, cán bộ, nhân viên; đóng bàn ghế, giường tủ phục vụ khoảng 150 người; xây dựng thư viện để phục vụ cho công tác nghiên cứu và học tập với gần 1.000 cuốn sách các loại. Với sự nỗ lực, vượt khó của tập thể cán bộ, nhân viên của Trường, cuối năm 1976 mới hoàn thành công tác chuẩn bị về cơ sở vật chất.

Về công tác quản lý dạy và học được Trường quan tâm ngay từ đầu khóa, tổ chức cho học viên thảo luận, quán triệt kỹ mục đích yêu cầu khóa học, nội quy sinh hoạt học tập. Đồng thời, xây dựng nền nếp tự quản của học viên trong suốt cả khóa học. Mặc dù chương trình học nghị quyết, nhưng mỗi khóa học đều tổ chức thi cuối khóa, có thành lập hội đồng thi, ban chấm thi, ban giám thị, nội quy thi chặt chẽ,

đảm bảo nguyên tắc và tính nghiêm túc; học viên xác định động cơ thái độ học tập đúng đắn, tạo được không khí thi đua trong học tập, rèn luyện. Trường cũng chăm lo giáo dục cán bộ, nhân viên của trường về tinh thần thái độ phục vụ, xây dựng mối quan hệ đoàn kết, thông cảm lẫn nhau giữa học viên với cán bộ nhân viên nhà trường và giữa học viên với nhau, nên các khóa học sớm đi vào ổn định, vượt qua những khó khăn trở ngại. Kết quả, khóa 1 đạt yêu cầu trở lên 94,3%, trong đó có 17% khá, giỏi và các khóa tiếp theo đều đạt yêu cầu, số lượng học viên khá, giỏi ngày càng nhiều hơn.

Trong tháng 9 và tháng 10/1976, toàn Trường học tập và kiểm điểm theo tinh thần Nghị quyết 154 của Bộ Chính trị (khóa III). Sau kiểm điểm, có những bước chuyển biến về trình độ nhận thức chính trị, giải tỏa được những tâm tư, vướng mắc cá nhân, nội bộ đoàn kết hơn.

Cũng trong thời gian này, cả nước đang tiến hành Đại hội Đảng từ cơ sở đến Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV. Đây là một đợt sinh hoạt chính trị cuốn hút tâm sức mọi người vào nghiên cứu các văn kiện và tiến hành các hoạt động chào mừng Đại hội. Sau Đại hội Đảng các cấp và Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV kết thúc, cuối năm 1976 nhà trường xác định nhiệm vụ chính trị trọng tâm trong năm 1977 là chuẩn bị mọi điều kiện để hoàn thành tốt công tác phục vụ và tổ chức các lớp nghiên cứu Nghị quyết Đại hội IV của Đảng và Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ Thuận Hải khóa II (Đại hội tỉnh Đảng bộ Bình Thuận khóa V) cho cán bộ chủ chốt xã, phường⁽¹⁾ theo qui định của Ban Tuyên huấn Trung ương.

Đến đầu tháng 6 năm 1977 Tỉnh lý từ Phan Rang về Phan Thiết, các cơ quan của tỉnh bắt đầu chuyển về Phan Thiết, Trường Đảng Thuận Hải cũng được chuyển về địa điểm cũ tại Phan Thiết (ở trụ sở Ty Chiêu hồi ngục quyền cũ tại ấp Vĩnh Phú) và ổn định cho đến ngày nay. Thực hiện chủ trương của Thường vụ Tỉnh ủy giao nhiệm vụ cho Trường trong 6 tháng cuối năm 1977 phải hoàn thành các lớp bồi dưỡng Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IV cho cán bộ theo sự phân cấp. Mặc

(¹) Bí thư, chủ tịch xã, đảng ủy viên phụ trách tuyên huấn và đảng ủy viên phụ trách kinh tế kế hoạch.

dù còn khó khăn đủ bề, Trường đã tiến hành mở được 4 lớp bồi dưỡng Nghị quyết Đại hội IV, thời gian mỗi lớp là 30 ngày, với số lượng học viên là 292 người, trong đó có 28 cán bộ nữ, 52 cán bộ dân tộc ít người, 87 cán bộ chủ chốt xã, phường và 197 cán bộ các cơ quan, đoàn thể cấp tỉnh, cấp huyện.

Năm 1977, Trung ương có chủ trương đối với miền Bắc tăng cường xây dựng cán bộ cấp huyện, miền Nam tăng cường xây dựng cán bộ cơ sở để thực hiện kế hoạch cải tạo nông nghiệp, xây dựng các đơn vị hợp tác xã ở cấp xã và bảo đảm an ninh quốc phòng. Thực hiện chủ trương này, Tỉnh uỷ giao nhiệm vụ cho Trường mở lớp bồi dưỡng ngắn ngày cho đối tượng cán bộ lực lượng vũ trang tỉnh tăng cường. Cuối năm 1977 đầu năm 1978 Trường phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh uỷ và Ban Tổ chức chính quyền, thực hiện tốt nhiệm vụ đột xuất do Thường vụ Tỉnh uỷ giao, đã bồi dưỡng cho 227 cán bộ quân đội với nội dung chương trình là bảo đảm những kiến thức cơ bản về đường lối, chủ trương, chính sách xây dựng chủ nghĩa xã hội. Sau khi ra trường, số cán bộ này được bố trí về cơ sở, giúp cơ sở trong công tác xây dựng Đảng cũng như phát triển kinh tế, quản lý xã hội trong thời kỳ khó khăn nhất của đất nước sau giải phóng.

Đồng thời, tỉnh quan tâm tạo điều kiện cho Trường xây dựng hội trường lớn khoảng 500 chỗ ngồi, hai nhà ăn cho cán bộ và học viên có sức chứa 600 người (hội trường B và C), 04 dãy nhà học viên nội trú gồm dãy nhà C1, C2, C3, C4 (địa điểm cũ là khu làm việc của dãy lầu các phòng thuộc Trường Cao đẳng cộng đồng hiện nay) và một khối nhà vệ sinh, phòng tắm. Đây là một trong những công trình xây dựng lớn nhất của tỉnh Thuận Hải lúc bấy giờ. Nhiệm vụ của Trường lúc này là phải tập trung cho việc xây dựng cơ sở vật chất, nhưng cũng phải hoàn thành nhiệm vụ chính trị chủ yếu là đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ mọi mặt cho đội ngũ cán bộ, đặc biệt là cán bộ cấp cơ sở. Vấn đề đặt ra lúc bấy giờ công tác huấn luyện, đào tạo là phải kịp thời gian, đảm bảo nội dung chất lượng và số lượng học viên đông để giảm chi phí đào tạo, công tác thi công xây dựng cũng phải đảm bảo tiến độ, nhưng muốn thi công nhanh phải phá bỏ các cơ sở cũ, do đó phòng học, phòng

ở vừa thiếu lại càng thiếu hơn. Trước tình hình đó, chi bộ, Ban Giám đốc động viên cán bộ, giảng viên, nhân viên, học viên cố gắng khắc phục khó khăn, chịu khó chật hẹp, quyết tâm phá bỏ cơ sở cũ để xây dựng cơ sở mới đảm bảo theo tiến độ. Ban Giám đốc đã gương mẫu nhường nơi làm việc để làm hội trường, cán bộ nhường phòng làm việc để làm phòng ở cho học viên. Nhờ sự đoàn kết và quyết tâm cao, nên chưa đầy hai năm sau đã hoàn thành xong hội trường lớn, nhà ăn của học viên và cán bộ nhân viên đúng theo thiết kế; công tác đào tạo đều hoàn thành đúng kế hoạch, tình cảm giữa học viên và cán bộ nhân viên nhà trường gắn bó với nhau như ruột thịt.

Trên tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV: “Tổ chức việc giáo dục lý luận chính trị, nâng cao nhanh chóng trình độ năng lực công tác của các loại cán bộ, trước hết là cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý và những cán bộ hoạt động cách mạng nhiều năm mà chưa có điều kiện học tập”⁽¹⁾. Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ khóa I cũng đề ra: “Phải nhanh chóng xây dựng và kiện toàn ba hệ thống trường: trường Đảng, trường bồi túc văn hóa, trường nghiệp vụ chuyên môn và làm tốt việc đào tạo bồi dưỡng cả 3 mặt: lý luận chính trị, văn hóa và quản lý kinh tế”⁽²⁾. Ngày 25/7/1977 Thường vụ Tỉnh uỷ đã ban hành Chỉ thị số 25-CT/TU giao cho Trường Đảng tỉnh, Ban Tuyên giáo và Ban Tổ chức Tỉnh uỷ tích cực chuẩn bị mọi mặt để “tập trung bồi dưỡng lý luận chính trị tương đối có hệ thống cho cán bộ chủ chốt ở cơ sở, nhằm trong một thời gian ngắn, phần lớn cán bộ lãnh đạo ở cơ sở đều qua chương trình cơ sở và ít nhất có một nửa qua chương trình sơ cấp lý luận chính trị”.

Thực hiện chủ trương của Trung ương và của Tỉnh uỷ, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ Trường đã tích cực triển khai mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng. Trong quý I/1978, Trường đã mở được 01 lớp đào tạo lý luận chính trị đầu tiên theo chương trình cơ sở cho 39 học viên, trong đó có 6 nữ, 5 cán bộ dân tộc thiểu số.

(¹) Nghị quyết Đại hội VI, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1977, tr 89.

(²) Nghị quyết ĐH Đảng bộ Tỉnh khóa I tr 98.

Nội dung chương trình đào tạo lý luận chính trị cơ sở được cải tiến biên soạn trên cơ sở quan điểm lý luận Mác - Lênin và đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa do Đại hội IV vạch ra, mục đích là trang bị cho học viên những kiến thức chủ yếu về chủ nghĩa cộng sản, về quan điểm, đường lối, mục tiêu nhiệm vụ của Đảng, công tác xây dựng Đảng, công tác cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội, phương hướng và nhiệm vụ phát triển nông nghiệp, xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện.

Từ quý II/1978 cho đến năm 1979, thực hiện chủ trương của Đại hội tỉnh Đảng bộ Thuận Hải khóa II vào tháng 10 năm 1979 “Sớm thanh toán chương trình lý luận cơ sở cho đảng viên, chương trình sơ cấp cho cán bộ cơ sở và tiến lên chương trình trung cấp cho cán bộ chủ chốt”⁽¹⁾, Trường Đảng tỉnh đã tích cực phối hợp với các ban, ngành cấp tỉnh và cấp huyện mở liên tiếp 08 lớp lý luận chính trị theo chương trình cơ sở và 01 lớp chương trình sơ cấp. Tổng số học viên được đào tạo là 477 đồng chí, trong đó có 123 cán bộ nữ, 23 cán bộ dân tộc ít người, có 162 cán bộ phường, xã và 315 cán bộ các cơ quan, đoàn thể cấp tỉnh và huyện.

Nội dung chương trình đào tạo sơ cấp lý luận khá cơ bản do Ban Tuyên giáo Trung ương biên soạn, tổng thời gian một khóa là 94 ngày, có cả thời gian một tuần đi thực tế cơ sở. Bao gồm 22 bài trong đó có lý luận Mác - Lênin, lịch sử Đảng, xây dựng Đảng và đường lối chính sách.

Cùng với công tác đào tạo, bồi dưỡng Trường đã tham gia các hoạt động đột xuất do tỉnh uỷ điều động 270 lượt cán bộ, học viên với tổng số thời gian cộng dồn trên 8 tháng để tham gia thu mua lương thực, cải tạo công thương nghiệp, xây dựng hợp tác xã nghề cá, đổi tiền, trồng cây chắn cát ven biển từ phường Hưng Long đến phường Thanh Hải. Thông qua các hoạt động trên, vừa góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ trọng tâm và đột xuất của tỉnh nhà, vừa tạo điều kiện cho học viên, giảng viên rèn luyện trong thực tế, gắn bó với phong trào, sâu sát với nhân dân.

⁽¹⁾ Nghị quyết ĐH Đảng bộ tỉnh khóa II, tr 64.

Với truyền thống tự lực, tự cường vốn có, lãnh đạo tỉnh Thuận Hải đã phát động trong toàn thể cán bộ, viên chức tự túc một phần lương thực để góp phần giảm bớt gánh nặng của Trung ương. Ngay từ đầu năm 1977, nhà trường phải sắp xếp, gánh vác công việc cho nhau, để bố trí một bộ phận cán bộ, giảng viên thay nhau trực tiếp sản xuất; địa điểm sản xuất lúa ở Hàm Thạnh và trồng khoai lang, bắp, đậu ở Búng Tròn xã Hàm Cần (huyện Hàm Thuận Nam ngày nay) cách Trường khoảng 20 km, đường sá đi lại lúc bấy giờ rất khó khăn, rừng sâu, cán bộ nhân viên của Trường đã dầm dãi nắng sương làm ra được 3 tấn lúa, khoai, bắp, đậu... mang lại ý nghĩa rất lớn không chỉ về vật chất mà còn về tinh thần, rèn luyện thêm quan điểm lao động cho số đông nhân viên của Trường xuất thân từ học sinh, sinh viên sau ngày miền Nam mới giải phóng, góp phần củng cố hơn nữa quan điểm liên minh công nông trong thời kỳ mới và thắt chặt thêm tình đoàn kết giữa đồng bào dân tộc vùng sâu, vùng xa.

Cán bộ, giảng viên, nhân viên, học viên của Trường hầu hết sinh hoạt, ăn, ở tập thể theo chế độ bao cấp hoàn toàn, ngoài giờ làm việc còn tham gia chăn nuôi heo, gà, trồng rau để cải thiện bữa ăn hằng ngày và vào các dịp lễ, tết để tặng thêm phần ăn tươi; ban đêm thay phiên nhau tham gia canh gác bảo vệ Trường. Đoàn thanh niên của nhà trường giữ vai trò xung kích, liên tục phát động các đợt thi đua thiết thực, tạo không khí thi đua, góp phần vào thắng lợi chung của Trường.

Trong thời kỳ này, Trường bắt đầu đưa các hoạt động ngoại khóa tương đối đều đặn vào chương trình huấn luyện, có kế hoạch tổ chức kỷ niệm các ngày lịch sử trọng đại, các sự kiện trong nước và thế giới để nâng cao thêm kiến thức cho học viên; tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể dục, thể thao tạo được không khí sôi nổi trong học tập và rèn luyện, thực hiện “Trường Đảng là nơi đào tạo toàn diện”. Đồng thời, để có cơ sở thực tiễn làm phong phú cho bài giảng, một số giảng viên ngoài thời gian đi nghiên cứu cùng học viên, mỗi cá nhân tự chủ động đi nghiên cứu thực tế nắm tình hình, tìm hiểu những thuận lợi khó khăn phức tạp và các nhiệm vụ cấp bách đặt ra ở cơ sở để đưa lý luận gắn liền với thực tế. Ban giám

hiệu, giảng viên tham gia các lớp bồi dưỡng nội dung, chương trình ở Trường Tuyên huấn Trung ương II, tham dự các cuộc hội nghị sơ kết, tổng kết hàng năm của các sở, ban, ngành của tỉnh.

Đến năm 1979, cơ sở vật chất của Trường đã khang trang hơn, đội ngũ cán bộ, giảng viên trưởng thành hơn, số lượng có tăng lên, với tổng số 36 đồng chí, trong đó có 13 giảng viên. Các tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên đều được kiện toàn và phát huy vai trò hoạt động của mình.

Đảng bộ Trường được thành lập, có 5 chi bộ trực thuộc, trong đó có 3 chi bộ học viên, với số lượng đảng viên toàn trường kể cả học viên có lúc lên đến 100 đồng chí⁽¹⁾, đồng chí Trương Lại Phó Giám đốc thường trực, được bầu làm Bí thư Đảng uỷ nhà trường, đồng chí Vũ Minh Thọ, Nguyễn Văn Hoàng, Cao Văn Bá là đảng uỷ viên; Đồng chí Trần Năm (Năm Tốt) Chủ tịch công đoàn cơ sở Trường; đồng chí Ngô Tấn Trí, Bí thư Chi đoàn cơ sở Trường.

Vào tháng 3/1980, Trường Đảng tỉnh phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ mở hội nghị chuyên đề về công tác giảng dạy lý luận chính trị ở các Trường Đảng. Qua hội nghị, đã rút được một số kinh nghiệm trong công tác tổ chức và thống nhất về nội dung, phương pháp giảng dạy lý luận chính trị trong thời gian đến.

Thực hiện chủ trương của tỉnh, Trường không chỉ đẩy mạnh công tác đào tạo chương trình cơ sở, sơ cấp và vươn lên đào tạo chương trình trung cấp lý luận chính trị theo đúng chức năng. Theo qui định của Ban Tuyên huấn Trung ương, về tiêu chuẩn đối tượng đào tạo trung cấp lý luận chính trị là cán bộ đã qua đào tạo chương trình sơ cấp, trình độ học vấn tốt nghiệp cấp II trở lên, có thành tích xuất sắc trong sản xuất và chiến đấu, phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, chú ý đội ngũ cán bộ trưởng thành từ trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Nhưng, thực tế lúc bấy giờ số cán bộ chủ chốt ở cơ sở đa số trình độ văn hóa chưa hết cấp II. Để một số cán bộ chủ chốt đảm bảo tiêu chuẩn tham gia khóa đào tạo trung cấp lý luận chính trị,

(¹) Số lượng học viên là đảng viên được chuyển về sinh hoạt chính thức, thời gian học tập trên 3 tháng, nên số lượng đảng viên của Đảng bộ thường biến động.

Thường vụ Tỉnh uỷ đã quyết định triệu tập 40 đồng chí về Trường tổ chức 3 lớp (lớp 7, 8, 9) bổ túc văn hóa cấp tốc, nhằm thanh toán chương trình văn hóa cấp II, làm cơ sở cho việc mở lớp lý luận chính trị chương trình trung cấp, tỉnh giao cho Sở Giáo dục tuyển chọn và điều động 4 giáo viên: Nguyễn Bá Ninh, Trần Kim Thân, Nguyễn Trọng Di và đồng chí Hằng về Trường Đảng Thuận Hải để đảm nhận việc giảng dạy bổ túc văn hóa. Với sự nỗ lực học tập, vượt mọi gian khổ cả về vật chất lẫn thời gian của thầy và trò, sau một năm học tập miệt mài, số học viên đã hoàn thành chương trình bổ túc văn hóa, Sở Giáo dục tổ chức một Hội đồng thi nghiêm túc, 40 học viên tham gia dự thi và đã được cấp bằng tốt nghiệp cấp II.

Được Ban Tuyên huấn Trung ương và Trường Nguyễn Ái Quốc phân hiệu VIII giúp đỡ, Trường đã cử một đoàn cán bộ, giảng viên đi học tập kinh nghiệm về công tác đào tạo chương trình trung cấp lý luận chính trị của Trường Đảng tỉnh Tiền Giang. Sau hai tháng tích cực chuẩn bị mọi mặt, theo đề nghị của Ban Giám đốc nhà trường, ngày 20 tháng 7 năm 1980 Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã quyết định chiêu sinh khóa I chương trình trung cấp lý luận chính trị, gồm 67 học viên, trong đó có 23 nữ, 03 cán bộ dân tộc thiểu số. Đối tượng lớp học khóa I ưu tiên là đào tạo giảng viên cho các trường Đảng huyện, thị cả cán bộ đương chức và cán bộ nguồn. Thời gian học 12 tháng, thời gian thực hiện 243 ngày, nội dung chương trình đào tạo do Vụ Trường Đảng trực thuộc Ban Tuyên huấn Trung ương biên soạn, gồm có 8 môn học được phân bổ như sau: Triết học Mác - Lênin (chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử) 27 ngày; kinh tế chính trị học (kinh tế tư bản chủ nghĩa và kinh tế xã hội chủ nghĩa) chương trình học 51 ngày; Chủ nghĩa cộng sản khoa học, 28 ngày; Lịch sử Đảng và đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, 30 ngày; Quản lý kinh tế 37 ngày; Quản lý nhà nước 20 ngày; xây dựng Đảng 32 ngày; kiến thức bổ trợ 13 ngày.

Lớp Trung cấp LLCT khóa I thành lập 02 chi bộ trực thuộc Đảng bộ Trường và 02 chi đoàn cùng với Chi đoàn Trường thành lập Liên Chi đoàn do đồng chí Hoàng Xuân Trinh làm Bí thư, đồng chí Ngô Tấn Trí làm Phó Bí thư. Khóa học

đầu tiên đào tạo trung cấp lý luận chính trị giảng viên của Trường chưa thể đảm nhận hết nội dung chương trình, do những năm trước đây có một số giảng viên trình độ trung cấp, tham gia giảng dạy chương trình cơ sở và chương trình sơ cấp, nay giảng dạy chương trình trung cấp, Thường vụ Tỉnh uỷ căn cứ vào qui định về tiêu chuẩn giảng dạy, đã ra quyết định cử 05 giảng viên tham gia giảng dạy lớp hệ trung cấp, vì vậy lực lượng giảng viên của trường chỉ đảm nhận được 18% số bài giảng trong chương trình. Số bài còn lại, được sự đồng ý của Tỉnh uỷ, Trường đã mời các giảng viên Trường Nguyễn Ái Quốc III, Trường Tuyên huấn Trung ương III; đồng thời đề nghị với Thường vụ Tỉnh uỷ cho Trường tổ chức mạng lưới giảng viên kiêm chức gồm 12 đồng chí, trong đó 04 đồng chí là uỷ viên Thường vụ Tỉnh uỷ, 03 Tỉnh uỷ viên và nguyên Tỉnh uỷ viên, 05 đồng chí là phó ban hoặc phó giám đốc các ban của tỉnh.

Lớp học khóa I thực hiện chương trình đào tạo chính quy, tập trung, được tỉnh quan tâm đầu tư về chất lượng, thực hiện các nhiệm vụ trong quá trình giảng dạy, học tập, nghiên cứu, thảo luận, đi thực tế, kiểm tra, thi được tiến hành rất chặt chẽ, nghiêm túc và tự giác theo đúng kế hoạch. Thời gian nghiên cứu thực tế của học viên, giảng viên là thời gian lao động, học tập thật sự, các địa điểm đi thực tế là những mô hình kinh tế quốc doanh, tập thể làm ăn có hiệu quả, như: Hợp tác xã Phước Sơn I, Thủy điện Đa Nhim, Trung tâm trồng bông Nha Hồ, vào thành phố Hồ Chí Minh nghiên cứu một số nhà máy dệt và lò mổ heo, qua đó đã bổ sung thêm kiến thức về quản lý kinh tế, về phương thức tổ chức sản xuất công nghiệp cho học viên và giảng viên. Đồng thời, mối quan hệ giữa nhà trường với địa phương cũng bền chặt hơn, các địa phương luôn tận tình giúp đỡ học viên, cán bộ, giảng viên trong việc ăn ở đi lại trong quá trình nghiên cứu thực tế tại địa phương.

Như vậy, giai đoạn từ năm 1975 - 1980 là những năm đầu trong điều kiện đất nước vừa mới độc lập thống nhất, tình hình cả nước và trong tỉnh có nhiều khó khăn, phức tạp. Trường Đảng Thuận Hải cũng nằm trong khó khăn chung đó. Ngoài ra, Trường cũng có những khó khăn riêng, khó khăn về địa điểm, phải qua 5

lần di chuyển, Trường mới có địa điểm ổn định; thiếu thốn về phương tiện, vật chất, về đội ngũ cán bộ, đặc biệt là đội ngũ giảng viên; khó khăn về trình độ, về hoàn cảnh cuộc sống, khác nhau về thói quen, tuổi tác, thậm chí có lúc bất đồng với nhau trong phong cách, phương pháp, cá tính. Song, tất cả có chung một mục đích, quyết tâm xây dựng Trường Đảng thật sự là nơi đào tạo toàn diện. Với tinh thần *“vừa mở lớp vừa xây dựng, vừa huấn luyện vừa phát triển”* trên cơ sở kế thừa truyền thống chịu đựng gian khó, phát huy hết nội lực của mình, chủ động kiên trì tranh thủ sự giúp đỡ của mọi tổ chức, mọi bộ phận và cả cá nhân, phát huy và sử dụng tốt cả ba lực lượng giảng viên: giảng viên các trường Trung ương, giảng viên kiêm chức tại tỉnh và giảng viên chính thức của Trường để phục vụ nhiệm vụ chính trị của tỉnh giao, trong cùng một lúc vừa triển khai xây dựng cơ sở Trường, vừa tổ chức đào tạo và bồi dưỡng 3 loại lớp, với 3 chương trình khác nhau, nhưng giảng viên, cán bộ đã tận dụng tất cả những gì có thể để thi đua *“Học tốt, dạy tốt, phục vụ tốt”*, với tinh thần *“mẹ nghèo con khó”* chắt chiu xây dựng mái trường, thực hiện tốt nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ, chủ yếu thực hiện nhiệm vụ mở các lớp bồi dưỡng lý luận và nghị quyết của Đảng, bồi dưỡng cấp tốc để tăng cường cán bộ chính quyền cơ sở, kể cả mở lớp bổ túc văn hóa cấp tốc cho cán bộ trẻ nhằm nâng lên trình độ văn hóa cấp 2, chuẩn bị đầu vào cho đào tạo chương trình lý luận cơ bản sau này, đã góp phần quan trọng xây dựng đội ngũ cán bộ của tỉnh nhà.

Kết quả, trong thời kỳ này Trường đã mở được 19 lớp⁽¹⁾ (không tính lớp bổ túc văn hóa cấp tốc) với 1.385 lượt học viên, trong đó có 187 nữ, 93 cán bộ dân tộc ít người, cán bộ cấp xã là 458 người; cán bộ các ban, ngành, đoàn thể cấp huyện là 449 người, cán bộ ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh 481 người.

Qua các lớp đào tạo, bồi dưỡng trình độ nhận thức lý luận, lập trường quan điểm, phẩm chất đạo đức cách mạng của học viên được nâng lên rõ rệt. Cán bộ, đảng viên đã nắm được những vấn đề về nguyên lý, lý luận cơ bản của chủ nghĩa

(¹) 01 lớp đào tạo chương trình trung cấp có 67 học viên, 2 lớp đào tạo chương trình sơ cấp có 92 học viên, 9 lớp đào tạo chương trình cơ sở có 478 học viên, 01 lớp bồi dưỡng cán bộ quân đội có 227 học viên, 3 lớp học nghị quyết 24 của (khóa III) có 229 học viên, 4 lớp nghiên cứu Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IV có 292 học viên.

Mác-Lênin, làm cơ sở để nhận thức đúng đắn hơn về đường lối của Đảng, nhận thức sâu sắc hơn cục diện cách mạng nước ta, thấy rõ tiềm năng, thế mạnh và những khó khăn của đất nước; âm mưu thủ đoạn của kẻ thù; quán triệt sâu sắc 2 nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam; hiểu được những quan điểm chỉ đạo kinh tế của Đảng, kiến thức về Nhà nước và pháp luật. Qua đó, củng cố niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, tin vào sức mạnh của quần chúng nhân dân, từng bước nâng cao ý thức trách nhiệm của người cán bộ, đảng viên; trình độ lý luận và năng lực hoạt động thực tiễn của số đông cán bộ, học viên được nâng lên hơn trước. Hàng trăm anh chị em học viên đều trở thành cốt cán phong trào cách mạng ở các địa phương, nhiều học viên đã được giao những chức vụ chủ chốt ở cơ sở và các ban, ngành, đoàn thể cấp huyện, cấp tỉnh. Đặc biệt, học viên của lớp trung cấp lý luận chính trị tập trung khóa I có một số đồng chí sau này là cán bộ lãnh đạo, có đồng chí là Bí thư Tỉnh uỷ, Bí thư Huyện uỷ⁽¹⁾.

Với kết quả nêu trên, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Trường Đảng Thuận Hải đã góp phần tích cực vào việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của tỉnh, nhất là thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV và Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh Thuận Hải khóa I và khóa II, nhiều chỉ tiêu trên các ngành lâm - ngư - công và tiểu thủ công nghiệp đều đạt và vượt. Công tác củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội thu được thắng lợi lớn. Trên mặt trận văn hóa, giáo dục cũng đạt được một số tiến bộ. Công tác xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể có bước trưởng thành rõ rệt. Đội ngũ cán bộ của tỉnh nhà, đặc biệt là cán bộ chủ chốt ở cơ sở, sau gần 5 năm đã có bước trưởng thành, từ một đội ngũ ít về số lượng, chủ yếu là cán bộ chính trị, cán bộ quân sự và cán bộ cơ sở trong kháng chiến, sau một thời gian ngắn tỉnh đã tập trung bồi dưỡng, đào tạo đề bạt, tiếp nhận của Trung ương, của tỉnh bạn và quân đội chuyển ngành, tuyển dụng tại chỗ, đã phát triển được số lượng và làm thay đổi chất lượng. Số

(¹) Đồng chí Huỳnh Văn Tí, Bí thư Tỉnh uỷ; Đồng chí Đinh Lưu Vân, Bí thư Huyện uỷ Bắc Bình, nguyên là Hiệu trưởng Trường Chính trị tỉnh; Đồng chí Phạm Ngọc Chính, Bí thư Huyện uỷ Tánh Linh.

đông đã vươn lên khá nhanh trong lãnh đạo kinh tế và các mặt công tác khác, giữ được lối sống trong sạch.

Tuy nhiên, trong giai đoạn này Trường cũng có những mặt hạn chế nhất định, chưa phát huy đầy đủ chức năng của Trường Đảng tỉnh, mới thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng Nghị quyết của Đảng cho cán chủ chốt cơ sở là chủ yếu, nhiệm vụ đào tạo chưa được nhiều; nội dung chương trình đào tạo, bồi dưỡng chưa thật sự sát hợp với đối tượng; Trường chưa tích cực, chủ động đề đạt với Thường vụ Tỉnh uỷ có kế hoạch đào tạo, quy hoạch cụ thể đội ngũ giảng viên một cách lâu dài, còn chờ đợi cấp trên một cách thụ động; nội bộ chưa thật sự hiểu nhau, thông cảm lẫn nhau, còn có biểu hiện bằng mặt chưa bằng lòng, có sự manh nha phe cánh nên đã ít nhiều ảnh hưởng đến sự nhiệt tình phấn khởi của cán bộ, giảng viên của nhà trường.

II. TRƯỜNG ĐẢNG TỈNH THUẬN HẢI HOẠT ĐỘNG VÀ PHÁT TRIỂN (1981 - 5/1986)

Bước vào thời kỳ đầu của những năm 1980, tình hình trong nước nói chung và của Tỉnh Thuận Hải nói riêng có những bước phát triển mới. Tuy nhiên, nền kinh tế xã hội trong tỉnh đang đứng trước nhiều khó khăn gay gắt, mất cân đối nghiêm trọng về nhiều mặt. Thực trạng kinh tế năng suất còn thấp, chất lượng sản phẩm còn yếu, sử dụng máy móc phục vụ sản xuất hiệu quả còn thấp. Công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa còn nhiều tồn tại, nhất là trong cải tạo tiểu thương và quản lý thị trường còn yếu. Công tác củng cố quốc phòng, an ninh, giữ gìn trật tự an toàn xã hội cũng còn thiếu sót. Hoạt động giáo dục văn hóa, y tế còn một số yếu kém. Công tác xây dựng Đảng, chính quyền và đoàn thể còn bộc lộ nhiều khuyết nhược điểm, đặc biệt là đội ngũ cán bộ nói chung, cán bộ xã, phường, thị trấn còn thiếu và yếu về lý luận chính trị và kiến thức quản lý kinh tế⁽¹⁾.

Trước đòi hỏi cách mạng, trong đó có sự đòi hỏi phải nâng cao trình độ lý luận chính trị và kiến thức quản lý kinh tế cho cán bộ, đảng viên. Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V đã vạch ra cho các trường Đảng: “Cần mở rộng và

⁽¹⁾ Lịch sử Đảng bộ Bình Thuận, tập III (thời kỳ 1975-2005), xuất bản năm 2010, tr 81-82.

nâng cao chất lượng giáo dục chủ nghĩa Mác-Lênin, nhằm từng bước đem lại cho cán bộ, đảng viên thế giới quan khoa học và nhân sinh quan cách mạng; hiểu biết có hệ thống về những thành tựu mới trong công tác lý luận của Đảng và các đảng anh em” “Cần cải cách toàn diện công tác giáo dục lý luận chính trị trong các trường đảng về nội dung và phương pháp giảng dạy, về đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ giảng viên”(1). Nghị quyết Đại hội III của Đảng bộ tỉnh Thuận Hải giao cho Trường Đảng tỉnh “Tổ chức tốt việc bồi dưỡng kiến thức cần thiết về những vấn đề cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin cho cán bộ, đảng viên và nhân dân”(2).

Triển khai Nghị quyết Đại hội V, ngày 02-03-1983 Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Quyết định số 15-QĐ/TW về tổ chức và nhiệm vụ của trường Đảng trong cả nước, Quyết định ghi rõ:

- Hệ thống trường Đảng vừa là công cụ giáo dục, vừa là công cụ tổ chức của Đảng, có nhiệm vụ giáo dục lý luận Mác - Lênin, giáo dục những kiến thức cần thiết về lãnh đạo, quản lý cho cán bộ đương chức và cán bộ kế cận đã được chọn lựa theo quy hoạch, để đào tạo thành đội ngũ cán bộ lãnh đạo và cán bộ quản lý chủ chốt trong các cấp uỷ Đảng, các cấp chính quyền và các đoàn thể quần chúng;

- Trong điều kiện hiện nay, việc đào tạo cán bộ lãnh đạo kế cận, trước hết tập trung vào những cán bộ lãnh đạo chủ chốt như bí thư, phó bí thư cấp uỷ Đảng, chủ tịch uỷ ban nhân dân, các trưởng ban của Đảng, Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, bí thư đảng uỷ các xí nghiệp;

- Ngoài các lớp tập trung, cần mở thêm hệ tại chức để thực hiện đào tạo những cán bộ quản lý đã quy hoạch;

- Trường Đảng còn có nhiệm vụ thường kỳ bồi dưỡng, nâng cao trình độ lý luận, phẩm chất chính trị và năng lực công tác cho cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý chủ chốt đương chức của Đảng, Nhà nước và các tổ chức quần chúng.

Quyết định 15 - QĐ/TW xác định nhiệm vụ của trường Đảng tỉnh là:

(1) Nghị quyết Đại hội V, Nxb Sự thật, Hà nội, 1982, tr 165-166.

(2) Nghị quyết Đại hội Đảng tỉnh lần thứ III, trang 130.

- Đào tạo cán bộ lãnh đạo chủ chốt của các đảng uỷ xã, phường, thị trấn, xí nghiệp và các đơn vị tương đương khác gồm: Bí thư, phó bí thư hoặc thường vụ Đảng uỷ phụ trách các mặt của công tác Đảng, chính quyền, kinh tế, dân vận. Cần tổ chức hệ đào tạo tại chức trong mỗi trường Đảng tỉnh, thành phố để bổ sung cho việc đào tạo tập trung những cán bộ lãnh đạo và quản lý nói trên (trong quy hoạch đào tạo), nhưng vì điều kiện công tác không thể học tập trung dài ngày;

- Bồi dưỡng lý luận chính trị, năng lực công tác cho cán bộ lãnh đạo, quản lý đương chức huyện, quận, xã, phường; huyện, thị uỷ viên, trưởng phó các ban, ngành ở huyện, quận và thị xã (ngoài diện học ở các trường Nguyễn Ái Quốc khu vực), thường vụ đảng uỷ xã, phường, thị trấn;

- Bồi dưỡng giảng viên trường Đảng của các huyện, thị, thành phố trực thuộc tỉnh.

Chương trình đào tạo được phân cấp cho trường Đảng tỉnh là chương trình lý luận chính trị cơ bản (tương đương chương trình trung cấp lý luận chính trị). Các chương trình bồi dưỡng được phân thành hai loại lớp: Bồi dưỡng định kỳ sau đại hội và bồi dưỡng kiến thức công tác.

Cụ thể hóa Quyết định số 15-QĐ/TW của Ban Bí thư, Ban Tổ chức Trung ương Đảng ra Qui định số 27/TC-TW về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy cho các trường Đảng tỉnh, thành phố. Văn bản xác định: “Trường Đảng tỉnh vừa là công cụ giáo dục, vừa là công cụ tổ chức của Đảng ở địa phương... chức năng của Trường là đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Đảng ở cơ sở, bồi dưỡng lý luận chính trị và nâng cao năng lực công tác cho các loại cán bộ lãnh đạo, quản lý”.

Căn cứ vào các văn bản của Trung ương, Ban Giám đốc Trường Đảng Thuận Hải đã chủ trì cuộc sinh hoạt 3 ngày liền để giảng viên, cán bộ quán triệt chức năng, nhiệm vụ và bàn biện pháp thực hiện ba nhiệm vụ trọng tâm: Trước hết, giảng viên và cán bộ của Trường phải quán triệt nội dung giảng dạy của Trường không chỉ có lý luận Mác - Lênin mà còn phải nâng cao kiến thức quản lý kinh tế cho cán bộ đảng viên, do đó ngoài việc xây dựng giảng viên chính trị, Trường phải nhanh chóng hình thành lực lượng giảng viên quản lý kinh tế bằng hình thức kiêm chức; phải nỗ lực

vượt bậc vươn lên mở chương trình lý luận chính trị trung cấp và đào tạo giảng viên cho trường đảng huyện, thị để sớm hình thành trường đảng huyện, thị trên địa bàn toàn tỉnh; quan tâm đặc biệt đến việc tăng cường lực lượng giảng viên cả số lượng và chất lượng, cả trước mắt và lâu dài, vừa trẻ khỏe, vừa say sưa với nghề nghiệp.

Vào cuối năm 1981, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đề bạt đồng chí Vũ Minh Thọ, Trưởng khoa kinh tế chính trị làm Phó Giám đốc phụ trách Hành chính - Quản trị của Trường. Ban Giám đốc lúc này gồm 4 đồng chí: đồng chí Hồ Viết Hách, Tỉnh uỷ viên, Giám đốc phụ trách chung; đồng chí Trương Lại, Phó Giám đốc trực; đồng chí Nguyễn Xuân Dật, Phó Giám đốc phụ trách nội dung; đồng chí Vũ Minh Thọ, Phó Giám đốc phụ trách Hành chính - Quản trị của Trường.

Các khoa chuyên môn cũng được tổ chức lại 3 khoa, bao gồm: Khoa Triết và Chủ nghĩa xã hội khoa học do đồng chí Phạm Văn Khải làm trưởng khoa; Khoa Kinh tế chính trị và Quản lý kinh tế do đồng chí Vũ Minh Thọ kiêm trưởng khoa; Khoa Lịch sử Đảng - Xây dựng Đảng do đồng chí Nguyễn Thị Hồng Hiệp làm trưởng khoa. Tổng số cán bộ toàn Trường là 37 đồng chí, trong đó giảng viên là 14, đây là thời kỳ Trường có lực lượng giảng viên đông nhất.

Năm 1982 đội ngũ giảng viên có sự biến động rất lớn, một số chuyển đến, một số giảng viên được cử đi đào tạo ở các trường Trung ương, một số giảng viên chuyển công tác khác, một số chuyển về lại quê hương ở miền Bắc, đội ngũ giảng viên chỉ còn 07/32 tổng số cán bộ, nhân viên toàn trường.

Tháng 6 năm 1983, đồng chí Hồ Viết Hách về nghỉ hưu, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Thuận Hải quyết định bổ nhiệm đồng chí Nguyễn Xuân Dật, Phó Giám đốc lên Giám đốc; đồng chí Trương Lại, Phó Giám đốc trực về nghỉ hưu. Ban Giám đốc lúc này gồm 2 đồng chí: Đồng chí Nguyễn Xuân Dật, Giám đốc phụ trách chung; đồng chí Vũ Minh Thọ, Phó Giám đốc phụ trách Hành chính - Quản trị của Trường. Tổng số cán bộ, giảng viên, nhân viên của Trường lúc này là 33 đồng chí, trong đó giảng viên là 05. Đảng uỷ nhà trường khóa II gồm có 05 đồng chí, đồng chí Vũ Minh Thọ được bầu làm bí thư Đảng uỷ, đồng chí Nguyễn Văn

Hoàng phó bí thư Đảng uỷ, các đồng chí Nguyễn Xuân Dật, Phạm Văn Khải, Cao Văn Bá là đảng uỷ viên.

Trong những năm 1984 đến năm 1986, Trường tích cực bổ sung đội ngũ cán bộ, giảng viên, đã nâng tổng số cán bộ, nhân viên, giảng viên toàn trường năm 1984 lên 43, nhưng đội ngũ giảng viên cũng chỉ có 05; năm 1985 tổng số cán bộ, nhân viên, giảng viên của Trường 41, trong đó giảng viên 05; năm 1986 tổng số cán bộ, nhân viên, giảng viên của Trường 46, trong đó giảng viên 07.

Mặc dù, giai đoạn này đội ngũ giảng viên của Trường có giảm so với thời gian trước, nhưng Ban giám hiệu Trường đã triển khai tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V, Nghị quyết 52 của Bộ Chính trị về cải tiến giáo dục chính trị, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thuận Hải khóa III và Quyết định số 14-QĐ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Thuận Hải về việc *“Khẩn trương bồi dưỡng lý luận chính trị và kiến thức quản lý kinh tế cho cán bộ trong những năm trước mắt”*.

Đến tháng 6 năm 1986, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đề bạt đồng chí Phạm Văn Khải, Trưởng khoa Triết và Chủ nghĩa xã hội khoa học làm Phó Giám đốc. Ban Giám đốc của Trường lúc này gồm có các đồng chí: đồng chí Nguyễn Xuân Dật, Giám đốc phụ trách chung; đồng chí Vũ Minh Thọ, Phó giám đốc phụ trách Hành chính - quản trị; đồng chí Phạm Văn Khải, Phó giám đốc phụ trách nội dung; Các phòng, khoa chuyên môn của Trường được tổ chức theo mô hình 2 phòng, 3 khoa gồm: Phòng Giáo vụ - Tổ chức - Thư viện - Tư liệu do đồng chí Nguyễn Văn Hoàng làm trưởng phòng; Phòng Hành chính - Quản trị do đồng chí Cao Văn Bá làm trưởng phòng; đến cuối năm 1986 đồng chí Cao Văn Bá về hưu, đồng chí Nguyễn Khắc Hòe làm trưởng phòng; Khoa Triết - Chủ nghĩa xã hội khoa học do đồng chí Nguyễn Đức Minh làm trưởng khoa, kiêm chủ tịch công đoàn; Khoa Kinh tế chính trị và Quản lý kinh tế do chí Đỗ Quốc Sự làm trưởng khoa; Khoa Lịch sử Đảng - Xây dựng Đảng do đồng chí Nguyễn Thị Hồng Hiệp làm trưởng khoa.

Vào ngày 25 tháng 9 năm 1986 đồng chí Nguyễn Xuân Dật, Giám đốc Trường đang học tập tại Liên Xô, do căn bệnh hiểm nghèo nên đã từ trần, Thường vụ Tỉnh ủy đã cử đồng chí Vũ Minh Thọ, Phó Giám đốc làm Quyền Giám đốc. Ban Giám đốc lúc này còn 2 đồng chí: đồng chí Vũ Minh Thọ, Quyền Giám đốc; đồng chí Phạm Văn Khải, Phó Giám đốc. Đảng uỷ của nhà trường khoá III gồm có 06 đồng chí, trong đó có 01 đồng chí là học viên, đồng chí Vũ Minh Thọ được tiếp tục bầu làm bí thư Đảng uỷ, đồng chí Phạm Văn Khải làm phó bí thư, các đồng chí Phan Quang Nhã, đồng chí Trần Hoát, đồng chí Trần Văn Hai, đồng chí Ngô Mai Xoan là đảng uỷ viên.

Căn cứ vào chỉ tiêu về công tác đào tạo cán bộ của tỉnh trong thời kỳ này, trên cơ sở Quy chế số 361-QC/BTHTW, số 436-QC/BTHTW của Ban Tuyên huấn Trung ương đối với trường Đảng tỉnh, Trường Đảng Thuận Hải xác định mục tiêu đào tạo gắn với qui hoạch cán bộ và yêu cầu mọi mặt của người cán bộ lãnh đạo, quản lý để xây dựng chương trình với kết cấu dung lượng kiến thức thích hợp; Trường đã xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng gồm 6 chương trình khác nhau, như: Lý luận chính trị sơ cấp làm cơ sở để học tiếp trung cấp; lý luận chính trị trung cấp; đào tạo giảng viên cho trường Đảng huyện, thị xã và các trường trung học chuyên nghiệp; Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V; Quản lý kinh tế; nâng cao kiến thức quản lý kinh tế do tỉnh phối với Trường Quản lý kinh tế Trung ương tổ chức.

Thực hiện kế hoạch trong giai đoạn này, Trường đã ưu tiên đào tạo chương trình sơ cấp nhằm tạo điều kiện cho cán bộ đủ tiêu chuẩn tham gia các lớp đào tạo cơ bản (chương trình trung cấp lý luận chính trị). Do đó, Trường tăng cường mở các lớp đào tạo chương trình lý luận chính trị sơ cấp, từ năm 1981 - 1985 Trường đã liên tiếp mở 7 lớp sơ cấp với 598 học viên. Song song với công tác đào tạo chương trình sơ cấp, Trường đã tổ chức 3 lớp bồi dưỡng 7 chức danh cho cán bộ xã, phường với 437 lượt học viên.

Cùng với công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, Thường vụ Tỉnh uỷ rất quan tâm bồi dưỡng kiến thức quản lý kinh tế, trực tiếp là Đồng chí Bí thư Tỉnh

ủy Lê Văn Hiến và tất cả các đồng chí trong Thường vụ Tỉnh ủy lúc bấy giờ chỉ đạo rất quyết liệt. Thực hiện sự chỉ đạo của Thường vụ Tỉnh ủy, Trường đã khắc phục khó khăn về cơ sở, về giảng viên đã tổ chức 3 lớp bồi dưỡng chương trình kiến thức quản lý kinh tế cho 422 cán bộ chủ chốt các ban, ngành cấp tỉnh, cấp huyện; thời gian mỗi lớp học là 103 ngày, gồm 6 môn học, như: Kinh tế chính trị, kế hoạch hóa, kinh tế công nghiệp, kinh tế nông nghiệp, quản lý kinh tế, phương hướng hoạt động kinh tế; giảng viên tham gia giảng dạy chủ yếu là mời ở Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh, giảng viên trong trường và giảng viên kiêm chức của tỉnh chỉ đảm nhận một số ít chuyên đề. Các lớp bồi dưỡng quản lý kinh tế đã đáp ứng yêu cầu tình hình hiện tại của tỉnh, kịp thời trang bị cho cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý những kiến thức cơ bản về quản lý kinh tế, làm cơ sở cho việc nghiên cứu thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thuận Hải khóa III và phương hướng nhiệm vụ kinh tế của địa phương trong thời gian tới.

Sau các lớp bồi dưỡng kiến thức quản lý kinh tế, Thường vụ Tỉnh ủy Thuận Hải đã mời Trường Quản lý kinh tế Trung ương mở 2 lớp nâng cao kiến thức quản lý kinh tế cho 377 cán bộ bao gồm các Tỉnh ủy viên, lãnh đạo chủ chốt sở, ban, ngành cấp tỉnh và Thường vụ Huyện ủy, Thị ủy, chủ tịch, phó chủ tịch UBND cấp huyện, các lớp này có sự tham gia của cán bộ chủ chốt các tỉnh Lâm Đồng, Phú Khánh, Đắk Lắk. Về giảng viên giảng dạy do giáo sư Liên Xô và các giáo sư, giảng viên của Trường Quản lý kinh tế Trung ương. Công tác giáo vụ và phục vụ học tập, giảng dạy, ăn ở do Trường Đảng tỉnh và một số cán bộ của các ban, ngành tỉnh do Thường vụ Tỉnh ủy chỉ định.

Mặt khác, Thường vụ Tỉnh ủy ra Chỉ thị số 01 về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong toàn Đảng bộ và mở hội nghị tập huấn 12 chuyên đề về Nghị quyết Đại hội V cho báo cáo viên, giảng viên Trường Đảng tỉnh, Trường Đảng huyện, thị ủy. Sau đợt tập huấn, Trường Đảng tỉnh đã chuẩn bị các điều kiện, tổ chức liên tiếp 07 lớp nghiên cứu học tập Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần

thứ V cho 347 cán bộ chủ chốt xã, phường, thị trấn; cán bộ phòng, ban cấp huyện, cán bộ ngành, đoàn thể tỉnh. Đồng thời, Trường đã phối hợp và hỗ trợ cho các trường Đảng khu vực, huyện, thị về biên soạn tài liệu và tham gia giảng dạy một số chuyên đề trong chương trình bồi dưỡng Nghị quyết Đại hội V cho cán bộ, đảng viên được phân cấp đào tạo, bồi dưỡng ở các trường Đảng khu vực và trường Đảng cấp huyện.

Từ năm 1983 Trường quan tâm đào tạo các lớp theo chương trình trung cấp lý luận chính trị. Lớp Trung cấp lý luận chính trị tập trung khóa II được tiến hành, thời gian đào tạo là 18 tháng, lúc đầu có trên 100 học viên tham gia học, phải chia thành 2 lớp, về sau còn 94 học viên nên tổ chức thành 01 lớp, đây là lớp đào tạo tập trung có số lượng học viên tương đối đông, 100% học viên khóa II đều là đảng viên, trên 62% chưa qua đào tạo sơ cấp chính trị, 46,8% trình độ văn hóa cấp II, do vậy Trường đã chú ý quan tâm cải tiến chương trình, phương pháp giảng dạy để phù hợp với các đối tượng. Chương trình đào tạo cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở cơ sở thời kỳ này bao gồm: Triết học Mác - Lê-nin; Kinh tế chính trị Mác - Lê-nin; Chủ nghĩa cộng sản và phong trào cộng sản quốc tế, phong trào giải phóng dân tộc; Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam; Một số vấn đề về đường lối của Đảng; Nhà nước pháp luật và quản lý nhà nước; Quản lý kinh tế; Xây dựng Đảng; Ngoài ra, Trường còn bổ sung các báo cáo thực tế ở địa phương trong các môn học.

Từ năm 1984 - 5/1986 Trường đã mở tiếp 2 lớp trung cấp lý luận chính trị tập trung khóa III với 93 học viên, khóa IV có 67 học viên, thời gian học là 12 tháng; 01 lớp đào tạo giảng viên chính trị khóa II, thời gian học là 18 tháng; 01 lớp trung cấp lý luận chính trị hệ tại chức khóa I cho 90 học viên, trong đó cán bộ chủ chốt cơ sở xã, phường, thị trấn là 28,41%, còn lại chủ yếu là cán bộ thuộc các phòng, ban của cấp huyện và cấp tỉnh; về trình độ văn hóa của lớp tại chức khóa I không đồng đều, 1,2% có trình độ học vấn cấp I, 48,2% trình độ cấp II và 50,80% trình độ cấp III.

Về nội dung chương trình đào tạo cho cả tập trung và tại chức gồm các môn học như: Triết học, kinh tế chính trị, chủ nghĩa cộng sản khoa học, lịch sử phong trào công nhân quốc tế, lịch sử Đảng và đường lối chính sách, quản lý kinh tế, quản lý nhà nước, xây dựng Đảng và tổ chức thi tốt nghiệp từng môn học. Tuy giai đoạn này lực lượng giảng viên của Trường có giảm, nhưng từ lớp Trung cấp lý luận chính trị tập trung khóa II trở về các khóa sau hầu hết giảng viên trong trường và trong tỉnh đã giảng dạy phần lớn các bài. Cụ thể, trong năm 1980 số giảng viên của Trường chỉ đảm nhận 47,80% số lượng bài giảng, giáo viên kiêm chức đảm nhận 5,61%, thì đến năm 1984 chỉ có 05 giảng viên của trường, nhưng đảm nhận 76,25% số lượng bài giảng, giáo viên kiêm chức đảm nhận 10,27%. Từ năm 1985 đến năm 1987 bổ sung thêm 02 giảng viên, Trường đảm nhận 80,75% số lượng bài giảng, giáo viên kiêm chức đảm nhận 11,25% ⁽¹⁾. Vì vậy, các giảng viên ngoài phần giảng chính ở môn mình, còn tham gia giảng dạy ở các bài khác, môn khác.

Trường đã thực hiện nghiêm túc trình tự các bước học tập từ quán triệt mục đích yêu cầu, nội dung chương trình, phương châm, phương pháp của toàn khóa học và từng môn học. Trên cơ sở đó, mỗi môn học được thống nhất theo qui trình: Học viên đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo, nghe giảng, nghe báo cáo ngoại khóa, chuẩn bị đề cương và tổ chức thảo luận, Xê-mi-na tập trung tại hội trường; qua học hết một cụm bài hoặc cuối môn học có tổ chức giải đáp thắc mắc, sau đó hệ thống và hướng dẫn ôn thi hết môn học, học viên ôn tập và thi cuối môn học. Công tác chấm thi rất nghiêm túc, chặt chẽ và kịp thời, mỗi bài thi do 2 giảng viên chấm. Sau khi chấm thi xong, Trường gửi một số bài thi giỏi, khá, trung bình, yếu cho Thường trực Tỉnh uỷ qua Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ thẩm định, nếu bài thi có kết quả chênh lệch trên 01 điểm nhà trường phải chấm lại, sau đó làm tờ trình Thường trực Tỉnh uỷ, gửi kèm danh sách điểm thi của học viên đến Tỉnh uỷ để xét duyệt và ra quyết định công nhận kết quả học tập, nhà trường mới công bố kết quả điểm thi đến học viên.

⁽¹⁾ Theo văn bản Báo cáo Trường Đảng tỉnh Thuận Hải qua 10 năm xây dựng và trưởng thành (5/1976 - 5/1986).

Công tác quản lý học viên rất chặt chẽ theo đúng qui chế đào tạo; thực hiện phương châm: “Học đi đôi với làm”, “Học đi đôi với rèn luyện”, phát huy vai trò lãnh đạo của các chi bộ học viên, thực hiện phương châm tự quản là chính; đồng thời Trường phân công giáo viên chủ nhiệm các lớp, thường xuyên đôn đốc, bám lớp cùng với lớp nghe giảng ghi chép bài đầy đủ, dự thảo luận, xê-mi-na, nhắc nhở và duy trì nề nếp sinh hoạt, ăn ở của học viên, kiểm tra nhận xét hàng tuần, phối hợp với các khoa đánh giá tinh thần và kết quả học tập của học viên và rút kinh nghiệm sau một môn học. Mặt khác, Trường kết hợp chặt chẽ với cơ quan công tác của học viên và các huyện, thị uỷ để bàn giao học viên sau mỗi khoá học tốt nghiệp ra trường. Qua đó, số đông học viên đã ghép mình vào khuôn khổ nề nếp, chấp hành tốt nội qui, qui chế của nhà trường, mỗi học viên đều có sự phầu đầu trong học tập và rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, phong cách, lối sống; những hiện tượng quay cóp tài liệu trong phòng thi, rượu chè bê tha, ăn mặc không đúng đắn, hoặc quan hệ nam nữ không lành mạnh, đều được đấu tranh phê phán kịp thời và xử lý nghiêm minh. Trong 5 năm có 05 học viên vi phạm kỷ luật, trong đó có 01 học viên buộc thôi học và 01 cách chức tổ trưởng.

Cùng với việc giảng dạy, Trường rất chú trọng tổ chức cho học viên và giảng viên nghiên cứu thực tế các cơ sở trong tỉnh và ngoài tỉnh, chú ý học tập điển hình trong thực tế. Thời gian nghiên cứu thực tế đều bảo đảm theo qui định. Riêng đối với giảng viên một năm phải có 01 tháng nghiên cứu thực tế. Trường đã sử dụng linh hoạt nhiều hình thức nghiên cứu thực tế, như mỗi giảng viên tự chủ động đi nghiên cứu; thay thế nhau, xếp lịch giảng dạy hợp lý để giảng viên nào cũng có thời gian nghiên cứu thực tế; mỗi khoa sắp xếp thời gian cùng nhau đi cơ sở; nhà Trường tổ chức đi nghiên cứu tập thể khi có điều kiện, có những năm Trường tranh thủ lúc học viên nghỉ tết đã tổ chức cho giảng viên đi thực tế, như ngày mùng 4 tháng giêng tết âm lịch năm 1985, Trường đã tổ chức một đoàn xuống huyện 10 ngày để nghiên cứu các cơ sở sản xuất điển hình trong 8 huyện và 2 thị xã. Đồng thời, Tổ chức cho cán bộ lãnh đạo, giảng viên đi tìm hiểu kinh nghiệm các trường

Đảng thành phố Hồ Chí Minh, Lâm Đồng, Tiền Giang, Phú Khánh, Cửu Long, Đồng Nai và các trường Đảng Trung ương như: Tuyên huấn Trung ương III, Nguyễn Ái Quốc phân hiệu I. Nhờ đó, đã giúp cho giảng viên có điều kiện thực hiện phương châm lý luận liên hệ thực tế, nâng cao phẩm chất đạo đức, kiến thức, kinh nghiệm, học hỏi nhiều cái hay, cái tốt rất thiết thực và bổ ích trong công tác và cuộc sống.

Để bảo đảm cơ sở vật chất, điều kiện cho việc ăn, ở học tập, giảng dạy của giảng viên và học viên, đặc biệt, đối với các lớp bồi dưỡng về kiến thức quản lý kinh tế, được sự quan tâm của Tỉnh uỷ, Trường đã xây dựng bổ sung thêm 01 Nhà khách chuyên gia (nhà ở cho giáo sư Liên Xô và giảng viên mời); 02 dãy nhà ở nội trú cho học viên (dãy nhà C5 và C6), sắp xếp bố trí, tổ chức nhà trẻ để chăm giữ các cháu nhỏ là con của cán bộ và học viên trong trường, nhằm tạo điều kiện cho cán bộ, nhân viên và học viên yên tâm công tác, học tập. Cùng với việc chăm lo cơ sở vật chất, Trường đã tổ chức tốt các hoạt động chăm lo đời sống, Ban giám hiệu phối hợp với Ban chấp hành Công đoàn cơ sở tổ chức cho anh chị em cán bộ tăng gia cải thiện đời sống; vận động cán bộ, nhân viên, đoàn viên tích cực trồng rau, lấy củi, tổ chức chăn nuôi heo, nuôi gà, làm nước mắm, mở dịch vụ căng tin... để góp phần tăng thêm thu nhập, cải thiện bữa ăn của tập thể và bữa ăn gia đình hằng ngày; tổ chức gặp mặt liên hoan nhân các ngày Lễ, Tết cho cán bộ, nhân viên làm cho nội bộ thêm gắn bó, tình cảm chan hòa.

Chất lượng phục vụ của các phòng cho công tác đào tạo được nâng lên, với sự nhiệt tình, tinh thần trách nhiệm cao đội ngũ cán bộ, nhân viên đã hoàn thành tốt các lớp đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch, mặc dù số lượng học viên trong thời kỳ này tăng gấp ba lần so với giai đoạn 1975 - 1980, đồng thời còn thực hiện tốt nhiệm vụ đột xuất do tình phân công, như tham gia phục vụ Đại hội Đảng bộ tỉnh Thuận Hải khóa III từ ngày 3/3 - 7/3/1983; phục vụ các lớp nâng cao kiến thức quản lý kinh tế cho cán bộ chủ chốt cấp tỉnh... Hoạt động Tư liệu - Thư viện dần

dẫn đi vào tính chuyên nghiệp, phục vụ đắc lực cho hoạt động giảng dạy và nghiên cứu học tập của học viên, số lượng đầu sách, báo ngày một tăng thêm từ trên 800 quyển sách các loại vào những năm 1976 - 1980, đến đầu năm 1986 đã lên đến trên 5.000 quyển sách và tạp chí các loại, từng bước tăng cường trang bị các phương tiện nghe nhìn.

Từ năm 1985, Trường thực hiện chức năng nhiệm vụ cụ thể hơn, trên cơ sở Quyết định 15 của Ban Bí thư, Ban Tổ chức Trung ương đã ban hành Quy định số 27/TC-TW, ngày 27 tháng 01 năm 1985; Trường đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ và Thường trực UBND tỉnh, đồng thời chịu sự hướng dẫn về nội dung, chương trình của Ban Tuyên huấn Trung ương mà trực tiếp là vụ Trường Đảng. Phối hợp chặt chẽ với các Ban của Đảng, đặc biệt Ban Tổ chức Tỉnh uỷ trong công tác tuyển sinh, Ban Tuyên giáo về nội dung chương trình, phối hợp với các cấp uỷ địa phương và các ngành trong công tác quản lý học viên. Trong thời kỳ này, mối quan hệ giữa nhà trường với địa phương rất chặt chẽ, các cấp uỷ địa phương và các ngành đã xây dựng qui hoạch, căn cứ qui hoạch cử cán bộ đi học, nên số lượng tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng đạt và vượt chỉ tiêu hàng năm.

Gắn liền với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, Trường đã có bước trưởng thành, đội ngũ cán bộ, nhân viên được quan tâm đào tạo về lý luận và chuyên môn nghiệp vụ, chất lượng đội ngũ cán bộ được nâng lên có tinh thần trách nhiệm trước Đảng, trước tập thể, tinh thần đoàn kết, phối hợp, thương yêu giúp đỡ nhau rất chân tình, đặc biệt là các đồng chí trong Ban giám hiệu rất mẫu mực, nghiêm khắc nhưng độ lượng, toàn tâm toàn ý với sự nghiệp của Trường, có lúc đồng chí hiệu trưởng bệnh tình rất nặng nhưng vẫn cố gắng với công việc, đến lúc không thể cố gắng được nữa thì mới đi điều trị dài ngày, đồng chí phó hiệu trưởng gánh vác toàn bộ công việc và kiêm cả trưởng khoa; có đồng chí kiêm trưởng 2 khoa.

Hoạt động của Đảng bộ, các chi bộ (kể cả chi bộ học viên) luôn chú trọng giáo dục, bồi dưỡng lý tưởng, nhiệt tình cách mạng, phẩm chất đạo đức, năng lực công tác cho mỗi đảng viên. Tinh thần tự phê và phê bình trong sinh hoạt được

thực hiện nghiêm túc, tính Đảng của đảng viên thể hiện rất rõ rệt, các chi bộ trực thuộc và Đảng bộ Trường đã thực hiện tốt vai trò lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của nhà trường trong mọi hoàn cảnh.

Tổ chức Công đoàn, nữ công, Đoàn Thanh niên được Đảng uỷ quan tâm xây dựng củng cố; hoạt động của các tổ chức đoàn thể luôn bám sát nhiệm vụ chính trị và thực hiện tốt các phong trào thi đua. Đặc biệt, phong trào “Dạy tốt, học tốt và phục vụ tốt” dần dần đi vào nề nếp, có tác dụng lớn trong việc giáo dục, bồi dưỡng nhiệt tình cách mạng, năng lực công tác và phẩm chất đạo đức cách mạng cho cán bộ, giảng viên, nhân viên và học viên nhà trường. Hằng năm, không khí thi đua học tập, thi đua giảng dạy và công tác luôn diễn ra sôi nổi; các hoạt động thể dục buổi sáng của các lớp học viên nội trú, của cán bộ công nhân viên khu tập thể thường xuyên duy trì đều đặn, hoạt động thể thao buổi chiều chủ yếu là bóng chuyền diễn ra rất sôi nổi, sinh hoạt đọc báo, văn nghệ ban đêm; đặc biệt là ngày 20/11 hằng năm đã tổ chức biểu diễn văn nghệ tạo thêm niềm vui tươi, phấn khởi, hào hứng trong toàn trường. Với sự nỗ lực trên các mặt công tác, sự đóng góp công sức, trí tuệ của toàn thể cán bộ, nhân viên, đã vượt lên mọi khó khăn về đời sống như bữa ăn chưa đủ no, điều kiện sinh hoạt thiếu điện, thiếu nước, thiếu giảng viên (có năm chỉ có 05 giảng viên kể cả Ban giám đốc), Trường vẫn luôn thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ và ngày một vươn lên.

Có thể nói, hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Trường từ năm 1981 đến tháng 5/1986 phát triển mạnh về qui mô, đa dạng hóa về loại lớp và rất sát với sự chỉ đạo của Thường vụ Tỉnh uỷ Thuận Hải, phục vụ có hiệu quả nhiệm vụ xây dựng đội ngũ cán bộ trong thời kỳ mới của Đảng bộ tỉnh và đã góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của tỉnh nhà.

Kết quả trong giai đoạn từ năm 1981- 5/1986 đã mở được 24 lớp đào tạo và bồi dưỡng, trong đó 08 lớp đào tạo sơ cấp lý luận chính trị, 04 lớp đào tạo trung cấp lý luận chính trị (có 01 lớp đào tạo giảng viên chính trị), 07 lớp bồi dưỡng nghị quyết Đại hội V, 03 lớp bồi dưỡng quản lý kinh tế, 02 lớp nâng cao kiến thức quản

lý kinh tế, với 3.615 lượt học viên; trong đó, cán bộ nữ là 563, cán bộ dân tộc ít người 92, cán bộ cấp xã là 916, cán bộ ban, ngành, đoàn thể cấp huyện là 989, cán bộ ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh là 1.710.

Số học viên được đào tạo chương trình lý luận chính trị sơ cấp và trung cấp đều thi tốt nghiệp đạt kết quả, trong đó có một số lớp các môn thi tốt nghiệp đạt điểm khá giỏi tương đối nhiều. Như Lớp Trung cấp lý luận chính trị khóa II có 94 học viên, kết quả điểm thi tốt nghiệp môn Triết học Mác Lênin đạt khá giỏi 70%, môn Kinh tế chính trị khá giỏi 65%, môn Chủ nghĩa cộng sản khoa học khá giỏi 71,3%, môn Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam khá giỏi 75,54%, điểm thi môn xây dựng Đảng đạt khá giỏi 80,63%, môn Pháp luật - Nhà nước và quản lý nhà nước đạt khá giỏi 81,82%. Những học viên không đạt yêu cầu khi thi tốt nghiệp trong mỗi khóa chỉ có từ 1 đến 3 người, nhưng được bồi dưỡng và dự thi lại với các lớp sau, nên 100% học viên các lớp đều được tốt nghiệp và đạt yêu cầu trở lên.

Qua công tác đào tạo, bồi dưỡng đã trang bị cho học viên nắm được những kiến thức lý luận, nắm được phương pháp luận khoa học, đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa do Đại hội V của Đảng vạch ra. Đồng thời nắm được các nhiệm vụ do Đại hội III của Đảng bộ tỉnh Thuận Hải đề ra, đại bộ phận các học viên khi ra trường đã phát huy tốt, vận dụng đúng đắn sáng tạo về những nguyên tắc, phương pháp lãnh đạo và những tiêu chuẩn sinh hoạt Đảng trong hoạt động thực tiễn làm cho cán bộ, đảng viên không ngừng vươn lên, có đủ phẩm chất và năng lực để hoàn thành nhiệm vụ được giao; nhiều đồng chí đã trở thành cán bộ lãnh đạo chủ chốt của xã, phường, các phòng, ban của huyện và nhiều ngành của tỉnh.

Năm 1986 Trường đã tổ chức một cuộc khảo sát về chất lượng sau đào tạo lý luận chính trị ở 6 huyện, thị (Phú Quý, Đức Linh, Tân Linh, Ninh Phước, Phan Thiết, Phan Rang Tháp Chàm) tất cả đều thống nhất nhận xét: “Đi học về làm việc tốt hơn; có cơ sở nhận thức và thực hiện các nghị quyết đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước; lẽ lối và phương pháp công tác đổi mới hơn; trước khi chưa qua đào tạo triển khai công việc nhiều lúc thiếu tự tin, làm việc đôi lúc thiếu kế

hoạch, đúng sai khó phân định, nhưng sau khi được đào tạo, đứng trước công việc đã bình tĩnh, suy xét, quyết đoán mọi vấn đề mạnh dạn và chắc tay”. Đồng thời, các đồng chí lãnh đạo các huyện cũng so sánh việc cử nhiều cán bộ đi đào tạo ở các Trường Đảng Trung ương, Trường Đảng khu vực III ở Đà Nẵng và Trường Đảng tỉnh thì thấy rằng số đào tạo ở Trường Đảng tỉnh về làm việc và vận dụng vào thực tiễn của địa phương có thuận lợi hơn vì quá trình huấn luyện của Trường Đảng tỉnh đã liên hệ tình hình cụ thể của địa phương và các chủ trương, nghị quyết tỉnh sát với thực tế hơn”.

Tuy nhiên, thời kỳ này cũng còn một số mặt hạn chế như: công tác chiêu sinh chưa theo qui hoạch và kế hoạch đào tạo, chưa phát huy tốt mối quan hệ chặt chẽ với Ban Tổ chức Tỉnh uỷ, các huyện, thị uỷ trong công tác chiêu sinh, nên số học viên được đào tạo ra chưa bố trí đúng theo yêu cầu đào tạo; một số nội dung trong chương trình còn lạc hậu so với tình hình thực tiễn; phương pháp giảng dạy, học tập chưa được quan tâm cải tiến. Đặc biệt, chưa quan tâm xây dựng đội ngũ giảng viên cơ hữu, lực lượng giảng viên chuyên nghiệp còn quá thiếu, giảng viên mời bên ngoài tỉnh thiếu thực tế của địa phương, giảng viên kiêm chức thiếu phương pháp sư phạm nên ảnh hưởng đến chất lượng bài giảng.

III. TRƯỜNG ĐẢNG TỈNH THUẬN HẢI - NHỮNG NĂM ĐẦU CỦA THỜI KỲ ĐỔI MỚI ĐẾN CHIA TÁCH TỈNH (6/1986 - 4/1992)

1. Hoạt động của trường Đảng tỉnh Thuận Hải

Thời kỳ 1986 - 1992 trên thế giới có nhiều diễn biến phức tạp đó là: các nước xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là Liên Xô và Đông Âu đang lâm vào khủng hoảng, ảnh hưởng rất lớn đến công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Ở trong nước, nền kinh tế vẫn đang trong tình trạng khủng hoảng, lạm phát tới 3 con số, đời sống nhân dân vô cùng khó khăn, hậu quả nặng nề của chiến tranh chưa khắc phục được bao nhiêu, chủ nghĩa đế quốc đứng đầu là đế quốc Mỹ và các thế lực thù địch âm mưu xóa bỏ chủ nghĩa xã hội bằng “diễn biến hòa bình”, trong đó tấn công quyết liệt vào nước ta bằng bao vây cấm vận, liên hệ, móc nối các bọn phản động bên trong phá

hoại, làm mất ổn định chính trị, làm hoang mang dao động trong quần chúng, nhất là ở những vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào trong các vùng theo đạo Thiên chúa, đạo Tin lành...

Tháng 12 năm 1986 Đại hội lần thứ VI của Đảng được khai mạc, đó là sự kiện trọng đại trong đời sống chính trị của toàn Đảng, toàn dân ta. Đại hội đã tổng kết tình hình mọi mặt của đất nước trong mười năm qua, rút ra những bài học kinh nghiệm, đề ra những quyết sách lớn nhằm làm chuyển biến tình hình, đưa đất nước vượt qua khó khăn, đi lên CNXH. Đại hội chủ trương đổi mới tư duy, đổi mới công tác tổ chức, đổi mới đội ngũ cán bộ, đổi mới phong cách lãnh đạo và công tác. Muốn đổi mới tư duy, trước hết phải đổi mới tư duy lý luận “cải cách toàn diện công tác của trường Đảng, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo và quản lý các cấp”, “mở rộng hình thức học tập tại chức, tổ chức cho hàng triệu cán bộ, đảng viên, đoàn viên thanh niên học tập chủ nghĩa Mác - Lênin”⁽¹⁾.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thuận Hải lần thứ IV (12/10 - 18/10/1986 đã nêu: “Các trường Đảng tỉnh, huyện phải cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng, tập trung đào tạo đội ngũ cán bộ đương chức và kế cận theo quy hoạch. Các trường Đảng phải góp phần nghiên cứu tổng kết kinh nghiệm thực tiễn; quan tâm cải thiện điều kiện sinh hoạt và học tập cho học viên”⁽²⁾.

Thời kỳ này, công tác giáo dục lý luận chính trị rất khó khăn, bởi lẽ lúc này sự tan rã của các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu, Liên Xô làm khủng hoảng lòng tin đến một bộ phận cán bộ, đảng viên. Ngoài ra, Trường cũng gặp những khó khăn gay gắt do tình hình kinh tế lạm phát, nên đời sống của cán bộ, nhân viên và học viên sa sút nghiêm trọng. Đồng thời, năm 1987 Trường Thuận Hải tách làm hai trường: Trường Đảng và Trường lý luận chính trị tại chức, do đó phải chia lực lượng và cơ sở vật chất cho 2 trường, lực lượng giảng viên càng thiếu nhiều hơn; cơ sở vật chất xuống cấp. Trong khi đó ở thị xã Phan Thiết nắng nóng kéo dài,

(¹) Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, Nxb CTQG HN 1987, tr 131.

(²) Văn kiện Đại hội IV Đảng bộ tỉnh Thuận Hải, tr 88-89.

nguồn nước ngọt cung cấp cho thị xã thiếu trầm trọng (Hồ Sông Quao chưa xây dựng), nhà trường phải mua từng xe nước ngọt để phục vụ cho học viên và gia đình cán bộ, công nhân viên khu tập thể để nấu ăn và uống ⁽¹⁾.

Trước tình hình đó, yêu cầu nhiệm vụ đặt ra cho Trường là phải cải cách toàn diện công tác đào tạo nhằm nâng cao chất lượng, thực hiện tốt chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ đương chức và kế cận theo quy hoạch, vừa mở rộng hình thức học tập lý luận chính trị tại chức cho cán bộ, đảng viên, đoàn viên, góp phần tăng cường bồi dưỡng mục tiêu lý tưởng cách mạng và chăm lo giáo dục phẩm chất đạo đức cho cán bộ, đảng viên; xây dựng sự nhất trí về tư tưởng và hành động, kiên định con đường xã hội chủ nghĩa mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã chọn; khắc phục tâm trạng dao động, bi quan, mơ hồ mất cảnh giác, giảm sút niềm tin và ý chí chiến đấu. Trường còn phải thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu tổng kết kinh nghiệm thực tiễn do Tỉnh uỷ phân công; mặt khác, phải chăm lo cải thiện đời sống cho cán bộ, giảng viên, học viên.

Để đáp ứng nhiệm vụ trong giai đoạn mới, Trường đã quan tâm hàng đầu về xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên để kịp thời bổ sung sự thiếu hụt trầm trọng, với nhiều biện pháp tích cực cùng với sự hỗ trợ của Thường vụ Tỉnh uỷ, năm 1987 nâng tổng số cán bộ nhân viên toàn trường 56 đồng chí, trong đó có 11 giảng viên. Đồng thời, bổ sung đồng chí Võ Văn làm Phó Hiệu trưởng. Cơ cấu tổ chức của Trường được sắp xếp lại gồm: Ban Giám hiệu có: đồng chí Vũ Minh Thọ, Quyền Hiệu trưởng phụ trách chung; đồng chí Phạm Văn Khải, Phó Hiệu trưởng phụ trách nội dung; đồng chí Võ Văn, Phó Hiệu trưởng phụ trách đào tạo. Các khoa, phòng được tổ chức theo mô hình 3 phòng 3 khoa: Phòng Giáo vụ - Tổ chức do đồng chí Nguyễn Thị Gấn làm Phó Trưởng phòng phụ trách; Phòng Tư liệu - Thư viện do đồng chí Nguyễn Thị An làm Trưởng phòng; Phòng Hành chính - Quản trị do

⁽¹⁾ Nước sinh hoạt tắm, giặt cho học viên và khu gia đình tập thể chủ yếu dựa vào nguồn nước giếng, một số giếng nước do phèn nhiễm mặn không sử dụng được, chỉ còn lại một cái giếng duy nhất nằm ở góc trái của hội trường A, không đủ nước dùng, các gia đình phải nhường nhau, thay phiên nhau thức đêm, dậy sớm xách nước.

đồng chí Nguyễn Khắc Hòa làm trưởng phòng; Khoa Triết - Chủ nghĩa xã hội khoa học do đồng chí Nguyễn Đức Minh làm trưởng khoa; Khoa Kinh tế chính trị và Quản lý kinh tế do đồng chí Đỗ Quốc Sự làm trưởng khoa; Khoa Lịch sử Đảng - Xây dựng Đảng do đồng chí Nguyễn Thị Thu Bình làm trưởng khoa.

Tháng 5 năm 1989 Trường Lý luận Chính trị tại chức sát nhập với Trường Đảng Thuận Hải, nhiệm vụ của Trường tại chức chuyển giao cho Trường Đảng; do đó, chức năng, nhiệm vụ và hoạt động của Trường thời kỳ này mở rộng hơn, vừa phải tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chủ chốt cơ sở theo hình thức tập trung, vừa mở rộng hình thức học tập lý luận chính trị tại chức cho cán bộ, đảng viên, đoàn viên theo yêu cầu.

Khó khăn của Trường Đảng Thuận Hải sau khi sát nhập là kiện toàn tổ chức, bộ máy và giảm biên chế. Tổng số cán bộ, nhân viên, giảng viên lúc sát nhập là 58 đồng chí, trong đó giảng viên có 12 đồng chí (kể cả Ban giám hiệu); theo qui định biên chế của Trường thời kỳ này là đội ngũ giảng viên phải được cơ cấu 2/3, nhưng thực tế của trường lúc này cán bộ hành chính thừa, nhưng lại thiếu cán bộ giảng dạy, do đó nhà trường phải tập trung sắp xếp tổ chức bộ máy, giải quyết biên chế theo chủ trương giảm biên chế, vì vậy công tác tư tưởng lúc này khá phức tạp. Nhưng với sự cố gắng của các đồng chí trong Đảng uỷ, Ban giám hiệu, Trường đã sắp xếp ổn định tổ chức bộ máy để tập trung thực hiện nhiệm vụ trong giai đoạn mới, tổng số cán bộ sau khi được sắp xếp tinh giảm chỉ còn 49 đồng chí trong đó giảng viên có 11. Đồng chí Nguyễn Văn Hoàng, Phó Giám đốc Trường Lý luận Chính trị tại chức được bổ sung làm Phó Hiệu trưởng Trường Đảng tỉnh.

Để tăng cường bộ máy lãnh đạo Trường, Thường vụ Tỉnh uỷ đã cử đồng chí Trần Thị Xuân Lâm, Tỉnh uỷ viên, Phó Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ về làm Hiệu trưởng Trường từ tháng 7/1989. Ban Giám hiệu của Trường giai đoạn này gồm có 4 đồng chí: đồng chí Trần Thị Xuân Lâm, Hiệu trưởng phụ trách chung; đồng chí Phạm Văn Khải, Phó Hiệu trưởng phụ trách nội dung; đồng chí Nguyễn Văn Hoàng, Phó Hiệu

trưởng phụ trách công tác hành chính; đồng chí Võ Văn, Phó hiệu trưởng phụ trách công tác đào tạo - tổ chức.

Năm 1990, do yêu cầu tinh giảm biên chế, thu gọn đầu mối và căn cứ vào tình hình lực lượng giảng viên, từ 3 khoa tổ chức thành 2 khoa và vẫn giữ nguyên 3 phòng: Khoa lý luận cơ bản (gồm 3 môn lý luận Mác - Lênin) do đồng chí Nguyễn Đức Minh làm trưởng khoa; Khoa lịch sử Đảng - Xây dựng Đảng - Quản lý Nhà nước do đồng chí Nguyễn Thị Thu Bình làm trưởng khoa; Phòng Giáo vụ - Tổ chức do đồng chí Bùi Tấn Hưng làm Quyền trưởng phòng (từ 7/1989), đồng chí Trần Quốc Anh làm Phó Trưởng phòng; Phòng Tư liệu - Thư viện do đồng chí Nguyễn Thị An làm trưởng phòng; Phòng Hành chính - Quản trị do đồng chí Trần Văn Nhựt làm Trưởng phòng, đồng chí Huỳnh Quang làm Phó Trưởng phòng. Về tổ chức bộ máy, trường cũng tiếp tục tinh giảm, đến năm 1990 tổng số cán bộ, giảng viên, nhân viên toàn trường có 37, trong đó có 10 giảng viên. Đến năm 1991 với sự tích cực nỗ lực của Ban giám hiệu đội ngũ giảng viên được nâng lên, trong tổng số 36, có 13 giảng viên.

Đảng bộ Trường cũng được củng cố, Đại hội bầu lại Ban chấp hành mới, Ban chấp hành khóa IV gồm có 5 đồng chí, đồng chí Nguyễn Văn Hoàng được bầu làm Bí thư Đảng uỷ, đồng chí Võ Văn làm phó Bí thư, các đồng chí Phạm Văn Khải, Đinh Lưu Vân là đảng uỷ viên.

Cùng với kiện toàn và bổ sung lãnh đạo, trong thời kỳ này Trường cũng có những thay đổi như cử một số cán bộ, giảng viên đi đào tạo, nâng cao trình độ tại Trung ương, đào tạo lại đội ngũ cán bộ bằng nhiều phương thức, tăng cường thu hút những cán bộ được đào tạo chính quy về trường, đã khắc phục đáng kể sự thiếu thốn về số lượng, nâng cao được chất lượng giảng viên; đại đa số giảng viên có trình độ đại học, trong đó 5 đồng chí có trình độ trên đại học.

Thực hiện đường lối đổi mới công tác giáo dục lý luận chính trị theo tinh thần của Đại hội VI, dưới sự chỉ đạo của Ban Tuyên huấn Trung ương và Học viện Nguyễn Ái Quốc, Trường Đảng Thuận Hải đã chủ động, sáng tạo sắp xếp chương trình giảng dạy trên cơ sở đúc kết chương trình đã thực hiện các năm trước, tranh thủ

ý kiến của học viên, kết hợp tham khảo chương trình giảng dạy của các trường Đảng Trung ương đóng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Trường đã bổ sung nội dung chương trình, bài giảng cho phù hợp với những quan điểm, đường lối đổi mới, nâng cao tính thiết thực. Chương trình này đã được Ban Tuyên huấn Trung ương kiểm tra, chấp nhận và giới thiệu cho một số trường Đảng nghiên cứu vận dụng.

Năm 1987 đứng trước yêu cầu đổi mới mà Nghị quyết Đại hội VI đặt ra, mặc dù chưa có sự chỉ đạo của Ban Tuyên huấn Trung ương, Trường đã chủ động báo cáo với Thường trực Tỉnh uỷ, phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ tổ chức hội thảo khoa học bàn về chương trình và bước đầu có sự bổ sung cần thiết cho phù hợp với quan điểm lý luận và đường lối đổi mới của Đảng, trước hết phải đổi mới nhận thức về chủ nghĩa xã hội, về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta trong thời kỳ quá độ, khẳng định chủ nghĩa Mác - Lênin vẫn là đúng đắn, vẫn là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hành động của cách mạng.

Từ năm 1988, cơ quan quản lý nghiệp vụ cấp trên của Trường Đảng tỉnh là Học viện Nguyễn Ái Quốc không còn là Ban Tư tưởng văn hóa Trung ương. Sau khi có sự chỉ đạo tập huấn chương trình mới của Ban Tuyên huấn Trung ương, Trường đã cử đội ngũ giảng viên tham gia các lớp tập huấn, đồng thời Ban giám hiệu đã tổ chức bàn việc vận dụng và thực hiện giảng dạy chương trình mới ngay cho các lớp đang học.

Trong những năm 1986 đến 1989 Trường duy trì các lớp đang học và tiếp tục mở các lớp đào tạo trung cấp lý luận chính trị tập trung khóa V, VI và đào tạo 01 lớp giảng viên, thời gian học của lớp đào tạo giảng viên là 18 tháng, ngoài những môn học theo chương trình trung cấp lý luận chính trị đã được Trường điều chỉnh, chương trình đào tạo giảng viên được bổ sung thêm môn lý luận dạy học, phương pháp sư phạm và các báo cáo ngoại khóa. Nội dung học tập của các lớp đều tập trung giải quyết các vấn đề đổi mới quản lý kinh tế, xây dựng chính đôn Đảng; công tác quần chúng trong giai đoạn mới.

Công tác giảng dạy và học tập được quan tâm cải tiến về mặt phương pháp, Ban giám hiệu, các khoa và từng giảng viên đã quan tâm đổi mới nội dung bài giảng, để tránh sự trùng lặp những nội dung của các môn học nhà trường đã phát huy trí tuệ của tập thể, bàn bạc thống nhất bỏ bớt những phần, những nội dung không cần thiết ở các bài của các môn học, bảo đảm đem lại cho người học ý nghĩa thiết thực trong thực tiễn công tác và cuộc sống. Trong thời gian này, trường đã tổ chức nhiều cuộc hội thảo khoa học cấp khoa, cấp trường và đã nhiều lần cải tiến nội dung chương trình để phù hợp với đối tượng người học và phù hợp với tình hình đất nước trong quá trình đổi mới.

Đi đôi với việc chăm lo đổi mới công tác đào tạo, Trường đã quan tâm củng cố tổ chức bộ máy, công tác xây dựng Đảng, xây dựng củng cố tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên. Đặc biệt, vào thời gian đầu năm 1989, Đảng bộ đã tập trung thực hiện đợt tự phê bình và phê bình đảng viên theo tinh thần Nghị quyết số 04-NQ/TW, ngày 12/9/1987 của Bộ Chính trị về *cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức Đảng và bộ máy Nhà nước, làm lành mạnh quan hệ xã hội*. Đợt sinh hoạt của Đảng bộ Trường kéo dài có lúc căng thẳng, song trong nội bộ Đảng đã thể hiện được tinh thần đấu tranh thẳng thắn, đã chỉ ra được những ưu điểm và khuyết điểm của từng đảng viên để sửa chữa, tuy nhiên trong đấu tranh có bộc lộ hiện tượng cục bộ bè phái, nhưng đã được tập thể uốn nắn, chấn chỉnh, nên đã khắc phục, nội bộ đã đoàn kết, cùng nhau phấn đấu thực hiện nhiệm vụ chính trị của nhà trường. Sau đợt kiểm điểm Thường vụ Tỉnh uỷ đã kết luận: Bên cạnh những ưu điểm Trường đã phạm hai khuyết điểm như: nội bộ mất đoàn kết và quản lý tài chính, tài sản lỏng lẻo, dễ sơ hở thất thoát. Đã xử lý kỷ luật 4 đồng chí, trong đó có một đồng chí bị cách chức.

Thực hiện chủ trương của Thường vụ Tỉnh uỷ Thuận Hải về bồi dưỡng định kỳ cho cán bộ chủ chốt cơ sở cho hai đối tượng là chủ chốt xã, phường (157 xã, phường) và chủ chốt công ty, xí nghiệp. Tỉnh uỷ đã thành lập Ban chỉ đạo lớp học gồm các đồng lãnh đạo Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ, Trường Đảng tỉnh, Ban Tổ chức

Tỉnh uỷ và Ban Kinh tế Tỉnh uỷ, do đồng chí Phan Minh Đạo, Thường vụ Tỉnh uỷ, Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ làm trưởng ban; trong năm 1989 - 1990 Trường đã tiến hành mở 2 lớp, thời gian học mỗi lớp 2 - 3 tuần, có 346 người tham dự.

Về công tác đào tạo, từ năm 1989 nguồn chiêu sinh cán bộ, đảng viên học tập trung ở Trường Đảng gặp khó khăn, số lượng ngày càng giảm dần, với sự cố gắng quyết tâm của Ban giám hiệu nhà trường, cùng với sự hỗ trợ tích cực của các cấp, các ngành, năm 1989 - 1990 Trường mới mở được lớp đào tạo trung cấp lý luận chính trị tập trung khóa VII với số lượng 56 học viên, năm 1990 - 1991 mở lớp đào tạo lý luận chính trị tập trung khoá VIII với 42 học viên. Trong lúc đó, ở các huyện nhu cầu đào tạo tại chỗ rất lớn, về nguồn đào tạo khá dồi dào. Trước tình hình đó, năm 1990 - 1991 Trường Đảng Thuận Hải đã phát huy mô hình và phương thức đào tạo tại chức của Trường Lý luận tại chức, Trường đã cùng với các huyện, thị mở 3 lớp tại chức lưu động ở huyện và cụm huyện (địa điểm ở các Trung tâm giáo dục Chính trị các huyện, thị), như lớp tại chức 5 ở cụm huyện phía Bắc mở tại Phan Rang, lớp tại chức 6 ở huyện Bắc Bình, lớp tại chức 7 ở huyện Tuy Phong; số lượng học viên của 3 lớp tại chức lưu động đã tốt nghiệp ra trường gần 200 người, tương đương với cán bộ được đào tạo trước đó 10 năm kể từ năm 1980. Qua đó, tạo điều kiện cho giảng viên, cán bộ, nhân viên của Trường làm thêm giờ, thêm việc để tăng thu nhập. Tính đến năm 1991, Trường đã mở được 7 lớp đào tạo lý luận hệ tại chức, trong đó có 4 lớp ở Trường và 3 lớp ở huyện.

Về chương trình đào tạo, năm 1990, sau Hội nghị Trường Đảng toàn quốc, Học viện Nguyễn Ái Quốc ban hành chương trình mới áp dụng cho khóa học 1991 - 1992 trở đi gồm các môn học như: Những nguyên lý cơ bản của triết học Mác-Lênin; Chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội; Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam; Một số vấn đề về quốc phòng an ninh; Một số vấn đề chính sách xã hội - văn hóa giáo dục; Những vấn đề cơ bản về kinh tế ở nước ta; Tình hình thế giới và chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta hiện nay; Những vấn đề xây dựng Đảng và công tác quần chúng. Do tính chất thiết thực của chương trình, lãnh đạo Trường chỉ

đạo các khoa vận dụng ngay chương trình này vào các lớp đang học như lớp lý luận chính trị tập trung khóa 8 và các lớp lý luận chính trị tại chức khóa 4, 5, 6, 7. Do chưa có giáo trình, để bảo đảm chất lượng cho bài giảng nhà trường vừa coi trọng nỗ lực của cá nhân, đồng thời huy động và khai thác trí tuệ của tập thể, nên giáo án các bài giảng đều phải được thông qua trước Hội đồng khoa học nhà trường. Mặt khác, nhà trường rất coi trọng cải tiến phương pháp giảng dạy theo hướng quán triệt hơn nữa phương châm lý luận liên hệ với thực tiễn, bảo đảm được phong cách suy nghĩ khoa học độc lập và sáng tạo của người học. Ban giám hiệu đã tạo điều kiện cho giảng viên tự nâng cao trình độ năng lực của mình thông qua các hình thức: sinh hoạt chuyên đề, đi thực tế, nghiên cứu trao đổi kinh nghiệm với các trường ở tỉnh bạn, đi dự tập huấn chuyên đề, tập huấn chương trình mới, dự các lớp chuyên môn nghiệp vụ, hội thảo các môn học, tổ chức duyệt giáo án, giảng tập góp phần đào tạo giảng viên mới. Về hoạt động nghiên cứu khoa học, tuy đề tài chưa có bao nhiêu, nhưng các hoạt động thông tin khoa học, bồi dưỡng các vấn đề mới về lý luận chính trị và quản lý kinh tế được tổ chức thường xuyên. Năm 1990 nhà trường đã chỉ đạo Khoa Lý luận cơ bản tổ chức hội thảo các môn học, thông qua và góp ý bổ sung từng bài giảng trong cả ba bộ môn lý luận cơ bản. Trong thời kỳ này, Trường đã tiến hành 4 lần điều chỉnh và đổi mới chương trình. Việc quán triệt và vận dụng quan điểm đổi mới vào chương trình được hội thảo khá kỹ. Qua các đợt nghiên cứu thực tế ở địa phương cũng đã phát hiện và khái quát một số vấn đề thực tiễn, kiến nghị với cấp uỷ địa phương.

Trong thời gian 1990 - 1992 Trường đã tham gia một chương của đề tài khoa học do Học viện tổ chức và đã thực hiện một đề tài khoa học cấp tỉnh “Mô hình và con đường hình thành người bí thư cấp uỷ, chủ tịch xã, phường, thị trấn của tỉnh Bình Thuận” đã hoàn thành 14 tiểu đề nhánh (tháng 5 năm 1993), nhưng chưa biên tập tổng hợp, do đó chưa được tỉnh nghiệm thu.

Trong hoạt động giảng dạy Trường luôn quan tâm thực hiện phương châm “lý luận liên hệ với thực tiễn, học đi đôi với hành; nhà trường gắn liền với đời

sống xã hội”; tích cực cải tiến phương pháp dạy và học tập, tập trung vào các khâu kiểm tra, chuyên phương thức thảo luận tổ sang thảo luận có giáo viên hướng dẫn; giảng dạy có đồ dùng dạy học như sơ đồ, biểu đồ v.v...làm cho việc học tập sôi động hơn, giảng viên trong trường được học viên đánh giá là giảng dạy dễ hiểu, dễ ghi, đã trang bị cho học viên nhiều kiến thức mới bổ ích cho công tác lãnh đạo và quản lý. Nhà trường đã thống nhất đưa xê-mi-na vào các môn học đã trở thành nền nếp. Mỗi khóa học nhà trường đều thực hiện đúng qui chế, bảo đảm thời gian học tập, nghiên cứu, thảo luận, xê-mi-na và xâm nhập thực tế, nghe báo cáo thời sự, đã giúp cho người học nâng cao nhận thức, có cách nhìn nhận và giải quyết vấn đề đúng đắn hơn, tiếp thu chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước thuận lợi hơn, có khả năng giải thích, tranh luận các vấn đề phức tạp trên thế giới và trong nước để đấu tranh chống lại các quan điểm sai trái. Về công tác quản lý học viên nhà trường đã áp dụng biện pháp hành chính rất chặt chẽ “từ đầu vào đến đầu ra”, thực hiện đúng nội qui, qui chế; phối hợp song hành quản lý giữa nhà trường với các đơn vị cử người đi học thông qua hình thức thông báo kết quả học tập, rèn luyện học viên qua mỗi môn học và thực hiện chế độ bàn giao cán bộ cho đơn vị chủ quản khi học viên tốt nghiệp ra trường.

Tổ chức Đảng cũng được kiện toàn, củng cố và trưởng thành, năm 1990 với 3 chi bộ khung trường và 2 chi bộ học viên. Tổ chức đảng luôn thể hiện vai trò hạt nhân lãnh đạo chính trị tư tưởng, động viên cán bộ, đảng viên, quần chúng, học viên trong trường thực hiện nhiệm vụ chính trị của Trường. Dưới sự lãnh đạo của Đảng uỷ, chính quyền và các tổ chức quần chúng trong Trường, phong trào thi đua được phát động liên tục, nhiều cán bộ đảng viên nhiều năm liền đạt lao động tiên tiến; Đảng bộ luôn chăm lo công tác xây dựng Đảng, phát triển đảng viên, đã kết nạp nhiều quần chúng ưu tú vào Đảng.

Các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên, nữ công hoạt động đồng bộ. Công đoàn đã phối hợp chặt chẽ với chính quyền, vận động đoàn viên, quần chúng phát huy tinh thần làm chủ tập thể, đẩy mạnh phong trào thi đua dạy tốt, phục vụ tốt, đã

có nhiều biện pháp tích cực, cùng với bộ phận đời sống của Trường đẩy mạnh sản xuất trồng rau, chăn nuôi, dịch vụ tạo những nguồn thu hợp pháp để chăm lo đời sống cho cán bộ công nhân viên của Trường; Nữ công đã giáo dục cho chị em nâng cao vai trò trách nhiệm của người phụ nữ, người mẹ, người chị trong gia đình, đồng viên tinh thần đoàn kết giúp đỡ nhau khắc phục khó khăn để hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ, thi đua xây dựng gia đình văn hóa mới và làm tốt chức năng giáo dục con cái; Chi đoàn thanh niên đã giáo dục thanh niên phấn đấu trong công tác, học tập rèn luyện, nhiều thanh niên đã được kết nạp vào Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam.

Tổng hợp công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Trường Đảng Thuận Hải từ 6/1986 - 4/1992, thời kỳ này Trường đã mở thêm 04 đào tạo lớp lý luận chính trị cơ bản tập trung, 07 lớp đào tạo lý luận chính trị cơ bản tại chức, 01 lớp đào tạo lý luận chính trị sơ cấp và trên 10 lớp bồi dưỡng định kỳ ngắn ngày cho cán bộ chủ chốt cơ sở, tổng số 22 lớp tất cả các loại với số lượng là 2.580 học viên. Đây là thời kỳ trường mở được nhiều lớp trung cấp lý luận chính trị và đã kết hợp cả hai hình thức đào tạo tập trung và tại chức, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho người học và cũng khắc phục được xu hướng giảm dần về sĩ số các lớp đào tạo tập trung tại trường.

Kết quả rõ rệt nhất trong giai đoạn này, Trường đã đào tạo và bồi dưỡng được một đội ngũ giảng viên đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, giảm dần và đi đến chấm dứt tình trạng mời giảng viên bên ngoài về giảng dạy, tiết kiệm chi phí, chủ động bảo đảm kế hoạch giảng dạy. Đội ngũ các phòng nghiệp vụ chuyên môn tích lũy được kinh nghiệm, hoạt động có tính chuyên nghiệp hơn, chất lượng phục vụ ngày càng tốt hơn.

Nhiều học viên sau học tập đã được nâng lên về lập trường, quan điểm, đạo đức, phong cách, năng lực tổ chức hoạt động thực tiễn, nắm vững đường lối đổi mới của Đảng, hiểu rõ trách nhiệm của bản thân trong việc giải quyết nhiệm vụ chính trị ở cơ sở; lòng tin vào Đảng, vào con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội được củng cố vững chắc hơn. Trường đã góp phần tích cực với Đảng bộ tỉnh trong việc

đào tạo cán bộ, tuyên truyền và bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối đổi mới của Đảng. Cụ thể, qua khảo sát hiệu quả sau đào tạo, nhiều học viên đã cho rằng: Sau đào tạo họ nâng cao hơn về nhận thức, nắm vững những qui luật vận động của tự nhiên, xã hội và tư duy, nên tránh được bệnh chủ quan, nóng vội trong lãnh đạo, chỉ đạo; quan điểm, lập trường vững vàng hơn, tự tin hơn; tiếp thu đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước thuận lợi hơn, giải quyết tốt công việc hằng ngày, triển khai công việc thuận lợi hơn; mạnh dạn đề ra chủ trương, biện pháp tháo gỡ những khó khăn vướng mắc ở đơn vị. Nhiều đồng chí cho rằng việc học lý luận chính trị là rất bổ ích, nếu không được đào tạo lý luận chính trị thì không thể làm tốt vai trò của người cán bộ ở cơ sở, nên nhiều đồng chí sau đào tạo được bố trí giữ những cương vị lãnh đạo chủ chốt cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh đã tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ thuộc cấp mình lãnh đạo, quản lý tham gia học lý luận chính trị.

Tuy nhiên, thời gian này chương trình và nội dung giảng dạy còn một số vấn đề chưa ổn, có sự khập khiễng giữa đối tượng và mục tiêu đào tạo với chương trình, giữa lý luận với thực tiễn, giữa học và làm. Mặt khác, còn nhiều vấn đề lý luận cơ bản chưa được giải quyết nhất là trong thời kỳ đổi mới. Ngoài vấn đề nội dung chương trình, phương pháp giảng dạy vẫn chủ yếu dùng lại phương pháp giảng giải, chưa mạnh dạn áp dụng một số phương pháp dạy học khác; do đó, học viên học còn thụ động, quá trình dạy học thiếu sinh động chưa theo kịp tình hình diễn biến thực tiễn cách mạng; đời sống khó khăn; tình hình đó tác động đến tư tưởng tình cảm của cán bộ, đảng viên; tâm lý ngại học chính trị xuất hiện trong cán bộ, đảng viên.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng giảng viên chưa được cấp ủy quan tâm đúng mức. Chế độ chính sách đối với giảng viên chính trị còn nhiều bất hợp lý, chưa có sự thu hút đáng kể, nên giảng viên chưa toàn tâm toàn ý phục vụ công tác giảng dạy và học tập có lúc nội bộ chưa thật sự đoàn kết, có lúc trở nên gay gắt, làm cho cấp ủy bận tâm, học viên thiếu phấn khởi, uy tín của trường giảm sút.

2. Tổ chức, hoạt động của Trường Lý luận chính trị tại chức (01/1987 - 7/1989)

Trường Lý luận Chính trị tại chức Thuận Hải ra đời từ tháng 01 năm 1987 và hoạt động đến tháng 7 năm 1989 thì hợp nhất với Trường Đảng. Ra đời theo yêu cầu về cán bộ và nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên của Đảng bộ Thuận Hải. Vì vậy, song song với việc tăng cường công tác đào tạo cán bộ trung cấp lý luận chính trị ở Trường Đảng Thuận Hải, tỉnh Thuận Hải cũng chú trọng việc đào tạo cán bộ cho các phòng ban thuộc sở ban ngành của tỉnh, của huyện và cơ sở. Tuy nhiên, do số lượng cán bộ, đảng viên theo quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng tại Trường Đảng tỉnh có hạn, nên để đáp ứng yêu cầu về cán bộ. Căn cứ vào Quyết định số 30-QĐ/TW, ngày 8/12/1983 của Ban Bí thư trung ương Đảng “về tăng cường công tác giáo dục lý luận chính trị tại chức cho cán bộ, đảng viên” và Qui định số 32-QĐ/TW, ngày 29/01/1985 của Ban Tổ chức Trung ương, qui định về tổ chức bộ máy và chế độ công tác của Trường Lý luận tại chức. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thuận Hải đã ra Quyết định số 08-QĐ/TV, ngày 21/01/1987 thành lập Trường Lý luận Chính trị tại chức Tỉnh Thuận Hải. Đồng thời, quyết định cử 2 đồng chí trong Ban giám hiệu trường là: đồng chí Huỳnh Minh Chánh, phó Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy kiêm Hiệu trưởng; đồng chí Nguyễn Văn Hoàng, Trưởng phòng giáo vụ Trường Đảng tỉnh làm phó Hiệu trưởng; ngoài lãnh đạo trường có 7 đồng chí là cán bộ, nhân viên các bộ phận giáo vụ, giảng viên và tổ chức hành chính quản trị. Bộ phận giáo vụ, giảng viên do đồng chí Nguyễn Thị An phụ trách, bộ phận tổ chức - hành chính quản trị do đồng chí Lê Ngọc Minh phụ trách.

Chức năng của Trường Lý luận Chính trị tại chức được xác định là: Giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước nhằm trang bị thế giới quan, phương pháp luận khoa học và nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa; nâng cao năng lực hoạt động thực tiễn, bằng hình thức học tại chức cho đông đảo cán bộ, đảng viên công tác trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể quần chúng (ngoài đối tượng của hệ thống trường Đảng).

Địa điểm của Trường Lý luận Chính trị tại chức được xác định trong Quyết định số 202/QĐ-TV ngày 23/9/1987 của Thường vụ Tỉnh uỷ Thuận Hải là toàn bộ khu A của Trường Đảng.

Với tính chất là công cụ tổ chức và công cụ tư tưởng của Đảng, theo quyết định thành lập Trường được xác định thực hiện các nhiệm vụ sau:

Mở các lớp lý luận cơ bản về Triết học, kinh tế chính trị học, chủ nghĩa cộng sản khoa học, lịch sử Đảng và xây dựng Đảng; mở các lớp ngắn hạn bồi dưỡng về đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước; bồi dưỡng những kiến thức về quản lý Nhà nước, quản lý kinh tế; các lớp bồi dưỡng lý luận chuyên đề cho một số đối tượng đã học lý luận cơ bản; các lớp chuyên môn, nghiệp vụ cho giảng viên thuộc hệ thống trường; lớp lý luận tại chức.

Đối tượng chiêu sinh của Trường là đông đảo cán bộ (kể cả cán bộ chưa là đảng viên) đảng viên ngoài diện chiêu sinh của hệ thống Trường Đảng gồm cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý các cơ quan tỉnh, huyện, cán bộ nghiên cứu, nghiệp vụ, khoa học kỹ thuật ...

Như vậy, Trường Lý luận chính trị tại chức có chức năng, nhiệm vụ khác so với chức năng nhiệm vụ của Trường Đảng tỉnh, đó là: Hình thức mở lớp của Trường là đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tại chức. Thời gian đào tạo các lớp trung cấp lý luận tại chức trong 3 năm (mỗi tháng học 1 tuần). Trường Lý luận chính trị tại chức còn có nhiệm vụ xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên kiêm chức của tỉnh.

Mặc dầu lúc mới thành lập cũng như trong quá trình hoạt động Trường Lý luận Chính trị tại chức đã gặp khó khăn nhiều mặt, một mặt do chưa có sự thống nhất cao trong một số đồng chí Tỉnh uỷ viên và lãnh đạo một số sở, ban, ngành của tỉnh cho rằng không cần thành lập Trường Lý luận Chính trị Tại chức, vì vậy, chưa thật sự quan tâm tạo điều kiện cho Trường trong quá trình hoạt động. Mặt khác, đến tháng 12/1987, Ban Bí thư TW và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng có Thông báo 46-TB/TW, ngày 12/12/1987 và Công văn số 753 TH/TW ngày 19/12/1987 của Ban Tuyên huấn Trung ương chủ trương chuyển Trường Lý luận Chính trị tại

chức thành Nhà Giáo dục Chính trị nằm trong Ban Tuyên huấn. Tình hình đó đã tác động và ảnh hưởng đến hoạt động của Trường, đội ngũ cán bộ chưa thật sự yên tâm, ổn định về tư tưởng. Bên cạnh đó, cơ sở vật chất của Trường khi nhận bàn giao khu A của Trường Đảng đã xuống cấp nặng, hầu như không sử dụng được. Bộ máy hình thành chậm, cán bộ giảng dạy và quản lý chuyên môn quá ít. Đến tháng 12/1988, sau hơn một năm thành lập cũng chỉ có 12 đồng chí, phần lớn là nhân viên phục vụ trong đó có 4 đảng viên, 3 đoàn viên Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, giảng viên chuyên trách không có, chỉ có 02 đồng chí trong Ban giám hiệu (01 Hiệu trưởng, 01 phó hiệu trưởng) và 01 giảng viên làm Trưởng phòng giáo vụ kiêm công tác giảng dạy. Nhưng với quyết tâm và tinh thần chủ động, sáng tạo khắc phục khó khăn của lãnh đạo và cán bộ, nhân viên của Trường, Trường Lý luận Chính trị tại chức Thuận Hải vẫn mạnh dạn tổ chức có hiệu quả hoạt động đào tạo bồi dưỡng. Hoạt động mở lớp đầu tiên của Trường là tổ chức các lớp bồi dưỡng Nghị quyết Đại hội VI của Đảng cho đối tượng cán bộ, đảng viên. Trường đảm nhiệm trong hoàn cảnh cơ sở vật chất rất khó khăn, nên trường đã khắc phục bằng cách tổ chức các lớp lưu động theo từng Cụm huyện, thị. Trong quý IV năm 1987, Trường đã mở được 5 lớp với 1.596 đồng chí cán bộ, đảng viên tham dự (trong đó có 651 cán bộ có trình độ đại học, cao đẳng).

Năm 1988, mặc dù về tư tưởng cán bộ, công chức trường chưa an tâm, chờ đợi sự ra đời và tổ chức bộ máy của Nhà Giáo dục Chính trị nhưng lãnh đạo nhà trường vẫn xây dựng và tiếp tục thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo nhiệm vụ mà Thường vụ Tỉnh ủy giao. Đầu năm 1988, Trường Lý luận Chính trị tại chức tiếp tục mở thêm 2 lớp bồi dưỡng Nghị quyết Đại hội VI. Đồng thời, trong năm 1988 Trường triển khai 02 lớp đào tạo chương trình lý luận cơ bản (trung cấp lý luận) hệ bồi dưỡng, với gần 200 học viên tham gia (trong đó có 1 lớp dành riêng cho cán bộ ngành y tế). Lúc này đang có phong trào hướng về Trường Sa, Ban Giám hiệu trường thống nhất với học viên đặt tên cho một lớp Trung cấp là “lớp vì Trường sa thân yêu” và động viên tinh thần, thái độ học tập của học viên và giảng dạy của

giảng viên theo tinh thần đó. Mọi người đều động viên nhau vượt qua khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ, tuy chế độ bồi dưỡng cho giảng viên lúc bấy giờ chưa có gì, nhưng ai cũng rất tâm huyết, nhiệt tình vui vẻ, không ai kêu ca, phàn nàn. Học viên học tập cũng rất nghiêm túc, tự giác chấp hành tốt nội quy, quy chế của nhà trường.

Ngày 21 tháng 5 năm 1989, Thường vụ Tỉnh ủy có quyết định sáp nhập Trường Lý luận Chính trị tại chức vào Trường Đảng tỉnh, toàn bộ công việc của Trường Lý luận Chính trị tại chức kết thúc và bàn giao xong giữa 2 trường trong tháng 6/1989. Từ tháng 7/1989 bộ máy hai trường đã thống nhất và hoạt động theo kế hoạch chung. Ra đời và tồn tại trong một thời gian ngắn nhưng Trường Lý luận chính trị Tại chức Tỉnh Thuận Hải đã tích cực mở các lớp lưu động ở các huyện, mở đầu cho việc đưa lớp học về cơ sở, thu hút được nhiều cán bộ tham gia học tập, được các huyện hoan nghênh, góp phần tiết kiệm kinh phí, đồng thời tạo điều kiện cho giảng viên có điều kiện thâm nhập thực tế.

Tuy chỉ ra đời và tồn tại trong một thời gian ngắn nhưng Trường Lý luận chính trị tại chức tỉnh Thuận Hải đã làm được nhiều việc có kết quả, góp phần vào sự nghiệp đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, đảng viên của tỉnh⁽¹⁾.

Đánh giá sau hơn 15 năm hoạt động, kể từ sau ngày đất nước độc lập thống nhất cho đến tháng 4 năm 1992 chia tách tỉnh Thuận Hải thành 2 tỉnh Bình Thuận và Ninh Thuận. Trường Đảng Thuận Hải đã luôn bám sát nhiệm vụ chính trị địa phương, tổ chức thực hiện tốt các phương hướng và quan điểm chỉ đạo công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ trong từng thời kỳ do Nghị quyết Đại hội toàn quốc và Đại hội Đảng bộ tỉnh nêu ra, phát huy tốt chức năng nhiệm vụ của mình trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Đã đào tạo cho tỉnh nhà hàng ngàn đảng viên tốt nghiệp chương trình lý luận trung cấp, sơ cấp, cơ sở và hàng vạn lượt cán bộ được bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, quản lý kinh tế để đáp ứng sự nghiệp cải tạo, xây dựng và bảo vệ thành quả cách mạng của địa phương, cơ sở; góp phần thực hiện thắng lợi Nghị

(¹) Xem phụ lục số 10.

quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, lần thứ V, lần thứ VI của Đảng và Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ Thuận Hải khóa II, Khóa III, Khóa IV.

Thông qua hoạt động của mình, Trường Đảng Thuận Hải thực sự trở thành công cụ tư tưởng và tổ chức của Đảng bộ tỉnh, góp phần tích cực vào thực hiện nhiệm vụ chính trị địa phương, xây dựng đội ngũ cán bộ của tỉnh Thuận Hải cũng là sự chuẩn bị đội ngũ cán bộ ban đầu cho 2 tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận sau này.

Kết quả cụ thể của công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Trường Đảng Thuận Hải từ năm 1975 đến tháng 4/1992 đã đào tạo, bồi dưỡng 65 lớp các loại với 7.572 học viên, trong đó cán bộ cấp xã 2.202, chiếm tỷ lệ 29,07% tổng số; cán bộ cấp huyện 2.525, chiếm 33,36,% tổng số; cán bộ các ngành cấp tỉnh 2.845, chiếm tỷ lệ 37,57% tổng số. Cụ thể, về đào tạo: tổng số cán bộ được đào tạo các lớp lý luận chính trị trong toàn tỉnh là 2736 lượt cán bộ; trong đó: Chương trình lý luận cơ sở: 8 lớp với 478 học viên; Chương trình lý luận sơ cấp: 10 lớp với 825 học viên; Chương trình lý luận trung cấp: 16 lớp với 1.433 học viên⁽¹⁾. Về bồi dưỡng: Bồi dưỡng nghị quyết đại hội, nghị quyết Trung ương và bồi dưỡng cán bộ cơ sở: 25 lớp, với 4.037 học viên; Bồi dưỡng kiến thức quản lý kinh tế: 6 lớp, với 799 học viên⁽²⁾. Qua khảo sát học viên sau khi ra trường nhân dịp kỷ niệm 15 năm thành lập trường cho thấy khoảng 80%, học viên đã phát huy tác dụng tốt, góp phần thúc đẩy sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; nhiều đồng chí tham gia vào cấp ủy cơ sở, huyện, thị và tỉnh hoặc các cơ quan chính quyền, đoàn thể.

Cùng với quá trình hoạt động của trường, đội ngũ cán bộ giảng dạy và chuyên môn nghiệp vụ của trường đã phát triển về số lượng và trưởng thành về chất lượng, đáp ứng tốt hơn nhu cầu mở rộng qui mô và nâng cao chất lượng đào tạo cán bộ, trở thành một lực lượng nòng cốt cho các trường Đảng Ninh Thuận, Bình Thuận sau này.

⁽¹⁾ Xem phụ lục số 11.

⁽²⁾ Xem phụ lục số 12.

Kết quả trên đây trước hết tổ chức Đảng của Trường luôn giữ vị trí trung tâm hạt nhân lãnh đạo chính trị tư tưởng, xây dựng nội bộ đoàn kết thống nhất trên cơ sở đấu tranh thẳng thắn chân tình, chống mọi biểu hiện tiêu cực và độc đoán chuyên quyền trong cơ quan; chăm lo rèn luyện đạo đức, tác phong mẫu mực cho đội ngũ giảng viên, đảng viên, cán bộ, quần chúng trong cơ quan. Trong đó, có vai trò quan trọng của các đồng chí trong Ban chấp hành Đảng bộ nhà trường qua các khóa.

Gắn liền với sự quan tâm chỉ đạo và tạo điều kiện mọi mặt trong hoạt động của Trường là Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh, các ban, ngành đoàn thể, huyện, thị và cơ sở. Sự chỉ đạo của Ban Tuyên huấn TW và Học viện Nguyễn Ái Quốc, sự giúp đỡ của các Trường Đảng Trung ương và các cơ sở đào tạo liên quan. Là kết quả trực tiếp của tinh thần tự lực tự cường khắc phục khó khăn, phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo, đề cao trách nhiệm cá nhân và tập thể phòng, khoa, tinh thần cộng đồng hợp tác đã góp phần hoàn thành nhiệm vụ chính trị.

Tuy nhiên, cần thấy những khuyết điểm, thiếu sót nổi lên trong quá trình hoạt động của trường là: Chưa thật chú trọng tập trung đào tạo đối tượng chính là cán bộ chú chốt xã, phường, thị trấn. Cho nên 15 năm qua, đối tượng này chỉ chiếm 29,07% tổng số được đào tạo, bồi dưỡng. Nội dung chương trình chưa thật sự đổi mới cho phù hợp với yêu cầu của cán bộ cơ sở, còn nặng về lý thuyết thiếu liên hệ thực tiễn cuộc sống, nhẹ về giáo dục kỹ năng, nghiệp vụ. Về phương pháp giảng dạy còn nặng phương pháp thuyết trình, chưa phát huy được tính sáng tạo, chủ động của người học. Lãnh đạo trường chưa quan tâm bồi dưỡng kiến thức thực tế địa phương và chế độ nghiên cứu thực tế, nghiên cứu khoa học cho giảng viên; chưa có chủ trương, biện pháp cụ thể chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy và học. Tỉnh ủy chưa có nhiều biện pháp, chính sách để xây dựng được một đội ngũ giảng viên Trường Đảng có chất lượng và số lượng. Trong tình hình giảng viên ít, trường mở nhiều lớp, do đó số lượng giờ giảng quá nhiều, mỗi giảng viên phải dạy nhiều bài, nhiều môn, nhiều lớp nên không tránh khỏi chất lượng bị hạn chế.

CHƯƠNG IV
TRƯỜNG ĐẢNG - TRƯỜNG CHÍNH TRỊ BÌNH THUẬN ĐỔI MỚI CÔNG
TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CHO ĐỘI NGŨ
CÁN BỘ (1992 – 2012)

I. TRƯỜNG ĐẢNG BÌNH THUẬN TỪ SAU KHI CHIA TÁCH TỈNH
(1992 - 1994)

Thực hiện Nghị quyết kỳ họp thứ 10, ngày 26 tháng 12 năm 1991 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (khóa VIII) về việc chia tách tỉnh Thuận Hải thành hai tỉnh: Bình Thuận và Ninh Thuận. Trên cơ sở đó Tỉnh ủy Thuận Hải ban hành Nghị quyết số 17/NQ-TU TH, ngày 18/01/1992 chỉ đạo thực hiện nghị quyết của Quốc hội về việc chia tách tỉnh. Khi có nghị quyết của Tỉnh ủy ban hành, Trường Đảng Thuận Hải xúc tiến việc chia tách thành Trường Đảng Bình Thuận và Trường Đảng Ninh Thuận. Với tinh thần “nhường áo, sẻ cơm”, Trường Đảng Bình Thuận ưu tiên những gì tốt cho Trường Đảng Ninh Thuận để góp phần tạo dựng cơ sở vật chất ban đầu, do đó 1/3 số tài sản, gồm: thiết bị máy móc; giáo trình và các loại sách giáo khoa, tài liệu phục vụ cho công tác nghiên cứu, giảng dạy; bàn, ghế cùng các vật dụng khác phục vụ hậu cần được chuyển tới Trường Đảng Ninh Thuận để sớm có điều kiện ổn định và đi vào hoạt động. Khâu cốt yếu nhất lúc này là công tác cán bộ của mỗi trường, nhất là đối với Trường Đảng Ninh Thuận. Chuẩn bị cho việc chia tách trường cũ, thành lập trường mới cho mỗi tỉnh, Ban giám hiệu Trường Đảng Thuận Hải làm công tác tư tưởng để điều động, vận động cán bộ và giảng viên xung phong ra nhận công tác tại Trường Đảng Ninh Thuận. Theo quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thuận Hải, có 8 đồng chí về nhận công tác tại Trường Đảng tỉnh Ninh Thuận, gồm: Trần Thị Xuân Lâm, Hiệu trưởng Trường Đảng Thuận Hải; Phạm Văn Khải, Phó Hiệu trưởng, phụ trách nội dung; Phan Văn Liên (giảng viên Khoa Xây dựng Đảng); Lê Thị Chinh, Doãn Thị Sơn và Phạm Thị Tuyết (cán bộ Phòng Giáo vụ - Tổ chức); Phạm Hồng Thái, Nguyễn Thị Huệ và Trần Văn Đạm (nhân

viên Phòng Hành chính - Quản trị). Tháng 4 năm 1992, công việc chia tách Trường được hoàn thành trong sự đoàn kết, thân ái. Được kế thừa phần lớn cơ sở vật chất và đội ngũ giảng viên, cán bộ của Trường Đảng Thuận Hải là một thuận lợi đối với Trường Đảng Bình Thuận sau khi chia tách. Tuy nhiên đội ngũ cán bộ, giảng viên, viên chức đang là vấn đề cần tiếp tục bổ sung, nhằm sớm đưa mọi hoạt động của nhà trường trở lại bình thường, khâu đầu tiên là tập trung xây dựng, củng cố tổ chức bộ máy và công tác cán bộ. Ban giám hiệu lúc này có 2 đồng chí, gồm: Nguyễn Văn Hoàng giữ chức vụ Hiệu trưởng; Võ Văn, Phó Hiệu trưởng. Đến tháng 5 năm 1994 đồng chí Nguyễn Văn Hoàng, Hiệu trưởng bị lâm bệnh nặng và mất, đồng chí Võ Văn, Phó Hiệu trưởng được Thường vụ Tỉnh ủy Bình Thuận giao quyền phụ trách, đến tháng 5 năm 1995 được bổ nhiệm chức vụ Hiệu trưởng. Đồng chí Đinh Lưu Văn, Phó Trưởng Khoa Lý luận cơ sở được đề bạt giữ chức Phó Hiệu trưởng. Đội ngũ cán bộ giảng viên, nhân viên sau khi chia tách tỉnh, thành lập trường mới chỉ có 25 người, đến năm 1993 có 29 người, trong khi biên chế cho số lượng 45 người. Về trình độ chuyên môn, chỉ 7 người có trình độ đại học. Số giảng viên chiếm tỷ lệ 1/5 tổng biên chế thời điểm đó, trong khi Quy định số 27TC/TW ngày 27/01/1985 của Ban Tổ chức Trung ương thì lực lượng giảng viên Trường Đảng phải chiếm tỷ lệ 2/3 trong tổng số biên chế của trường.

Khi tái thành lập Trường Đảng Bình Thuận, có 2 phòng phục vụ cho công tác đào tạo: Phòng Giáo vụ - Tư liệu - Thư viện, Trưởng phòng là đồng chí Trần Quốc Anh; Phó Trưởng phòng - đồng chí Ngô Tấn Trí; các thành viên của phòng gồm có: Nguyễn Duy Hà; Vũ Đình Huýnh; Phạm Như Thuyết; Trần Thị Minh Hoài; Nguyễn Thị Minh Thảo; Trần Thị Chút. Phòng Tổ chức - Hành chính, Quản trị, Trưởng phòng là đồng chí Trần Văn Nhựt; Phó Trưởng phòng là đồng chí Huỳnh Quang; nhân viên gồm có: Nguyễn Khắc Bằng, Lý Thị Anh, Trần Thị Mây, Vương Thị Hạnh, Phạm Thị Lâm, Dương Thị Trương, Phạm Thị Hòa, Phạm Thị Sương, Nguyễn Thị Sáu, Nguyễn Thành.

Thực hiện công tác chuyên môn giảng dạy trong giai đoạn này có 2 khoa, gồm: Khoa Lý luận cơ sở, do đồng chí Nguyễn Đức Minh làm Trưởng khoa; đồng chí Đinh Lưu Vân - giảng viên (đến tháng 9 năm 1992 được đề bạt Phó Trưởng khoa) và 2 tập sự giảng viên: La Minh Trọng, Nguyễn Thị Tuyết Nhi. Năm 1993, đồng chí La Minh Trọng chuyển công tác về Trường trung học Sư phạm (nay là Cao đẳng Cộng đồng), đồng chí Nguyễn Thị Tuyết Nhi chuyển công tác về Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy. Khoa Lịch sử Đảng và Đường lối chính sách, do đồng chí Nguyễn Thị Thu Bích làm Trưởng khoa; đồng chí Bùi Tấn Hưng, Phó Trưởng khoa; đồng chí Nguyễn Thị Quỳnh Xê, giảng viên và đồng chí Huỳnh Thái Dương (tập sự giảng viên). Tuy được phân thành các khoa chuyên môn, nhưng đội ngũ giảng viên của trường còn quá ít, chỉ có 7 người (kể cả 2 giảng viên trong Ban giám hiệu), gồm: đồng chí Nguyễn Văn Hoàng, Hiệu trưởng; đồng chí Võ Văn, Phó Hiệu trưởng; Nguyễn Thị Thu Bích; Nguyễn Đức Minh; Đinh Lưu Vân; Bùi Tấn Hưng; Nguyễn Thị Quỳnh Xê. Thời điểm này chưa có giảng viên nào đạt đến trình độ thạc sĩ.

Sau khi củng cố, hoàn thiện tổ chức bộ máy, Đảng ủy và Ban Giám hiệu nhà trường quán triệt tư tưởng cho đội ngũ đảng viên và cán bộ, giảng viên, nhân viên nêu cao tinh thần trách nhiệm, giữ gìn sự đoàn kết nhất trí, tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa Đảng ủy, Ban Giám hiệu và các tổ chức đoàn thể cùng các bộ phận nghiệp vụ chuyên môn ở các khoa, phòng để sớm ổn định về mọi mặt nhằm tạo động lực cho nhà trường hoạt động có hiệu quả ngay từ giai đoạn đầu tái thành lập Trường.

Từ tháng 5 năm 1992, Trường Đảng Bình Thuận bắt đầu sự nghiệp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho tỉnh nhà trong giai đoạn mới. Chủ nghĩa xã hội ở các nước Đông Âu và Liên Xô sụp đổ (năm 1988 đến tháng 8 năm 1991). Sự chấn động về chính trị chưa từng có trong lịch sử đã tác động lớn đến đời sống chính trị xã hội trong nước và địa phương. Lợi dụng cơ hội đó các thế lực thù địch, phản động ra sức tấn công, xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa xã hội, làm cho một bộ phận không ít cán bộ đảng viên và nhân dân hoang mang, dao động, hoài nghi về

sự tồn vong của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Báo cáo của BCH lâm thời Đảng bộ Bình Thuận tại Đại hội VIII (năm 1992) đã nêu rõ “Những biến động phức tạp của tình hình quốc tế vẫn còn tác động mạnh đến tâm tư cán bộ và nhân dân”⁽¹⁾. Trước tình hình đó, công tác giảng dạy lý luận chính trị nói chung và ở các Trường Đảng lúc này phải đổi mới với những thách thức giữa lý luận với thực tiễn về chủ nghĩa xã hội. Tuy vậy sau một thời gian nhất định các mặt hoạt động trở lại bình thường khi tình hình kinh tế trong nước và tỉnh nhà đã vượt qua thời kỳ khủng hoảng, từng bước khởi sắc; an ninh chính trị vẫn giữ vững ổn định. Những thành tựu đó là sự khẳng định con đường đi lên CNXH và công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo từ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI là đúng đắn, niềm tin trong cán bộ, đảng viên và nhân dân được củng cố, đồng thời tạo động lực cho đội ngũ giảng viên lý luận chính trị có thêm bản lĩnh vững vàng trên bục giảng, đưa hoạt động đào tạo ở Trường Đảng trở lại bình thường.

Định hướng cho hoạt động đào tạo lúc này là bám sát quan điểm đường lối của Đảng được nêu trong văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII (năm 1991). Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội đề ra 07 phương hướng cơ bản, trong đó phương hướng thứ 4 đã xác định: “*Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa làm cho thế giới quan Mác - Lênin và tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh giữ vị trí chủ đạo trong đời sống tinh thần xã hội*”. Đồng thời văn kiện Đại hội VII đã nêu một số bài học kinh nghiệm trong những năm đầu của sự nghiệp đổi mới; bài học thứ nhất chỉ rõ: “*Phải giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong quá trình đổi mới. Điều cốt yếu để công cuộc đổi mới giữ được định hướng xã hội chủ nghĩa là trong quá trình đổi mới, Đảng ta phải kiên trì và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, giữ vai trò lãnh đạo xã hội*”.

Ở địa phương, văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Bình Thuận lần thứ VIII (năm 1992) đã xác định: “*Kiên trì một cách nhất quán con đường xã hội chủ nghĩa mà*

(¹) Văn kiện Đại hội lần thứ VIII, Đảng bộ tỉnh Bình Thuận, tr.22.

Đảng và Bác Hồ đã lựa chọn, đẩy mạnh công cuộc đổi mới đi vào chiều sâu, lấy xây dựng Đảng làm then chốt, phát triển kinh tế làm nhiệm vụ trung tâm”.

Mặc dù phải đứng trước những vấn đề thách thức về lý luận, đồng thời thực tế đời sống tuy có được cải thiện một bước nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, tuy vậy với tinh thần trách nhiệm trước Đảng, đội ngũ giảng viên, cán bộ, nhân viên của Trường luôn vững vàng lập trường quan điểm, kiên định với lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; bám sát định hướng tư tưởng của Đảng và chức năng nhiệm vụ của Trường đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao để tiếp tục duy trì hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ tỉnh nhà sau khi tái lập tỉnh Bình Thuận.

Loại hình lớp được mở trong giai đoạn này bao gồm các lớp do trường đảm nhiệm: đào tạo trung học lý luận chính trị hệ tập trung, hệ tại chức và các lớp bồi dưỡng kiến thức, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn. Đối tượng học viên các lớp này là cán bộ của các sở, ban, ngành của tỉnh, cán bộ chủ chốt các phòng, ban cấp huyện và cấp xã. Lớp đầu tiên được tiến hành sau khi chia tách tỉnh là lớp trung học chính trị, hệ tập trung khóa I, khai giảng vào tháng 12 năm 1992, thời gian học 12 tháng, với số lượng 32 học viên, đồng thời tháng 12 năm 1992, Trường tiến hành khai giảng lớp trung học chính trị hệ tại chức khóa I, với số lượng 80 học viên. Đáng lưu ý, năm học 1992 được thực hiện theo tinh thần Nghị quyết 01-NQ/TW, ngày 28/3/1992 của Bộ Chính trị về công tác lý luận trong giai đoạn hiện nay và cũng là năm học bắt đầu thực hiện giáo trình mới do Học viện Nguyễn Ái Quốc ban hành, với 10 phần học, gồm: Những nguyên lý cơ bản Triết học Mác - Lênin; Từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội; Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Những vấn đề cơ bản về kinh tế ở nước ta hiện nay; Mấy vấn đề về chính sách xã hội, văn hóa, giáo dục; Vấn đề quốc phòng và an ninh; Tình hình thế giới và chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta; Nhà nước và pháp luật trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Những vấn đề cơ bản về xây dựng Đảng và

công tác quần chúng; Những vấn đề về tình hình nhiệm vụ, các nghị quyết và chủ trương lớn của địa phương.

Mặc dù mới được củng cố tổ chức, bước đầu đi vào hoạt động, nhưng năm 1992, Trường tiến hành mở nhiều loại lớp với các loại chương trình như: đào tạo trung học chính trị, các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn ngày, bồi dưỡng kiến thức, nhất là các lớp bồi dưỡng Nghị quyết Đại hội VII cho cán bộ đảng viên ở các ngành, các cấp của Tỉnh. Trong năm 1992 mở được 16 lớp với 1.814 học viên. Lúc này cùng với mở các lớp đào tạo trung cấp LLCT hệ tập trung (thời gian học 12 tháng) và các lớp hệ tại chức, còn có các lớp hệ bồi dưỡng - một loại hình lớp mới áp dụng cho đối tượng học viên từ 40 tuổi trở lên, thời gian học 6 tháng; kết thúc khóa học, học viên được cấp bằng Trung cấp LLCT hệ bồi dưỡng. Các lớp này tiến hành được 2 khóa với 102 học viên rồi chấm dứt.

Cùng với các lớp mở tại Trường, lớp đào tạo trung cấp lý luận chính trị hệ tại chức, khóa II được tổ chức tại huyện Đức Linh vào tháng 12 năm 1992 với số lượng 80 học viên. Lớp bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác Đảng cũng được đưa xuống tận địa bàn các huyện; cụ thể năm 1993, mở lớp bồi dưỡng nghiệp vụ Bí thư Đảng ủy tại huyện Hàm Tân (cũ), với số lượng 76 học viên. Đây là sự nỗ lực cố gắng của Trường trong lúc đội ngũ giảng viên còn quá ít (chỉ có 07), điều kiện đường sá và phương tiện đi lại còn rất khó khăn, địa điểm mở lớp cách xa trường hàng trăm km (huyện Đức Linh cách trường khoảng 150 km); chi phí phục vụ mở lớp tốn kém gấp 3 lần so với mở tại trường nhưng số lượng cán bộ được đào tạo bằng 10 năm gửi về trường, do đó Ban Giám hiệu nhà trường vẫn quyết tâm đưa lớp về tận địa bàn huyện nhằm đáp ứng yêu cầu của địa phương trong công tác đào tạo cán bộ, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho học viên vừa làm, vừa học tập để được trang bị, nâng cao nhận thức lý luận chính trị và nghiệp vụ công tác nhằm thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chuyên môn.

Thực hiện công cuộc đổi mới do Đảng khởi xướng từ Đại hội VI (năm 1986) Bình Thuận bước đầu đã đạt được những thành tựu trên các lĩnh vực đời sống xã

hội. Song, yêu cầu của công cuộc đổi mới đặt ra cho công cuộc xây dựng phát triển địa phương trong giai đoạn mới đòi hỏi đội ngũ cán bộ các ngành, các cấp của tỉnh nhà phải không ngừng nâng cao trình độ lý luận chính trị, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý trên các lĩnh vực công tác. Do đó đầu năm 1993, Thường vụ Tỉnh ủy Bình Thuận cử các đồng chí lãnh đạo Tỉnh trực tiếp ra Hà Nội làm việc với Ban Tổ chức TW và Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh tại Hà Nội để bàn việc mở các lớp cao cấp chính trị, cử nhân chính trị tại tỉnh Bình Thuận. Đây là bước đột phá quan trọng mở đầu về công tác giáo dục lý luận chính trị ở trình độ cao cho đội ngũ cán bộ của tỉnh nhà. Lớp cao cấp lý luận chính trị khóa đầu tiên được mở tại Trường Đảng tỉnh vào năm 1993 với 134 học viên là cán bộ lãnh đạo và cán bộ trong diện quy hoạch lãnh đạo của các sở, ban, ngành cấp tỉnh và lãnh đạo chủ chốt của các huyện, thị trong tỉnh.

Năm 1994, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh chủ trương thay giáo trình và chương trình; từ đây tên gọi “Trung cấp lý luận chính trị” được thay bằng “Trung học chính trị”. Chương trình mới có 10 phần, trong đó phần IX “Nhà nước và pháp luật - Quản lý hành chính nhà nước” chiếm thời lượng nhiều nhất (680 tiết); phần X “địa phương học” do nhà trường biên soạn. Việc thực hiện chương trình mới do cơ quan chức năng chậm trễ trong khâu biên soạn giáo trình, không đáp ứng kịp thời nên gặp không ít khó khăn cho công tác soạn giảng của giảng viên và học tập của học viên.

Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức trên các lĩnh vực cho đội ngũ cán bộ, công chức đi đôi với việc sắp xếp lại cơ sở đào tạo một cách hợp lý nhằm thu gọn đầu mối hệ thống các trường của Đảng và trường của đoàn thể ở địa phương, thực hiện Quyết định số 61/QĐ-TW của Bộ Chính trị về việc sắp xếp lại Trường Đảng trung ương, căn cứ yêu cầu công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Tỉnh và điều kiện cơ sở vật chất cùng với đội ngũ giảng viên của các trường ở địa phương, Tỉnh ủy Bình Thuận chủ trương đưa chức năng bồi dưỡng cán bộ Đoàn

thanh niên vào Trường Đảng tỉnh, từ đây Nhà trường phải đảm nhiệm thêm chức năng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ cho khối đoàn thể.

Trước yêu cầu đổi mới toàn diện các mặt hoạt động trên các lĩnh vực khi chuyển sang kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và mở cửa hội nhập đang đặt ra nhiệm vụ bồi dưỡng, cập nhật những kiến thức mới cho đội ngũ cán bộ ở các cơ quan, ban, ngành trong tỉnh. Các lớp này được tiến hành một cách đồng bộ với các loại chương trình: bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước cho đối tượng cán bộ chính quyền cơ sở, lớp bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước chương trình trung cao cấp; quản lý kinh tế và bồi dưỡng kiến thức thị trường hóa kinh tế nông thôn cho đối tượng cán bộ cấp tỉnh, cấp huyện và các lớp tập huấn của cán bộ đoàn thể. Vì vậy những năm đầu thành lập Trường Đảng Bình Thuận, trong điều kiện thiếu thốn về mọi mặt, từ đội ngũ giảng viên cho đến cơ sở vật chất, nhưng nhà trường đã khắc phục mọi khó khăn, cho nên kết quả từ năm 1992 đến năm 1994, Trường đã mở được 27 lớp ở các loại chương trình khác nhau, với tổng số 2.983 học viên, trong đó: Chương trình trung học lý luận chính trị hệ đào tạo có 3 lớp, với 174 học viên; Chương trình trung học lý luận chính trị hệ bồi dưỡng có 2 lớp, với 102 học viên; Chương trình bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước chính quyền cơ sở có 2 lớp, tổng số 216 học viên. Nhiều nhất là các lớp bồi dưỡng Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII, có 12 lớp, tổng số 1.431 học viên; các lớp bồi dưỡng kiến thức quản lý kinh tế, có 3 lớp, tổng số 486 học viên và lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công tác bí thư cơ sở có 77 học viên; các lớp bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ Mặt trận, đoàn thể các cấp từ tỉnh đến xã, phường, thị trấn với số lượng 258 học viên; lớp hoàn chỉnh cao cấp lý luận chính trị với 134 học viên. Hoạt động giảng dạy ở giai đoạn này chưa được quan tâm nhiều đến phương pháp tích cực, do đó chuyên môn nghiệp vụ hầu như chưa có sự đổi mới, cơ bản vẫn duy trì phương pháp truyền thống như thuyết trình và các công cụ, phương tiện bảng đen, phấn.

Do những cố gắng bước đầu trong công tác đào tạo nên đã mang lại kết quả: đội ngũ cán bộ tỉnh nhà được trang bị một cách có hệ thống về những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối đổi mới của Đảng; mặt khác bồi dưỡng, bổ sung những kiến thức kỹ năng nghiệp vụ trên các lĩnh vực công tác cho cán bộ, công chức địa phương. Qua đào tạo, bồi dưỡng, trình độ lý luận của người học được nâng lên rõ rệt, nhận thức ngày càng sâu hơn về đường lối đổi mới của Đảng, từ đó quan điểm, lập trường, bản lĩnh chính trị được giữ vững, niềm tin vào chủ nghĩa xã hội và sự nghiệp đổi mới càng được khẳng định, đồng thời càng hiểu rõ hơn tình hình thực tế của đất nước, của địa phương. Đó là những điều cần thiết giúp cho đội ngũ cán bộ cốt cán của Tỉnh vận dụng và giải quyết một cách có hiệu quả những vấn đề thực tiễn ở địa phương và đơn vị công tác đang đặt ra. Với những nỗ lực cố gắng về mọi mặt nên kết quả bước đầu đạt được trong công tác đào tạo sau khi chia tách, thành lập trường mới là rất đáng ghi nhận.

Hoạt động nghiên cứu khoa học, nghiên cứu thực tế được tiến hành đi đôi với hoạt động giảng dạy. Do vậy cùng với hoạt động giảng dạy lần đầu tiên Trường thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh về “Mô hình và con đường hình thành người bí thư cấp ủy, chủ tịch xã, phường, thị trấn của tỉnh Bình Thuận”. Đây là một bộ phận trong tổng đề tài cấp nhà nước do Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh thực hiện. Đề tài nhánh của Trường do đồng chí Nguyễn Văn Hoàng, Hiệu trưởng nhà trường làm chủ nhiệm, nhưng thực hiện chưa hoàn thành, đồng chí Nguyễn Văn Hoàng bị lâm bệnh rồi “mất” vào tháng 5 năm 1994. Sau đó Hội đồng Khoa học nhà trường cử đồng chí Võ Văn, Phó Hiệu trưởng làm chủ nhiệm, nhưng không thực hiện thành công, vì không tổng hợp, liên kết được các nhánh nhỏ đề tài thành nội dung hoàn chỉnh. Mặc dù không đi đến kết quả, tuy vậy những người làm đề tài đã đúc rút được những kinh nghiệm nhất định để tiếp tục thực hiện các công trình nghiên cứu khoa học sau này đạt kết quả.

Hoạt động nghiên cứu thực tế trong thời gian này được chỉ đạo và tổ chức chặt chẽ, xác định rõ mục đích, yêu cầu và dành hẳn thời gian 20 ngày/giảng viên để thâm nhập thực tế nhằm thu thập những thông tin, những vấn đề từ thực tiễn của địa phương để nâng cao chất lượng các bài giảng, tăng thêm tính thuyết phục đối với người học. Sau khi kết thúc đợt nghiên cứu, có sơ kết đánh giá kết quả, rút kinh nghiệm và báo cáo cấp trên những vấn đề cần quan tâm nghiên cứu để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với thực tế địa phương.

Về xây dựng cơ sở vật chất. Tuy được kế thừa hệ thống các hội trường, phòng học, nhà ở và các trang thiết bị của Trường Đảng Thuận Hải (cũ), nhưng nhìn chung cơ sở vật chất của Trường vẫn còn thiếu từ nhà làm việc cho đến phòng học của học viên. Trong lúc điều kiện kinh tế địa phương thời kỳ này đang khó khăn, do đó việc đầu tư cho Trường để nâng cấp hệ thống phòng học, ký túc xá, nhà làm việc và các trang thiết bị phục vụ công tác giảng dạy, học tập còn rất hạn chế.

Vào thời điểm năm 1993, ngành Giáo dục đào tạo của Bình Thuận cần địa điểm xây dựng Trường trung học Sư phạm để đào tạo giáo viên cho tỉnh nhà, do đó lãnh đạo Tỉnh quyết định thu hồi 1/3 diện tích đất ở phía Đông Nam của Trường để xúc tiến việc xây dựng Trường trung học Sư phạm; trong đó có 01 hội trường, 01 nhà Thư viện, 03 dãy nhà làm việc của lãnh đạo và các phòng; 04 dãy nhà ở của học viên và toàn bộ hệ thống công trình vệ sinh. Do vậy, cơ sở vật chất của Trường vốn đã thiếu nay lại càng thiếu hơn. Trước yêu cầu bức xúc chỗ ở cho học viên, vào năm 1994, Tỉnh ủy và UBND tỉnh cho Trường tiến hành xây dựng ký túc xá học viên, có 3 tầng với sức chứa 120 giường. Thời điểm này do chưa có nhà làm việc, do đó đã sử dụng hầu hết các phòng ở tầng trệt ký túc xá để bố trí nơi làm việc cho các khoa, phòng. Đến cuối năm 1996, khi xây dựng xong nhà làm việc của cơ quan, các khoa, phòng chuyển về làm việc tại cơ sở mới.

Củng cố hoàn thiện tổ chức Đảng, cơ quan và các đoàn thể. Đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm sau khi tái lập Trường. Các tổ chức: Đảng bộ; Công đoàn; Chi đoàn TNCS Hồ Chí Minh của nhà trường được tái lập, củng cố và đi vào hoạt động.

Ngày 15/6/1992, tiến hành Đại hội Đảng bộ Trường Đảng lần thứ V đã đề ra phương hướng lãnh đạo các mặt hoạt động của Trường và các biện pháp nâng cao chất lượng sinh hoạt ở các chi bộ. Điểm đáng lưu ý tại Đại hội lần này, Đảng bộ thống nhất đề ra phương hướng, giải pháp “Chấm dứt tình trạng sinh hoạt chi bộ giống như sinh hoạt của các khoa, phòng”. Đại hội bầu BCH Đảng bộ, gồm 5 thành viên, trong đó, đồng chí Võ Văn giữ chức vụ Bí thư; đồng chí Trần Quốc Anh giữ chức Phó Bí thư Đảng ủy. Tổng số đảng viên toàn Đảng bộ có 19 đồng chí, được tổ chức thành 3 chi bộ, gồm: chi bộ Giảng viên; chi bộ Tổ chức - Hành chính - Quản trị; chi bộ Giáo vụ - Tư liệu - Thư viện.

Sau Đại hội Đảng bộ, Đảng ủy tập trung lãnh đạo các mặt hoạt động của Trường nhằm tạo động lực cho bước phát triển mới. Nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập trong thời gian trước mắt và về sau, năm 1994 Đảng ủy đã ban hành “Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết TW7 (Khóa VIII) và Nghị quyết 08 của Tỉnh ủy trong quá trình giảng dạy và học tập ở Nhà trường từ nay đến năm 2000”. Chương trình hành động đã đề ra mục tiêu: “Nâng cao chất lượng đào tạo; từng bước có kế hoạch vững chắc trong việc đào tạo, bố trí cán bộ đủ và đúng người, đúng việc, đáp ứng yêu cầu mô hình trường mới. Cơ cấu tổ chức bộ máy gọn, nhẹ, có hiệu quả, tất cả thành viên trong cơ quan tận tụy vì sự nghiệp, trên cơ sở bảo đảm lợi ích chính đáng, khuyến khích huy động tiềm năng chất xám. Phấn đấu nâng chất lượng đội ngũ cán bộ nhân viên đến năm 2000 và những năm tiếp theo, có: 100% giảng viên đạt trình độ đại học và trên đại học, biết ít nhất một ngoại ngữ có trình độ A; 100% cán bộ quản lý ở các phòng đạt trình độ đại học hoặc tương đương; 100% viên chức đạt trình độ học vấn trung học phổ thông và có trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu công việc được giao. Chất lượng học viên tốt nghiệp có 60% trở lên đạt loại khá, giỏi. Không có học viên vi phạm kỷ luật”.

Một trong những nội dung chương trình hành động của Đảng ủy được tổ chức thực hiện sớm nhất là việc tổ chức học ngoại ngữ cho cán bộ và giảng viên của Trường. Lớp học được tổ chức tại Trường, có 10 người tham gia, thời gian học

vào ban đêm, mời giáo viên ngoại ngữ về giảng dạy. Sau đó giáo viên chuyển công tác vào Thành phố Hồ Chí Minh nên lớp học phải chấm dứt.

Hướng tới xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh, Đảng ủy nhà trường thường xuyên quan tâm lãnh đạo công tác chính trị, tư tưởng và tổ chức thông qua việc duy trì đều đặn chế độ sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt Đảng ủy, do đó vai trò lãnh đạo của Đảng ủy và từng Chi ủy chi bộ luôn được phát huy và bảo đảm sự đoàn kết, thống nhất, giữ vững được vị trí trong việc lãnh đạo giáo dục đảng viên và quần chúng của cơ quan. Điểm mới trong công tác quản lý đảng viên lúc này là căn cứ vào đặc điểm chuyên môn của từng bộ phận để gắn với trách nhiệm của đảng viên trong thực hiện nhiệm vụ được giao. Chi bộ Giáo vụ - Tư liệu - Thư viện và chi bộ Tổ chức - Hành chính - Quản trị đổi mới công tác quản lý đảng viên, dựa vào kết quả thực hiện công việc hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng để đánh giá chất lượng đảng viên. Chi bộ Giảng viên, quản lý đảng viên bằng phương thức định mức khối lượng công việc gắn với định mức thời gian, lấy kết quả, chất lượng các bài giảng của giảng viên làm căn cứ chủ yếu để đánh giá đảng viên.

Đi đôi với lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị, công tác phát triển đảng viên mới được Đảng ủy quan tâm, không chỉ trong số cán bộ, viên chức nhà trường mà cả trong số học viên ở lớp trung cấp lý luận chính trị hệ tập trung. Kết quả năm 1993 đã kết nạp đảng viên là học viên Nguyễn Gia Vân, cán bộ Công ty Xổ số kiến thiết Bình Thuận.

Việc góp ý xây dựng Đảng được Đảng ủy luôn quan tâm. Triển khai tổ chức cho quần chúng góp ý xây dựng đảng ủy, chi ủy và đảng viên. Hoạt động của các tổ chức đoàn thể từng bước có hiệu quả, góp phần hoàn thành nhiệm vụ chung của nhà trường. Công đoàn trường được kịp thời củng cố sau khi tách Trường, với số lượng 29 đoàn viên, được tổ chức thành 3 tổ: Tổ Công đoàn Giảng viên, Tổ Công đoàn Giáo vụ - Tư liệu - Thư viện; Tổ Công đoàn Tổ chức - Hành chính - Quản trị. Chủ tịch Công đoàn là đồng chí Đinh Lưu Vân. Ban chấp hành Công đoàn Trường đã đề ra những chương trình hoạt động cụ thể, nhất là các hoạt động phong trào.

Công tác chăm lo cải thiện đời sống cho đoàn viên công đoàn được thật sự quan tâm. Vào những năm 1993 và 1994, trong điều kiện đời sống của cán bộ, nhân viên cơ quan còn nhiều khó khăn, Ban giám hiệu nhà trường quyết định thành lập Ban đời sống (Quyết định số 80-TĐ/BT, ngày 08/1/1993). Bằng các hình thức hoạt động để tạo nguồn thu cho quỹ đời sống, như: góp cổ phần làm nhà giữ xe, phối hợp với Hội nuôi tôm Trung ương tổ chức nuôi tôm giống. Kết quả mang lại rất khả quan, nhất là sản xuất tôm giống đã tăng thu nhập đáng kể, năm 1993 thu lãi được 39.887.000. Với kết quả đó đã góp phần tích cực cải thiện đời sống của cán bộ, nhân viên cơ quan và thực hiện công tác xã hội.

Tổ chức chi đoàn Thanh niên của nhà trường lúc này chỉ có 4 đoàn viên, do đồng chí Huỳnh Thái Dương giữ chức vụ Bí thư Chi đoàn; đến năm 1992, đồng chí Huỳnh Thái Dương chuyển sang công tác tại cơ quan Đoàn khối Dân Chính Đảng Tỉnh, do đó đồng chí Ngô Tấn Trí được cử giữ chức vụ Bí thư chi đoàn. Hoạt động của chi đoàn trong giai đoạn này nhìn chung còn trầm lắng, mang tính hành chính hơn phong trào, bởi một mặt do số lượng đoàn viên còn ít; mặt khác do các điều kiện cho Đoàn hoạt động lúc này còn rất hạn chế, chưa có những hình thức và phương pháp hoạt động mới để thúc đẩy phong trào.

Tuy còn nhiều khó khăn trong giai đoạn đầu khi chia tách tỉnh, chia tách trường cũ, thành lập trường mới, nhưng với những gì đạt được trên các lĩnh vực hoạt động trong những năm từ 1992 đến năm 1994 là kết quả biểu thị sự đoàn kết, đồng tâm nhất trí của Đảng ủy, Ban giám hiệu đến lãnh đạo, nhân viên các phòng, khoa và các đoàn thể trong nhà trường. Những kết quả đó sẽ tạo đà cho bước phát triển của Trường Đảng - Trường Chính trị Bình Thuận trong những năm tiếp theo.

II. TRƯỜNG CHÍNH TRỊ BÌNH THUẬN (1995 - 2000)

Năm 1996, là năm tiến hành Đại hội Đảng các cấp và Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII; sau 10 năm đổi mới đã thu được những kết quả nhất định, môi trường chính trị ổn định, lòng tin của nhân dân vào Đảng được nâng lên, tạo điều kiện thuận lợi cơ bản tiến hành công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Năm 1995, Trường Đảng Bình Thuận được đổi tên thành Trường Chính trị Bình Thuận theo Quyết định số 88/QĐ-TW, ngày 05/9/1994 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc thành lập Trường Chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Căn cứ Quyết định số 88/QĐ-TW, Tỉnh ủy Bình Thuận ban hành Quyết định số 77, QĐ/TU, ngày 03/7/1995 về việc thành lập Trường Chính trị tỉnh Bình Thuận và xác định Trường Chính trị tỉnh là đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo, có chức năng cơ bản là đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt của Đảng, chính quyền và các đoàn thể nhân dân ở cấp cơ sở; trường, phó phòng, ban cấp huyện; trường, phó phòng các ban, ngành cấp tỉnh và cán bộ dự nguồn các chức danh trên về lý luận chính trị, kiến thức, nghiệp vụ về công tác xây dựng Đảng, về quản lý hành chính nhà nước, về công tác dân vận.

Nhiệm vụ của Trường được quy định tại Quyết định số 78-QĐ/TU, ngày 03/7/1995 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bình Thuận về việc quy định tạm thời chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy và mối quan hệ công tác của Trường Chính trị Bình Thuận. Đó là đào tạo lý luận chính trị cho cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt của Đảng, chính quyền và các đoàn thể nhân dân cấp cơ sở (xã, phường, thị trấn); Trường, phó phòng cấp huyện, thị xã; trường, phó phòng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, và cán bộ dự nguồn cho các chức danh chủ chốt; bồi dưỡng ngắn hạn các đối tượng trên về lý luận chính trị, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; các chỉ thị, nghị quyết quan trọng của trung ương và của tỉnh; bồi dưỡng kiến thức và nghiệp vụ về công tác xây dựng Đảng, về quản lý hành chính nhà nước và công tác vận động quần chúng; tham gia nghiên cứu khoa học và sơ kết, tổng kết kinh nghiệm thực tiễn ở địa phương đối với những đề tài, những lĩnh vực được Thường vụ Tỉnh ủy giao hoặc Học viện có yêu cầu; phối hợp với các trường trung ương tổ chức các lớp bồi dưỡng hoặc đào tạo cán bộ chương trình trên trung cấp theo chủ trương của Thường vụ Tỉnh ủy.

Về mối quan hệ quản lý, nếu như trước đây Trường Đảng là cơ quan trực thuộc Tỉnh ủy Bình Thuận, nhưng theo quy định tại Quyết định số 77/QĐ-TU,

Trường Chính trị vừa chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh ủy về kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng, về tổ chức biên chế và cán bộ; chịu sự quản lý của UBND tỉnh về cơ sở vật chất, kinh phí. Như vậy, kinh phí hoạt động của nhà trường trước đây do Ban Tài chính Tỉnh ủy cấp, nhưng từ khi thực hiện Quyết định số 77/QĐ-TU của Tỉnh ủy thì do UBND tỉnh cấp thông qua Sở Tài chính. Do có sự thay đổi về tên trường, về mối quan hệ quản lý, cho nên con dấu của Trường từ thời điểm này được đổi từ dấu hình chữ nhật sang dấu tròn, có hình Quốc huy.

Về tổ chức bộ máy và nhân sự. Ban Tổ chức Trung ương ban hành Hướng dẫn số 07/TC-TW về tổ chức bộ máy của trường chính trị các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Theo đó, các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có 4 khoa, cụ thể: Khoa Lý luận cơ sở; Khoa Công tác Đảng; Khoa Nhà nước và Pháp luật; Khoa Dân vận. Ban Giám hiệu có 2 đồng chí: Hiệu trưởng là đồng chí Võ Văn; Phó Hiệu trưởng là đồng chí Đinh Lưu Văn. Đến năm 1999, đồng chí Đinh Lưu Văn được đề bạt Quyền Hiệu trưởng và bổ nhiệm thêm 2 phó Hiệu trưởng là đồng chí Bùi Tấn Hưng và Trần Văn Nhựt. Do điều kiện thực tại của Trường Chính trị Bình Thuận còn thiếu lực lượng giảng viên, vì vậy chưa thể thành lập Khoa Dân vận. Bộ máy của Trường vẫn duy trì 2 phòng: Phòng Tổ chức - Hành chính, Quản trị, do đồng chí Trần Văn Nhựt làm Trưởng phòng; Phó Trưởng phòng - đồng chí Huỳnh Quang. Sau đó đồng chí Huỳnh Quang chuyển công tác về Ban Dân vận Tỉnh ủy. Tháng 11 năm 1998, đồng chí Nguyễn Hữu Trung được đề bạt giữ chức Phó Trưởng phòng. Phòng Giáo vụ - Tư liệu, Thư viện, do đồng chí Trần Quốc Anh làm Trưởng phòng; Phó Trưởng phòng - đồng chí Trần Thị Chút. Tháng 7/1999, Phòng khoa học - Thông tin - Tư liệu - Thư viện được thành lập trên cơ sở tách bộ phận Thông tin - Tư liệu - Thư viện từ Phòng Giáo vụ - Tư liệu - Thư viện. Có 3 khoa chuyên môn: Khoa Lý luận cơ sở do đồng chí Nguyễn Đức Minh làm Trưởng khoa, thời điểm này chưa có Phó Trưởng khoa, đến tháng 5 năm 2000, bổ nhiệm đồng chí Nguyễn Thị Thủy làm Phó Trưởng khoa; Khoa Lịch sử Đảng và Đường lối chính sách do đồng chí Nguyễn Thị Thu Bính làm Trưởng khoa; Phó

Trưởng khoa - đồng chí Nguyễn Thị Quỳnh Xê; Khoa Nhà nước và Pháp luật mới được thành lập theo Quyết định số 42-QĐ/HT, ngày 12 tháng 7 năm 1995 của Hiệu trưởng Trường Đảng Bình Thuận. Khi thành lập, khoa chỉ có đồng chí Bùi Tấn Hưng được điều chuyển từ vị trí Phó Trưởng Khoa Lịch sử Đảng và Đường lối chính sách sang làm Trưởng khoa Nhà nước và Pháp luật; đồng chí Nguyễn Duy Hà, Phó Trưởng Phòng Giáo vụ - Tư liệu - Thư viện được điều chuyển làm Phó Trưởng khoa.

Số lượng giảng viên của Trường lúc này vẫn còn quá ít, chỉ có 6 người, trong đó có 4 trực tiếp giảng dạy ở các khoa, gồm đồng chí Nguyễn Đức Minh (Khoa Lý luận cơ sở); đồng chí Nguyễn Thị Thu Bích và Nguyễn Thị Quỳnh Xê (Khoa Lịch sử Đảng và đường lối chính sách); đồng chí Bùi Tấn Hưng (Khoa Nhà nước và Pháp luật) và 2 đồng chí trong Ban giám hiệu (Võ Vân và Đinh Lưu Vân) cùng tham gia giảng dạy. Biên chế của Trường vào thời điểm năm 1995 có 36; trong đó có 29 biên chế, còn lại 7 thuộc đối tượng hợp đồng.

Hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ. Trường chịu sự quản lý về chương trình, giáo trình và hướng dẫn về nghiệp vụ giảng dạy của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và Học viện Hành chính quốc gia. Nội dung chương trình, theo quy định tại Quyết định số 88/QĐ-TW, ngày 05/9/1994 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Trường Chính trị tỉnh đào tạo về lý luận Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng, pháp luật, chính sách của Nhà nước, công tác xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước, đồng thời bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước và chuyên môn nghiệp vụ về công tác Đảng, công tác dân vận, đoàn thể. Đào tạo hệ trung cấp lý luận chính trị, trung cấp hành chính và các hệ bồi dưỡng 01 tháng hoặc 03 tháng.

Hoạt động đào tạo giai đoạn 1995 - 2000 bắt đầu có bước chuyển biến mạnh mẽ, rõ rệt hơn giai đoạn 1992 - 1994. Trước sự phát triển của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đòi hỏi trình độ lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ đảng

viên phải được nâng lên. Thực hiện Nghị quyết hội nghị TW3 (khóa VIII) về chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa được ban hành năm 1997, Tỉnh ủy Bình Thuận đã cụ thể hóa bằng Nghị quyết số 13 NQ/TU, ngày 21/10/1997 về “Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa”, trong đó xác định: “xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức các ngành từ tỉnh đến cơ sở, đặc biệt là cán bộ chủ chốt, có bản lĩnh chính trị vững vàng trên cơ sở lập trường giai cấp công nhân, có đạo đức cách mạng trong sáng, có kiến thức và năng lực để hoàn thành nhiệm vụ được giao; đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, đảm bảo sự chuyên tiếp liên tục và vững vàng giữa các thế hệ cán bộ, nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Khắc phục tình trạng hẫng hụt cán bộ ở các ngành, các cấp, nhất là cán bộ xã, phường, thị trấn, cán bộ nữ, dân tộc thiểu số, cán bộ hoạt động trong lĩnh vực đối ngoại”.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng về công tác cán bộ thể hiện qua các nghị quyết nêu trên đã tác động rõ rệt đến lĩnh vực hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Tỉnh và ở Trường Chính trị Bình Thuận. Kết quả các lớp được mở nhiều về số lượng, đa dạng về loại hình đào tạo và bồi dưỡng. So với các giai đoạn trước đây, chưa có lúc nào các lớp của Trường được mở nhiều như những năm 1995 đến 2000. Số lớp và số học viên tuyển sinh càng về sau càng tăng. Năm 1995 tuyển mới 10 lớp, với 904 học viên; năm 1996 tuyển mới 10 lớp, với 1.369 học viên; năm 1997 tuyển mới 20 lớp, với 1.641 học viên; năm 1998 tuyển mới 25 lớp, với 2.198 học viên; năm 1999 tuyển mới 19 lớp, với 1.458 học viên; năm 2000 tuyển mới 37 lớp, với 3.433 học viên; trong số đó có 11 lớp trung học chính trị, với tổng số 877 học viên (04 lớp hệ tập trung mở tại Trường và 07 lớp hệ tại chức).

Trước yêu cầu công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng, nghiệp vụ cho cán bộ của các cấp, các ngành ngày càng cao, trong lúc cơ sở vật chất của Trường chẳng những không được cải thiện mà ngày càng xuống cấp. Do đó, Trường đã phát huy sự năng động bằng việc mở rộng địa bàn hoạt động, mở các lớp trung học chính trị hệ tại chức xuống các huyện. Mặc dù hình thức này rất khó

khăn cho Trường, nhất là đội ngũ giảng viên, nhưng rất thuận lợi cho các huyện, trước hết là cho học viên vừa công tác, vừa học tập để nâng cao trình độ lý luận chính trị. Một điểm mới được thể hiện trong giai đoạn này là bồi dưỡng nâng cao năng lực công tác cho cán bộ các xã vùng dân tộc thiểu số của tỉnh. Được sự chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, sự phối hợp của Ban Tổ chức Tỉnh ủy, năm 1997 và năm 1999, Trường đã mở 3 lớp sơ cấp lý luận chính trị cho 100 học viên là cán bộ đương chức ở 11 xã thuần đồng bào dân tộc thiểu số. Được trang bị kiến thức lý luận chính trị, đồng thời được tổ chức đi tham quan miền Bắc và Thủ đô Hà Nội, qua đó số cán bộ được đào tạo thấy rõ sự quan tâm của Đảng bộ và các ngành chức năng của tỉnh đối với việc thực hiện chính sách dân tộc ở địa phương Bình Thuận. Chính vì vậy khi trở về cơ sở công tác, số cán bộ được đào tạo đã phát huy năng lực và hiệu quả tốt hơn.

Nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước trên các lĩnh vực là một đòi hỏi có tính cấp thiết. Do đó, năm 1996, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 874/TTg, ngày 20/11/1996 về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và công chức; theo đó, giao cho trường chính trị các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức nhà nước và cán bộ chính quyền cơ sở cấp xã, phường. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận chỉ đạo Trường Chính trị tỉnh phối hợp cùng Sở Nội vụ mở các lớp bồi dưỡng, nhằm trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản, bổ sung kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ và quản lý nhằm đáp ứng yêu cầu kiện toàn và nâng cao hiệu quả của bộ máy nhà nước; thực hiện chương trình cải cách một bước nền hành chính nhà nước. Từ quyết định 874 của Thủ tướng Chính phủ, Trường Chính trị tỉnh tăng cường mở các lớp bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước; các lớp được mở tại trường và tại địa bàn các huyện, thị trong tỉnh, với đa dạng các loại chương trình: kiến thức quản lý nhà nước cấp cơ sở cho đối tượng cán bộ cấp xã, chương trình chuyên viên, chương trình cao trung cấp (hiện nay là chuyên viên chính) cho đội ngũ cán bộ, công chức các ban, ngành cấp huyện, cấp tỉnh. Giai đoạn từ năm 1995 đến năm 2000, chỉ

riêng chương trình bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước đã mở được 56 lớp với tổng số 5.141 học viên, trong đó: cao trung cấp (sau này gọi là chuyên viên chính) có 5 lớp với 770 học viên; chuyên viên có 3 lớp với 300 học viên; bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước cho cán bộ chính quyền cơ sở có 29 lớp với 2.080 học viên; bồi dưỡng kiến thức cho đại biểu HĐND các cấp từ tỉnh đến xã có 19 lớp với 1.991 học viên. Cùng với các lớp bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước là các lớp bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ công tác cho các cơ quan, ban, ngành trong hệ thống chính trị ở địa phương từ cấp tỉnh đến cấp xã. Hầu hết cán bộ ở các cơ quan Đảng và khối Mặt trận, đoàn thể đều được dự các lớp tập huấn. Bình quân mỗi năm mở 13 đến 15 lớp, nhiều nhất là năm 2000, mở được 35 lớp với 3.312 học viên. Tính chung từ năm 1995 đến năm 2000, mở được 101 lớp hệ bồi dưỡng với tổng số 9.547 học viên.

Đi đôi với các lớp do Trường mở, hình thức thực hiện phối hợp, liên kết đào tạo cũng được tăng cường; nhà trường phối hợp với các trường trung ương của các tổ chức đoàn thể tại thành phố Hồ Chí Minh mở các lớp: trung cấp chính trị - thanh vận (khóa I) có 64 học viên; trung cấp chính trị - phụ vận (khóa II) có 47 học viên. Các lớp này được tổ chức theo hình thức học tại chức; phần kiến thức lý luận chính trị do Trường Chính trị đảm nhiệm; phần kiến thức chuyên ngành do Phân viện Thanh Thiếu niên miền Nam và Trường cán bộ Phụ nữ Trung ương - Phân viện II đảm nhiệm. Kết thúc khóa học, học viên được cấp bằng trung cấp Chính trị - Thanh vận; trung cấp Chính trị - Phụ vận. Nhờ vậy bước đầu đã đào tạo cán bộ cho khối vận của tỉnh nhà một số lượng cán bộ đáng kể được trang bị trình độ lý luận chính trị và kiến thức chuyên môn nghiệp vụ chuyên ngành, nhờ đó đã khắc phục tình trạng kéo dài nhiều năm qua cán bộ khối đoàn thể chỉ có “tay không” cộng với lòng nhiệt tình đi làm công tác dân vận.

Tăng cường nâng cao trình độ lý luận chính trị cao cấp cho đội ngũ cán bộ chủ chốt, Ban Thường vụ Tỉnh ủy phối hợp với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh mở lớp lý luận chính trị cao cấp tại trường nhằm mở rộng quy mô về số lượng lớp và số lượng học viên. Năm 1997 mở 1 lớp hoàn chỉnh trình độ cao cấp lý

luyện chính trị Khóa II với số lượng 46 học viên; mở 2 lớp hoàn chỉnh cử nhân chính trị (Khóa I và Khóa II) với số lượng 166 học viên. Năm 1998 mở 2 lớp cử nhân chính trị (Lớp A và Lớp B) với số lượng 156 học viên. Như vậy trong giai đoạn 1995 đến năm 2000, Trường mở được 5 lớp, trong đó có 4 lớp cử nhân, 1 lớp cao cấp với 368 cán bộ lãnh đạo và quy hoạch lãnh đạo các ngành, các cấp của tỉnh.

Trước âm mưu diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch tấn công vào lĩnh vực chính trị, tư tưởng, do đó cần bồi dưỡng, củng cố lập trường quan điểm giai cấp cho đội ngũ cán bộ đảng viên, năm 1996 và năm 1997, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bình Thuận chỉ đạo Trường Chính trị phối hợp cùng Ban Tổ chức Tỉnh ủy mở các lớp bồi dưỡng ngắn ngày, mời giảng viên của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh truyền đạt các chuyên đề nhằm cập nhật bổ sung những kiến thức mới về chính trị học cho 347 học viên và lớp bồi dưỡng chuyên đề tư tưởng Hồ Chí Minh cho 127 học viên là đối tượng cán bộ chủ chốt ở các cơ quan, ban, ngành cấp tỉnh.

Nhìn lại kết quả trong khoảng thời gian từ năm 1995 đến năm 2000, Trường đã mở được 111 lớp cả hệ đào tạo và bồi dưỡng với 11.003 học viên, trong đó hệ đào tạo 20 lớp với 1.456 học viên; hệ bồi dưỡng có 91 lớp với 9.547 học viên. So với giai đoạn 1992 đến 1994, bình quân mỗi năm mở 9 lớp với 661 học viên thì giai đoạn này, bình quân mỗi năm mở 18,5 lớp với 1.833 học viên, tăng gấp 2 lần về số lượng lớp và gần 3 lần về số lượng học viên.

Để nâng cao chất lượng đào tạo, vấn đề cốt lõi là nâng cao chất lượng giảng dạy của giảng viên. Đây là sự quan tâm hàng đầu của lãnh đạo Trường. Hằng năm, Ban giám hiệu tạo điều kiện cho giảng viên nâng cao trình độ và năng lực chuyên môn của mình thông qua các hình thức: sinh hoạt chuyên đề, đi thực tế, giao lưu gặp gỡ trao đổi kinh nghiệm chuyên môn nghiệp vụ, phương pháp sư phạm với các trường của tỉnh bạn, cử giảng viên tham dự đầy đủ các đợt tập huấn chuyên đề, tập huấn phương pháp giảng dạy tích cực. Bình quân mỗi năm cử từ 8 đến 10 lượt giảng viên đi dự các đợt tập huấn ở Hà Nội và các khu vực khác ở trong nước.

Những thành tích đạt được là kết quả từ sự nỗ lực của toàn thể cán bộ từ lãnh đạo đến đội ngũ giảng viên và nhân viên các phòng, khoa trong Trường. Tuy vậy không thể không đề cập những khó khăn hạn chế đang kéo dài trong suốt nhiều năm qua về tình trạng quá thiếu giảng viên. Trong lúc số lớp và số học viên tăng rất nhiều, nhưng đội ngũ giảng viên chỉ tăng rất chậm. Do đó thời gian đứng lớp của một giảng viên nhiều hơn đã ảnh hưởng đến các mặt hoạt động khác như: nghiên cứu thực tế; nghiên cứu khoa học và tổng kết kinh nghiệm thực tiễn.

Chất lượng đào tạo cán bộ được nhà trường đặc biệt quan tâm; do đó, năm 1997 Trường tiến hành khảo sát kết quả sau đào tạo trên phạm vi toàn tỉnh. Kết quả khảo sát mạng lại điều đáng khích lệ, có đến 80% học viên ra trường phát huy hiệu quả trong công tác lãnh đạo, quản lý. Ý kiến của những cán bộ cơ sở đã được đào tạo chương trình trung cấp lý luận chính trị cho biết: “Sau khi học ở Trường, chúng tôi được nâng cao trình độ nhận thức lý luận, vững vàng hơn về lập trường quan điểm; phương pháp đánh giá, giải quyết vấn đề trong thực tiễn không mang nặng tính chủ quan như trước đây, do vậy chất lượng công tác được nâng lên rõ rệt. Người học trước thấy được tính cần thiết, ý nghĩa, tác dụng của học tập lý luận chính trị, nên phải tạo điều kiện cho những đồng chí khác được học để nâng cao trình độ nhận thức lý luận chính trị”.

Hoạt động nghiên cứu khoa học, nghiên cứu thực tế kể từ năm 1995 bắt đầu có bước chuyển biến tích cực. Năm 1996, Hội đồng khoa học nhà trường được thành lập. Những năm trước đây, hoạt động khoa học chỉ được tiến hành dưới hình thức sinh hoạt thông tin, sinh hoạt chuyên môn kết hợp với nghiên cứu thực tế ở các xã, phường, thị trấn trong tỉnh là chủ yếu, nhưng bắt đầu từ năm 1997, 1998, hoạt động khoa học được nâng lên một bước về chất, cải tiến về quy mô và đa dạng hóa các hình thức hoạt động. Năm 1997, nhân kỷ niệm lần thứ 80 Cách mạng tháng Mười Nga thành công và kỷ niệm 150 năm, ngày ra đời “Tuyên ngôn Đảng Cộng sản” của C.Mác và Ăng-ghen, Trường đã tiến hành các buổi sinh hoạt khoa học với chủ đề về “Tuyên ngôn Đảng Cộng sản”; “Cách mạng tháng Mười Nga với sự

nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam” và chủ đề “Công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong cơ quan hành chính - sự nghiệp”. Khắc phục hạn chế trong nghiên cứu khoa học và nghiên cứu thực tế của những năm trước, bắt đầu từ năm 1998 đã tiến hành hoạt động nghiên cứu tổng kết kinh nghiệm thực tiễn, góp phần vào công tác lý luận chung của Đảng, đồng thời phục vụ công tác lãnh đạo, quản lý của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh. Năm 1999, Trường cử đồng chí Bùi Tấn Hưng tham gia Ban chủ nhiệm đề tài cấp tỉnh “Khảo sát tính đặc thù và xây dựng mô hình phát triển thực lực, xây dựng cốt cán trong vùng đồng bào có đạo Thiên chúa”. Năm 1999 có 9 giảng viên đăng ký đề tài cấp trường, có 03 đề tài cấp trường được đưa vào triển khai thực hiện, gồm: “Nâng cao chất lượng quản lý của Phòng Đào tạo Trường Chính trị Bình Thuận”, do đồng chí Trần Nhật Nghĩa, Trưởng Phòng Đào tạo làm chủ nhiệm; “Phát triển kinh tế hộ ở huyện Hàm Thuận Bắc - Thực trạng và giải pháp”, do đồng chí Nguyễn Đức Minh, Trưởng Khoa Lý luận cơ sở làm chủ nhiệm; “Đánh giá kết quả sau đào tạo trung học chính trị đối với đội ngũ cán bộ cấp xã ở tỉnh Bình Thuận”, do đồng chí Nguyễn Thị Quỳnh Xê, Trưởng Khoa Công tác Đảng và Dân vận làm chủ nhiệm đề tài.

Công tác xây dựng đội ngũ cán bộ của trường. Trước thực trạng đội ngũ cán bộ của Trường đang bị mất cân đối giữa giảng viên, cán bộ, nhân viên. Nhận rõ điều đó, từ năm 1994 thực hiện Chỉ thị số 19 CT/TV ngày 25/4/1994 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trường đã tiến hành công tác quy hoạch cán bộ. Trên cơ sở đó, năm 1995 Đảng ủy và Ban giám hiệu nhà trường đã có quyết định mang tính chiến lược để tăng cán bộ cho Trường bằng 3 nguồn: thứ nhất: lựa chọn những học viên trong các lớp trung cấp lý luận chính trị học tại Trường có triển vọng phát triển; thứ hai: tuyển cán bộ đã được đào tạo chuyên môn và tuyển dụng con em cán bộ có trình độ học vấn tốt nghiệp trung học phổ thông, về Trường, đào tạo trang bị kiến thức trung cấp lý luận chính trị, sau đó đưa đào tạo đại học ở Phân viện Báo chí, tuyên truyền Hà Nội; thứ ba: yêu cầu Tỉnh tăng cường cán bộ đã qua thực tiễn công tác ở các địa phương, các ban ngành trong Tỉnh. Nhờ đó từ năm 1995 -

1998, cán bộ được nhận về trường tăng lên đáng kể là 18 đồng chí⁽¹⁾. Trường bắt đầu phát huy hiệu quả.

Số lượng cán bộ bắt đầu được tăng lên, từ đó Trường xúc tiến việc đào tạo chuyên môn cho cán bộ trẻ để bổ sung lực lượng đội ngũ giảng viên đang còn thiếu. Những người đầu tiên được đưa đi đào tạo đại học tại Hà Nội khóa 1996 - 2000 là Nguyễn Lương Luyện, học chuyên ngành Triết học Mác - Lênin và Văn Thị Thanh Hà, học chuyên ngành Chủ nghĩa xã hội khoa học.

Thực hiện Nghị quyết số 13/NQ-TU ngày 21/10/1997 của Tỉnh ủy Bình Thuận về “Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa”, Trường đặt ra chỉ tiêu phấn đấu đến năm 2005, số lượng giảng viên chiếm 50% tổng số biên chế. Với mục tiêu phấn đấu đó, những năm tiếp theo, nhiều cán bộ trẻ tiếp tục được cử đi đào tạo đại học các chuyên ngành tại Phân viện Báo chí và Tuyên truyền thuộc Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh⁽²⁾.

Đi đôi với đào tạo cán bộ, việc tổ chức cho đối tượng tập sự giảng viên giảng tập, giảng duyệt ở khoa, ở Trường được thực hiện theo đúng quy trình. Điển hình là năm 1997 đến 1998, tổ chức 15 lần giảng duyệt cho 6 tập sự giảng viên, kết quả có 2 đồng chí được công nhận giảng viên, gồm: Nguyễn Duy Hà (Khoa Nhà nước và Pháp luật) và Đặng Tấn Công (Khoa Công tác Đảng); đồng chí Lê Thị Tuyết Vân do đi học cao học tại Hà Nội, nên được công nhận sau.

Việc nâng cao trình độ cho đội ngũ giảng viên đã được chú trọng⁽³⁾. Tính từ năm 1995 đến năm 2000, Trường đã đưa 22 cán bộ, giảng viên đi đào tạo ở các hệ lớp, trong đó: trung học chính trị có 4, cao đẳng 1, đại học các chuyên ngành 12, cao học 5, nhờ đó đến năm 2000, đội ngũ giảng viên đã được nâng lên cả về số lượng

(¹) Học viên giữ lại trường là 5 đồng chí; tuyển dụng từ bên ngoài vào là 6 đồng chí; từ các cơ quan khác về trường là 7 đồng chí.

(²) Võ Thị Thanh Hải - Chính trị học; Vũ Thị Bích Đào và Nguyễn Hồng Pháp - Triết học; Nguyễn Thành Nam, Đào Thị Xuân Hương và Huỳnh Ngọc Phú - Kinh tế chính trị học; Nguyễn Hoàng Minh - Lịch sử Đảng; Huỳnh Minh Liên - Xây dựng Đảng; Nguyễn Văn Dũng - Chủ nghĩa xã hội khoa học.

(³) Khởi đầu từ năm 1996 có 3 đồng chí: Trần Quốc Anh, Bùi Tấn Hưng, Đinh Lưu Vân được cử đi học cao học. Những năm tiếp theo có thêm các đồng chí: Nguyễn Thị Quỳnh Xê, Lê Thị Tuyết Vân, Tô Thị Đông Hà.

và chất lượng. So với năm 1995, 1996 chỉ có 6 giảng viên (kể cả các đồng chí trong Ban giám hiệu), trong đó có 2 Thạc sĩ; 2 đang học cao học, nhưng đến năm 2000 có 15 giảng viên, trong đó, 4 giảng viên có trình độ thạc sĩ và 2 đang học cao học.

Chất lượng cán bộ các phòng chuyên môn có bước tiến đáng kể. Thời điểm năm 1995, cán bộ các phòng hầu hết là trình độ trung cấp, chỉ 1 người có trình độ đại học về chuyên môn và cao cấp lý luận chính trị, đến 1999, có 5 đạt trình độ đại học, 3 đang học đại học, 1 học cao đẳng.

Nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý các mặt hoạt động của Trường, đòi hỏi đội ngũ cán bộ quản lý phải được hoàn thiện. Năm 1999, xuất phát từ yêu cầu nhiệm vụ của Trường, có 7 đồng chí được đề bạt chức vụ quản lý⁽¹⁾.

Trước nhu cầu đào tạo cán bộ ngày càng tăng, do đó biên chế cán bộ của Trường tăng thêm, trong lúc cơ sở vật chất vừa thiếu, vừa xuống cấp. Do đó từ năm 1995 đến năm 1999, Trường được Tỉnh cấp kinh phí để đầu tư sửa chữa hội trường A, hội trường B, đóng mới bàn ghế hội trường B; mua sắm các trang thiết bị phục vụ công tác của Ban giám hiệu và các khoa, phòng. Bắt đầu từ năm 1995, các thiết bị công nghệ thông tin như máy vi tính, máy photocopy đã được trang bị để nâng cao hiệu suất công tác, nhất là trên lĩnh vực hành chính văn phòng.

Công trình xây dựng cơ bản lớn nhất trong giai đoạn này là nhà làm việc của cơ quan được xây dựng vào năm 1996, có 02 tầng, với diện tích sử dụng 300m², gồm 02 phòng khách, 13 phòng làm việc và 01 phòng họp của cơ quan. Những công trình này hoàn thành, đưa vào sử dụng đã cải thiện đáng kể nơi làm việc của các phòng, khoa.

⁽¹⁾ Đồng chí Đinh Lưu Vân, Phó Hiệu trưởng được đề bạt giữ Quyền Hiệu trưởng, thay đồng chí Hiệu trưởng Võ Văn nghị hưu, đồng thời, Ban Thường vụ Tỉnh ủy bổ nhiệm 2 Phó Hiệu trưởng: đồng chí Bùi Tấn Hưng và đồng chí Trần Văn Nhật. Có 5 đồng chí được đề bạt chức vụ Trưởng phó phòng, khoa gồm: đồng chí Trần Nhật Nghĩa, Trưởng Phòng Khoa học - Tư liệu - Thư viện; đồng chí Nguyễn Hữu Trung, Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính - Quản trị và đồng chí Trần Thị Vân, Trưởng phòng Đào tạo; đồng chí Nguyễn Thị Quỳnh Xê, Trưởng Khoa Công tác Đảng và Dân vận và đồng chí Nguyễn Thị Thủy, Phó Trưởng Khoa Lý luận cơ sở.

Hoạt động của Đảng bộ Trường: Kết thúc nhiệm kỳ V (1992 - 1996), Đại hội đảng bộ nhiệm kỳ VI (1996 - 1998) tiến hành vào tháng 7 năm 1996. Đại hội bầu Ban chấp hành gồm 5 thành viên; đồng chí Võ Văn giữ chức vụ Bí thư; đồng chí Đinh Lưu Vân giữ chức vụ Phó Bí thư Đảng ủy.

Đại hội nhiệm kỳ VII (1998 - 2000) được tiến hành vào ngày 23/6/1998. Đại hội đã kiểm điểm tình hình thực hiện nhiệm vụ nhiệm kỳ VI, đồng thời đề ra phương hướng và nhiệm vụ nhiệm kỳ VII (1998 - 2000) và bầu Ban chấp hành gồm 5 thành viên, trong đó có 1 đồng chí đại diện của chi bộ học viên, còn lại khung trường có 4 đồng chí, gồm: Đinh Lưu Vân, Bùi Tấn Hưng, Trần Nhật Nghĩa và Trần Văn Nhựt, trong đó đồng chí Đinh Lưu Vân giữ chức vụ Bí thư, đồng chí Bùi Tấn Hưng giữ chức vụ Phó Bí thư đảng ủy. Các chi bộ trực thuộc đảng bộ gồm có: chi bộ Giảng viên; chi bộ Giáo vụ - Tư liệu - Thư viện, chi bộ Tổ chức - Hành chính - Quản trị. Tổng số đảng viên của đảng bộ có 29 đồng chí.

Bước vào giai đoạn 1995 - 2000, công tác đào tạo cán bộ của tỉnh đòi hỏi cao hơn nhiều so với giai đoạn trước, do đó đảng ủy của trường đặt trọng tâm nhiệm vụ lãnh đạo là vừa hoàn thành nhiệm vụ chỉ tiêu đào tạo bồi dưỡng cán bộ cho các ngành, các cấp của Tỉnh, vừa đẩy mạnh công tác đào tạo cán bộ cho Trường. Nhiệm kỳ 1998 - 2000, công tác xây Đảng trong đảng bộ được tăng cường thêm một bước thông qua việc triển khai thực hiện Nghị quyết TW6 (lần 2, khóa VIII) về “Một số vấn đề cấp bách về công tác xây dựng Đảng”, theo đó tập thể Đảng ủy và các cấp ủy ở các chi bộ càng củng cố, thắt chặt tinh thần đoàn kết nội bộ, thấy rõ những mặt hạn chế trong công tác lãnh đạo của mình, từ đó nâng cao thêm một bước về năng lực lãnh đạo, chú trọng tập trung nhiều vào công tác chuyên môn, tăng cường công tác nghiên cứu khoa học, xây dựng mối quan hệ chặt chẽ với các ngành, các cấp của Tỉnh nhằm tạo điều kiện thuận lợi để Trường thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được giao.

Với những chuyển biến tích cực trong công tác xây dựng Đảng nên năm 2000, lần đầu tiên Đảng bộ Trường Đảng được đảng bộ cấp trên xét công nhận danh hiệu đảng bộ trong sạch, vững mạnh tiêu biểu cấp Tỉnh.

Từ năm 1995 đến năm 2000, Công đoàn Trường tiến hành 3 kỳ Đại hội. Đại hội nhiệm kỳ VIII tiến hành vào ngày 08/2/1996. Ban chấp hành nhiệm kỳ VIII, có 3 thành viên, trong đó đồng chí Trần Văn Nhựt được bầu giữ chức Chủ tịch, đồng chí Nguyễn Thị Quỳnh Xê giữ chức Phó Chủ tịch, đồng chí Lý Thị Anh là Ủy viên. Tổng số đoàn viên công đoàn có 20. Đại hội nhiệm kỳ IX tiến hành vào ngày 20/2/1998; nhiệm kỳ này Ban chấp hành công đoàn có 5 thành viên, trong đó đồng chí Bùi Tấn Hưng giữ chức Chủ tịch, đồng chí Trần Nhật Nghĩa, Phó Chủ tịch, các Ủy viên là Nguyễn Văn Điền, Lê Thị Tuyết Vân, Lý Thị Anh. Đại hội nhiệm kỳ X, tiến hành vào ngày 08/8/2000. Đại hội bầu Ban chấp hành, gồm 5 thành viên, trong đó đồng chí Trần Nhật Nghĩa giữ chức Chủ tịch; đồng chí Nguyễn Thị Thủy - Phó Chủ tịch; các thành viên gồm: Nguyễn Duy Hà, Nguyễn Lương Luyện, Nguyễn Văn Điền.

Giai đoạn 1995 - 2000, hoạt động công đoàn Trường đã có bước chuyển đồng bộ về các mặt. Phát huy vai trò của mình trong việc tham gia quản lý cơ quan và chăm lo, bảo đảm quyền lợi của đoàn viên công đoàn được thực hiện theo đúng chế độ chính sách, quan tâm việc nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ, viên chức nhà trường. Từ năm 1995 đến năm 1996, vẫn tiếp tục cùng Hội nuôi tôm trung ương tổ chức nuôi tôm giống; mặt khác, hằng năm bằng nguồn quỹ phúc lợi đã trích nộp bảo hiểm thân thể cho cán bộ, nhân viên và khen thưởng con của cán bộ, nhân viên trong cơ quan đạt thành tích cao trong học tập. Bắt đầu từ năm 1997 và năm 1998, phong trào văn hóa, thể thao, phong trào hoạt động xã hội, từ thiện đã có bước chuyển biến khá mạnh mẽ, mang lại ý nghĩa thiết thực vừa để chia sẻ với những hoàn cảnh khó khăn, đồng thời vừa giáo dục ý thức cho đoàn viên thể hiện trách nhiệm với cộng đồng xã hội.

Hoạt động của chi đoàn thanh niên: Số lượng đoàn viên chi đoàn Trường trong giai đoạn này có 9 đồng chí. Đại hội chi đoàn nhiệm kỳ 1993-1995 bầu đồng chí Trần Thị Minh Hoài giữ chức vụ Bí thư chi đoàn. Giữa nhiệm kỳ, đồng chí Trần Thị Minh Hoài được cử đi học cử nhân chính trị tại Phân viện Thành phố Hồ Chí Minh, do đó Ban Thường vụ Đoàn Dân Chính Đảng ra quyết định chỉ định đồng chí Đặng Tấn Công giữ chức vụ Bí Thư chi đoàn, cho đến Đại hội chi đoàn nhiệm kỳ 1998 - 2001 bầu đồng chí Tô Thị Đông Hà giữ chức vụ Bí thư. Hoạt động của chi đoàn giai đoạn này bắt đầu có bước chuyển biến tích cực. Hình thức và phương thức sinh hoạt đã từng bước được đổi mới. Nhìn chung hoạt động phong trào đoàn đã được tiến hành đồng bộ trên các lĩnh vực: chính trị tư tưởng; công tác xây dựng tổ chức; công tác phong trào; công tác chuyên môn và học tập nâng cao trình độ học vấn cho đoàn viên thanh niên để góp phần tích cực vào việc hoàn thành nhiệm vụ chung của nhà trường.

Trong điều kiện còn khó khăn về nhiều mặt, từ cơ sở vật chất cho đến đội ngũ giảng viên, nhưng trước yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ các ngành, các cấp cho tỉnh nhà khi chuyển sang giai đoạn mới, tập thể từ lãnh đạo đến đội ngũ giảng viên, cán bộ, nhân viên của Trường đã đồng sức, đồng lòng, vượt qua khó khăn, nỗ lực phấn đấu cao, nên liên tục nhiều năm liền, Trường đều hoàn thành vượt mức chỉ tiêu nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho tỉnh nhà, đặc biệt năm 2000 vượt đến 148%. Với thành tích đó, Trường đã được Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh và Chính phủ tặng nhiều bằng khen. Năm 2000, Trường có vinh dự lớn, được đón nhận Huân chương lao động hạng Ba, do Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng.

III. TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH BÌNH THUẬN (2001 - 2012)

1. Nâng cao chất lượng hoạt động (2001 - 2005)

Năm 2001 là năm đầu tiên toàn Đảng ta thực hiện Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IX, riêng ở tỉnh Bình Thuận đồng thời triển khai Nghị quyết Đại hội X tỉnh Đảng bộ. Hoà chung khí thế đó, Trường Chính trị tỉnh Bình Thuận ra sức phấn

đầu hoàn thành nhiệm vụ theo quan điểm chỉ đạo của Nghị quyết Đại hội X tỉnh Đảng bộ: *“Tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng cán bộ, cả về lý luận chính trị, kiến thức quản lý Nhà nước, quản trị kinh doanh, khoa học công nghệ, kinh tế đối ngoại, pháp lý, tin học, ngoại ngữ...; đào tạo cán bộ đoàn thể, cán bộ chủ chốt xã, phường. Đa dạng hoá hình thức đào tạo, cả đào tạo ở trường lớp, tự đào tạo và đào tạo trong thực tiễn công tác. Đào tạo phải gắn với quy hoạch cán bộ và coi trọng chất lượng; khắc phục tình trạng chạy theo bằng cấp. Thực hiện tiêu chuẩn hoá từng chức danh cán bộ, phấn đấu đến năm 2005 cán bộ chủ chốt từ cấp huyện trở lên học xong chương trình cao cấp về lý luận và có kiến thức đại học về một chuyên ngành nhất định. Củng cố, kiện toàn, nâng cao chất lượng hoạt động của Trường Chính trị tỉnh và các trung tâm giáo dục chính trị huyện, thành phố.”*

Giai đoạn này, tổ chức bộ máy của nhà trường ổn định, không có sự thay đổi lớn. Năm 2001 trường có 53 đồng chí trong tổng số 49 biên chế, có 31 đồng chí trình độ từ cao đẳng trở lên, đạt tỷ lệ 63,6% và 14 đồng chí có trình độ trung học, đạt tỷ lệ 28,57%. Tính đến 31/12/2005 là 52 đồng chí (48 biên chế, 04 hợp đồng). Ban Giám hiệu gồm 03 đồng chí: Đinh Lưu Vân, Hiệu trưởng, chịu trách nhiệm chung, phụ trách đào tạo. Bùi Tấn Hưng, Phó hiệu trưởng, phụ trách hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học, thông tin, tư liệu, thư viện. Trần Văn Nhựt, Phó hiệu trưởng, phụ trách tổ chức, hành chính, quản trị. Trong giai đoạn này nhà trường có 3 phòng và 3 khoa, cụ thể: Phòng Đào tạo do đồng chí Trần Thị Vân làm trưởng phòng; phòng Tổ chức - Hành chính, quản trị do đồng chí Nguyễn Hữu Trung làm trưởng phòng; phòng Khoa học - Thông tin, tư liệu, thư viện do đồng chí Trần Nhật Nghĩa làm trưởng phòng. Khoa Lý luận cơ bản do đồng chí Nguyễn Đức Minh làm trưởng khoa; khoa Công tác Đảng và Dân vận do đồng chí Nguyễn Thị Quỳnh Xê làm trưởng khoa; khoa Nhà nước và Pháp luật do chưa bố trí được lãnh đạo khoa nên đồng chí Bùi Tấn Hưng, Phó hiệu trưởng kiêm luôn nhiệm vụ trưởng khoa.

Do yêu cầu đào tạo của tỉnh tăng lên, số lớp mở hàng năm nhiều hơn giai đoạn trước, nên đội ngũ giảng viên của trường không đủ để đáp ứng nhu cầu giảng dạy, năm 2001 chỉ có 11 giảng viên/49 biên chế, còn thiếu 21 giảng viên. Theo quy định của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, số giảng viên phải bằng 2/3 tổng biên chế của nhà trường. Vì vậy, công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ, đặc biệt là xây dựng đội ngũ giảng viên đủ để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được Đảng uỷ, Ban Giám hiệu quan tâm đẩy mạnh, liên tục đưa đi đào tạo ở nhiều loại hình: cử 06 đồng chí đi học Cao học tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 10 đồng chí đi học Đại học tại Phân viện Báo chí Tuyên truyền và tại tỉnh; ngoài ra còn cử nhiều đồng chí học các lớp trung cấp LLCT, lý luận chính trị phổ thông, bồi dưỡng kiến thức QLNN chương trình chuyên viên, chuyên viên chính và mỗi năm trung bình cử hơn 20 lượt đồng chí dự tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ do Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh tổ chức.

Nhờ vậy đến cuối năm 2005 có 36/48 CCVC trong biên chế có trình độ từ trung cấp trở lên, chiếm tỷ lệ 75%, cụ thể 09 đồng chí có trình độ thạc sĩ, 20 đồng chí có trình độ cử nhân, cao đẳng, 07 đồng chí có trình độ trung cấp.

Để tăng số lượng giảng viên, các đồng chí có trình độ đại học được bố trí ở các khoa để làm nhiệm vụ tập sự giảng viên, một số đồng chí làm công tác quản lý ở các phòng cũng tham gia giảng tập. Hoạt động giảng tập, giảng duyệt thực hiện đúng theo quy trình từ cấp khoa đến cấp trường; nhờ đó từ năm 2001 - 2005, có 9 đồng chí được công nhận giảng viên, nâng tổng số giảng viên của trường là 20 đồng chí.

Căn cứ Hướng dẫn số 07-TC/TW của Ban Tổ chức Trung ương về việc thực hiện Quyết định số 88-QĐ/TW ngày 5/9/1994 của Ban bí thư Trung ương về “Thành lập các trường chính trị tỉnh, thành phố, trực thuộc Trung ương”, ngày 29/9/2004, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Bình Thuận đã ban hành Quy định số 12-QĐ/TU về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy và mối quan hệ công tác của Trường chính trị tỉnh Bình Thuận thay thế Quyết định số 78-QĐ/TU ngày

03/7/1995 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Bình Thuận về việc quy định tạm thời về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy và mối quan hệ công tác của Trường chính trị tỉnh Bình Thuận; theo đó, chức năng Trường chính trị tỉnh Bình Thuận là đơn vị sự nghiệp giáo dục - đào tạo trong hệ thống giáo dục lý luận chính trị, quản lý hành chính nhà nước và nghiệp vụ các đoàn thể quần chúng.

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, nhà trường triển khai các lớp đào tạo và bồi dưỡng đều hoàn thành và hoàn thành vượt mức chỉ tiêu được giao hàng năm cả về số lớp và số lượng học viên, cụ thể đã thực hiện 192 lớp với 20.236 học viên.

Từ ngày 01/01/2003, theo Quyết định số 484-QĐ/HVCTQGHCM ngày 11/12/2002 của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, nhà trường đã thực hiện chuyển đổi từ chương trình trung học Lý luận chính trị sang chương trình Trung cấp lý luận chính trị với các phần: phần I: Triết học Mác - Lênin, phần II: Kinh tế chính trị Mác - Lênin và một số vấn đề về tổ chức, quản lý kinh tế ở Việt Nam, phần III: Chủ nghĩa xã hội khoa học và chính trị học, phần IV: Tư tưởng Hồ Chí Minh, phần V: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, phần VI: Văn hoá - xã hội, phần VII: Tâm lý học trong hoạt động lãnh đạo, quản lý, phần VIII: Một số vấn đề quốc phòng an ninh và đối ngoại, phần IX: Nhà nước và pháp luật, phần X: Xây dựng Đảng, phần XI: Công tác Dân vận, phần XII: Tình hình và nhiệm vụ địa phương. Trong đó khoa Lý luận cơ bản phụ trách các phần I, II, III, VI; khoa Công tác Đảng và Dân vận phụ trách các phần IV, V, VII, X, XI, XII.; khoa Nhà nước và pháp luật phụ trách các phần VIII, IX. Toàn bộ chương trình học kéo dài 12 tháng đối với hệ lớp tập trung và 24 tháng đối với hệ lớp tại chức. Tuy nhiên, do mở tại địa bàn huyện nên phần lớn các lớp hệ tại chức thường kéo dài hơn thời gian quy định.

Đặc biệt trong giai đoạn này, thực hiện theo tinh thần Nghị quyết số 05 và Nghị quyết số 11 của Tỉnh uỷ về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ dân tộc thiểu số, cán bộ huyện Phú Quý và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở, trường đã triển khai một số lớp đặc thù theo sự chỉ đạo của Tỉnh uỷ. Loại lớp thứ nhất: năm 2002, trường đã mở 01 lớp trung cấp LLCT trong thời gian 08 tháng cho

cán bộ dân tộc thiểu số đương chức với 48 học viên tại trường, nội dung chương trình giảng dạy do trường biên soạn lại trên cơ sở giáo trình của Học viện để phù hợp với đối tượng. Loại lớp thứ hai: từ năm 2002, Trường Chính trị đã phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Ban Dân tộc và trường Phổ thông dân tộc nội trú tỉnh mở 05 lớp trung cấp LLCT cho cán bộ dân tộc thiểu số và cán bộ huyện Phú Quý diện tạo nguồn với 159 học viên, phương thức triển khai là đưa chương trình trung cấp lý luận chính trị vào học xen kẽ với học văn hoá cấp III, mỗi tuần học chính trị 02 ngày rải dần từ khi các em học lớp 10 cho đến lớp 12, khi tốt nghiệp trung học phổ thông thì các em cũng hoàn thành chương trình trung cấp lý luận chính trị. Loại lớp thứ ba: lần đầu tiên vào năm 2002 trường Chính trị đã khai giảng lớp trung cấp LLCT tại chức tại huyện Phú Quý với 71 học viên (Lớp TCELLCT, hệ đào tạo tại chức - khóa 12 khai giảng ngày 25/3/2002, bế giảng ngày 30/9/2004). Đến năm 2005, tiếp tục khai giảng lớp trung cấp LLCT tại chức thứ hai tại huyện Phú Quý với 57 học viên (Lớp TCELLCT, hệ đào tạo tại chức - khoá 26 khai giảng ngày 28/3/2005, bế giảng ngày 28/9/2007). Thực hiện phương châm giảng dạy sát với đối tượng học viên, năm 2001, nhà trường đã tổ chức một lớp trung học chính trị hệ tại chức - khoá IX (mở tại trường) gồm 65 học viên đều đã có bằng đại học, công tác tại các cơ quan sở ban ngành trên địa bàn thành phố Phan Thiết. Lớp học được triển khai theo một chương trình rút gọn so với thời gian quy định, để phù hợp với trình độ của đối tượng.

Ngoài các lớp trung cấp LLCT, nhà trường còn mở 01 lớp trung cấp hành chính, đảm nhiệm nhiều lớp bồi dưỡng, tập huấn ngắn ngày như các lớp BDKT QLNN chương trình chuyên viên, đại biểu HĐND cấp xã, cấp huyện, QLNN chính quyền cơ sở; tập huấn cho Hội Cựu chiến binh, công tác Đoàn, Hội Người cao tuổi, công tác Dân vận, công tác Đội Thiếu niên tiên phong, BDNV công tác Mặt trận, công tác Phụ vận, công tác Hội Chữ thập đỏ, công tác Hội Nông dân, Công an xã, công tác Tư pháp, công tác Kiểm tra của Đảng, công tác Đảng cấp cơ sở, công tác tổ chức cấp cơ sở; trung cấp hành chính.

Bên cạnh đó, nhà trường cũng đã phối hợp với Trường Quân sự tỉnh đào tạo 01 lớp TCLLCT cho chỉ huy trưởng quân sự xã, phường, thị trấn với 120 học viên; liên kết với Học viện Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh mở các lớp đại học hành chính, BDKT QLNN chương trình chuyên viên chính; liên kết với Phân viện thanh thiếu niên miền Nam mở các trung cấp thanh vận, liên kết với Phân hiệu trường Phụ nữ mở các lớp trung cấp phụ vận, liên kết với Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh mở các lớp đại học chính trị.

Cùng với sự thay đổi nội dung, chương trình đào tạo, hoạt động giảng dạy có những chuyển biến tích cực, bước đầu ứng dụng công nghệ thông tin, các phương pháp giảng dạy tích cực vào giảng dạy. Tuy nhiên, trong giai đoạn này giảng dạy chủ yếu vẫn theo phương pháp truyền thống, thuyết trình một chiều, chưa tạo nhiều hấp dẫn đối với người học. Theo hướng dẫn của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, hoạt động thao giảng được thực hiện đầu tiên vào năm 2005, nên còn nhiều khó khăn, lúng túng, số giảng viên tham gia thi giảng cấp khoa, cấp trường chỉ có 04 đồng chí; trong đó, 02 giảng viên được chọn tham gia Hội thi giảng viên dạy giỏi các trường chính trị tỉnh, thành phố lần thứ I, do Học viện tổ chức tại Vĩnh Long. Kết quả rất đáng phấn khởi, cả 02 giảng viên đều đạt giảng viên dạy giỏi, đó là thạc sĩ Nguyễn Thị Quỳnh Xê, Trưởng khoa Công tác Đảng và Dân vận và đồng chí Nguyễn Duy Hà, Phó Trưởng khoa Nhà nước và Pháp luật. Công tác giảng tập, giảng duyệt được quan tâm đẩy mạnh, nhờ đó có 9 giảng viên tập sự được công nhận giảng viên, đó là các đồng chí: Dụng Văn Duy, Lê Thị Tuyết Vân, Nguyễn Thị Thuận Bích, Vũ Đình Huýnh, Nguyễn Lương Luyện, Nguyễn Hoàng Minh, Trần Thị Minh Hoài, Võ Thị Thanh Hải, Tô Thị Đông Hà.

Công tác nghiên cứu khoa học, nghiên cứu thực tế, thông tin, tư liệu, tuyên truyền. Sách, tư liệu, tài liệu nghiên cứu tương đối phong phú, với hơn 30 đầu báo, nhiều loại sách, nhưng chủ yếu là sách chính trị. Công tác quản lý chưa thật khoa học và chưa nền nếp, công cụ tra cứu, thẻ thư viện làm theo kiểu thủ công, song nhiều khán giả, bạn đọc đến đọc sách, nghiên cứu.

Giai đoạn này có nhiều đề tài khoa học được triển khai thực hiện xuất phát từ yêu cầu thực tiễn của địa phương và nhà trường. Trong 5 năm, từ 2001 - 2005, thực hiện 6 đề tài: Phòng Đào tạo thực hiện đề tài “Nâng cao chất lượng hoạt động của Phòng Đào tạo, Trường Chính trị Bình Thuận”. Khoa Công tác Đảng và Dân vận thực hiện 2 đề tài “Đánh giá kết quả sau đào tạo - Phương hướng và giải pháp đào tạo trung học chính trị đội ngũ cán bộ cấp xã ở tỉnh Bình Thuận” và “Điều tra, đánh giá kết quả sau đào tạo - Phương hướng và giải pháp đào tạo trung cấp lý luận chính trị đối với cán bộ ở tỉnh Bình Thuận”. Khoa Lý luận cơ sở thực hiện 2 đề tài “Phát triển kinh tế hộ nông nghiệp ở huyện Hàm Thuận Bắc - Thực trạng và giải pháp” và “Hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty cổ phần trên địa bàn tỉnh Bình Thuận - Thực trạng và giải pháp”. Khoa Nhà nước & Pháp luật thực hiện đề tài “Một số kinh nghiệm và giải pháp thực hiện bài giảng duyệt đạt chất lượng”.

Nội san của trường đã thực sự là diễn đàn, thu hút đông đảo người tham gia, không chỉ cán bộ, giảng viên của trường, mà cả các đơn vị bạn, như Bảo tàng Hồ Chí Minh - Chi nhánh Bình Thuận, Thư viện tỉnh, trung tâm bồi dưỡng chính trị các huyện và một số cán bộ, giảng viên đã nghỉ hưu. Nội san được xuất bản 01 số/năm, với nhiều thể loại, nội dung phong phú, gồm nghiên cứu lý luận, trao đổi kinh nghiệm, tổng kết thực tiễn, thông tin, thơ ca ... giúp cán bộ, giảng viên có nơi trao đổi thông tin, rèn luyện kỹ năng viết, tư duy khoa học.

Công tác nghiên cứu thực tế của học viên được quan tâm thực hiện. Tỉnh và nhà trường có kinh phí hỗ trợ, do đó, đa số các lớp trung cấp lý luận chính trị tổ chức đi tham quan nghiên cứu thực tế một số tỉnh dọc theo Quốc lộ 1 từ Bình Thuận trở ra đến Hà Nội và các tỉnh phía Bắc. Đội ngũ giảng viên đảm bảo giờ nghiên cứu thực tế 240 tiết/năm; hàng năm giảng viên đều hoàn thành và một số vượt nghĩa vụ nghiên cứu thực tế theo quy định của Học viện.

Công tác quản lý, xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị. Nhà trường luôn chú trọng công tác quản lý nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của đơn vị; các chế độ hội họp, thỉnh thị, báo cáo, kiểm tra nhắc nhở các cá

nhân và tập thể được thực hiện thường xuyên. Định kỳ 6 tháng và cuối năm, Ban Giám hiệu phối hợp với Ban Chấp hành Công đoàn trường tổ chức hội nghị CCVC sơ kết, tổng kết hoạt động để đánh giá ưu, khuyết điểm cũng như phương hướng hoạt động cho thời gian tới.

Để thực hiện tin học hóa trong giảng dạy và các hoạt động chuyên môn, đơn vị đã tiết kiệm kinh phí đầu tư mua 13 máy vi tính, lắp đặt mạng Lan và mua 1 bộ máy chiếu đầu tiên để phục vụ giảng dạy.

Trong giai đoạn này, bắt đầu từ năm 2003, theo Quyết định của Tỉnh uỷ Bình Thuận, Trường Chính trị Bình Thuận sẽ được quy hoạch về địa điểm mới ở phường Phú Tài, thành phố Phan Thiết, do vậy việc đầu tư sửa chữa lớn cơ sở làm việc không được thực hiện đã ảnh hưởng phần nào chất lượng phục vụ của trường. Trong thời gian chờ xây dựng và chuyển đến địa điểm mới, để giải quyết bức xúc về cơ sở vật chất, năm 2003, nhà trường đã được phép xây dựng một hội trường tạm 300 chỗ vách bằng tole, nền tráng xi măng.

Hoạt động của Đảng bộ và các đoàn thể có bước phát triển đáng kể. Tổng số đảng viên của Đảng bộ đến cuối năm 2005 là 37 đồng chí; trong đó, đảng viên chính thức: 34, đảng viên dự bị: 03; 18 nam, 19 nữ; về trình độ: cao học 08 đồng chí, đại học 17 đồng chí, trung cấp 05 đồng chí, sơ cấp 01 đồng chí, 02 đồng chí đang học cao học, 04 đồng chí đang học đại học.

Trong nhiệm kỳ 2000 - 2003, đồng chí Đinh Lưu Vân là bí thư đảng uỷ, đồng chí Bùi Tấn Hưng là phó bí thư đảng uỷ, các đồng chí đảng uỷ viên: Trần Nhật Nghĩa, Nguyễn Hữu Trung, Trần Thị Vân.

Trong nhiệm kỳ 2003 - 2005, đồng chí Đinh Lưu Vân là bí thư đảng uỷ, đồng chí Bùi Tấn Hưng là phó bí thư đảng uỷ, các đồng chí đảng uỷ viên: Trần Nhật Nghĩa, Nguyễn Hữu Trung, Nguyễn Thị Thuỷ.

Đảng bộ nhà trường được cơ cấu thành 03 chi bộ: chi bộ Giảng viên, chi bộ Đào tạo - Khoa học, chi bộ Tổ chức - Hành chính, quản trị (ngoài ra còn các chi bộ học viên của các lớp trung cấp LLCT tập trung sinh hoạt tạm thời theo từng năm).

Đảng bộ đã nêu cao tinh thần đoàn kết, khắc phục khó khăn, lãnh đạo toàn diện các hoạt động của nhà trường, hoàn thành tất cả các chỉ tiêu theo nghị quyết Đại hội Đảng bộ đề ra trong cả hai nhiệm kỳ. Trong đó công tác chính trị tư tưởng luôn được Đảng bộ quan tâm như: tổ chức học tập các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, tổ chức học tập 05 chuyên đề về đạo đức cách mạng trong thời kỳ CNH, HĐH đất nước cho cán bộ đảng viên và học viên, ban hành tiêu chuẩn “Xây” và “Chống” về đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên Trường Chính trị; thực hiện thường xuyên chế độ thông tin, thời sự, chính sách cho cán bộ và học viên bằng nhiều hình thức phong phú.

Hoạt động, sinh hoạt của Đảng bộ, Đảng ủy, chi bộ được thực hiện theo quy chế, quy định; nhờ đó các chương trình hành động thực hiện các nghị quyết, chế độ sinh hoạt, chấp hành Điều lệ Đảng, tài chính của Đảng, việc thực hiện những điều đảng viên không được làm, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được thực hiện và kiểm tra nghiêm túc. Năm 2003, đã kết hợp với UBKT Đảng ủy khối các cơ quan Dân chính Đảng xử lý 01 đồng chí đảng viên vi phạm sử dụng bằng tốt nghiệp cấp III bất hợp pháp với hình thức kỷ luật khiển trách. Từ năm 2001 - 2005, phát triển được 04 đảng viên mới, Đảng bộ Trường Chính trị tỉnh Bình Thuận đến năm 2005 là năm thứ 6 liên tục đạt trong sạch vững mạnh tiêu biểu cấp tỉnh.

Từ năm 2001 - 2005, Công đoàn cơ sở của Trường diễn ra 02 kỳ đại hội công đoàn, đại hội đã bầu ra Ban Chấp hành gồm 5 thành viên: đồng chí Trần Nhật Nghĩa, Trưởng Phòng Khoa học - Thông tin - Tư liệu - Thư viện làm chủ tịch; đồng chí Nguyễn Thị Thủy, Phó trưởng khoa Lý luận cơ sở làm Phó Chủ tịch. Năm 2001, công đoàn trường có 53 đoàn viên. Đến năm 2005, công đoàn có 52 đoàn viên, sinh hoạt ở 03 tổ công đoàn: Tổ chức - Hành chính Quản trị, Đào tạo - Khoa học và tổ công đoàn Giảng viên. Năm 2002, công đoàn phối hợp với cơ quan đề nghị đã được tỉnh cấp đất làm nhà cho 11 gia đình CCVC chưa có nhà ở đang sinh sống tại khu tập thể của trường. Việc làm thiết thực và có ý nghĩa đó là nguồn cổ

vũ, động viên, tạo động lực thúc đẩy công chức viên chức gắn bó với nhà trường, hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Điểm nổi bật trong hoạt động của các đoàn thể trong giai đoạn 2001 - 2005 là thực hiện mô hình liên kết phối hợp hoạt động giữa các tổ chức đoàn thể. Công đoàn phối hợp với chính quyền, Hội Cựu chiến binh, Chi đoàn Thanh niên. Thấy được ý nghĩa thiết thực của việc liên kết hoạt động không chỉ trong trường, mà cần thiết phải liên kết với các cơ quan, đơn vị khác, vừa để giao lưu, vừa hỗ trợ trong hoạt động. Vì vậy, năm 2005, mô hình liên kết phối hợp này đã ký kết giao lưu với xã Hồng Phong, huyện Bắc Bình. Hoạt động liên kết không chỉ tạo nguồn lực tài chính, góp phần đáng kể vào việc duy trì, tổ chức hoạt động của các đoàn thể, mà còn vận động được nhiều cá nhân đóng góp bằng tiền, hiện vật để ủng hộ các phong trào văn nghệ, thể thao, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Chính sự liên kết này góp phần quan trọng vào việc khắc phục hạn chế về kinh phí trong hoạt động, nhất là tổ chức các phong trào văn nghệ, thể thao.

Hội Cựu chiến binh nhà trường được thành lập ngày 10/6/ 2003 với 7 hội viên. Ban Chấp hành lâm thời do Hội Cựu Chiến binh tỉnh Bình Thuận chỉ định, chí Trần Văn Nhựt, Phó Hiệu trưởng nhà trường làm Chủ tịch; đồng chí Nguyễn Hữu Trung, Trưởng Phòng Tổ chức - Hành chính Quản trị làm Phó Chủ tịch. Tháng 4 năm 2005, Hội tiến hành Đại hội lần thứ I, nhiệm kỳ 2005 - 2007, Đại hội đã bầu đồng chí Trần Văn Nhựt và đồng chí Nguyễn Hữu Trung giữ chức vụ Chủ tịch và Phó Chủ tịch. Hoạt động chủ yếu của Hội là liên kết với công đoàn, chi đoàn thanh niên tổ chức các hoạt động sinh hoạt truyền thống, văn nghệ thể thao, giáo dục thanh, thiếu niên, thực hiện công tác xã hội từ thiện, giao lưu kết nghĩa với các đơn vị, địa phương trong tỉnh.

Hoạt động của Chi đoàn thanh niên ở giai đoạn này diễn ra 02 kỳ đại hội: Đại hội chi đoàn lần thứ VI, nhiệm kỳ 2002 - 2003, đại hội đã bầu ra Ban Chấp hành gồm 03 đồng chí; trong đó, đồng chí Nguyễn Thị Thuận Bích làm Bí thư và đồng chí Nguyễn Thành Nam làm Phó Bí thư. Đến tháng 10 năm 2002, do mở lớp

trung học lý luận chính trị, hệ tập trung và sự thay đổi vị trí công tác, nên Ban Chấp hành có sự thay đổi, gồm 05 đồng chí; trong đó có 02 học viên. Đồng chí Nguyễn Thành Nam làm Bí thư và đồng chí Võ Thị Thanh Hải làm Phó Bí thư đến hết nhiệm kỳ 2003 - 2005.

Với tinh thần trẻ, khỏe, xung kích, sáng tạo, chi đoàn đã đẩy mạnh toàn diện các hoạt động. Nổi bật trong giai đoạn này là phong trào “Thanh niên lập nghiệp” và “Tuổi trẻ giữ nước”. Tổ chức nhiều hoạt động giao lưu văn nghệ, thể thao với các chi đoàn ở địa phương, cơ sở; tham gia các cuộc thi do đoàn các cấp phát động; tổ chức, tham gia quyên góp sách cho trẻ em vùng sâu, vùng xa trong tỉnh; nhận đỡ đầu một cháu có hoàn cảnh khó khăn ở phường Hưng Long, thành phố Phan Thiết; tham gia hiến máu nhân đạo; tổ chức các buổi hành trình về nguồn...Liên tục giữ vững danh hiệu cơ sở đoàn vững mạnh hàng năm.

Công tác xã hội từ thiện: cán bộ viên chức nhà trường đóng góp các loại quỹ đền ơn đáp nghĩa, ngày vì người nghèo, hỗ trợ nông dân nghèo, quỹ tuổi thơ, khuyến học, trợ vốn vì nữ CNLĐ nghèo, phòng chống thiên tai, lao động công ích, ủng hộ đồng bào bị lũ lụt với tổng số tiền là 59.422.000,00. Từ năm 2002, nhà trường nhận đỡ đầu 01 vợ liệt sĩ ở Phường Bình Hưng, thành phố Phan Thiết, với số tiền mỗi năm 1.200.000 đồng.

Giai đoạn này, tập thể nhà trường được tặng 08 bằng khen; trong đó, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh tặng 04 bằng khen cho tập thể trường và 01 cờ thi đua “đơn vị xuất sắc toàn ngành”; 04 bằng khen do UBND tỉnh tặng. Phòng Đào tạo đạt danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc và được Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen; Khoa Công tác Đảng và Dân vận đạt danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc; Khoa Lý luận cơ sở được UBND tỉnh tặng bằng khen. Có 11 bằng khen tặng cho cá nhân; trong đó, 02 bằng khen do Thủ tướng Chính phủ tặng; 09 bằng khen do UBND tỉnh tặng; 04 đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp tỉnh; 71 lượt đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở.

Đặc biệt, năm 2005, nhà trường được Chủ tịch nước tặng thưởng *Huân chương Lao động hạng Nhì* trong dịp kỷ niệm ngày truyền thống của ngành - Ngày Nhà giáo Việt Nam 20 tháng 11 năm 2005. Đây là phần thưởng cao quý, khẳng định những thành tích to lớn mà nhà trường đã đạt được trong nhiều năm xây dựng và trưởng thành. Đây vừa là niềm vui, vừa là niềm vinh dự to lớn, nhắc nhở mỗi công chức viên chức cố gắng nhiều hơn nữa trên bước đường công tác.

2. Trường Chính trị Bình Thuận tiếp tục phát triển (2006 - 2012)

Trong giai đoạn này diễn ra nhiều sự kiện trọng đại của đất nước và của tỉnh nhà, đó là Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, XI của Đảng Cộng sản Việt Nam, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Thuận lần thứ XI, XII. Có thể nói đây là giai đoạn nhà trường có nhiều sự biến động về mặt nhân sự, tổ chức; đồng thời công tác đào tạo, bồi dưỡng của trường có nhiều bước phát triển vượt bậc cả về số lượng và chất lượng. Tập thể CCVC của trường đã góp phần làm tốt nhiệm vụ mà Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Thuận lần thứ XI đề ra: “Làm tốt công tác chính trị tư tưởng, đặc biệt coi trọng giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, lý tưởng và truyền thống cách mạng, xây dựng bản lĩnh chính trị, kiên định sự lãnh đạo của Đảng và con đường xã hội chủ nghĩa, giữ vững khối đoàn kết thống nhất ý chí và hành động, nâng cao ý thức cảnh giác trước âm mưu “diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch”. Đây là giai đoạn diễn ra nhiều biến động trong công tác nhân sự, tổ chức bộ máy của nhà trường. Nhất là từ năm 2010, đơn vị đã tiến hành quy hoạch, sắp xếp, bố trí lại bộ máy tổ chức, đội ngũ cán bộ, một mặt theo văn bản chỉ đạo của các cấp, một mặt xuất phát từ nhu cầu nội tại là nhằm phát huy tối đa chất lượng, hiệu quả công tác của từng CCVC, từng phòng, khoa và cả tập thể nhà trường để đáp ứng nhiệm vụ ngày càng tăng, khắc phục từng bước tình trạng “vừa thừa, vừa thiếu” của đội ngũ cán bộ do nhiều lý do đã bộc lộ rõ nét trong giai đoạn này.

Tính đến tháng 2/2010, bộ máy tổ chức của trường vẫn là 03 khoa, 03 phòng. Thực hiện Quyết định số 184 - QĐ/TW ngày 03/9/2008 của Ban Bí thư (khoá X) về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trường chính trị tỉnh, thành phố trực

thuộc trung ương; Quy định số 2657- QĐ/TU ngày 16/10/2009 của Tỉnh uỷ Bình Thuận về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy và mối quan hệ công tác của Trường Chính trị tỉnh Bình Thuận, từ ngày 01/3/2010, theo Quyết định số 21/QĐ-TCT ngày 01/3/2010 của Hiệu trưởng nhà trường, cơ cấu bộ máy Trường Chính trị tỉnh Bình Thuận: Ban Giám hiệu gồm có: 1 Hiệu trưởng, 2 đến 3 Phó Hiệu trưởng. Nhân sự Ban Giám Hiệu nhà trường trong giai đoạn này cũng liên tục có sự thay đổi: năm 2006 đồng chí Trần Văn Nhật nghỉ hưu, năm 2007 đồng chí Nguyễn Thị Thuận Bích được bổ nhiệm chức vụ Phó Hiệu trưởng, tháng 8/2010 đồng chí Đinh Lưu Vân được điều động làm Bí thư huyện uỷ Bắc Bình, đồng chí Bùi Tấn Hưng được bổ nhiệm Hiệu trưởng (từ tháng 11 năm 2010) và đồng chí Lê Trung Quân được bổ nhiệm chức vụ Phó Hiệu trưởng. Đến tháng 11/2012, Ban Giám Hiệu nhà trường gồm: đồng chí Bùi Tấn Hưng, Hiệu trưởng chịu trách nhiệm chung, phụ trách đào tạo; đồng chí Lê Trung Quân, Phó hiệu trưởng, phụ trách hoạt động giảng dạy; đồng chí Nguyễn Thị Thuận Bích, Phó hiệu trưởng, phụ trách tổ chức, hành chính, quản trị, nghiên cứu khoa học, thông tin, tư liệu, thư viện. Bộ máy nhà trường gồm có 4 khoa và 3 phòng:

Khoa Lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh được thành lập trên cơ sở chuyển đổi khoa Lý luận cơ sở, nhân sự được giữ nguyên: đồng chí Nguyễn Đức Minh làm trưởng khoa, đồng chí Nguyễn Thị Thuỷ làm phó trưởng khoa, giảng viên: Nguyễn Thị Hồng Hiếu, Nguyễn Thị Như Yến. Năm 2011 đồng chí Nguyễn Đức Minh nghỉ hưu, đồng chí Nguyễn Thị Thuỷ được bổ nhiệm trưởng khoa.

Khoa Xây dựng Đảng được thành lập trên cơ sở tách khoa Công tác Đảng: đồng chí Nguyễn Thị Quỳnh Xê làm trưởng khoa, đồng chí Trần Thị Minh Hoài làm phó trưởng khoa; giảng viên: Đặng Tấn Công, Nguyễn Hoàng Minh, Huỳnh Thụy Minh Trí, Nguyễn Thị Xuân Thuận. Năm 2012 đồng chí Nguyễn Thị Quỳnh Xê nghỉ hưu, đồng chí Lê Thị Tuyết Vân (phó trưởng khoa Dân vận) được bổ nhiệm trưởng khoa.

Khoa Dân vận được thành lập trên cơ sở tách khoa Công tác Đảng: đồng chí Trần Nhật Nghĩa, trưởng phòng Khoa học - Thông tin, tư liệu, thư viện được luân chuyển và bổ nhiệm làm trưởng khoa, đồng chí Lê Thị Tuyết Vân làm phó trưởng khoa; đồng chí Duyệt Văn Duy, phó phòng Đào tạo được luân chuyển và bổ nhiệm làm phó trưởng khoa, giảng viên: Võ Thị Thanh Hải. Năm 2012 đồng chí Trần Nhật Nghĩa nghỉ hưu, đồng chí Duyệt Văn Duy được bổ nhiệm trưởng khoa.

Khoa Nhà nước và Pháp luật: Lê Trung Quân là trưởng khoa từ năm 2008, năm 2011 khi đồng chí Quân được bổ nhiệm phó hiệu trưởng, đồng chí Nguyễn Duy Hà được bổ nhiệm trưởng khoa.

Phòng Đào tạo được giữ nguyên do đồng chí Trần Thị Vân làm trưởng phòng, đến năm 2006 khi đồng chí Vân chuyển công tác sang Đảng uỷ Khối Doanh nghiệp, đồng chí Nguyễn Hữu Trung được luân chuyển và bổ nhiệm chức vụ trưởng phòng, đồng chí Trần Thị Chút giữ chức vụ phó trưởng phòng đến năm 2009 nghỉ hưu; đồng chí Duyệt Văn Duy giữ chức vụ phó trưởng phòng từ năm 2006 đến năm 2010 chuyển về khoa Dân vận; đồng chí Nguyễn Văn Điền chuyển từ phòng Tổ chức - Hành chính, quản trị sang giữ chức vụ phó trưởng phòng từ năm 2009. Đến tháng 10/2012 phòng gồm có đồng chí Nguyễn Hữu Trung, trưởng phòng; đồng chí Nguyễn Văn Điền, phó trưởng phòng; chuyên viên: đồng chí Hồ Thị Mỹ Hằng, đồng chí Nguyễn Thị Xuân Mai. Phòng có nhiệm vụ tham mưu cho Ban giám hiệu xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức theo chỉ tiêu của tỉnh giao hàng năm. Phối hợp quản lý các hoạt động của lớp học thông qua chủ nhiệm lớp và hoạt động nghiệp vụ của giảng viên theo quy định của Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh. Phối hợp với các phòng, khoa trong trường để đảm bảo công tác giảng dạy và học tập. Chủ động lên kế hoạch và là thư ký các cuộc họp hội đồng chuyên môn.

Phòng Nghiên cứu khoa học - Thông tin - Tư liệu về cơ bản chỉ đổi tên từ phòng Khoa học - Thông tin, tư liệu, thư viện do đồng chí Trần Nhật Nghĩa làm

trưởng phòng đến năm 2010 chuyển về khoa Dân vận; năm 2011 đồng chí Ngô Tấn Trí phó trưởng phòng được bổ nhiệm trưởng phòng, đến năm 2012, khi đồng chí Ngô Tấn Trí được luân chuyển và bổ nhiệm chức vụ trưởng phòng Tổ chức - Hành chính, quản trị; đồng chí Nguyễn Lương Luyện đang giữ chức trưởng phòng Tổ chức - Hành chính, quản trị được luân chuyển giữ chức trưởng phòng. Đồng chí Tô Thị Đông Hà giữ chức phó trưởng phòng từ năm 2007 đến năm 2009 chuyển công tác, sau đó đồng chí Văn Thị Thanh Hà được luân chuyển từ khoa Lý luận cơ sở và bổ nhiệm phó trưởng phòng từ năm 2010. Đến tháng 10/2012 phòng gồm có đồng chí Nguyễn Lương Luyện, trưởng phòng; đồng chí Văn Thị Thanh Hà, phó trưởng phòng; chuyên viên: đồng chí Vũ Đình Huýnh và đồng chí Phạm Thị Hoài; đồng chí Phạm Như Thuyết, cán sự. Phòng có nhiệm vụ tham mưu cho Ban giám hiệu về kế hoạch công tác triển khai và quản lý hoạt động khoa học thông tin tư liệu thư viện. Tổ chức sưu tầm, quản lý, khai thác, sử dụng tài liệu, tư liệu phục vụ cho giảng dạy, nghiên cứu khoa học và học tập tại trường. Quản lý và cung cấp các phương tiện, trang thiết bị phục vụ giảng dạy. Bảo quản và trưng bày các loại hình ảnh, hiện vật truyền thống của nhà trường. Là thư ký hội đồng khoa học.

Phòng Tổ chức - Hành chính - Quản trị không có thay đổi, phòng do đồng chí Nguyễn Hữu Trung làm trưởng phòng đến năm 2006, đồng chí Nguyễn Thị Thuận Bích được luân chuyển từ khoa Lý luận cơ sở và bổ nhiệm phó trưởng phòng từ năm 2006, làm quyền trưởng phòng từ 2006 - 2007, đồng chí Nguyễn Lương Luyện làm trưởng phòng thay đồng chí Bích từ năm 2007 - 5/2012, từ 6/2012 đồng chí Ngô Tấn Trí giữ chức vụ trưởng phòng. Đồng chí Nguyễn Văn Điền giữ chức vụ phó trưởng phòng đến năm 2009; năm 2002 đồng chí Trần Thị Minh Hoài được bổ nhiệm phó trưởng phòng, đồng chí Nguyễn Lương Luyện được bổ nhiệm phó trưởng phòng từ năm 2007, đồng chí Nguyễn Khắc Nam Sơn được bổ nhiệm phó trưởng phòng từ năm 2009. Tính đến tháng 10/2012 phòng gồm 14 đồng chí: đồng chí Ngô Tấn Trí, trưởng phòng; đồng chí Nguyễn Khắc Nam Sơn, phó trưởng phòng; chuyên viên: đồng chí Nguyễn Thị Phương Thảo, Huỳnh Ngọc

Phú; văn thư: đồng chí Huỳnh Thị Thu Thuận; quản trị mạng: đồng chí Phan Thanh Tùng; kế toán: đồng chí Trương Thị Vũ Hà; thủ quỹ: đồng chí Vương Thị Hạnh; lái xe: Trần Nguyên Hải; bảo vệ: đồng chí Lê Văn Trí, Nguyễn Khắc Bằng; nhân viên: Nguyễn Thị Ngọc Hương, Nguyễn Thị Hiếu. Phòng có nhiệm vụ tham mưu cho Ban Giám hiệu về công tác tổ chức bộ máy của trường, về thực hiện chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức và học viên, về hoạt động hành chính của trường, giúp Ban giám hiệu quản lý tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện dạy và học, bảo đảm điều kiện làm việc cho cán bộ, công chức và học viên học tập tại trường. Quản lý khu nội trú học viên. Chủ động lên kế hoạch và là thư ký một số cuộc họp của nhà trường.

Đội ngũ CCVC nhà trường gồm 41 đồng chí, trong đó có 04 hợp đồng. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cho CCVC nhà trường trong giai đoạn này được đẩy mạnh, có thời điểm hơn 40%/ tổng số CCVC đi học tập trung và tại chức⁽¹⁾. Nhờ vậy đến cuối năm 2012 toàn trường có: 15 đồng chí có trình độ thạc sĩ, 21 đồng chí có trình độ cử nhân, 03 đồng chí có trình độ trung cấp, 02 chuyên viên chính. Đội ngũ giảng viên có 17 đồng chí, trong đó có 08 đồng chí là giảng viên chính.

Tuy nhiên, bên cạnh sự nâng cao về trình độ của đội ngũ cán bộ, giảng viên, đây cũng là giai đoạn nhà trường thật sự phải đối mặt với khó khăn do thiếu nguồn nhân lực, đặc biệt là đội ngũ giảng viên, nhất là giảng viên giảng dạy các môn của khoa Dân vận và khoa Nhà nước - Pháp luật. Để khắc phục tình trạng này, Ban Giám hiệu nhà trường đã đẩy mạnh tiến độ giảng tập, giảng duyệt bằng nhiều biện pháp trong đó đã ban hành quy chế tập sự giảng viên. Đồng thời, để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên ngay từ khâu đầu vào, bắt đầu từ năm 2011, lần đầu tiên Ban Giám hiệu nhà trường đã tiến hành tuyển dụng thông qua thi tuyển. Thi tuyển trải qua 03 vòng: vòng đầu là duyệt hồ sơ, vòng hai các ứng viên thi

(¹) Từ năm 2006 - 2012 có 11 đồng chí học Cao học, 12 đồng chí học đại học, 02 đồng chí học trung cấp chuyên nghiệp, 02 đồng chí học trung cấp LLCT, 04 đồng chí học cao cấp LLCT, 08 đồng chí học QLNN chương trình chuyên viên, 10 đồng chí học QLNN chương trình chuyên viên chính, 05 đồng chí học QLNN chương trình chuyên viên cao cấp.

chuyên môn phù hợp với chức danh dự tuyển và ở vòng 3 các ứng viên trả lời phỏng vấn. Qua 04 đợt thi tuyển vào hai năm 2011, 2012 nhà trường đã tuyển chọn được 01 đồng chí văn thư, 03 giảng viên tập sự.

Theo Quy định số 2657- QĐ/TU ngày 16/10/2009 của Tỉnh uỷ Bình Thuận về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy và mối quan hệ công tác của Trường Chính trị tỉnh Bình Thuận, từ tháng 10/2009, nhà trường có chức năng, nhiệm vụ cụ thể sau: Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý của hệ thống chính trị cấp cơ sở, cán bộ, công chức ở địa phương về lý luận chính trị - hành chính; đường lối, các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; kiến thức và chuyên môn, nghiệp vụ về công tác xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; kiến thức về pháp luật, quản lý nhà nước và một số lĩnh vực khác. Nhiệm vụ cụ thể được quy định như sau:

1. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý của Đảng, chính quyền, đoàn thể cấp cơ sở (xã, phường, thị trấn và các đơn vị tương đương); trưởng, phó phòng, ban, ngành, đoàn thể cấp huyện và tương đương; trưởng, phó phòng của sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương; cán bộ dự nguồn các chức danh trên; cán bộ, công chức cấp cơ sở và một số đối tượng khác về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; về đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước và một số lĩnh vực khác.

2. Đào tạo trung cấp lý luận chính trị - hành chính cho cán bộ lãnh đạo, quản lý của hệ thống chính trị cấp cơ sở; cán bộ, công chức, viên chức ở địa phương.

3. Bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng lãnh đạo, chuyên môn, nghiệp vụ cho các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý; cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ của các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể nhân dân cấp cơ sở.

4. Bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho đại biểu hội đồng nhân dân cấp xã, cấp huyện.

5. Đào tạo tiền công vụ đối với công chức dự bị; bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước ngạch chuyên viên và các chức danh tương đương.

6. Phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy hướng dẫn và bồi dưỡng nghiệp vụ, phương pháp giảng dạy cho đội ngũ giảng viên của Trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện.

7. Mở lớp đào tạo, bồi dưỡng ngoài các đối tượng đã nêu trên theo hoặc phối hợp với các trường của Trung ương để tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng theo chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

8. Tổ chức nghiên cứu khoa học phục vụ giảng dạy, học tập và tham gia nghiên cứu khoa học tổng kết kinh nghiệm thực tiễn ở địa phương khi được Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao hoặc Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh có yêu cầu.

9. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Căn cứ vào nhiệm vụ được giao, từ năm 2006 - 2012, trường đã thực hiện 278 lớp với 30.021 học viên. Đến tháng 8/2009, nhà trường vẫn thực hiện theo chương trình trung cấp Lý luận chính trị; từ 01/9/2009, chuyển sang thực hiện chương trình trung cấp Lý luận Chính trị - Hành chính theo Quyết định số 1845-QĐ/HVCTHCQG ngày 29/7/2009 của Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh. Theo đó, các khoa chuyên môn được phân công đảm nhiệm theo kết cấu nội dung, chương trình mới để thực hiện đào tạo hệ trung cấp lý luận chính trị - hành chính. Ngoài các loại lớp đào tạo, bồi dưỡng như ở giai đoạn trước, trong năm 2009, do thực tiễn của công tác xử lý các tình huống chính trị - xã hội trong các lĩnh vực, đặc biệt là ở cấp cơ sở, thực hiện sự chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy, giảng viên của trường đã nghiên cứu và biên soạn, phối hợp với các sở ngành có liên quan và huyện Tánh Linh mở lớp điểm về “ Kỹ năng xử lý tình huống cho bí thư, chủ tịch UBND cấp xã” ở huyện Tánh Linh. Trên cơ sở đó, thực hiện Kế hoạch số 11 - KH/TU ngày 20/7/2011 của Tỉnh ủy Bình Thuận “về việc mở các lớp bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp

vụ, kinh nghiệm công tác, kỹ năng xử lý tình huống đối với cán bộ công chức và một số chức danh không chuyên trách cấp xã giai đoạn 2011 - 2015” với 28 lớp/3556 học viên do trường Trường Chính trị chủ trì. Ngoài ra nhà trường còn mở các lớp tập huấn phương pháp giảng dạy tích cực cho báo cáo viên là lãnh đạo các trung tâm bồi dưỡng chính trị và giảng viên kiêm chức cấp huyện.

Dưới sự chỉ đạo của Ban Giám hiệu trong việc điều chuyển môn học, phân học giữa các khoa; phân công hợp lý giữa các chương trình, như trung cấp lý luận chính trị - hành chính; bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước ngạch chuyên viên và chính quyền cơ sở; bồi dưỡng kiến thức chuyên môn cho các đoàn thể; tập huấn, xử lý tình huống theo chức danh; tập huấn phương pháp giảng dạy cho báo cáo viên cấp huyện. Bước chuyển biến trong giai đoạn này là chú trọng ứng dụng các thành tựu công nghệ thông tin để sử dụng giáo án điện tử và các phương pháp giảng dạy tích cực, lấy hoạt động của người học làm trung tâm, giảng viên giữ vai trò chủ đạo trong quá trình giảng dạy, tăng cường bài tập xử lý tình huống nhằm trang bị cho người học vừa nắm được lý luận cơ bản, vừa nắm vững kỹ năng thực hành, khả năng vận dụng lý luận vào thực tế.

Hoạt động thao giảng, thi giảng viên dạy giỏi được xác định là hoạt động thường xuyên nhằm rèn luyện kỹ năng, nâng cao năng lực giảng dạy, giúp giảng viên phần đầu vươn lên; đồng thời tôn vinh những giảng viên có năng lực, thúc đẩy phong trào thi đua dạy tốt, học tốt; nhờ đó nhà trường đã chọn được 27 lượt giảng viên dạy giỏi cấp trường; chọn cử được 05 lượt giảng viên tham gia dự thi giảng viên dạy giỏi các trường chính trị tỉnh, thành phố do Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh tổ chức đạt 2 xuất sắc và 3 giỏi⁽¹⁾.

Công tác giảng tập, giảng duyệt có phần chậm hơn, một mặt do công tác chuyên môn chi phối, nên sự giúp đỡ của những giảng viên đi trước đối với giảng viên tập sự còn hạn chế; mặt khác, do bản thân mỗi giảng viên tập nỗ lực chưa cao.

(¹) Giảng viên đạt loại giỏi và xuất sắc cấp Học viên: loại giỏi có Nguyễn Thị Quỳnh Xê, Nguyễn Đức Minh, Lê Thị Tuyết Vân; loại xuất sắc có Nguyễn Thị Thủy đạt 2 lần.

Trong 7 năm, có 05 giảng viên tập sự được công nhận giảng viên. Đó là các đồng chí: Huỳnh Thụy Minh Trí, Đào Thị Xuân Hương, Nguyễn Thị Như Yên, Nguyễn Thị Hồng Hiếu, Võ Thị Xuân Thuận.

Để đánh giá chất lượng học tập, Trường đã thực hiện đa dạng hóa các hình thức thi, kiểm tra, như đề tự luận, vấn đáp, trắc nghiệm phù hợp từng môn học, phần học. Dù tổ chức hình thức kiểm tra, thi nào vẫn phải vừa đảm bảo kiến thức cơ bản, biết vận dụng lý luận vào thực tiễn; vừa phát huy khả năng sáng tạo, độc lập tư duy của người học, khắc phục được tình trạng học vẹt, học tủ trước đây.

Công tác nghiên cứu khoa học, nghiên cứu thực tế, thông tin, tư liệu, tuyên truyền. Công tác thông tin, tư liệu, thư viện có nhiều chuyển biến và đổi mới, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của độc giả. Đã thực hiện biểu mẫu hóa sổ sách quản lý. Đặc biệt, từ năm 2010, nhà trường đã ứng dụng công nghệ thông tin, xử lý phần mềm thư viện để xử lý kỹ thuật sách và viết phích sách nhằm quản lý, tra cứu thuận tiện, dễ dàng, nhanh chóng. Thẻ thư viện và thẻ bạn đọc có dán hình, đưa vào máy tính để xử lý, giúp cho việc theo dõi bạn đọc chính xác và khoa học. Tiểu luận của học viên được đưa vào máy để xử lý kỹ thuật, quản lý theo năm, theo lớp, rất tiện lợi trong nghiên cứu. Đồng thời, do việc sử dụng rộng rãi Internet, nên nhà trường đã cắt giảm một số đầu báo, hiện còn 27 đầu báo và tạp chí. Tổng số sách cuối năm 2012 có 4.007 với đa dạng loại: chính trị, văn học, truyện thiếu nhi và một số sách về y học. Các loại sách, báo, thông tin, thư mục sách mới được giới thiệu kịp thời; Sinh hoạt khoa học, tọa đàm, nói chuyện thời sự do các báo cáo viên cấp tỉnh báo cáo, đem lại nhiều điều bổ ích cho cán bộ, giảng viên phục vụ công tác nghiên cứu, giảng dạy được duy trì thường xuyên.

Công tác nghiên cứu khoa học được chú trọng, triển khai thực hiện, trong 7 năm, tổ chức 36 cuộc hội thảo khoa học cấp khoa, 28 cuộc hội thảo khoa học cấp trường và nhiều buổi tọa đàm, sinh hoạt khoa học về thân thể và sự nghiệp của các vĩ nhân, lãnh tụ, như Các Mác, Ăngghen, Lênin, Chủ tịch Hồ Chí Minh, Lê Duẩn, Trường Chinh, Nguyễn Văn Cừ, chuyên đề về Học tập và làm theo tám gương đạo

đức Hồ Chí Minh, phối hợp với Liên hiệp Hội khoa học và kỹ thuật tinh tổ chức hội thảo 2 chủ đề: “ Bác Hồ với trí thức” và “Trí thức Bình Thuận làm theo đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”.

Đặc biệt, năm 2005 - 2006 nhà trường đã thực hiện thành công 01 đề tài khoa học cấp tỉnh: “*Chất lượng hệ thống chính trị ở các xã thuần đồng bào dân tộc thiểu số vùng cao tỉnh Bình Thuận - Thực trạng và giải pháp*” do Thạc sĩ Bùi Tấn Hưng, Phó Hiệu trưởng nhà trường làm chủ nhiệm. Đề tài được Hội đồng nghiệm thu tinh đánh giá cao và xếp loại khá. Những giải pháp đề tài đưa ra là nguồn tư liệu quý, giúp các cấp, ngành, các địa phương trong tỉnh làm căn cứ vận dụng vào thực tiễn, góp phần nâng cao chất lượng hệ thống chính trị trong cơ quan, đơn vị, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Những hoạt động bổ ích này đã giúp cán bộ, giảng viên nâng cao nhận thức cả về lý luận và thực tiễn, đóng góp đáng kể vào việc hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công. Các quy chế hoạt động khoa học, nghiên cứu thực tế tiếp tục được bổ sung, hoàn thiện.

Công tác nghiên cứu thực tế đã được nhà trường, các khoa thực hiện khá nề nếp. Thông qua nghiên cứu thực tế, không những giúp giảng viên bổ sung thêm kiến thức thực tiễn về kinh tế - xã hội, quản lý kinh tế, quản lý nhà nước, xây dựng Đảng, hoạt động của các đoàn thể, đưa thực tiễn vào bài giảng một cách hợp lý, khắc phục tình trạng lý luận suông; mà còn có những ý kiến đóng góp với địa phương nơi đến nghiên cứu những kiến thức bổ ích, góp phần cùng địa phương tháo gỡ khó khăn trong phát triển kinh tế - xã hội. Công tác quản lý, xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị được đẩy mạnh, có nhiều việc ở các giai đoạn trước chưa thực hiện được thì trong giai đoạn này, tập thể CCVC nhà trường đã tập trung sức triển khai, thể hiện rõ nét nhất là việc rà soát, bổ sung và ban hành nhiều quy chế, quy định để điều chỉnh trên tất cả các mặt hoạt động của nhà trường. Đồng thời nhà trường cũng đã thành lập 21 ban, hội đồng tư vấn, ban chỉ đạo để tham mưu cho BGH trong triển khai, tổ chức hoạt động của trường.

Nhằm đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động, nhà trường đã tiết kiệm kinh phí chi thường xuyên hàng năm trang bị khá đầy đủ máy vi tính cho các khoa phòng, trang bị mỗi khoa một bộ máy chiếu phục vụ giảng dạy. Tuy nhiên, do kinh phí có hạn nên đến năm 2012 trường Chính trị Bình Thuận vẫn chưa xây dựng được website của trường.

Cơ sở vật chất của trường sau nhiều năm không được sửa chữa lớn, không được xây dựng mới do chủ trương di dời, đến giai đoạn này đã xuống cấp trầm trọng, vừa hư hỏng nặng, vừa không đủ phòng làm việc cho CCVC, không đủ hội trường để triển khai các lớp. Thực trạng này đã ảnh hưởng không nhỏ đến công tác đào tạo, phục vụ của trường. Bắt đầu từ năm 2011, kinh phí chi thường xuyên của nhà trường thực hiện khoán theo Nghị định 43 của Chính phủ nên cũng đã phần nào tăng thêm được thu nhập do CCVC nhà trường.

Hoạt động của Đảng bộ và các đoàn thể. Tổng số đảng viên của Đảng bộ đến cuối năm 2012 là 27 đồng chí, tổ chức thành 3 chi bộ khung trường và thường xuyên có 2 chi bộ học viên sinh hoạt tạm thời của lớp trung cấp lý luận chính trị hệ đào tạo tập trung. Trong nhiệm kỳ 2005 - 2010, đồng chí Đinh Lưu Vân là bí thư đảng uỷ, đồng chí Bùi Tấn Hưng là phó bí thư đảng uỷ, các đồng chí đảng uỷ viên là: Trần Nhật Nghĩa, Nguyễn Hữu Trung, Nguyễn Thị Thuý. Trong nhiệm kỳ 2010 - 2015, khi đồng chí Đinh Lưu Vân chuyển công tác, đồng chí Nguyễn Thị Thuận Bích (phó bí thư đảng uỷ) được chỉ định là bí thư đảng uỷ, đồng chí Lê Trung Quân là phó bí thư đảng uỷ, các đảng uỷ viên là: Nguyễn Hữu Trung, Nguyễn Lương Luyện, Dũng Văn Duy, Trần Thị Minh Hoài, Nguyễn Khắc Nam Sơn.

Từ năm 2005 đến năm 2012, Đảng bộ nhà trường tiếp tục phát huy những kinh nghiệm hoạt động, thành tích đạt được trong giai đoạn trước, lãnh đạo nhà trường hoàn thành và hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch do các cấp giao hàng năm. Giai đoạn này công tác kiểm tra, giám sát của Đảng uỷ có nhiều tiến bộ tích cực, do đó UBKT Đảng uỷ trường được UBKT tỉnh uỷ tặng giấy khen 4 năm liên tục (2005 - 2008).

Đặc biệt từ năm 2007, cùng với cả nước thực hiện Chỉ thị 06 - CT/TW của Bộ Chính trị (khóa X) về việc tổ chức cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, và đến năm 2011 là Chỉ thị số 03 - CT/TW của Bộ Chính trị (khóa XI) về việc tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; Ở tỉnh Bình Thuận là Chỉ thị 18 - CT/TU ngày 07/01/2007 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc triển khai thực hiện Chỉ thị 06 của Bộ Chính trị và Kế hoạch số 15 - KH/TU, ngày 31/8/2011 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; Đảng bộ Trường Chính trị là một trong những đơn vị đi đầu của Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh trong việc thực hiện cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Hoạt động này được cụ thể hoá ở tất cả các chi bộ, phòng khoa, tổ chức đoàn thể của nhà trường bằng những việc làm cụ thể, trên nhiều lĩnh vực phù hợp với chức năng nhiệm vụ, điển hình như: đề cao ý thức thực hành tiết kiệm chống tham ô, lãng phí⁽¹⁾; soạn bài giảng “ việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” đưa vào giảng dạy trong chương trình các lớp trung cấp LLCT - HC; xây dựng quỹ từ thiện để hỗ trợ cho các gia đình khó khăn cả trong và ngoài nhà trường.

Công tác tạo nguồn và phát triển đảng viên được toàn Đảng bộ quan tâm. Từ năm 2006 - 2012 kết nạp được 09 đảng viên mới. Tính đến năm 2012, Đảng bộ Trường Chính trị tỉnh Bình Thuận 13 năm liền được công nhận là Đảng bộ trong sạch vững mạnh tiêu biểu cấp tỉnh, chi bộ giảng viên 05 năm liền đạt chi bộ trong sạch vững mạnh tiêu biểu cấp trên cơ sở.

Hoạt động của công đoàn cơ sở. Thời kỳ này nhân sự có nhiều biến đổi do tuổi tác, vì vậy các đồng chí chủ tịch và phó chủ tịch có sự thay đổi qua từng kỳ đại hội. Tháng 9 năm 2007, Đại hội công đoàn, nhiệm kỳ 2007 - 2009. Đại hội bầu Ban Chấp hành gồm 7 thành viên, đồng chí Trần Nhật Nghĩa và đồng chí Nguyễn Thị Thủy tiếp tục giữ chức Chủ tịch và Phó Chủ tịch. Tại Đại hội, Chủ tịch Công đoàn

(¹) Điển hình như so với năm 2006, trong năm 2007 toàn trường giảm được 3.000.000đ văn phòng phẩm, 29.899.000đ sách báo, 74.000.000đ xăng xe, 82.751.000đ công tác phí; năm 2008 giảm so với năm 2007 là 12.177kw điện, 676 m³ nước, 33 số báo và tạp chí.

viên chức tỉnh Nguyễn Tuấn Khanh đã trao kỷ niệm chương “Vi sự nghiệp xây dựng tổ chức công đoàn” cho 05 đoàn viên công đoàn nhà trường. Tháng 02 năm 2010, Đại hội công đoàn nhiệm kỳ 2010 - 2012. Đại hội bầu 7 đồng chí vào Ban Chấp hành; trong đó, Nguyễn Thị Thủy, Trưởng khoa Lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm chủ tịch; Trần Thị Minh Hoài, Phó Trưởng khoa Xây dựng Đảng làm Phó Chủ tịch. Tháng 8 năm 2012, Đại hội công đoàn nhiệm kỳ 2012 - 2015, Đại hội đã bầu 07 đồng chí vào Ban Chấp hành, trong đó, Trần Thị Minh Hoài, Phó Trưởng khoa Xây dựng Đảng làm Chủ tịch, Văn Thị Thanh Hà, Phó Trưởng phòng Nghiên cứu khoa học - Thông tin - Tư liệu làm phó chủ tịch. Qua 3 kỳ Đại hội, công đoàn đã đóng góp to lớn vào hoạt động chung của nhà trường, góp phần hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đào tạo cán bộ do Tỉnh ủy giao hàng năm. Mọi hoạt động của Công đoàn đều được quy chế hóa, đưa vào nền nếp. Công đoàn phối hợp với chính quyền thường xuyên tổ chức phong trào thi đua lao động giỏi, phong trào học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ gắn với nhiều cuộc vận động do cấp trên tổ chức, tham gia tích cực phong trào thi đua văn thể, tìm hiểu một số luật do cấp trên phát động. Chăm lo tốt đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ viên chức. Công đoàn phối hợp với Ban Giám hiệu bảo lãnh tín chấp cho CBVC vay 659 triệu đồng, góp vốn giúp nhau lúc khó khăn, không lấy lãi, với tổng số tiền xoay vòng hơn 10 triệu đồng/tháng.

Điểm đặc biệt trong giai đoạn này là sau một thời gian thử nghiệm cho thấy liên kết hoạt động là mô hình vừa mới, vừa đem lại hiệu quả thiết thực. Năm 2008, 3 đoàn thể của Trường phối hợp với 3 đoàn thể của 2 xã liên kết đã tổ chức sơ kết 03 năm thực hiện mô hình liên kết nhằm rút ra bài học kinh nghiệm tiếp tục thực hiện tốt hơn trong những năm tiếp theo. Năm 2007, mở rộng liên kết với xã Thuận Hòa, huyện Hàm Thuận Bắc; năm 2009, liên kết với Công đoàn cơ sở Bảo tàng Hồ Chí Minh - Chi nhánh tỉnh Bình Thuận.

Hội Cựu chiến binh có sự thay đổi về nhân sự. Đại hội lần thứ II, nhiệm kỳ 2007 - 2012 bầu đồng chí Nguyễn Đức Minh, Trưởng Khoa Lý luận cơ sở làm Chủ

tịch, đồng chí Vũ Đình Huýnh, giảng viên Phòng Đào tạo làm Phó Chủ tịch. Tháng 2 năm 2011, chủ tịch Hội nghỉ hưu; tháng 4 năm 2011, đồng chí Nguyễn Hữu Trung được chỉ định thay. Đại hội lần thứ III, nhiệm kỳ 2012 - 2017, đồng chí Nguyễn Hữu Trung tiếp tục giữ chức Chủ tịch và đồng chí Vũ Đình Huýnh giữ chức Phó Chủ tịch. Từ tháng 10 năm 2010, sau khi Hội Cựu chiến binh Khối Các cơ quan tỉnh được thành lập, Hội Cựu chiến binh các đơn vị thuộc các sở, ngành chuyên về Hội Cựu chiến binh khối, trong đó có Trường Chính trị. Năm 2011, do chỉ còn 04 hội viên, nên ghép 02 hội viên của Hội Cựu chiến binh cơ quan Đảng ủy Khối vào Hội Cựu chiến binh của nhà trường. Phát huy phẩm chất anh bộ đội cụ Hồ, Hội Cựu chiến binh của Trường đã phối hợp chặt chẽ với Công đoàn, Chi đoàn thanh niên tổ chức tuyên truyền, kỷ niệm các ngày lễ lớn nhằm giáo dục truyền thống cho thế hệ trẻ; tích cực tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền và các đoàn thể trong đơn vị; đẩy mạnh hoạt động xã hội từ thiện; gương mẫu thực hiện các phong trào thi đua, đặc biệt là phong trào “Thi đua yêu nước - CCB gương mẫu” và việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, xây dựng chi hội trong sạch vững mạnh; đóng góp tích cực vào việc hoàn thành nhiệm vụ chính trị của nhà trường hàng năm.

Chi đoàn thanh niên của nhà trường từ 2006 - 2012 diễn ra 04 kỳ đại hội. Đại hội lần thứ VIII, nhiệm kỳ 2005 - 2007, Ban Chấp hành gồm 03 đồng chí; trong đó, Nguyễn Thành Nam làm Bí thư, Đào Thị Xuân Hường làm Phó Bí thư. Thực hiện công tác cán bộ, đồng chí Nguyễn Thành Nam được điều động về công tác tại Huyện ủy Hàm Tân; đồng chí Đào Thị Xuân Hường nghỉ bảo sản; do đó, từ tháng 4/2006 đến hết nhiệm kỳ, đồng chí Dụng Văn Duy làm Bí thư và đồng chí Huỳnh Thụy Minh Trí làm Phó Bí thư. Đại hội lần thứ IX, nhiệm kỳ 2007 - 2008, Ban Chấp hành gồm 03 đồng chí: Nguyễn Khắc Nam Sơn làm Bí thư, Nguyễn Thị Như Yển làm Phó Bí thư. Sau đó, bổ sung thêm 02 ủy viên từ lớp trung cấp lý luận chính trị, hệ tập trung. Đại hội lần thứ X, nhiệm kỳ 2008 - 2011, Ban Chấp hành gồm 03 đồng chí: Nguyễn Khắc Nam Sơn làm Bí thư, Võ Thị Xuân Thuận làm Phó

Bí thư. Đại hội lần thứ XI, nhiệm kỳ 2011 - 2013, đại hội đã bầu Ban Chấp hành gồm 03 đồng chí: Bùi Khắc Huỳnh làm Bí thư, Võ Thị Xuân Thuận làm Phó Bí thư. Hiện nay, Chi đoàn thanh niên nhà trường trực thuộc Đoàn Khối Dân Chính Đảng tỉnh Bình Thuận. Chi đoàn gồm đoàn viên thuộc cán bộ viên chức khung trường và đoàn viên là học viên các lớp trung cấp lý luận chính trị, hệ tập trung.

Các hoạt động của chi đoàn diễn ra sôi nổi, thu hút đông đảo đoàn viên tham gia, như: phong trào “5 xung kích phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc”: *xung kích lao động sáng tạo, phát triển kinh tế - xã hội; xung kích thực hiện cải cách hành chính; xung kích, tình nguyện vì cuộc sống cộng đồng; xung kích bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; xung kích trong hội nhập kinh tế quốc tế*; Phong trào “4 đồng hành cùng thanh niên lập thân, lập nghiệp”: *đồng hành cùng thanh niên trong học tập, nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn, nghiệp vụ; đồng hành cùng thanh niên trong nâng cao sức khoẻ thể chất và đời sống văn hoá tinh thần; đồng hành cùng thanh niên trong phát triển kỹ năng xã hội*. Phong trào “03 trách nhiệm”: trách nhiệm với công việc, với nhân dân và với bản thân. Với truyền thống “Uống nước nhớ nguồn”, “Ăn quả nhớ người trồng cây”, chi đoàn đã tổ chức các hoạt động hành trình về nguồn, thăm các di tích lịch sử ở địa phương trong tỉnh. Tổ chức thăm, tặng quà cho Mẹ Việt Nam anh hùng, các gia đình chính sách, gia đình nghèo, gia đình có hoàn cảnh khó khăn; nạn nhân chất độc da cam; giao lưu HVN - TDTT; xây dựng các công trình thanh niên; tham gia hiến máu nhân đạo. Qua các chuyến hành trình đã khơi dậy trong ĐVTN niềm tự hào về truyền thống vẻ vang của quê hương, trách nhiệm của tuổi trẻ với cộng đồng và xã hội. Đặc biệt, năm 2010, đồng hành với thanh niên trong phát triển kỹ năng xã hội, đoàn viên thanh niên của Chi đoàn đã tham gia giao lưu với thanh niên Campuchia, giao lưu với đoàn viên khối Dân Chính Đảng tỉnh Tây Ninh; với các cơ quan, đơn vị ở địa phương trong tỉnh. Hưởng ứng tích cực các cuộc vận động do các cấp, các ngành phát động.

7 năm (2006 - 2012) với tinh thần tương thân tương ái và truyền thống “Lá lành đùm lá rách”, “Thương người như thể thương thân” được phát huy cao nhất, cán bộ viên chức nhà trường đã đóng góp các loại quỹ với tổng số tiền là 151.453.000 đồng. Trong đó, các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, xây dựng nhà tình thương, tình nghĩa, mái ấm công đoàn, mái tình đồng đội được đặc biệt quan tâm thực hiện. Bằng tiền lương hàng tháng, mỗi đoàn viên công đoàn đã đóng góp để đỡ đầu phụng dưỡng 01 vợ liệt sỹ có hoàn cảnh khó khăn ở phường Hưng Long, thành phố Phan Thiết với số tiền 100.000đ/tháng và xây dựng 01 nhà tình thương cho vợ liệt sỹ là bà Trần Thị Cẩm ở xã Sơn Mỹ, huyện Hàm Tân, với số tiền 12.000.000 đồng; cùng với học viên một số lớp đã đóng góp với số tiền hơn 30.000.000 đồng, xây dựng một căn nhà tình thương cho một gia đình cựu chiến binh có hoàn cảnh khó khăn ở xã Thuận Hòa, huyện Hàm Thuận Bắc.

Qua 12 năm (2001 - 2012) thực hiện đường lối của Đảng và các nghị quyết của Tỉnh Đảng bộ, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đã hoàn thành nhiệm vụ, liên tục các năm đều vượt mức chỉ tiêu kế hoạch tỉnh giao. Do đó, tập thể trường được tặng 11 bằng khen, trong đó, 02 bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; 05 bằng khen do Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh; 04 bằng khen của UBND tỉnh. 06 lần đạt danh hiệu Tập thể Lao động Xuất sắc; 02 cờ thi đua xuất sắc khối thi đua 6 (khối Đảng) do UBND tỉnh trao tặng.

Các phòng, khoa được tặng 02 bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, đó là Khoa Công tác Đảng và Dân vận, Khoa Lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; 04 bằng khen của UBND tỉnh tặng; trong đó, 01 bằng khen cho Phòng Tổ chức - Hành chính - Quản trị; 01 bằng khen cho Khoa Lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; 02 bằng khen cho Khoa Công tác Đảng và Dân vận. Có 13 lượt phòng, khoa đạt danh hiệu Tập thể Lao động Xuất sắc; trong đó Phòng Nghiên cứu Khoa học - Thông tin - Tư liệu: 02; Phòng Đào tạo: 01; Phòng Tổ chức - Hành chính - Quản trị: 01; Khoa Nhà nước & Pháp luật: 01; Khoa Công tác Đảng và Dân vận: 04; Khoa Lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh: 04.

Các danh hiệu đối với cá nhân: Chiến sĩ thi đua cơ sở: 83 lượt; Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh: 04; Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh: 23; Bằng khen của Học viện Chính trị - hành chính quốc gia Hồ Chí Minh: 02; bằng khen của Thủ tướng Chính phủ: 03, cho đồng chí Nguyễn Đức Minh, Nguyễn Thị Quỳnh Xê, Nguyễn Thị Thủy; Huân chương Lao động hạng Ba: 02, cho đồng chí Bùi Tấn Hưng và đồng chí Trần Nhật Nghĩa. Đồng chí Bùi Tấn Hưng được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu Nhà giáo ưu tú (năm 2010).

Những thành tích của Đảng bộ, cơ quan, các đoàn thể đạt được trong giai đoạn 2001 - 2012 thật sự đánh dấu bước trưởng thành và lớn mạnh về mọi mặt của Trường Chính trị tỉnh Bình Thuận.

* *
*
*
*

Ngay sau khi chia tách tỉnh, chia tách Trường, Đảng ủy và Ban Giám hiệu nhà trường đã sớm đi vào ổn định tổ chức, nhanh chóng đưa các mặt hoạt động đi vào nền nếp ổn định để tiếp tục nhiệm vụ đào tạo cán bộ cho tỉnh nhà trong giai đoạn mới. Đây là giai đoạn từ 1992 - 2012 thực sự tạo ra những bước chuyển biến mới về mọi phương diện hoạt động của trường. Đáng lưu ý nhất là lĩnh vực hoạt động đào tạo; nội dung chương trình, giáo trình được Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (từ 2006 - 2013 đổi tên là Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh) và Học viện Hành chính quốc gia quan tâm đổi mới, kết hợp với sự vận dụng sáng tạo của nhà trường để sát hợp với yêu cầu thực tiễn cuộc sống, của công cuộc đổi mới đặt ra và phù hợp với các loại đối tượng đào tạo của địa phương. Do đó có nhiều loại chương trình được ban hành cùng với nhiều loại lớp đào tạo, bồi dưỡng được mở cho các ngành, các cấp và các địa bàn địa phương trong Tỉnh, kể cả những vùng khó khăn nhất như Đức Linh, Phú Quý vẫn được phục vụ tại chỗ. Song song với các lớp của trường đảm nhiệm là các lớp cao cấp lý luận chính trị, cử nhân lý luận chính trị và các lớp cử nhân hành chính được nhà trường tích cực phối hợp với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và Học viện Hành chính

quốc gia mở tại trường nhằm nâng cao trình độ nhận thức lý luận chính trị và kiến thức quản lý nhà nước cho đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp của Tỉnh. Nếu so sánh với giai đoạn 1975 đến tháng 4/1992, nhà trường mở được 65 lớp với 7.572 học viên; bình quân mỗi năm mở 4,06 lớp với 473,25 học viên thì giai đoạn 1992 đến năm 2012 mở được 458 lớp với 50.497 học viên; bình quân mỗi năm mở được 22,9 lớp (gấp 5,6 lần giai đoạn trước đó) với 2524,8 học viên (gấp 5,33 lần giai đoạn trước đó)⁽¹⁾. Có thể nói những kết quả đạt được trong giai đoạn này đã tạo ra bước phát triển toàn diện cả về số lượng và chất lượng đào tạo của nhà trường, qua đó góp phần hết sức quan trọng trong việc đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ của Tỉnh trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo tinh thần Nghị quyết số 13 (năm 1995) của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Thuận đề ra.

Đi đôi với nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo, các mặt hoạt động nghiên cứu khoa học, nghiên cứu thực tế không ngừng được tăng cường; áp dụng các phương pháp mới và phương tiện kỹ thuật mới để nâng cao chất lượng giảng dạy thường xuyên được coi trọng. Công tác xây dựng hoàn thiện tổ chức bộ máy, tuyển dụng, đào tạo tăng cường đội ngũ cán bộ của nhà trường, nhất là đội ngũ giảng viên nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của giai đoạn mới thật sự được quan tâm. Nhờ đó đội ngũ cán bộ nói chung và giảng viên nói riêng đã được cải thiện đáng kể cả về lượng và chất.

Hoạt động của Đảng ủy và các tổ chức đoàn thể nhà trường như Công đoàn, Chi đoàn thanh niên, Hội cựu chiến binh được đổi mới cả về hình thức và nội dung. Do vậy, cùng với hoạt động thực hiện nhiệm vụ chuyên môn thì hoạt động phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao và hoạt động xã hội “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn”, công tác từ thiện được tiến hành với nhiều hình thức, thu hút sự tham gia tích cực của đông đảo công chức, viên chức cơ quan đã mang lại những kết quả thiết thực đối với xã hội; qua đó giáo dục về đạo đức và ý thức trách nhiệm xã hội cho công chức, viên chức của nhà trường.

(¹) Xem phụ lục số 13, 14.

Những kết quả nêu trên là nhân tố quan trọng để nhà trường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị của Tỉnh giao, xứng đáng với các thành tích mà UBND tỉnh Bình Thuận; Thủ tướng Chính phủ; Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam tặng cho nhà trường như: Bằng khen; Cờ thi đua, Huân chương lao động hạng ba, hạng nhì đã cổ vũ tinh thần cán bộ, công chức, viên chức nhà trường tiếp tục phấn đấu không ngừng vươn lên.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả và thành tích đạt được là những hạn chế, bất cập, đó là: *Thứ nhất:* Trong điều kiện yêu cầu mở lớp ngày càng cao, nhưng cơ sở vật chất, nhất là hệ thống nhà làm việc của cơ quan và các phòng học của học viên, hội trường bị xuống cấp nghiêm trọng đã ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của nhà trường. *Thứ hai:* Tình trạng thiếu giảng viên đã trở thành “căn bệnh” trầm kha, kéo dài suốt nhiều năm liền vẫn chưa khắc phục được. Mặc dù những năm gần đây đã có sự nỗ lực trong công tác thi tuyển giảng viên, nhưng số được tuyển vào vẫn còn ít so với yêu cầu thực tế; mặt khác đây là lực lượng kế cận, phải mất thời gian rất dài mới phát huy hiệu quả giảng dạy. Vì vậy, trên thực tế hiện nay đã xảy ra sự hẫng hụt trong sự chuyển tiếp giữa các thế hệ giảng viên; số giảng viên có kinh nghiệm giảng dạy tốt đến tuổi nghỉ hưu ngày càng nhiều, trong khi số giảng viên kế cận rất mỏng. Đây là vấn đề đòi hỏi lãnh đạo nhà trường phải có những nỗ lực và giải pháp lớn mang tính chiến lược để xây dựng hoàn thiện đội ngũ giảng viên trong những năm tới. *Thứ ba:* Sự bất cập về chế độ chính sách đối với số viên chức công tác ở các phòng Tổ chức - Hành chính quản trị, Đào tạo, Khoa học - Tư liệu- Thư viện; những đồng chí công tác ở các phòng này (trừ số giảng viên được điều động về công tác) chỉ được hưởng lương thuần túy, không được hưởng các loại phụ cấp công vụ, công chức; phụ cấp cho khối đảng như cán bộ, công chức hiện nay trong các cơ quan của đảng, chính quyền, mặt trận và đoàn thể đang được hưởng. Điều đó đã ảnh hưởng không ít đến quyền lợi và động lực tinh thần đối với họ trong quá trình công tác.

Tuy còn một số mặt hạn chế bất cập, song nhìn chung về cơ bản công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ có bước phát triển cả về nội dung và phương pháp đã góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ có đủ phẩm chất, năng lực hoàn thành nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội tỉnh nhà.

KẾT LUẬN VÀ KINH NGHIỆM

QUA 50 NĂM HÌNH THÀNH, XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN

Trải qua 50 năm, Trường Chính trị tỉnh Bình Thuận đã không ngừng phát triển và trưởng thành. Hoạt động của nhà trường đã góp phần quan trọng vào sự nghiệp đào tạo, bồi dưỡng cho các thế hệ cán bộ nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho tỉnh đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng qua từng thời kỳ. Các thế hệ cán bộ và học viên của Trường luôn kiên định lý tưởng cách mạng của Đảng, có bản lĩnh chính trị vững vàng, tận tụy trong công tác, đã chủ động, sáng tạo, khắc phục mọi khó khăn, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị được giao.

Trong bối cảnh chung cả nước và miền Nam nói chung, Bình Thuận nói riêng chống chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ mà cụ thể là chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ (1961-1965). Trước yêu cầu mở rộng và duy trì phong trào cách mạng, xây dựng và phát triển lực lượng trong toàn tỉnh; việc bồi dưỡng, đào tạo cán bộ đặt ra ngày càng lớn. Do đó, Tỉnh ủy Bình Thuận quyết định thành lập Trường Đảng tỉnh Bình Thuận - lấy tên Trường Trần Phú (năm 1962) nhằm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ phục vụ cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Vượt qua muôn vàn khó khăn gian khổ, vừa chống giặc càn quét, trường phải di chuyển nhiều nơi vừa phải quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ là huấn luyện cán bộ, chiến sĩ, cơ sở cách mạng chống các loại chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ. Đồng thời góp phần vào chiến thắng đánh cho Mỹ buộc phải ký kết “Hiệp định Paris, lập lại hòa bình ở Việt Nam”, rút quân về nước và tổng tiến công, nổi dậy mùa Xuân 1975 với chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử đã giải phóng miền Nam thống nhất nước nhà. Lịch sử mãi mãi ghi nhận và tự hào ở giai đoạn vượt qua ác liệt của chiến tranh đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đào tạo, huấn luyện cán bộ.

Thời kỳ 1975 - 1986, sau khi quê hương được giải phóng, Trường Đảng Bình Thuận vừa xây dựng cơ sở vật chất, xây dựng lực lượng, vừa mở lớp huấn luyện,

vừa tham gia các hoạt động đột xuất do Tỉnh ủy điều động, vừa tăng gia sản xuất góp phần tụt lương thực.

Thời kỳ 1986 - 1992, với tinh thần “Dám nhìn thẳng vào sự thật, dám nói đúng sự thật”, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng xác định đường lối đổi mới trên cơ sở đổi mới tư duy lý luận. Khắc phục sự lạc hậu về nhận thức lý luận với những quan điểm sai lầm, lỗi thời, tư duy giáo điều, bảo thủ, cứng nhắc, thiếu năng động, chủ quan nóng vội. Đứng trước thực tiễn và hoàn cảnh mới Trường Đảng phải “*cải cách toàn diện*”, “*nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo và quản lý các cấp*”, “*mở rộng hình thức học tập tại chức, tổ chức cho hàng triệu cán bộ, đảng viên, đoàn viên thanh niên học tập chủ nghĩa Mác - Lênin*”. Thời kỳ này nhà trường lại đứng trước khó khăn mới, đó là sự sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu đã tác động lớn và sâu sắc đến đội ngũ cán bộ, giảng viên cả trong khoa học giáo dục lý luận chính trị lẫn tư tưởng, tình cảm và niềm tin trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Nhưng với bản lĩnh chính trị vững vàng, niềm tin luôn được giữ vững đội ngũ cán bộ, thầy - cô giáo đã vượt qua và hoàn thành nhiệm vụ chính trị.

Tháng 12/1991, kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa VIII nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra Nghị quyết chia tách tỉnh Thuận Hải thành hai tỉnh Bình Thuận và Ninh Thuận. Trường Đảng Thuận Hải phải chia tách thành Trường Đảng Bình Thuận và Trường Đảng Ninh Thuận. Theo đó, số lượng cán bộ và giảng viên bị giảm xuống, phương tiện, công cụ, trang thiết bị, tài liệu, tư liệu, sách giáo trình, tạp chí được chia ra và ưu tiên cho Trường Đảng Ninh Thuận. Cơ sở vật chất, khuôn viên trường tiếp tục nhỏ hẹp lại, vì phải san sẻ 1/3 diện tích đất và cơ sở vật chất để thành lập Trường trung học sư phạm nay là Trường cao đẳng cộng đồng (năm 1992). Từ hiện trạng cơ sở vật chất nêu trên, Tỉnh ủy chủ trương xây dựng thêm nhà ở cho học viên với dãy nhà 1 trệt, 2 lầu và nhà hiệu bộ (1994-1996).

Nguồn nhân lực là nhân tố quan trọng để nhà trường hoàn thành nhiệm vụ chính trị. Sau khi chia tách tỉnh và tính đến năm 2000, số lượng có trình độ đại học

là 20 người, trình độ thạc sĩ có 4 người, nhưng chỉ trong thời gian từ (2000 – 2012) lực lượng cán bộ có trình độ đại học trở lên là 44 người. Trong đó; số lượng đại học trở lên là 30 người, thạc sĩ và cao học 14 người. Mặc dù vậy, so với biên chế cho phép vẫn còn thiếu 16 người, nhưng với quyết tâm chính trị, đội ngũ cán bộ, viên chức và giảng viên đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và vượt mức chỉ tiêu kế hoạch tỉnh giao liên tục nhiều năm.

Về nội dung chương trình ở giai đoạn (1992 - 2012) nhà trường thực hiện nhiều chương trình nhất, đối tượng cũng đa dạng nhất. Trước hết, chương trình trung cấp lý luận chính trị được bổ sung thay đổi nhiều lần và đáp ứng cho nhiều đối tượng khác nhau. Thứ hai, chương trình trung cấp các loại : hành chính, dân vận, phụ vận, thanh niên, khuyến nông- lâm dùng cho cán bộ dân tộc thiểu số. Thứ ba, chương trình sơ cấp lý luận chính trị dùng cho cán bộ dân tộc thiểu số. Thứ tư, chương trình đào tạo trung học chính trị, hệ tập trung cho cán bộ là người dân tộc thiểu số- đương chức. Thứ năm, nhiều chương trình bồi dưỡng cho nhiều loại đối tượng khác nhau. Ngoài ra nhà trường phối hợp với các cơ sở đào tạo khác mở các loại lớp cho nhiều chương trình: cử nhân chính trị, hoàn chỉnh cao cấp lý luận chính trị, cao cấp lý luận chính trị, đại học hành chính, tiếng Chăm, bồi dưỡng kiến thức kỹ năng nghiệp vụ của các ngành.

Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ thông tin và phương pháp giảng dạy mới trên thế giới; do đó, từ năm 2006 nhà trường chủ trương phát động thực hiện giảng dạy bằng giáo án điện tử kết hợp với phương pháp giảng dạy tích cực và đến nay hầu hết giảng viên ứng dụng phương pháp này.

Nửa thế kỷ xây dựng và trưởng thành (1962 - 2012), Trường Chính trị tỉnh Bình Thuận đã nỗ lực phấn đấu và đạt được những thành tích quan trọng trong sự nghiệp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Ghi nhận những thành tích đã đạt được, nhà trường vinh dự được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trao tặng Huân chương lao động hạng Ba năm 2000, hạng Nhì năm 2005, Thủ tướng Chính phủ tặng nhiều Bằng khen

cho tập thể, được Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh tặng nhiều Bằng khen, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Thuận công nhận Đảng bộ Trường Chính trị đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh tiêu biểu cấp tỉnh 13 năm liền (2000 - 2012) và Ủy ban nhân dân tỉnh tặng nhiều Bằng khen cho tập thể trường, tập thể các phòng, khoa. Nhiều cá nhân được Chủ tịch nước trao tặng Huân chương lao động hạng Ba, Nhà giáo ưu tú; Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen, Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen...

Đạt được những thành tích trên là nhờ có sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy - Ủy ban nhân dân tỉnh; sự quan tâm giúp đỡ về chuyên môn của Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh; sự phối hợp chặt chẽ của Mặt trận Tổ quốc, các sở, ban, ngành, đoàn thể, các huyện, thành phố, thị xã trong tỉnh; sự nỗ lực phấn đấu và tinh thần quyết tâm cao của các thế hệ cán bộ nhà trường qua các thời kỳ.

Qua những chặng đường trong 50 năm xây dựng và trưởng thành cho phép chúng ta rút ra một số kinh nghiệm cơ bản, cần phát huy vận dụng trong công tác lý luận chính trị, tư tưởng, đào tạo bồi dưỡng cán bộ.

Thứ nhất; cán bộ, chiến sĩ phải được thông suốt, giác ngộ về lập trường, tư tưởng, phương pháp, kỹ năng công tác thì mới hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Do đó, lãnh đạo các cấp, các ngành từ tỉnh đến cơ sở phải xác định đầy đủ ý nghĩa, yêu cầu, mục đích, tác dụng của công tác đào tạo, huấn luyện cán bộ, chiến sĩ; thường xuyên thể hiện quyết tâm đầu tư toàn diện cho công tác này vì nó có ý nghĩa quyết định cho sự nghiệp cách mạng, nhất là những lúc khó khăn, ác liệt.

Thứ hai; giai đoạn nào, thời kỳ nào đội ngũ cán bộ chủ chốt nhà trường đoàn kết thương yêu nhau, tận tụy vì sự nghiệp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ thì dù ác liệt trong chiến tranh, dao động tư tưởng trong thời kỳ CNXH ở Liên Xô và các nước Đông Âu sụp đổ, khó khăn-thiếu thốn về kinh phí-cơ sở vật chất, hằng hực trong nguồn nhân lực cũng vượt qua và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị.

Thứ ba; sự nghiệp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ có chất lượng, hiệu quả thiết thực đáp ứng cho từng thời kỳ cách mạng, một trong những nhân tố có ý nghĩa quyết định, đó là tập thể lãnh đạo nhà trường phải biết chăm lo lợi ích chính đáng hợp pháp, gắn kết giữa nghĩa vụ và quyền lợi của cán bộ, giảng viên, học viên. Đây là động lực khơi nguồn sáng tạo trong quá trình truyền đạt nội dung, mở rộng kiến thức, phương thức mở lớp, phương pháp quản lý, cung cách phục vụ, tính chủ động tích cực của người học.

Thứ tư; phát huy được sức mạnh tổng hợp của cấp ủy, Ban giám hiệu, các tổ chức đoàn thể quần chúng, đội ngũ cán bộ, giảng viên và học viên; đây là nhân tố quyết định vượt qua các thời kỳ: ác liệt trong chiến tranh, nghèo khó của cơ sở vật chất, túng thiếu của kinh phí hoạt động, hụt hẫng trong đội ngũ cán bộ.

Năm là; vai trò người đứng đầu qua mỗi thời kỳ lịch sử có ý nghĩa tích cực quan trọng. Đó là, phải gương mẫu trong đạo đức, lối sống; có quyết tâm chính trị, tinh thần trách nhiệm cao; hạt nhân trung tâm của đoàn kết nội bộ, chống bè phái - cục bộ; khoan dung, độ lượng, thương yêu đồng chí, đồng nghiệp và quần chúng. Từ đây mới khơi dậy, phát huy nguồn nhân lực trong thu hút, khai thác, sử dụng hết khả năng đội ngũ cán bộ, giảng viên nhằm hoàn thành nhiệm vụ chính trị của đơn vị.

Năm mươi năm chặng đường đã qua, các thế hệ lãnh đạo, cán bộ, viên chức và thầy cô giáo Trường chính trị Bình Thuận đã vượt qua gian nan và ác liệt trong bom đạn, nghèo khó trong cơ sở vật chất và kinh phí, thiếu-hẫng trong nguồn nhân lực. Nhưng lại giàu lòng nghị lực, tâm huyết cao với nghề, vững vàng trong lý tưởng, sâu đậm trong nhân ái, đây là những nhân tố, động lực có ý nghĩa to lớn giúp trường chính trị Bình Thuận phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị qua các thời kỳ.

Bước vào giai đoạn mới, trước yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế. Tự hào, phấn khởi về những thành tích đã đạt được, phát huy truyền thống cách mạng của 50 năm xây dựng và trưởng thành mỗi cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường nguyện trau dồi đạo đức

cách mạng, không ngừng học tập nâng cao trình độ chuyên môn, kiến thức thực tiễn, tiếp tục cống hiến nhiều hơn nữa cho sự nghiệp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, quyết tâm xây dựng nhà trường ngày càng lớn mạnh, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu các nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ và đưa tỉnh Bình Thuận trở thành một tỉnh giàu mạnh, phồn vinh./.

PHỤ LỤC SỐ 1
GIÁO ÁN CỦA Đ/C NGÔ TRIỀU SƠN

PHỤ LỤC SỐ 2
TỔ QUỐC GHI CÔNG

Liệt sĩ Nguyễn Thị Mảnh - Nhân viên cấp dưỡng Trường Đảng

PHỤ LỤC SỐ 3
LÃNH ĐẠO, CÁN BỘ, GIẢNG VIÊN, CHIẾN SỸ CỦA
TRƯỜNG ĐẢNG BÌNH THUẬN - TRƯỜNG TRẦN PHÚ
(1962 - 1975)

STT	Họ và tên	Năm học	Ghi chú
01	Nguyễn Sơn (Hùng Phương)	1962-1964	hy sinh tháng 11/1964
02	Nguyễn Chí Thành	1962-1975	
03	Nguyễn Thị Mạnh (Hai Mạnh)	1962-1963	liệt sĩ
04	Lê Thị Ba (Ba Cò)	1962-1964	
05	Hoàng Bá Tánh	1962- 1963	
06	Đỗ Hữu Nghị	1962-1965	
07	Lê Trường Ngọc	1962-1963	
08	Nguyễn Văn Chương	1962-1965	liệt sĩ
09	Nguyễn Thị Tứ	1962-1965	
10	Lê Thị Đông	1963-1968 1970-1975	1968-1969 bị địch bắt giam
11	Hồ Phú Diên	1964-1973	
12	Phạm Phương Quế (Cửu Long)	1964-1965	
13	Bùi Quang Chương	1964...	
14Văn Hiệp	1964-1967	
15	Võ Thị Hường	1965-1966	
16	Trần Thị Xí	1965-1968	
17	Hồ Chí Long	1965-1966	
18	Mang Tô	1965-1966	Người dân tộc thiểu số
19	Nguyễn Thị Lài	1965-1967	
20	Nguyễn Văn Sinh	1966-1972	
21	Nguyễn Văn Chấn	1966-1968	
22	Trương Thị Hồng	1966-1968	Y tá
23	Nguyễn Thị Mai (Sáu)	1968-1975	
24	Nguyễn Thị Loan	1970-1975	Y tá
25	Hà Quang	1970-1975	
26	Nguyễn Thị Bích	1970-1975	

27	Cao Văn Bá	1971-1975
28 Thị Lan	1971-1975
29	Nguyễn Hữu Đệ	
30	Nguyễn Thị Thu	1971-1975
31	Ngô Triều Sơn	1974-1975

PHỤ LỤC SỐ 4
LỊCH HỌC VÀ CHƯƠNG TRÌNH LỚP HỌC CHI ỦY
KHÓA 10 - NĂM 1967
(Theo hồi ký của đ/c Nguyễn Đức Hiền)

Lớp học được tổ chức tại Trường Đảng tỉnh ở căn cứ miền Tây của Tỉnh, gần sông La Ngà (SaLôn). Thời gian học 01 tháng (từ ngày 28 tháng 7 đến ngày 04 tháng 9 năm 1967. Đối tượng chủ yếu là cán bộ đội trưởng, đội phó, đội công tác và cán bộ chủ chốt các ban ngành đoàn thể cấp tỉnh và cấp huyện.

Ngày 22 tháng 7, học viên tập trung đông đủ tại trường;

Ngày 23 và 24 tháng 7, học viên lao động tu sửa trường;

Sáng ngày 25 tháng 7, họp đoàn và sinh hoạt tổ;

Chiều 25 tháng 7, họp lớp để bầu ban chi ủy;

Ngày 26 và 27 tháng 7, học viên đi mang gạo cho trường.

Nội dung chương trình học cụ thể như sau:

Ngày	Buổi	Nội dung	Giảng viên
28/7/1967	Sáng	Diễn văn khai mạc Đọc thư của Tỉnh ủy Bình Thuận Đọc thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh Đọc thư của Chủ tịch Nguyễn Hữu Thọ	BTC lớp học
	Chiều	Thảo luận các vấn đề trên tại hội trường	
29- 30/7		Bài 1: Tính chất và mục đích của ĐCSVN	Phú Diên
31/7		Thảo luận tổ và viết thu hoạch	
1-2/8		Bài 2: Tình hình, nhiệm vụ cách mạng Miền Nam	Phú Diên
3/8		Thảo luận tổ và viết thu hoạch	
4-5/8		Bài 3: Xây dựng chi bộ tự động công tác	Phú Diên
6/8		Thảo luận tổ và viết thu hoạch	
7/8		Nghiên cứu ôn tập	
8/8		Họp chi bộ kiểm điểm tinh thần, thái độ học tập	
9-10/8		Nghỉ, lao động cải thiện đời sống	
11/8		Bài 4: Công tác vùng yếu nông thôn	Phú Diên
12-13/8		Thảo luận tổ và viết thu hoạch	
15-16/8		Bài 5: Công tác binh vận	Nguyễn Thiết Khanh

17/8		Bài 6: Tình hình thế giới	
18-19/8		Bài 7: Tình hình và công tác an ninh	Trần Văn Lương
20-21/8		Đi cơ sở mang gạo về cho trường	
22-23/8		Bài 8: Đấu tranh chính trị	Phú Diên
24/8		Nghiên cứu ôn tập	
25/8		Bài 9: Nhân dân du kích chiến tranh	Phạm Hoài Chương
26/8		Thảo luận tổ	
27/8		Thảo luận chung tại hội trường	
28-29-30/8		Bài 10: Kinh tế - tài chính	Chí Thành
31/8		Bài 11: Đạo đức cách mạng	Phú Diên
01/9	<i>Sáng</i>	Thảo luận tổ	
	<i>Chiều</i>	Thảo luận chung tại hội trường	Phú Diên Chủ trì
02/9		Viết thu hoạch và bản kiểm điểm cá nhân	
03/9		Họp lớp kiểm điểm cá nhân	
04/9	<i>Sáng</i>	Họp chi bộ lớp để góp ý chung cho nhà trường	
	<i>Chiều</i>	Tổ chức lễ bế giảng	

PHỤ LỤC SỐ 5
CÁN BỘ, GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY Ở
TRƯỜNG ĐẢNG BÌNH THUẬN - TRƯỜNG TRẦN PHÚ (1962 - 1975)

I. Giảng viên, lãnh đạo trường

1. Nguyễn Sơn (Hùng Phương)	Hiệu trưởng	(1962 - 1964)
2. Nguyễn Chí Thành	Phó Hiệu trưởng	(1962 - 1975)
3. Hồ Phú Diên	Hiệu trưởng	(1964 - 1973)
4. Ngô Triều Sơn	Hiệu trưởng	(1974 - 1975)

II. Giảng viên mời ở tỉnh

1. Lê Văn Hiền	Bí thư Tỉnh ủy
2. Nguyễn Gia Tú	Bí thư Tỉnh ủy
3. Lê Văn Triều (Tám Triều)	Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy
4. Lê Thứ	Bí thư Tỉnh ủy
5. Nguyễn Quý Đôn	Bí thư Tỉnh ủy
6. Lê Khắc Thành	Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy
7. Nguyễn Ninh	Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy
8. Phạm Hoài Chương	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
9. Trần Văn Lương	Ban An ninh tỉnh
10. Vũ Ngọc Đài	Tỉnh đội
11. Nguyễn Minh Thành	Đặc công tỉnh
12. Lê Văn Nhật	Tỉnh đội
13. Nguyễn Thanh Khiết	Ban Binh vận tỉnh
14. Nguyễn Đăng Kỳ	Nông hội tỉnh
15. Phạm Quỳnh Đồng	Ban Tổ chức Tỉnh ủy
16. Hoàng Từ	Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy
17. Trần Trung Việt	Ban Tổ chức Tỉnh ủy
18. Nguyễn Minh	Đặc công tỉnh

III. Giảng viên mời ở Khu ủy Khu 6

1. Hồ Viết Hách	Trường Đảng Khu 6
2. Trần Như Khuôn	Ban Tuyên huấn Khu 6
3. Nguyễn Trung Hậu	Ban Tuyên huấn Khu 6
4. Nguyễn Thanh Hiếu	Ban Dân vận Khu 6
5. Hồ Trọng Tấn (Việt Hà)	Ban Dân vận Khu 6

PHỤ LỤC SỐ 6
MỘT SỐ TỔ VÀ HỌC VIÊN CỦA KHÓA 21

*** Tổ huyện Hòa Đa, gồm 12 đồng chí:**

1. Nguyễn Văn Lượm - Đội công tác Phan Rí Thành (tổ trưởng);
2. Đỗ Hữu Tiên - Đội công tác Duồng (Chí Công), (tổ phó);
3. Nguyễn Văn Sinh - Văn phòng Tỉnh ủy;
4. Bùi Thị Tân - Đội công tác xã Hồng Thái;
5. Nguyễn Thị Tin - Đội công tác xã Hồng Thái;
6. Trần Thị Chúc - Đội công tác Lương Sơn;
7. Trần Thị Hiền - Đội công tác Phú Hải;
8. Nguyễn Xuân Phương - Đội Thanh Hiếu, Phan Lý;
9. Nguyễn Văn Bé - Ban Kinh tài tỉnh;
10. Trần Văn Năm - Văn phòng Tỉnh ủy;
11. Nguyễn Chúc - Đội Liêm Bình;
12. Nguyễn Thị Dậu - Cán bộ phụ nữ Huyện Hòa Đa;

*** Tổ huyện Hàm Thuận**

1. Nguyễn Thị Nhung (Mười Nhung)
2. Văn Thị Chiến - Đội công tác Ma Lâm Chiêm
3. Nguyễn Thị Thuận - Đội công tác Ma Lâm Kinh
4. Nguyễn Thị Phụng - Cán bộ binh vận huyện
5. Trần Văn Nên - Cán bộ kinh tài huyện
6. Võ Thị Liên - Cán bộ huyện đoàn
7. Nguyễn Thị Tuyết
8.Thị Huỳnh - B trưởng trung đội nữ

*** Tổ huyện Thuận Phong**

1. Lê Huyền Linh - Đội công tác Gò
2. Võ Thị Tánh - ”
3. Võ Thị Lành - Cán bộ tỉnh đoàn
4. Nguyễn Văn A - Cán bộ Văn phòng huyện

*** Tổ thị xã Phan Thiết**

1. Nguyễn Văn Khương - Đội công tác Đức Long
2. Nguyễn Cam (Mười Cam) - Ban Dân y tỉnh

- | | |
|-----------------------|---------------------------|
| 3. Nguyễn Văn Bảo | - Đội công tác Phú Trinh |
| 4. Nguyễn Thị Kim Vân | - Đội công tác Phong Năm |
| 5. Trần Thị Nguyệt | - Cán bộ phụ nữ thị xã |
| 6. Đoàn Ngọc Nhi | - Cán bộ Văn phòng thị xã |

PHỤ LỤC SỐ 7
GIẤY KHEN CỦA Đ/C NGUYỄN HỮU HẠNH

PHỤ LỤC SỐ 8
HỌC VIÊN TỔ HUYỆN HÒA ĐA THUỘC KHÓA 22

- | | |
|--------------------|----------------------------------|
| 1. Huỳnh Văn Soạn | - Ban dân y Tỉnh, làm tổ trưởng; |
| 2. Biền Thị Mười | - Ban dân y huyện Hòa Đa; |
| 3. Đỗ Thị Công | - Cán bộ huyện đoàn Hòa Đa; |
| 4. Thủy Thị Chinh | - Đội công tác Chợ Lầu; |
| 5. Ngô Thị Hạnh | - Đội công tác Phú Hải; |
| 6. Nguyễn Thị Bình | - Đội công tác Liêm Bình; |
| 7. Trương Thị Bảy | - Đội công tác Hồng Thái; |
| 8. Lê Văn Khả | - Đội công tác Duồng; |
| 9. Nguyễn Ngọc Bảy | - Cán bộ kinh tài huyện Hòa Đa; |
| 10. Phan Thanh Nam | - Văn phòng tỉnh ủy Bình Thuận. |

PHỤ LỤC SỐ 9
MỘT SỐ HỌC VIÊN ĐƯỢC ĐÀO TẠO Ở TRƯỜNG ĐẢNG TỈNH
BÌNH THUẬN - TRƯỜNG TRẦN PHÚ ĐÃ TRƯỞNG THÀNH
VÀ TIẾP TỤC CÔNG TÁC SAU NGÀY 30/4/1975

STT	Họ và Tên	Năm học	Ghi chú
01	Phạm Thanh Tùng	1962	
02	Ngô Văn Ly	1962	
03	Nguyễn Thanh Long	1964	
04	Nguyễn Văn Dũng	1964	
05	Lê Đình Liêm	1964	Học lần 2 năm 1967
06	Dương Văn Sâm	1967	
07	Nguyễn Đức Hiên	1967	
08	Hoàng Trí Thức	1967	
09	Trần Thị Nên	1967	
10	Huỳnh Quang Hòa	1967	
11	Trần Thị Nguyệt	1967	
12	Bùi Thanh Minh	1968	
13	Bùi Văn Mười	1968	Mười Một
14	Nguyễn Văn Hương	1968	
15	Trần Thị Tư	1969	Mẹ Việt Nam anh hùng
16	Cao Văn Bá	1970	
17	Trần Thị Ngọc	1970	
18	Lê Văn Vĩnh	1970	
19	Đinh Trung	1972	
20	Nguyễn Miên Tâm	1972	
21	Nguyễn Thị Kim Vân	1972	
22	Lê Văn Ứng		
23	Nguyễn Văn A		
24	Trần Thị Điệp		
25	Nguyễn Văn Sỹ		
26	Lê Văn Long		

27	Nguyễn Văn Su		Sáu Su
28	Võ Thị Phàn		
29	Nguyễn Ngọc Anh	1973	
30	Võ Thị Lành	1973	
31	Nguyễn Văn Khương	1973	
32	Nguyễn Hữu Hạnh	1973	
33	Võ Thị Liên	1973	
34	Lê Huyền Linh	1973	
35	Bùi Thị Tân	1973	
36	Nguyễn Văn Lượm	1973	
37	Nguyễn Thị Hiền	1973	
38	Nguyễn Thị Chúc	1973	
39	Đỗ Hữu Tiến	1973	
40	Nguyễn Văn Mạnh	1973	
41	Nguyễn Văn Bình	1973	
42	Nguyễn Thị Lan	1973	
43	Trần Văn Nên	1973	
44	Võ Thị Tánh	1973	
45	Phan Thị Phương	1974	
46	Phạm Quỳnh Châu	1974	
47	Nguyễn Thị Kim	1974	
48	Hoàng Anh Nhung	1974	
49	Nguyễn Thị Hạnh	1974	
50	Nguyễn Văn Tánh	1974	
51	Nguyễn Hoàng Lân	1975	
52	Huyền Văn Diễm	1975	Hai Diễm
53	Đông Thị Huệ	1975	
54	Đặng Văn Sáu	1975	
55	Võ Liên Đoàn		

PHỤ LỤC SỐ 10

**THỐNG KÊ TÌNH HÌNH ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ CỦA TRƯỜNG LÝ LUẬN
CHÍNH TRỊ TẠI CHỨC
(1987 - 1989)**

LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO	THỜI GIAN	NĂM HỌC	SỐ LƯỢNG LỚP HỌC	T. SỐ HỌC VIÊN
Trung cấp lý luận chính trị cho cán bộ ngành y tế	12	1987- 1989	01	97
Trung cấp lý luận chính trị cho cán bộ ban ngành đoàn thể	12	1987- 1989	01	103
TỔNG SỐ			02	200

LOẠI HÌNH BỒI DƯỠNG	THỜI GIAN	NĂM HỌC	SỐ LƯỢNG LỚP HỌC	T. SỐ HỌC VIÊN
Bồi dưỡng NQ ĐH VI của Đảng	30 ngày	1987	05	1.596
Bồi dưỡng NQ ĐH VI của Đảng	30 ngày	1988	02	197
TỔNG SỐ			07	1798

PHỤ LỤC SỐ 11

**THỐNG KÊ TÌNH HÌNH ĐÀO TẠO CÁN BỘ CỦA
TRƯỜNG ĐẢNG THUẬN HẢI 1975 - 1992**

LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO	THỜI GIAN ĐÀO TẠO	NĂM HỌC	SỐ LƯỢNG LỚP HỌC	T. SỐ HỌC VIÊN
Chương trình lý luận chính trị cơ sở	45 ngày	1978 - 1980	8	478
Chương trình lý luận Ch. trị sơ cấp	94 ngày	1978 - 1986	10	825
Chương trình LL CT trung cấp TT (KI)	12 tháng	1980 - 1981	01	67
Chương trình LLCT trung cấp TT (K II)	18 tháng	1983- 1984	01	94
Chương trình LLCT trung cấp TT (K III)	18 tháng	1984 - 1985	01	93
Chương trình LLCT trung cấp TC (KI)	18 tháng	1984 - 1986	01	90
Chương trình LLCT trung cấp TT (KIV)	18 tháng	1985 - 1986	01	87
Chương trình LL CT trung cấp TT (GV)	18 tháng	1985 - 1986	01	70
Chương trình LLCT trung cấp TC (KII)	12 tháng	1985 - 1987	01	113
Chương trình LLCT trung cấp TT (K V)	12 tháng	1986 - 1987	01	66
Chương trình LLCT trung cấp TT (KVI)	12 tháng	1987 - 1988	01	82
Chương trình LLCT trung cấp TC (KIII)	12 tháng	1987 - 1988	01	116
Chương trình LLCT trung cấp TT (KVII)	12 tháng	1989 - 1990	01	76
CT LLCT trung cấp TC (KIII, IV, V)	12 tháng	1989 - 1990	03	296
Chương trình LLCT trung cấp TT (KVIII)	12 tháng	1990 - 1991	01	42
Chương trình LLCT trung cấp TC (KVI)	12 tháng	1990 - 1991	01	56
Chương trình LLCT trung cấp TC (KVII)	12 tháng	1990 - 1991	01	85
Tổng số			33	2.736

PHỤ LỤC SỐ 12

**THỐNG KÊ TÌNH HÌNH BỒI DƯỠNG CÁN BỘ CỦA
TRƯỜNG ĐẢNG THUẬN HẢI 1975 - 1992**

LOẠI HÌNH BỒI DƯỠNG	THỜI GIAN	NĂM HỌC	SỐ LƯỢNG LỚP HỌC	T. SỐ HỌC VIÊN
Bồi dưỡng NQ 24(Khóa III)	40 ngày	1976 - 1977	03	229
Bồi dưỡng NQ ĐH IV của Đảng	30 ngày	1977	04	292
Bồi dưỡng cán bộ Q.đội tăng cường	45 ngày	1977-1978	01	227
Bồi dưỡng 7 chức danh cho CB cấp xã	15 ngày	1982- 1983	03	437
Bồi dưỡng NQ ĐH V của Đảng	30 ngày	1983	07	347
Bồi dưỡng quản lý kinh tế	103 ngày	1983	03	422
Bồi dưỡng nâng cao kiến thức QLKT	90 ngày	1984	02	377
Bồi dưỡng định kỳ cho cán bộ chủ chốt cấp xã	21 ngày	1987	01	87
Bồi dưỡng cán bộ công ty, xí nghiệp	15 ngày	1989	02	657
Bồi dưỡng cán bộ chủ chốt cấp cơ sở	21 ngày	1990	04	910
Bồi dưỡng định kỳ cho cán bộ chủ chốt cấp xã , xí nghiệp	21 ngày	1991	02	346
TỔNG SỐ			32	4.331